

Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa Dân Tộc

THAY LỜI TỰA

Từ ngày sang định cư tại Mỹ, chúng tôi đã được đọc nhiều tác giả Việt cũng như Mỹ viết về Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Phần đông đánh giá ông là một người yêu nước. Nhưng cũng có nhiều người bảo ông không có tài năng gì đặc biệt, chỉ là một ông quan giỏi về quản trị, không phải là một chính trị gia lỗi lạc. Có một số khác thậm chí coi ông là tay sai của Pháp thời thực dân. Đến năm 1954 thì được Mỹ và Vatican “bồng lên đặt vào ghế thủ tướng”. Ông tồn tại được 9 năm là nhờ có bàn tay Mỹ nâng đỡ. Ông bị giết là vì mất lòng dân, nhất là vì ông là người Công Giáo đã nghe lệnh Vatican đàn áp Phật Giáo “chiếm đến 80-90 phần trăm dân số Việt Nam”. Hơn nữa ông đã tính bắt tay với Cộng Sản miền Bắc, “bán đứng miền Nam cho Cộng Sản”.

Những luận điệu ấy phần nhiều đọc được trong sách của những nhà văn Mỹ bị ảnh hưởng của mấy nhà báo trẻ thường trú tại Sài Gòn thời ông Diệm, như David Halberstam, Neil Sheehan, Malcolm Browne... Về phía Việt Nam thì có những tác phẩm hồi ký chiến tranh của những tướng tá, hay chính khách thuộc một vài đảng phái có tham gia hay dính líu đến các cuộc đảo chính 11-11-1960 và nhất là 1-11-1963. Cũng có một số sách viết bởi nhóm tranh đấu Phật Giáo trước 1975, nhất là nhóm Giao Điểm do ông Trần Chung Ngọc cầm đầu.

Đọc những tác phẩm đó, thì thấy ông Ngô Đình Diệm quá tệ, và tội lỗi của ông và gia đình ông quá nhiều. Nhưng may là chúng tôi cũng tò mò đi tìm thêm nhiều nguồn tin khác, thì thấy những nhận định khác hẳn.

Năm 1998 chúng tôi đã soạn cuốn Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê để trình bày với độc giả cả hai bức chân dung của ông Diệm căn cứ vào những lời khen và tiếng chê. Hai bức chân dung ấy chỉ là phác thảo mấy nét sơ sài.

Đến nay, sau đúng 10 năm, sau một thời gian nghiên cứu, tham khảo thêm nhiều hơn nữa thì thấy càng ngày những sách báo và tài liệu về ông Diệm càng nhiều và những nhận định về ông càng ngày càng có chiều thay đổi. Cuối cùng được thấy một chân dung Ngô Đình Diệm hoàn toàn trái ngược.

Vì thế lần này chúng tôi sẽ tổng hợp tất cả những nhận định đó vào trong phần đầu của tập sách này để nói sơ lược về con người, cuộc đời và hoạt động chính trị của ông. Vì cuộc đời một nhân vật lịch sử gắn bó chặt với các biến cố lịch sử, nên không thể nào không thuật lại và bình luận về các biến cố ấy. Nhưng như vậy e rằng phần cốt lõi của tiểu sử sẽ quá nặng nề hoặc loãng ra. Cho nên xin bạn đọc theo dõi những chi tiết các biến cố nơi các chú thích. Hơn một trăm chú thích này cũng sẽ cung cấp những bằng chứng trên giấy trắng mực đen về những điều chúng tôi trình bày. Có thể là qua đó bạn đọc cũng sẽ thấy bản tóm lược tiểu sử đỡ buồn tẻ, khô khan.

Chúng tôi hy vọng rằng những lời chân thực, mộc mạc nhưng “nói có sách, mách có chứng” (1) chứa đựng trong tập sách này sẽ cho độc giả một bức chân dung gần với sự thực hơn của ông Ngô Đình Diệm. Để cho người ghét bết ghét ông, và người yêu cũng có dịp tìm hiểu tại sao ông đã bị hại hay thất bại.

Chúng tôi cũng ôm một hoài bão là những trang sách viết trong lúc ở tuổi bát tuần, sẽ làm cho các Phật tử từng có định kiến rằng ông Diệm Công Giáo kỳ thị và đàn áp Phật Giáo sẽ có dịp hiểu ông hơn, để giải tỏa những hiểu lầm và oán thù có hại cho sự đoàn kết giữa người cùng chung một Tổ Quốc.

Trong phần II cuốn sách, chúng tôi sẽ trình bày kỹ hơn về một điểm gây nhiều tranh cãi và thắc mắc liên quan đến đường lối và hành động chiến tranh ý thức hệ đặc biệt của anh em ông Diệm. Đó là những toan tính hiệp thương với miền Bắc Cộng Sản.

Phần III gồm những vấn đề linh tinh liên quan đến Tổng Thống Diệm.

Và Phần IV là lược tóm 2 cuốn sách liên quan đến Đệ Nhất Cộng Hòa.

Trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa, chúng tôi chỉ là một sĩ quan cấp úy, giữ một chức vụ nhỏ nhất trong cấp bậc hành chánh là chủ sự phòng, chưa bao giờ được gặp cấp tổng giám đốc chứ đừng nói đến các cấp cao hơn, nhất là Tổng Thống hay ông Ngô Đình Nhu. Hơn nữa trong khi “biến cố Phật Giáo” xảy ra đưa đến cuộc đảo chính đẫm máu, thì chúng tôi đang tu nghiệp tại ngoại quốc, đến tháng Tư năm sau mới hồi hương. Vì vậy chúng tôi không có được cái lợi thế làm nhân chứng trong một biến cố quan trọng được trình bày ở đây. Nhưng trong khi biên soạn tập tài liệu này chúng tôi cũng có dịp được gặp một số nhân chứng hiếm hoi còn sống, nhất là được đọc những tác phẩm của họ.

Chúng tôi không được đặc ân gì của chế độ. Cũng không lập được thành tích gì đáng kể. Suốt trong thời gian 9 năm chỉ được thăng một cấp, mặc dù khi ra trường còn thời quốc trưởng Bảo Đại, đã được giữ ở lại làm huấn luyện viên của trường lúc ấy còn giảng dạy bằng tiếng Pháp và do một thiếu tá Pháp chỉ huy. Những gì chúng tôi làm được thời Đệ Nhất Cộng Hòa duy nhất chỉ có một cuốn sách viết về sách lược cộng sản, chứ không phải về thành tích hay công trạng của chế độ.

Vì vậy xin bạn đọc hãy tin rằng chúng tôi viết cuốn sách này với tinh thần khách quan, chứ không phải để đền ơn, hay ca tụng một tổng thống quá cố. Mục đích của tập sách là kéo độc giả nhìn về một số sự kiện lịch sử khách quan mà phần đông tác giả đi trước đã quên hay cố tình bỏ qua. Nếu có gì sai sót thì đó là do khả năng có hạn. Và xin được thông cảm và bỏ khuyết.

Minh Võ

Nam Cali, ngày 7-7-2008

(1) Phần lớn những chứng từ quan trọng liên quan đến từng vấn đề then chốt đều được chúng tôi lấy từ chính những nguồn tin của phía chống đối ông Diệm. Chẳng hạn như Trần Văn Đôn, Nguyễn Cao Kỳ, Hồ Sỹ Khuê hay Stanley Karnow, Neil Sheehan...

MỤC LỤC

Thay Lời Tựa

Mục Lục

PHẦN I

1- Sơ lược tiểu sử Tổng Thống Ngô Đình Diệm

PHẦN II

2- Cảnh đào Xuân Quý Mão

3- Tết Con Heo nhớ Xuân Con Mèo

4- Một số thắc mắc về toan tính hiệp thương

PHẦN III

5- Từ vinh quang đến tử nạn

6- Cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và vấn đề chính nghĩa dân tộc

7- Ba giờ nghe một nhân chứng

8- Mạn đàm với ông Cao Xuân Vỹ

9- Di cư, một kỷ niệm đắng cay sau trở nên ngọt ngào

10- Nước mắt dập tắt lửa hận thù

11- Công Tử Hà Đông bị hiểu lầm

PHẦN IV

12- Chiến thắng bỏ lỡ

13- Xin cứu chúng tôi khỏi sự dữ

PHỤ LỤC

Một lá thư dài của Tổng Thống Ngô Đình Diệm

Lời cuối sách

Thư Mục

Phần I



1- SƠ LƯỢC ⁽¹⁾ TIỂU SỬ TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM

GIA THỂ

Ngô Đình Diệm là con thứ bốn trong số chín người con của ông Ngô Đình Khả và bà Phạm Thị Thân ⁽²⁾ nguyên quán làng Đại Phong, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, phía bắc vĩ tuyến 17. Tổ tiên ông, dòng họ Ngô Đình, từng theo đạo Công Giáo từ thế kỷ 17. Năm 1870 hàng trăm người họ Ngô Đình đã bị thiêu sống trong một nhà thờ. Đó là thời gian giáo dân cả nước đang trải qua những cuộc bách hại quy mô theo lệnh các vua Minh Mạng và Tự Đức ⁽³⁾

Cha ông, cụ Ngô Đình Khả (1857-1925) là đại thần nhà Nguyễn, từng là Phụ Đạo Đại Thần, thượng thư bộ Lễ, và Hiệp Tá Đại Học Sĩ. Ông là người vừa thâm nho, vừa thông thạo Pháp văn và La Tinh.

Ông cũng có công sáng lập và điều khiển trường Quốc Học Huế.⁽⁴⁾ Ông nổi tiếng là bậc “trung quân” theo truyền thống Nho Giáo cho nên khi nhà cầm quyền Pháp ép các quan trong triều ký giấy yêu cầu đầy vị vua yêu nước Thành Thái, là vị vua đã học ông và trọng dụng ông, thì ông là người duy nhất không chịu ký. Vì thế Triều đình đã chịu sức ép của Thực Dân lột hết mọi chức tước, quyền lợi của ông và cho về hưu năm 1907.⁽⁵⁾ Lúc ấy Ngô Đình Diệm mới được 6 tuổi, Ông Diệm sinh tại Huế ngày 3 tháng 1 năm 1901.

Vì là vị đại quan rất mực thanh liêm, nên khi đã mất hết chức tước và bổng lộc, gia đình ông Ngô Đình Khả lâm cảnh túng bần.⁽⁶⁾ Ông đem vợ con về sống với nghề nông và lo dạy dỗ các con nên người hữu dụng cho tổ quốc. Vốn là một nhà giáo dục khuôn mẫu, từng dạy vua, ông đem hết tài chuyên môn ra để uốn nắn các con theo lý tưởng của mình. Ông bắt các con hòa mình vào đời sống cực nhọc vất vả trên những cánh đồng bùn lầy như nhà nông là thành phần chiếm tuyệt đại đa số quốc dân. Ông thường nói với các con trai: “Đàn ông con trai phải sống như nông gia.”

THIỆU THỜI

Thuở thiếu thời Ngô Đình Diệm rất ngoan đạo và chăm học. Năm 6 tuổi đã được giải nhất của nhà trường về sự chăm chỉ. Có lần vì chăm quá mà bị cha đánh đòn. Đó là một hôm trời mưa, nước lớn, các anh bị cha cấm không được đến trường vì nguy hiểm, nhưng Diệm đã lén ra đi một mình, nương theo bờ đê. Ông Ngô Đình Khả đã truyền lại cho các con, đặc biệt là Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Diệm lòng yêu nước và sự sùng đạo của mình, nhất là tinh thần chống Pháp. Tuy chống Pháp nhưng ông vẫn cho các con theo học trường Pháp, vì lúc ấy chỉ những trường này mới cung cấp những kiến thức cần thiết cho những nhà lãnh đạo tương lai của xứ sở. Ông đã trao Ngô Đình Diệm cho thượng thư Nguyễn Hữu Bài coi sóc dạy dỗ như con. Chính ông Bài đã dọn đường cho Ngô Đình Diệm bước vào quan trường trong chế độ bảo hộ. Ông còn tạo điều kiện để ông Diệm có dịp gặp ái nữ của mình mong có được chàng rể quý. Nhưng ông Diệm luôn luôn tránh né vì không muốn vướng mắc bận bịu với thế nhĩ.

Năm 15 tuổi Ngô Đình Diệm còn tỏ ý muốn đi tu để làm linh mục và đã vào chủng viện. Nhưng chỉ mấy tháng sau đã bỏ ý định đó, vì thấy cuộc sống nhà tu không hợp với chí tang bồng của ông. Nhờ thành tích học đường xuất sắc, Diệm đã được một học bổng ở Paris nhưng ông đã từ chối. Ngay lúc ấy ông đã nuôi chí lớn và có tham vọng sẽ làm được cái gì để giành lại độc lập cho quê hương. Bà mẹ ông đã từng bảo, Diệm là con người thuần túy Việt Nam, không giống các anh em khác từng có dịp du học ở ngoại quốc.⁽⁷⁾

Sau khi học xong chương trình trung học của trường Quốc Học Huế, Ngô Đình Diệm ra Hà Nội vào học tại trường đại học do người Pháp điều khiển. Môn học chính là Luật và Quản Trị. Một bài báo ông Diệm viết bằng tiếng Pháp đăng trên tập san *Bulletin des amis du vieux Hué* năm 1917 cho thấy thiếu niên 16 tuổi Ngô Đình Diệm đã sớm có một kiến thức đáng nể chẳng những về cả Pháp văn lẫn Hán văn, mà còn về khảo cổ. Vì nội dung bài viết đó tả chi tiết về một cổ vật được coi như vật quốc bảo, được vua Tự Đức nhân cách hóa và phong tước hầu. Đó là chiếc nghiên mực Túc Mặc Hầu. Dưới đáy nghiên mực vô giá này có khắc một bài thơ ngự chế của nhà vua được Ngô Đình Diệm chuyển ngữ và bình chú bằng Pháp văn.

BƯỚC VÀO QUAN TRƯỞNG

Năm 20 tuổi ông tốt nghiệp thủ khoa và được cử làm tri phủ, giống như quận trưởng thời Việt Nam Cộng Hòa. Tuy ông được cấp một chiếc xe kéo với phu xe và lính lệ theo hầu, nhưng thường ông thích cưỡi ngựa rong ruổi khắp nơi để được trực tiếp với dân hầu biết rõ dân tình và tìm cách giải quyết nhanh những vấn đề của dân.

Chính trong thời gian này thượng thư Nguyễn Hữu Bài đã trực tiếp giới thiệu con gái với vị quan trẻ. Nhưng ông Diệm đã thẳng thắn bày tỏ nỗi lòng khiến vị thượng thư thất vọng và người thực nữ cũng bẽ bàng. Sau đó cô đã vào dòng tu để quên môi tình vô vọng. Cô Nguyễn Thị Tài, ái nữ thượng thư Nguyễn Hữu Bài, trở thành nữ tu Aimée và cuối đời thành mẹ bề trên dòng kín Carmelô ở Huế.

Năm 1929, ở tuổi 28 ông Diệm được bổ nhậm chức vụ tuần vũ đứng đầu tỉnh Phan Thiết. Trong 4 năm làm việc tại đây ông đã chứng tỏ là một ông quan thanh liêm để hết tâm trí lo cho dân. Nhưng ông cũng quyết liệt cải hóa, hoặc vô hiệu hóa những phần tử cộng sản trong vùng lúc ấy đã bắt đầu xuất hiện với chiêu bài cách mạng chống Pháp, nhưng hành động của họ chỉ là phá rối cuộc sống yên ổn của người dân. Ngay từ lúc ấy ông đã nghiên cứu về Cộng Sản, và thấy chủ trương cách mạng ngoại lai từ học thuyết Mác-xít không hợp với xã hội và truyền thống dân tộc Việt Nam. Hơn nữa những hành động của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh với chủ trương “*trí phú địa hào, đào tận gốc tróc tận rễ*” càng khiến ông quyết liệt ra tay tảo thanh các phần tử quá khích hoạt động dưới chiêu bài cách mạng chống Pháp. Về sau Cộng Sản, và những phần tử thân Cộng thường cho rằng ông là tay sai của Pháp. Nhưng đã hiểu con người ông và theo dõi hành động của ông trong suốt cuộc đời làm cách mạng, làm chính trị của ông thì thấy rõ ông quả thực là một nhà ái quốc .⁽⁸⁾

Với những thành tích xuất sắc, đầu năm 1933 ông được vua Bảo Đại cử làm thượng thư bộ Lại là bộ đứng đầu lục bộ, tương đương với chức vụ thủ tướng thời nay. Lúc ấy ông mới có 32 tuổi, những bộ trưởng dưới quyền ông hầu hết đều hơn ông cả chục tuổi. Ngoài chức thượng thư bộ Lại, nhà vua còn đặt ông đứng đầu Ủy Ban Cải Cách là một cơ quan tối cao hỗn hợp Việt Pháp, nhằm đem lại nhiều quyền hành

hơn cho Triều Đình và chủ quyền cho người dân Việt Nam. Tiếc rằng những cố gắng của ông đụng phải sự ngoan cố của nhà cầm quyền thực dân, khiến ông dứt khoát rời bỏ chức quyền không luyến tiếc. Trái lại nhà vua rất luyến tiếc ông, mặc dù bị ông tố cáo là nhu nhược trước sức ép của Thực Dân. Trong cuốn hồi ký *Le Dragon D'Annam* (*Con Rồng Việt Nam*) Bảo Đại đã ghi lại lời ông nói với ông Diệm lúc đó: “*mong rằng sự ra đi của quan thượng sẽ mở mắt cho người Pháp.*” (9)

Hành vi “rũ áo từ quan” này đã được nhà vua thông cảm, nhiều người cảm phục. Nhà cách mạng lừng danh Phan Bội Châu nhân dịp này đã ca ngợi ông Diệm là chí sĩ, vĩ nhân và làm một bài thơ vô đề để bày tỏ lòng kính phục. Nguyên văn bài thơ thất ngôn bát cú đã được đăng trên báo *Tiếng Dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng ngày 27-12-1933. Bài này là một trong 10 bài *Vô Đề* của cụ Phan:

*Ai biết trời Nam hãy có người
Xịch nghe tưởng ngõ sấm bên tai.
Lông hồng coi nhẹ vàng muôn lượng*

... (câu 4 kiểm duyệt bỏ) (10)

*Phơi tỏ cùng trời gan đở chói
Nhá nhem thây kệ mắt đen thui
Vĩ chẳng kịp lúc làm vai vế
Sau ngựa Châu xin quất ngọn roi.*

Sào Nam Phan Bội Châu
(*Tiếng Dân* 27-12-1933)

17 NĂM HOẠT ĐỘNG BÍ MẬT

Sau khi từ bỏ mọi chức tước và bổng lộc của triều đình, ông Ngô Đình Diệm dùng hết thời gian cho việc đọc sách, nghiên cứu chính trị và không ngừng liên lạc với các nhà ái quốc như Phan Bội Châu... ở trong nước và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để lúc ấy đang lưu vong ở Nhật.

Nhà ông lúc ấy thường có nhiều nhân vật yêu nước lui tới bàn thảo các vấn đề quốc sự. Có tài liệu nói ông có tiếp xúc với Võ Nguyên Giáp là người đồng hương khi chưa phải đảng viên Cộng Sản, nhưng đã có xu hướng xã hội tả phái rõ rệt. Hai người cố thuyết phục nhau theo mình nhưng không ai thành công.

Nơi ông sống lâu nhất trong thời gian này là Huế, tại nhà cha mẹ, ở Phủ Cam, lúc ấy em ông là Ngô Đình Cẩn lúc nào cũng có mặt bên cạnh bà Ngô Đình Khả. Ngày nào ông Diệm cũng đi lễ ở nhà thờ. Sau đó đọc sách nghiên cứu. Những lúc rảnh rỗi thì cỡi ngựa, đi săn hay chụp hình, làm vườn.

Một nhân chứng là cụ Võ Như Nguyệt hiện ở Lons, miền Nam nước Pháp, và là thân phụ nhà sĩ Võ Trọng Di ở San Diego, đã kể về ông Diệm trong thời gian này

như sau: Bề ngoài ông Diệm có vẻ an phận. Nhưng thực ra ông có những hoạt động bí mật ít người biết. Cụ Nguyễn có kê cho cụ trung tá Nguyễn Văn Minh, tác giả cuốn *Dòng Họ Ngô Đình, Giấc Mơ Chưa Đạt* câu chuyện sau:

Nguyên cụ Nguyễn là con của cụ Võ Bá Hạp, đồng song với cụ Phan Bội Châu,⁽¹¹⁾ nên có thời gian được gần gũi cụ Phan như con cháu trong nhà. Vì thế có lúc cụ Phan sai chàng trai Võ Như Nguyễn đi theo phò cụ Ngô. Một hôm cụ Ngô sai chàng trai Võ Như Nguyễn vào Sài Gòn vận động cho hai đồng chí của cụ Ngô đang bị Pháp giam giữ. Từ đó Võ Như Nguyễn mới được biết hoạt động yêu nước của cụ Ngô, và cũng từ đó trở nên đê tử thân tín của cụ Ngô.

Cùng thời gian ấy thỉnh thoảng Cụ Ngô cũng ghé thăm người anh cả là Ngô Đình Khôi đang làm tổng đốc Quảng Nam, mặc dầu người Pháp đã cảnh cáo ông “không được dùng tư tưởng quá khích của mình làm hại đến sự nghiệp của ông anh”. Có lẽ vì những cuộc tiếp xúc này mà vào năm 1942 ông Khôi đã bị buộc phải từ chức.

Ông Diệm cũng trao đổi thư từ với các nhà ái quốc của một số nước trong vùng như Subha Chandra Bose của Ấn Độ, Soekarno của Nam Dương (Indonesia) là những người đang trông vào sức mạnh đang lên của Nhật Bản sẽ giúp họ giành độc lập cho xứ sở. Tuy nhiên ông Diệm có lý riêng để không chỉ tìm sự viện trợ vật chất hay tinh thần của riêng một cường quốc nào. Mà cố suy nghĩ để tìm ra một con đường riêng cho dân tộc Việt.

Khoảng đầu thập niên 40 thế kỷ 20, sau khi cụ Sào Nam Phan Bội Châu, tục gọi Ông Già Bến Ngự, qua đời (1940), ông Diệm lập một hội kín lấy tên là **Đại Việt Phục Hưng Hội** gồm đại đa số là người Công Giáo miền Trung, gần quê hương ông. Mùa hè năm 1944 cảnh sát Pháp hay tin bèn bắt giam các thành viên của tổ chức này. Ông cũng có một tờ báo riêng. Chủ bút bị Pháp giết. Ông Diệm đã thoát được, nhờ người Nhật giúp che giấu rồi cải trang thành một sỹ quan của Quân Đội Hoàng Gia. Tới Sài Gòn, những tháng sau đó ông tiếp tục được quân Nhật che chở khỏi tai mắt lính kín Pháp.

Năm 1943 ông đã phái một đồng chí sang Nhật tiếp xúc với hoàng thân Cường Để là người đang được nước Nhật “cưu mang”. Ý ông muốn đưa hoàng thân về thay vua Bảo Đại là người mà ông không đến nỗi ghét, nhưng chê là “công cụ của Thực Dân”. Nếu kế hoạch này thành thì có thể ông sẽ là thủ tướng trong một chính thể Quân Chủ Lập Hiến.

Nhưng tiếc là người Nhật, lúc ấy đang chia làm hai phe theo hai xu hướng khác nhau. Phe cấp tiến, có lý tưởng muốn giúp các nước vùng Đông Á được hoàn toàn độc lập tự do. Phe bảo thủ hãy còn muốn chi phối giới lãnh đạo bản xứ. Chẳng may phe sau này lại thắng thế và tư lệnh quân đội Nhật tại Đông Dương lúc ấy lại theo phe này. Họ muốn giữ vua Bảo Đại để “dễ bảo”. Đúng ra họ sợ ông Diệm hơn là ông Cường Để.⁽¹²⁾

Trong năm 1944 ông Diệm thường bị thực dân Pháp theo dõi để ngăn cản ông hoạt động chống Pháp. Vì vậy ông thường thay đổi chỗ ở luôn. Lúc thì ở Huế với ông Ngô Đình Cần, lúc thì vào Sài Gòn hay xuống Vĩnh Long với giám mục Ngô Đình Thục. Một hôm ông từ nhà ông Cần ra phố đến khi trở về thì thấy từ xa xa, gần nhà ông Cần có chuyện bất thường. Ông nghi là quân Pháp đã đến tìm bắt ông. Và đúng vậy. Nên ông lĩnh đi tìm một nhà người quen ẩn náu.

Hôm sau thì có tin ông có tên trong danh sách những kẻ bị truy nã. Lập tức ông trốn vào Sài Gòn ẩn náu ở những nhà bạn thân và đồng chí.

Từ đó có lúc ông phải nhờ đến quân đội Nhật che chở. Ta đã biết rằng người Nhật lúc ấy đang cho hoàng thân Cường Để (Kỳ Ngoại Hầu Cường Để) cư trú tại nước Nhật. Họ cũng có cảm tình với nhà cách mạng Phan Bội Châu với phong trào Đông Du. Mà cụ Phan thì lại mến phục ông Diệm, kể từ khi được tin ông này từ chức thượng thư bộ Lại để phản đối người Pháp. Cho nên trong thời gian cụ Phan gần như bị giam lỏng ở Bến Ngự thì lúc ấy ông Diệm cũng hay lui tới nhà ông Ngô Đình Cần ở Phủ Cam cách Bến Ngự độ mười mười lăm phút đi bộ. Vì vậy nhiều người, trong số đó ông Võ Như Nguyễn, cho biết cụ Phan thỉnh thoảng kín đáo tiếp ông Diệm tại nhà và cho các đồng chí của cụ giúp đỡ trong những lúc ông Diệm bị Pháp truy lùng, sách nhiễu.

Sau vụ đảo chính 9-3-1945, người Nhật đã giấu không cho vua Bảo Đại biết ông Diệm ở đâu để mời lên làm thủ tướng.⁽¹³⁾

Chờ gần một tháng (từ 19 tháng 3 đến 17 tháng 4) không có hồi âm của ông Diệm, nhà vua đã chọn sử gia Trần Trọng Kim thay vào đó. Theo một số người, như Bernard Fall, thì như thế lại càng hay cho ông Diệm, vì ông khởi mang tiếng là thủ tướng bù nhìn do người Nhật dựng lên. Nhưng cũng có người nghĩ, nếu ông Diệm ở vào vị thế của ông Trần Trọng Kim, có thể nhóm ông Hồ đã không có thể cướp được chính quyền một cách quá dễ dàng.

Biến cố gọi là cách mạng tháng tám (19-8-1945) khi phát khởi tại miền Trung đã thiêu hủy của ông Diệm một tủ sách gồm gần chục ngàn cuốn tích lũy từ khi ông còn là sinh viên.

Sau khi Việt Minh cướp chính quyền trên toàn quốc, ông Ngô Đình Diệm đã bị Việt Minh bắt ở Tuy Hòa và giải ra giam ở Tuyên Quang. Khi ông bị bệnh vì thiếu ăn và quá cực khổ, thì Hồ Chí Minh ra lệnh đưa ông về Hà Nội. Tại đây ông đã được lãnh tụ Việt Minh mời tham gia chính phủ Liên Hiệp với cương vị bộ trưởng nội vụ. Nhưng ông đã sáng suốt và can đảm từ chối.⁽¹⁴⁾

Cũng có tài liệu cho rằng đã có lúc ông Diệm tính hợp tác với Việt Minh. Nhưng ông đã đặt điều kiện là ông phải được quyền hoạch định chính sách. Dĩ nhiên Hồ Chí Minh không thể nhượng bộ trong vấn đề sinh tử ấy.⁽¹⁵⁾

Ông bị Việt Minh giam một thời gian tại phủ Chủ tịch. Rồi được phóng thích theo lệnh Hồ Chí Minh. Về sau nhiều cán bộ cao cấp của Việt Minh hối tiếc về sự phóng thích này, và có ý phiến trách “Hồ chủ tịch đã quá rộng lượng mà thả hổ về rừng”. Nhưng lúc ấy ông Hồ có lý để lấy lòng giới Công Giáo, vì ông Diệm là một lãnh tụ Công Giáo có nhiều ảnh hưởng. Khi bị đàn em như Lê Giảng, Vũ Đình Huỳnh can ngăn, ông Hồ đã bảo họ: “hãy vì người Cha mà thả người con”. Ông Hồ đã nhắc nhở họ bằng câu đồng dao “Đầy vua không Khả, Đào Mả không Bài” (ông Ngô Đình Khả nổi tiếng với câu đồng dao này).⁽¹⁶⁾

Thoát nạn, ông Diệm tập trung tư tưởng vào việc tìm cách tạo một lực lượng thứ 3 vừa chống Pháp vừa chống Việt Minh. Ông tiếp xúc với người kháng chiến để thuyết phục họ bỏ đường lối Cộng Sản. Ông liên lạc với những người có tinh thần quốc gia đang hợp tác với Pháp chống Việt Minh để khuyên họ theo ông.

Theo báo cáo của tình báo Pháp thì lập trường của ông được nhiều phần tử Việt Minh ở Nam Bộ quan tâm và cũng có tin là ông suýt có thể giúp cho tướng Nguyễn Bình đào thoát khỏi hàng ngũ Việt Minh một cách an toàn. Nguyễn Bình lúc ấy là tư lệnh Việt Minh ở Nam Bộ. Sau đã bị Việt Minh khử trừ qua tay người Pháp.⁽¹⁷⁾

Năm 1947 Ngô Đình Diệm đã cùng với Nguyễn Tôn Hoàn, một người đồng đạo, đang lãnh đạo Đại Việt Quốc Dân Đảng lập một liên minh mới lấy tên là Việt Nam Quốc Gia Liên Hiệp. Đã có lúc tổ chức này có triển vọng thành công, vì hai người đã rút được kinh nghiệm về sự thất bại của mặt trận Thống Nhất Quốc Gia đã được thành lập vào đầu năm ấy tại hội nghị giữa các đảng chống cộng ở Nam Kinh, Trung Quốc. Theo ông Hồ Sĩ Khuê viết trong cuốn *Hồ Chí Minh-Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam* thì thời gian này ông Diệm có hai tờ báo: Hoa Lư và Tinh Thần và ông Khuê có công đóng góp trong đó. Đó là lúc cựu hoàng Bảo Đại đang ở Hồng Kông sau một chuyến đi công tác do Hồ Chí Minh trao phó. Ông đã lợi dụng dịp này để thoát khỏi vai trò trở trêu dở khóc dở cười phải đóng trong chức cố vấn tối cao của chính phủ Liên Hiệp do Hồ lãnh đạo.

Ngô Đình Diệm, Nguyễn Tôn Hoàn đã cùng với một số lãnh tụ các đảng phái quốc gia cố vấn cho Bảo Đại, yêu cầu ông đứng ra lãnh đạo phe Quốc Gia chống Cộng, đồng thời tranh đấu với chính quyền Pháp để thu hồi độc lập hoàn toàn cho Việt Nam.

Trong thời gian ở Hồng Kông, ông Diệm ngụ tại khách sạn Paramount. Ngày nào cựu hoàng cũng cho người đón ông Diệm đến để bàn tính cách đối phó với đại diện của cao ủy Pháp Émile Bollaert trong cuộc điều đình về nền độc lập của Việt Nam.

Ban đầu mọi người chung quanh Bảo Đại đều tán thành “giải pháp Ngô Đình Diệm”. Vì theo lời cựu thủ hiến Bắc Việt Phạm Văn Bính thì **“Hồi tôi giúp việc Cựu Hoàng ở Hồng Kông tôi chưa từng thấy một chính khách Việt Nam nào được người trong nước và ngoài nước ủng hộ như cụ Ngô”**.⁽¹⁸⁾ Nhưng vì tính cương nghị và lập trường quá cứng rắn (Tout ou rien = có tất cả, hoặc chẳng có gì)

của ông Diệm trong vấn đề độc lập nên về sau một số tỏ ý chống. Họ bị ông Diệm coi là yếu hèn không đủ sức đương đầu với sự ngoan cố của Thực Dân. Còn họ thì tâu với cựu hoàng rằng “Diệm đã vô ơn và vô lễ với cựu hoàng khi từ chức Lại bộ thượng thư, bỏ triều đình, bỏ vua mà ra đi không nghĩ gì đến tình nghĩa vua tôi. Như vậy thì lần này không nên trọng dụng hay nghe lời sàm tấu của ông ta nữa.”

Nhưng Bảo Đại vẫn quý trọng Ngô Đình Diệm và ủy thác cho ông đại diện cựu hoàng để thương thuyết với cao ủy Pháp Émile Bollaert về tương lai Việt Nam.

Trước đó, trong khi cố thuyết phục cựu hoàng và các nhân vật chung quanh cựu hoàng về một lập trường cứng rắn đối với Pháp, ông cũng vận động riêng với các giới chức Pháp để hỗ trợ cho lập trường này. Nhưng không có kết quả.

Điều có ý nghĩa, và đáng chú ý là các cuộc đàm luận và tranh cãi để vận động cho một nước Việt Nam hoàn toàn độc lập của ông đã phản ánh một quan niệm rõ rệt về một nền cộng hòa tương lai.⁽¹⁹⁾

Cuối cùng ông Diệm đã thất bại sau một cuộc tranh luận nảy lửa với Bollaert tại dinh Norodom.⁽²⁰⁾

Không đạt được mục đích là cố đòi cho Việt Nam một nền độc lập rộng rãi, giống như chế độ Dominion mà người Anh đã dành cho Ấn Độ và Pakistan trước đó một năm, ông Diệm bèn rút ra khỏi đám cận thần của Bảo Đại. Tướng Nguyễn Văn Xuân được cử làm thủ tướng để ký với Bollaert bản thông cáo chung Vịnh Hạ Long ngày 5-6-1948. Theo thông cáo này, Pháp “long trọng nhìn nhận nền độc lập của Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp.”⁽²¹⁾

Ngày 22-2-1948 ông Diệm mời một số lãnh tụ các đảng phái kể cả các giáo phái và đại biểu các tỉnh miền Nam họp tại Sài Gòn để thảo luận về những điều kiện cần đưa ra trong các cuộc thương thuyết với Pháp. Những điều kiện đó là người Pháp phải điều đình với “Đại Hội Các Nhân Sĩ” và chấp nhận vị đại diện do hội đồng này chỉ định như lãnh tụ có thẩm quyền nhất của Việt Nam. Nhưng Bollaert đã thoái thác.

Một tháng sau, trong một cuộc hội kiến với ông Diệm, Bollaert đã nói thẳng với ông Diệm rằng Việt Nam không thể nào có một thể chế giống như thể chế Dominion của Liên Hiệp Anh được.⁽²²⁾

Ngày 24-3-1948, do sáng kiến của ông Diệm, Hội Đồng Nhân Sĩ làm một kiến nghị xin thành lập một ủy ban nghiên cứu về một chính phủ lâm thời đoàn kết quốc gia. Ông Diệm cho rằng với một chính quyền như thế thì phe Quốc Gia có thể đương đầu với phe Việt Minh. Lúc ấy Việt Minh đã có hiến pháp, quốc hội do dân bầu. Nhưng những nhân vật xung quanh cựu hoàng Bảo Đại đã nôn nóng có một chính quyền sớm chừng nào tốt chừng đó, bất kể nó có đại diện cho toàn dân hay không.

Vào tháng 6 năm 1948, cả Bảo Đại lẫn người Pháp thấy chính phủ mà họ lập nên không hoạt động được. Họ đã xin ông Diệm giúp ý kiến.

Ngày 14-6-1948, ông Bảo Đại nhậm chức Quốc trưởng. Liên sau đó mời ông Diệm làm thủ tướng, nhưng bị từ chối. Ông Diệm đòi có cải tổ về xã hội, kinh tế và chính trị, là những điều mà người Pháp không thể nào làm được. Những đề xuất đó, đã được phổ biến dưới dạng một bản tuyên ngôn, đã không mang lại kết quả.

Không đạt được những cải tổ cần thiết, ông đã tạm lui vào bóng tối, không còn xuất hiện trước công chúng nữa. ⁽²³⁾

Một tài liệu tình báo Pháp được sử gia Pháp Bernard B. Fall nhắc đến trong tác phẩm *The Two Vietnams* cho biết ngay vào thời gian này, ông Diệm đã nghĩ tới việc sẽ phải nhờ tới Hoa Kỳ giúp, khi chắc chắn sẽ có ngày Pháp bị thất bại và bỏ Việt Nam. Fall cho rằng “đó là một lời tiên tri, nhưng lúc ấy chẳng ai để ý”. ⁽²⁴⁾

Sau khi ký được với Tổng Thống Vincent Auriol hiệp ước Élysée ngày 8-3-1949, theo đó Pháp đã nhượng bộ và dành cho Việt Nam một nền độc lập rộng rãi bảo đảm hơn, cựu hoàng Bảo Đại lại nhớ đến Ngô Đình Diệm, mời ông ra làm thủ tướng. Nhưng ông Diệm lại một lần nữa từ chối. Vì thấy qua hiệp ước Élysée, Pháp vẫn còn nắm giữ quá nhiều quyền hoạch định các chính sách kinh tế, quốc phòng và ngoại giao.

Tờ *L'Écho du Vietnam*, ngày 16-6-1949 đã ghi lại lời tuyên bố nói lên tinh túy của lập trường của ông về một nền độc lập thực sự, đầy đủ và quan điểm của ông đối với các người kháng chiến chống Pháp:

“Nguyện vọng của người Việt Nam yêu nước chỉ được thỏa mãn khi nào dân tộc ta đạt được một quy chế chính trị y hệt như quy chế mà Ấn Độ và Pakistan đã đạt được... Tôi tin rằng muốn công bình thì phải dành những địa vị tốt nhất của xứ sở cho những người xứng đáng nhất: Tôi muốn nói là những thành phần kháng chiến chống Pháp.”

Với câu cuối, ông đã phát đi lời kêu gọi tới các thành phần đang theo Việt Minh, vì bị lầm, tưởng Việt Minh là một phong trào yêu nước. Và đây cũng là đường lối chính sách mà ông theo đuổi cho đến khi lên làm tổng thống và cho đến chết. Vì ông nhận định một cách chính xác rằng chỉ có dành được độc lập hoàn toàn và giữ đúng cương vị của một quốc gia có chủ quyền mới có thể thi đua với Việt Minh, và đánh thắng Việt Minh. Và chỉ có nêu cao được chính nghĩa đó mới hòng lôi kéo các phần tử kháng chiến yêu nước rời bỏ hàng ngũ Việt Minh để cùng với các người quốc gia chân chính chiến thắng thực dân Pháp và Việt Minh Cộng Sản. ⁽²⁵⁾

Quả thực trong “Lời tuyên bố” nói trên ông Ngô Đình Diệm đã nêu rõ một cách dứt khoát chẳng những lập trường mà cả đường lối và đại cương chương trình hành động của ông. Đó là đấu tranh giành độc lập chính trị và làm cách mạng xã hội đem

lại những quyền lợi thiết thực về kinh tế xã hội cho nông dân và công nhân, là những người nghèo, tạo điều kiện cho họ được sống trong tự do và nhân phẩm.

NHỮNG NĂM SỐNG LƯU VONG

Mùa xuân năm 1950, được tin bị Việt Minh kết án tử hình khiêm diện, ông Diệm xin nhà cầm quyền Pháp bảo vệ an ninh. Nhưng được trả lời là không đủ cảnh sát để làm việc đó. Ông liền tự hỏi, nên tìm đường sống ở nước ngoài hay là chịu chết ở trong nước? Đến tháng 8, xin được phép đi dự “Năm Thánh” ở Rome, ông đã cùng với bào huynh là giám mục Ngô Đình Thục lên đường sang Ý qua Nhật và Mỹ. Lợi dụng dịp này ông đến thăm Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Theo những gì ông Diệm về sau viết cho Wesley Fishel thì cuộc tiếp kiến giữa hai đồng chí đã diễn ra thân mật và nhiều hứa hẹn.

Trước khi rời Sài Gòn sang Nhật ông Diệm đã toan tính để có thể đưa hoàng tử Bảo Long lên thay cha là Bảo Đại để trở lại chế độ quân chủ, và sẽ đưa hoàng thân Cường Để về nhiếp chính vì lúc ấy Bảo Long hãy còn nhỏ. Cường Để có vẻ thích thú với kế hoạch này. Mà thực ra sau đó ông đã tìm cách trở về Việt Nam bằng đường biển. Nhưng đến nơi thì nhà cầm quyền Pháp không cho nhập cảnh. Đó là lần cuối cùng ông cố về quê hương mà không được. Ông đã qua đời tại Tokyo ngày 6-4-1951, sau 36 năm sống lưu vong. Khi đã lên cầm quyền, ông Diệm đã thu xếp để hài cốt hoàng thân được đưa về an táng tại cố đô Huế. Một lễ truy điệu đã được tổ chức tại tòa đô chánh Sài Gòn ngày 10-1-1957. (26)

Wesley Fishel là người mà ông Diệm gặp tại Tokyo một cách tình cờ. Ông ta là một giáo sư đại học Michigan, chuyên đi tìm nhân tài ở Á Châu để giúp trở thành những nhà lãnh đạo quốc gia. Ông đã khuyên ông Diệm nên sang Hoa Kỳ để tìm sự ủng hộ của chính quyền.

Không cần Fishel khuyên thì ngay trước khi rời Sài Gòn ông Diệm đã có ý đó rồi. Thế là đầu tháng 9 năm ấy ông Diệm và bào huynh là giám mục Ngô Đình Thục bay sang Mỹ. Khi vừa tới Mỹ hai ông đã ngụ tại Học Viện Văn Hóa Trung Hoa. Hai ông được hồng y Francis J. Spellman, tổng giám mục New York là bạn học cũ của giám mục Ngô Đình Thục tiếp.

Ngày 21-9-50 hai ông có tiếp xúc với ông William S. B. Lacy, giám đốc Văn Phòng Phi Luật Tân và Nam Á Châu tại bộ ngoại giao. Lacy nhận xét, ông Diệm không có chương trình cụ thể hữu hiệu nào để giải quyết những vấn đề trọng yếu của nước ông. Vì vậy bộ ngoại giao Mỹ tỏ ra lạnh nhạt.

Thực ra lúc ấy chính quyền Truman đang coi giải pháp Bảo Đại là một giải pháp tốt, và dầu sao Pháp vẫn đang là một đồng minh. Họ thấy lập trường của ông Diệm đối với Pháp quá cứng rắn và không thực tế.

Thấy ở lại thêm cũng chẳng ích lợi gì, tháng sau ông Diệm bay sang Âu Châu. Ông đã cùng ông anh, giám mục Ngô Đình Thục đến Vatican yết kiến giáo hoàng Pio XII. Sau đó sang Pháp và Bỉ. Tại Pháp ông có tiếp xúc với nhiều giới chức trong chính quyền Pháp và Bảo Đại. Ông cũng ngỏ ý sẵn sàng đứng ra điều khiển chính phủ nếu cựu hoàng muốn. Nhưng Bảo Đại chưa muốn thay đổi người vào lúc này, mặc dù ông Diệm đã tỏ ra mềm dẻo hơn.

Có thể nói cho đến cuối năm 1950 thời vận của ông Diệm chẳng có gì khả quan. Về nước thì không được, vì có thể bị ám sát. Ở lại Âu châu cũng không được. Vì chính quyền Pháp thấy ông tiếp xúc với nhiều người ghét Pháp, muốn đuổi ông đi. Ông bèn quay trở lại Mỹ và tìm đến những người có cảm tình với ông. Trong số này phải kể trước tiên thẩm phán Tối Cao Pháp Viện William O. Douglas, người đã biết rõ ông khi còn đang rong ruổi vùng Đông Nam Á, nghiên cứu về các dân tộc Thái, Lào, Miến Điện, Việt Nam, Mã Lai, Tân Gia Ba... để viết tác phẩm nổi tiếng "*North From Malaya*". Sau đó là người sáng lập OSS, tiền thân của CIA, và cũng đã từng điều khiển cơ quan tình báo này, là William J. Donovan và nhiều nhà báo và chính khách thuộc lưỡng viện quốc hội Mỹ như các nghị sĩ John Fitzgerald Kennedy, Mike Mansfield, dân biểu Walter Judd... Trong báo giới thì đặc biệt có ký giả tên tuổi Gouverneur Paulding.

Phần nhiều những nhân vật trên đều chú ý đến tinh thần và lập trường chống cộng và chống thực dân của ông Diệm. Họ ủng hộ ông Diệm chính vì hai yếu tố chính trị nổi bật ấy, chứ không phải vì ông là người Công Giáo. Tuy nhiên những nhân vật này, cũng như hồng y Spelman không phải là những người có quyền quyết định đối với chính sách ngoại giao của chính quyền Truman lúc ấy.

Đối với các giới chức trong bộ ngoại giao Mỹ, ông Diệm chú trọng đến khía cạnh kỹ thuật mà chính phủ Truman đang viện trợ cho các nước trên thế giới theo một kế hoạch mệnh danh "chương trình điểm 4" có thể coi như sự tiếp nối của kế hoạch Marshall vào năm 1947 dành cho việc tái thiết Âu Châu sau Thế Chiến II. Nhưng chương trình điểm 4 này có một phạm vi hoạt động rộng hơn, bao trùm khắp thế giới.

Dưới cái nhìn của các nhà lãnh đạo Mỹ, Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh lạnh rất cần được sự viện trợ này. Ông Diệm đã nêu lên đúng yêu cầu của xứ sở và của tình hình. Vì vậy khi ông nên làm Tổng Thống, ông đã nhận được thứ viện trợ kỹ thuật phi quân sự này một cách rất dồi dào.

Về mặt này, giáo sư Wesley R. Fishel đã giúp ông một cách đắc lực. Ngay khi vừa tới nhận việc ở trường đại học Michigan, ông đã thu xếp để ông Diệm có việc làm tại trường như một tham vấn chuyên môn. Với nhiệm vụ này, ông Diệm có thể hợp tác với ông Fishel để soạn bản đề nghị xin chính phủ viện trợ cho Việt Nam. Những đề án xin viện trợ này một phần lớn do ý kiến của ông Diệm. Cũng nhờ ông mà cố đô Huế đã sớm nhận được viện trợ kỹ thuật ngay trước khi ông về nước làm thủ tướng.

Ngoài ra giới Công Giáo Mỹ cũng giúp ông để có chỗ ở và phương tiện di chuyển sinh sống. Ông thường trú ngụ ở các tu viện Công Giáo, như Mary Knoll ở Ossining, New York, hay ở Lakewood, New Jersey. Từ đó ông đi thuyết trình tại một số trường, đạo có, đời có. (27)

Ông cũng tiếp xúc với những người Việt Nam đang sinh sống ở Mỹ và những du học sinh. Trong số này có linh mục Trần Văn Kiệm và gia đình ông Bùi Công Văn là những người giúp ông nhiều nhất. Trong dịp ra mắt bộ *Từ Diên Văn Học Việt Nam* đồ sộ ba tập của ông ở Quận Cam cuối năm 2007, vị linh mục gần chín chục tuổi này đã kể lại cho người viết về hoạt động và tư tưởng của ông Diệm trong những năm 1951-1953 ở Mỹ. Theo linh mục Kiệm thì ông Diệm luôn ôm ấp hoài bão đem lại độc lập cho nước và đời sống no ấm, tự do cho dân. Tuy ông phê bình ông Bảo Đại hơi mềm yếu, nhưng lúc nào cũng tỏ ra tôn kính và hình như muốn ủng hộ ông ấy trở lại ngôi vua trong một chính thể quân chủ lập hiến trong đó ông Diệm sẽ là thủ tướng. Được hỏi có bao giờ ông Diệm nghĩ ý muốn đi tu không, linh mục Kiệm tỏ vẻ ngạc nhiên: “Làm gì có chuyện ấy? Trong 2 năm gần ông Diệm, có những lúc ngồi ăn với ông ấy tại tòa Tổng Giám Mục New York cùng với hồng y Spellman, chưa hề bao giờ tôi nghe ông ấy nói có ý đi tu.”

Khi ông Diệm đã lên cầm quyền, linh mục Kiệm cũng có nhiều dịp tiếp xúc với ông và các ông Nhu, đức cha Thục. Ông nhận xét ông Diệm vẫn luôn là người bình dị, cởi mở không như ông Nhu hay ông Thục.

Trong số những sinh viên Việt Nam đang du học ở Mỹ mà ông Diệm gặp lúc ấy có một số chủng sinh và ông Nguyễn Ngọc Linh, người đã có lần lái xe đưa ông Diệm đi đây đi đó. Khi về nước làm thủ tướng ông Diệm có nhớ tới ông Linh, muốn dùng. Nhưng ông Linh không hợp tác.

Đến tháng 5 năm 1953 ông Diệm quyết định trở lại Âu Châu. Vì nhận thấy những nhân vật Mỹ ủng hộ ông nêu trên đều không phải là những giới chức có quyền quyết định. Còn chính quyền Truman lúc ấy thì hãy còn ủng hộ chính sách của Pháp và giải pháp Bảo Đại tại Việt Nam.

Ngày 8-5-53, thẩm phán tối cao William J. Douglas đã tổ chức một bữa ăn trưa thịnh soạn mời những nhân vật tên tuổi có cảm tình nêu trên cùng dự để tiễn chân ông Diệm. (28)

Sang Âu châu lần này ông Diệm đến ngụ tại một nhà dòng thánh Bê Nê Đích Tô ở Bỉ. Tại đây ông có dịp gặp và trao đổi với linh mục Raymond de Jaegher là một học giả uyên thâm về các vấn đề Cộng Sản Á Châu, nhất là Trung Cộng. Khi ông Diệm đã lên làm tổng thống người ta thấy vị linh mục này trong số những cố vấn của chính phủ Việt Nam.

Trong lúc bôn ba nơi hải ngoại, ông Diệm vẫn theo dõi và trông chờ vào hoạt động của người em uyên bác là Ngô Đình Nhu ở trong nước. Ông Nhu từng du học tại Pháp, có bằng cử nhân Pháp, sau lại tốt nghiệp tại trường École des Chartes nổi tiếng lúc ấy. Ông Nhu đã chịu ảnh hưởng của hai triết gia Công Giáo là Emmanuel Mounier và Jacques Maritain. Thuyết “ngôi vị” (personalisme) của Mounier và thuyết nhân bản (Humanisme Intégrale) của Maritain đã gợi hứng cho ông Nhu đưa ra thuyết Nhân Vị Việt Nam, lấy đó làm chủ thuyết của một đảng mới. Năm 1952 ông Nhu đã âm thầm cùng với một nhà hoạt động công đoàn là ông Trần Quốc Bửu thành lập đảng bí mật này. Ông Bửu, tuy không phải Công Giáo, nhưng lại chịu ảnh hưởng của các tổ chức công đoàn Ki Tô Giáo ở Paris, là nơi ông đã từng sinh sống trong một thời gian vắng, trước khi về hợp tác với ông Ngô Đình Nhu.

Ông Nhu, một lý thuyết gia, và ông Bửu, một nhà hoạt động công đoàn, đã đặt tên cho đảng mới của hai ông là đảng Công Nông, sau đổi thành Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng.⁽²⁹⁾ Sau khi đệ nhất Cộng Hòa bị lật đổ, những người không ưa ông Nhu thường gọi tắt là đảng Cần Lao, với hàm ý xấu. Nhưng thực ra hai chữ *cần lao* gói ghém tất cả chủ trương và đường lối mà ông Diệm đã công bố trong một bản tuyên ngôn trước đó đã lâu. Hai chữ đó bao hàm sự lao động cực nhọc của hai giới thợ và dân cày, những người nghèo khổ chiếm đa số dân Việt. Nó cũng tương tự na ná như sự “liên minh công nông” trong đường lối của Lê-nin. Theo Henry G. Fairbanks thì “Cộng Sản sợ cái ý thức hệ này còn hơn 170,000 quân của ông Diệm được trang bị bằng vũ khí của Mỹ.”⁽³⁰⁾



Hình 1: Gia đình ông Ngô Đình Nhu và 2 bào huynh

Dĩ nhiên các ông Diệm, Nhu có đọc Lê-nin. Nhưng, là người Công Giáo ngoan đạo, họ đã lấy hứng từ học thuyết xã hội Công Giáo hàm chứa trong Tông huấn (Encyclical, mà nhiều người cũng dịch là Thông Điệp) Tân Sự (Rerum Novarum, ban hành năm 1891) của cố giáo hoàng Lê-ô XIII. Trí thức Công Giáo ai cũng biết Tông huấn này. Ông Nhu chủ trương học thuyết xã hội theo lý tưởng đó và đã cùng với ông Bửu lập một tờ báo lấy tên Xã Hội.

Đặt trụ sở tại số 8 đường Ypres, Sài Gòn. Tờ báo này đã cổ võ cho tổ chức và các hoạt động công đoàn của ông Bửu. Công Đoàn này lúc ấy (1953) đã trở thành một chi nhánh của Nghiệp Đoàn Lao Động Ki Tô Giáo thế giới có trụ sở ở Brussel, thủ đô Bỉ.

Trong khi ông Diệm hoạt động ở Âu Châu để chờ thời, thì ở Việt Nam, ông Nhu đã vận động được một số đông người vốn ủng hộ ông Bảo Đại để đưa ra một sức ép đòi Bảo Đại phải cứng rắn hơn với Pháp.

Nhân vụ Pháp tự ý phá giá đồng bạc Đông Dương vào tháng 5-1953, gây bất bình cho nhiều phần tử quốc gia, ông Nhu đã vận động những phần tử này để họp đại hội lấy tên là “Đại Hội Đoàn Kết” vào đầu tháng 9-1953, khi ông Bảo Đại vừa rời Sài Gòn sang Pháp.

Mục đích của đại hội là đòi độc lập hoàn toàn cho Việt Nam. Trong đại hội này ông Nhu đã quy tụ được đông người thuộc các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo và cả tướng Bảy Viễn của Bình Xuyên.

Tuy đại hội này không thành công theo ý muốn, nhưng nó đã khiến Bảo Đại phải cho mở một đại hội của ông tại Sài Gòn vào ngày 12-10-53, với mục đích lấy lại uy thế đã bị sút mẻ do đại hội đoàn kết gây ra. Nhưng kết quả lại cũng ngoài ý muốn của Bảo Đại. Vì cuối cùng vào ngày 16-10, các đại biểu bỗng thông qua một nghị quyết đòi Việt Nam được độc lập hoàn toàn, đúng như đòi hỏi mà ông Diệm đã một mực đòi cho bằng được ngay từ ban đầu.

Có lẽ ông Bảo Đại đã đoán trước được kết quả ấy, cho nên đã thay đổi hẳn thái độ với ông Diệm. Ông đã tiếp ông Diệm lần đầu trong 4 năm tại Paris. Và sau đại hội, ngày 26 -10-1953, trong một cuộc tiếp kiến lần thứ hai, ông đã dò ý liệu ông Diệm có muốn nhận chức thủ tướng không.

Nhưng theo Devillers trong *End of a war* (trang 223) thì quan trọng hơn cả là mặt trận *An Toàn Quốc Gia* (Front of National Safety) của ông Nhu thành lập ngày 27-5-54 đòi “thành lập ngay tức khắc một chế độ mới để chống Cộng và nhân mạnh rằng Ngô Đình Diệm là người đủ khả năng lãnh đạo”.

Trong khi liên hệ giữa cựu hoàng và cựu thương thư bộ lại âm áp trở lại, thì chiến cuộc trong nước trở nên sôi động và có chiều nghiêng hẳn về phía Cộng Sản.

Tại hội nghị Genève, Thụy Sĩ (bắt đầu họp ngày 26-4-54 để bàn về vấn đề Cao Ly) người ta cũng bắt đầu bàn đến vấn đề Đông Dương.

Tại Việt Nam, vào trung tuần tháng 3-1954, Tướng Navarre, tư lệnh quân Pháp đã muốn giương một cái bẫy để nhử Cộng Quân vào chết tại một khu lòng chảo gần biên giới Việt-Lào là Điện Biên Phủ. Nhưng, tương kế tựu kế, Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đã được các tướng Tàu Trần Canh và Vi Quốc Thanh cố vấn và giúp điều động quân sĩ và hàng vạn dân phu bí mật ngày đêm kéo đại pháo lên các sườn núi vây quanh quân Pháp, xuất kỳ bất ý tấn công tiêu diệt và làm bị thương gần mười ngàn quân Pháp. Sau 55 ngày cầm cự, tướng thủ thành De Castries đã đầu hàng và trao Điện Biên cho quân chiến thắng. Số thương vong của bên thắng còn có phần nhiều hơn bên thua. Đó là ngày 7-5-54.

Biến cố này đã khiến Pháp phải tính chuyện rút khỏi Bắc Việt để tập trung phương tiện đối phó với vấn đề Algérie đang trở nên cấp bách.

Trong tình hình nước sôi lửa bỏng ấy, Bảo Đại đã cho vời Ngô Đình Luyện là em út của Ngô Đình Diệm và cũng là bạn học khá thân với Bảo Đại khi nhà vua còn du học ở Pháp trước khi trở về nước. Cựu hoàng nhờ người em đi tìm người anh đến gặp gấp.

Lần này Bảo Đại đã tính thay thế hoàng thân Bửu Lộc bằng Ngô Đình Diệm trong chức thủ tướng. Thì cũng vừa đúng lúc nước Pháp không còn muốn bầu vùi lấy Đông Dương nữa, nên ngày 4 -6-54 đã ký với chính phủ Bửu Lộc một hiệp ước trao trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam.

Trước khi trao trọng trách cho ông Diệm, ông Bảo Đại đã dò ý nhiều người kể cả Mỹ, Pháp. Đối với các đảng phái Quốc Gia, ông đã ghi lại trong hồi ký *Con Rồng Việt Nam* (trang 514-515) rằng ông đã “vời tới Cannes các lãnh tụ của tất cả các phong trào chính trị và tôn giáo ở Việt Nam để hỏi ý kiến... về việc thay Bửu Lộc bằng Ngô Đình Diệm để cầm đầu chính phủ. Tất cả hoan nghênh ý kiến của tôi.”

Hai ngày sau Pháp cho Bảo Đại biết họ không còn chống việc để con người “tout ou rien” lãnh đạo chính phủ.

Phụ Chú:

1 Đây chỉ là bản tóm tắt hết sức đại cương. Vì tuổi tác và bệnh tật, người viết đã phải bỏ tham vọng viết một tiểu sử tương đối đầy đủ hơn.

2 Chín người con cụ Ngô Đình Khả xếp theo thứ tự như sau Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Thị Giao (tức bà Thừa Tùng), Ngô Đình Thục (sau là tổng giám mục), Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Thị Hiệp tức bà Nguyễn Văn Âm (thân mẫu Đức Hồng Y

Nguyễn Văn Thuận), Ngô Đình Thị Hoàng, tức bà Cả Lê, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Luyện.

3 Theo Anthony Trivick Bouscaren, *The Last of the Mandarins: Diem Of Vietnam*, Duquesne University Press, Pittsburg, PA, 1965, trang 13.

Có nguồn tin trái ngược cho rằng ông Ngô Đình Khả là bôn đạo mới? Nhưng có một điều chắc chắn là thuở thiếu thời ông đã vào tu trong chủng viện và được nhà chung cho đi du học tại Pi-năng, thuộc Mã Lai.

4 Trường Quốc Học được thành lập năm 1896 và tồn tại cho đến năm 1975, khi Cộng Quân chiếm miền Nam. Tại trường này ở Huế từng có tấm bia kỷ niệm với những vần thơ sau:

*“Trường Quốc Học ấy ai xây dựng?
Sáu mươi năm đứng vững giữa trời.
Để Kinh nhắc nhở tên người
Cụ Ngô Đình Khả muôn đời tiếng thơm...
Dựng bia kỷ niệm đôi lời,
Ghi ơn người trước, nhắc đời người sau.”*
(Ký tên Tôn Thất Sa).

5 Ông rời kinh đô, đem gia đình về quê sống một cuộc đời nông dân cực khổ. Dân Huế đã một thời ngưỡng mộ, ca tụng ông qua câu đồng dao: “Đầy vua không Khả, Đào mã không Bài” mà chính ông Hồ Chí Minh đã từng nhắc lại coi như cái có để tha chết cho con ông là Ngô Đình Diệm khi ông này sa vào tay Việt Minh hồi 1945. Theo Giáo Sư Nguyễn Ngọc Phách, tác giả cuốn *Việt Sử Đương Đại qua 200 câu về bất hủ* (Melbourne, Australia, 2007 trang 42) thì vào năm 1906 viên khâm sứ (Pháp) Lévêque đã ép các quan đại thần ký kiến nghị đầy vua Thành Thái. Nhưng Ngô Đình Khả là vị quan duy nhất không chịu ký. Ít lâu sau một viên khâm sứ tên Mahé lại đòi quật mồ vua Tự Đức để tìm quý vật. Lần này chỉ duy có đại thần Nguyễn Hữu Bài không chịu ký. Trong bộ *Việt Sử Tân Biên* (tập VII), sử gia Phạm Văn Sơn cũng ghi như vậy. Còn về việc ông Hồ Chí Minh nhắc câu ca dao trên để lấy cớ tha ông Diệm thì do nhà văn Vũ Thư Hiên, con ông Vũ Đình Huỳnh từng là thư ký riêng của ông Hồ thuật lại trong tác phẩm *Đêm Giữa Ban Ngày* (Văn Nghệ xuất bản tại Cali năm 1997, trang 226 và 227) mà chúng tôi đã trích đăng trong phần Phụ Lục cuốn *Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê* (Thông Vũ tái bản lần thứ 2 năm 2002) trang 339-340.

Trái lại, trong một cuốn về lịch sử Phật Giáo ở trong nước do nhà sư đã hoàn tục Lê Mạnh Thát đề tựa có đổi câu ca dao trên thành “Đầy vua ông Khả, Đào Mã ông Bài” có ý kết tội hai ông này thay vì ca ngợi. Về chuyện đổi trắng thay đen này, tác giả Huỳnh Hữu Ủy, trong một bài khảo luận dài 11 trang về cụ Phan Bội Châu đăng trên nguyệt san Thế Kỷ 21 số 208, tháng 8 năm 2006 (trang 35) đã viết: “Tôi là người Huế, mới 5 tuổi đã biết đến câu đồng dao ấy rồi. Vậy mà gần đây, trong quyển sách *Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế* của Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm, với lời đề tựa của Tiến Sĩ Lê Mạnh Thát, viết rằng: “Ngô Đình Khả người làng Đại Phong, Quảng Bình, là người đã ký giấy cho bọn thực dân Pháp đầy vua Thành Thái sang Réunion.

Dân Huế còn truyền tụng câu: “Đầy vua ông Khả, Đào mả ông Bài”, tức Nguyễn Hữu Bài, Ngô Đình Khả cũng làm đến chức thượng thư trong triều đình Huế.”(Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm, Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế, nxb Tp HCM, trang 356. Hỡi ôi, viết sử mà như thế thì chẳng biết họ viết cái gì? Lịch sử PGXH in rất đẹp, dày hơn 730 trang, biên soạn có vẻ công phu với một thư mục tham khảo rất phong phú, nhưng đáng tiếc thay, chỉ là một nguồn tài liệu bất khả tín!”

6 Ông được vị đại thần số một lúc ấy là cụ Tôn Thất Hân, phó quan quận vương, phụ chánh thân thần, giúp đỡ một cách kín đáo, mỗi tháng cấp cho 10 Đồng để sinh sống. Mãi đến thời vua Khải Định ông mới được vị vua này bênh đỡ cho truy lãnh lương bổng trong những năm bị tước hết bổng lộc. (Xem Nguyễn Văn Minh, *Dòng Họ Ngô Đình, giấc mơ chưa đạt*, nxb Hoàng Nguyên 2003, trang 14)

7 Xin xem *Our Vietnam nightmare* của Marguerite Higgins, nxb Harper & Row, 1965, trang 159.

8 Robert Shaplen, *A Reporter in Vietnam*, N. Y. Sept 22, 1962, trang 103 Và Bernard Fall, *The Two Vietnams*, NY Praeger, 1963, trang 239.

9 Xin xem *Con Rồng Việt Nam*, bản dịch của Nguyễn Phước Tộc, California, 1990, trang 93.

10 Câu bị kiểm duyệt này về sau được cụ Phan xác nhận với ông Thiết Mai Tôn Thất Cảnh trong một cuộc phỏng vấn đăng trên báo Ánh Sáng số ngày 11-11-1935 như sau: **“Ngôi báu xem nhường dếp nửa đời.”**

Về hai câu cuối, ông Vương Đình Quang nguyên là thư ký của cụ Phan đã có dịp được hỏi cụ Phan, sao cụ lại hạ mình đến thế, vì dù sao Ngô Đình Diệm chỉ là kẻ hậu bối. Cụ Phan bèn trả lời đại ý, cụ là người hoạt động cách mạng. Chứ nếu ở trong quan trường thì chưa chắc được như ông Diệm. (Xem Thế Kỷ 21 tháng 8-06, trang 29.)

11 Cụ Võ Bá Hạp còn là đồng song với thân phụ ông Hồ Chí Minh là Nguyễn Sinh Sắc. Nên đã có thời gian, sau khi bị cách chức, ông Nguyễn Sinh Sắc đã dẫn các con vào Huế tá túc tại nhà thân phụ của cụ Võ Bá Hạp là Võ Văn Giáp. Đó là Nguyễn Sinh Khiêm, tức Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Thị Thanh, tự Liên. Xem Nguyễn Lý Tường: *Thuyền Ai Đợi Bến Vân Lâu*, Nam Cali, 2001, trang 73-75.

12 Anthony Trawick Bouscaren, tác giả cuốn *The Last Of The Mandarins: Diem of Vietnam* (Ông quan cuối cùng, Diệm của Việt Nam), Duquesne University Press, Pittsburg, PA, 1965 đã trích dẫn Joseph Buttinger, tác giả *Viet Nam, The First Five Years*, Ann Arbor: University of Michigan Press, 1959, pp 43, 30, để cho rằng mặc dầu dân Huế có biểu tình ủng hộ ông Diệm, muốn ông ra chấp chính, ông Diệm đã từ chối lời mời của Bảo Đại.

13 Trong cuốn *Histoire Du Viet-Nam de 1940 à 1952*, troisième édition revue et corrigée, Édition du Seuil, Paris VIè, 1952, p. 126, tác giả, sử gia Philippe Devillers cho biết ngày 19-3- 1945 toàn thể nội các (6 bộ) từ chức theo lời yêu cầu của vua Bảo Đại. Nhà vua tham khảo ý kiến của nhiều người thì hầu hết cũng đề cử Ngô Đình Diệm đứng ra lập nội các. Nhưng ông Diệm đã không trả lời hai thông điệp của nhà vua. Tác giả cho rằng vì ông Diệm không ưa ông Bảo Đại, mà chỉ gắn bó với hoàng thân Cường Để. Đợi lâu không được, cuối cùng, ngày 17 tháng 4 vua Bảo Đại đã chỉ định sử gia Trần Trọng Kim. Nơi trang 63 Tác phẩm trên, Devillers đã viết ông Diệm là người nổi tiếng về sự liêm khiết toàn hảo, về khả năng và sự thông minh (réputé pour sa parfaite intégrité, sa compétence, et son intelligence). Theo nữ tiến sĩ Ellen Hammer thì lúc ấy ở Huế có biểu tình lớn ủng hộ ông Diệm, kêu gọi ông đứng ra lập nội các. (Xem Richard W. Lindholm, *Viet-Nam, The First Five Years* (1954-1959), Michigan State University Press, 1959, trang 43) Theo ký giả và sử gia Joseph Buttinger thì lúc ấy ông Diệm và người Nhật đã không tin nhau nữa. (Xem *The Smaller Dragon*, nxb Frederick A. Praeger, NY 1958, trang 443)

Nhà thơ Thái Thủy, hiện ở miền Nam Cali, có lần cho người viết biết chính ông, hồi còn nhỏ, đã được đọc chiếu của vua Bảo Đại cử ông Trần Trọng Kim làm thủ tướng. Trong tờ chiếu nhà vua nêu rõ lý do bổ nhiệm này là vì “đã nhiều lần mời “Ngô Huynh” không được nên cử “Trần học sĩ”.” Khi được mời làm thủ tướng, chính ông Trần Trọng Kim cũng đã xin nhà vua hãy chọn Ngô Đình Diệm. Chỉ đến khi biết không liên lạc được với ông Diệm, ông Kim mới nhận.

14 Về việc này, sử gia Pháp Bernard B. Fall đã thuật lại như sau trong cuốn *The Two Vietnams* (Fredrick A. Praeger, USA 1967, trang 240): “Ông Hồ vốn biết ông Diệm có thiên tài về hành chính và quản trị, và cũng thấy rõ sự kém cỏi khùng khiếp của đàn em mình trong lãnh vực khó khăn đó, nên đã cho mời vị quan này đứng về phe mình và đề nghị trao ông chính cái công việc mà ông đã làm dưới quyền Bảo Đại: Bộ Nội Vụ. Ông Diệm đáp lại mời đó bằng thái độ tiêu biểu của con người ông: “Tại sao ông giết anh tôi?” Ông Diệm hỏi. “Đó là một sự làm lẫn” Ông Hồ trả lời. “Đất nước đang rối bời. Không sao tránh được.” Ông Diệm giận dữ, quay gót đi ra.”

15 Edward Miller: *Vision, Power and Agency: The Ascent of Ngô Đình Diệm*, *Journal of Southeast Asian Studies*, 35 (3) pp 433-458 October 2004. Printed in the United Kingdom.

16 *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên, Văn Nghệ, Nam Cali, 1997 trang 226-227.

17 Trần Thị Liên, *Les Catholiques et La République Démocratique du Vietnam*, do Edward Miller trung dẫn.

18 Trích bài “*Ông vua của nền Cộng Hòa Đệ Nhất: Ngô Đình Diệm*” đăng trên báo Đồi số 29, Sài Gòn, ngày 23-10-1970. Cự thủ hiến Bắc Việt còn cho biết chi tiết:

“Nhiều nhà cách mạng lưu vong như Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long yêu cầu tôi yểm trợ giải pháp Ngô Đình Diệm. Những lãnh tụ chống cộng có tâm huyết như Phan Quang Đán, Đinh Xuân Quảng, Nghiêm Văn Tri tỏ ý rất nhiệt thành với giải pháp Ngô Đình Diệm.

“Ở trong nước, ngoài Bắc có nhóm Nghiêm Xuân Thiện, Trần Trung Dung, trong Trung có nhóm Trần Văn Lý, trong Nam có nhóm Trần Văn Đỗ đại diện các nhà trí thức, mỗi người đều đặt tin tưởng vào giải pháp Ngô Đình Diệm. Ngoài ra, đồng bào Công Giáo, đồng bào di cư cũng nhiệt liệt ủng hộ cụ Ngô. Tuy nhiên, tôi phải thanh minh rằng sở dĩ tôi đặt hy vọng vào giải pháp Ngô Đình Diệm một phần lớn vì tình cảm và quá khứ: tôi đã chứng kiến cụ Ngô trưởng thành trong khung cảnh thanh cao, đạo đức và liêm khiết.”

19 Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, trang 425-429 được Edward Miller dẫn trong *Vision, Power and Agency: The Ascent of Ngo Dinh Diem*.

20 Về vấn đề này ông Phạm Văn Bính, nguyên thủ hiến Bắc Việt, đã nói rõ trên báo Đồi số 29 ngày 23-10-1970. Chúng tôi xin trích mấy hàng sau đây:

“Tôi nhớ lại hồi ở Hồng Kông, ngày nào Cựu Hoàng cũng muốn gặp cụ Ngô một lần để thảo luận về cách đối phó với đại diện của cao ủy Bollaert đến điều đình. Một sự kỳ lạ là chỉ khi nào tôi mang xe hơi xuống khách sạn Paramount đón, cụ Ngô mới bằng lòng lên gặp Cựu Hoàng. Ngoài tôi ra, Cựu Hoàng phái bất kỳ ai đi triệu, cụ Ngô cũng cương quyết khước từ. Về vấn đề cá nhân, phẩm hạnh, cụ Ngô bao giờ cũng tỏ ra khó tính, cứng rắn gần như bướng bỉnh.

“Nhiều khi cụ ngồi trong phòng riêng, đàm thoại tay đôi với Cựu Hoàng trong ba bốn tiếng đồng hồ luôn. Lúc ra về, nét mặt cụ thường đăm chiêu, có khi rom róm nước mắt. Do đó, tôi nhận thấy cụ là một người giàu cảm tình, dưới một bề ngoài khắc khổ nghiêm trang.

“Điều tôi chú trọng hơn hết ở cụ Ngô là đối với Cựu Hoàng bao giờ cụ cũng giữ lễ vua tôi, mặc dầu Cựu Hoàng đối với cụ lúc nào cũng ân cần niềm nở. Chưa bao giờ tôi thấy cụ bỏ giọng nói đều đều từ tốn cùng một cử chỉ điềm đạm, một dáng điệu uy nghi nhưng không kém phần lễ độ.

“Trong sự giao tiếp hàng ngày giữa Cựu Hoàng và cụ Ngô, tôi thấy thiếu một sự thông cảm có thể ràng buộc hai người trong một cuộc hợp tác chân thành và bền vững.

“Cụ Ngô thuộc hạng người quân tử theo đạo Khổng Mạnh, ngay thẳng quen sống khắc khổ trong tinh thần, không thể chấp thuận một cuộc đời phóng khoáng, cởi mở, dân chủ, hồn nhiên như đời sống tự do của Cựu Hoàng do phong tục Tây phương đưa lại.

“Từ lúc ban đầu, khi còn sống lưu vong với Cựu Hoàng ở Hồng Kông, tôi có cảm tưởng rõ rệt cụ Ngô có ý định giúp Cựu Hoàng lập một chế độ quân chủ lập hiến trong đó cụ sẽ là vị thủ tướng được vua trao cho trọn quyền điều khiển, lập một nội các chiến tranh do cụ lãnh đạo, giống như nội các Winston Churchill ở nước Anh trong thời thế chiến thứ hai.

“Tuy nhiên, trong giới “cận thân” của Cựu Hoàng, một số đông không muốn có một thủ tướng cứng rắn như cụ Ngô. Đã có lần cụ Ngô bảo tôi: “- Chú tâu với Ngài

nếu Ngài muốn tôi lên châu Ngài luôn, trước hết Ngài hãy cho phép tôi quét sạch cửa ngõ. Tôi không muốn bọn Việt gian thân Pháp lúc nào cũng lẩn quẩn bên Ngài. “Lời nói quyết liệt của cụ Ngô làm phật ý nhiều người trong giới cận thân của Cựu Hoàng và thúc đẩy sự thành lập một phe phản đối giải pháp Ngô Đình Diệm. Nhóm phản đối Ngô Đình Diệm nói với Cựu Hoàng: “- Ngô Đình Diệm đã ly khai với Ngài một lần ở Huế khi còn là Lại Bộ Thượng Thư. Vì ghen tức với Phạm Quỳnh, Ngô Đình Diệm đã đóng mạnh cửa ra đi, không kể đến tình nghĩa vua tôi. Họ Ngô không phải là bề tôi trung thành của nhà Nguyễn.

“Thay mặt nhóm ủng hộ giải pháp Ngô Đình Diệm, tôi phản công lại: “- Cử chỉ của Ngô Đình Diệm đối với Phạm Quỳnh là một cử chỉ cao quý. Những người dám treo ân từ quan để tỏ rõ thái độ, bỏ hết công danh phú quý đi theo tiếng gọi của lương tâm, đếm trên đầu ngón tay không được mấy người. Một lãnh tụ được cả nước trọng vọng về tính tình trong sạch liêm chính như Ngô Đình Diệm rất hiếm. Bệnh tham nhũng là một thứ ung thư của dân tộc Việt Nam, cần phải có một người cương nghị như họ Ngô mới hòng chữa nổi bệnh này.

“Kể bàn đi, người nói lại, kết cục giải pháp Ngô Đình Diệm không thành hình sau một cuộc đàm phán nảy lửa giữa cụ Ngô, đại diện Cựu Hoàng và cao ủy Bollaert, đại diện nước Pháp trong dinh Norodom bây giờ là dinh Độc Lập.”

21 Đây là một thỏa ước mang chữ ký của cao ủy Pháp Émile Bollaert và thủ tướng Nguyễn Văn Xuân, có sự phê chuẩn của quốc trưởng Bảo Đại, nhưng được phổ biến dưới hình thức một thông cáo chung. Thường gọi là Thông Cáo Chung Vịnh Hạ Long. Theo thỏa ước này thì Pháp công nhận nền độc lập của Việt Nam. Và Việt Nam chấp nhận ở trong Liên Hiệp Pháp. Nền độc lập của Việt Nam chỉ bị giới hạn bởi khuôn khổ của Liên Hiệp Pháp. Việt Nam cam kết tôn trọng các quyền lợi quốc gia của Pháp, tôn trọng các nguyên tắc dân chủ, và sẽ ưu tiên dùng cố vấn và kỹ thuật viên người Pháp cho nhu cầu tổ chức nội bộ và kinh tế của Việt Nam. (Devillers, SDD trang 431-432).

Theo Phụ Đính III nơi trang 576 cuốn *Con Rồng Việt Nam* thì liền sau và dưới chữ ký của thủ tướng Xuân có ghi tên các vị sau đây: Nghiêm Xuân Thiện, Đặng Hữu Chí, Phan Văn Giáo, Nguyễn Khoa Toàn, Đinh Xuân Quảng, Trần Văn Hữu, Lê Văn Hoạch. Nhưng không thấy danh tánh của quốc trưởng Bảo Đại. Nhưng các tài liệu của Pháp Mỹ đều nói Bảo Đại chứng kiến và ký phê chuẩn (contresigner). Những tài liệu nói Bollaert ký với Bảo Đại là sai. Bảo Đại chỉ ký với Tổng Thống Pháp Vincent Auriol thỏa ước Élysée ngày 8-3-1949.

22 Devillers SDD trang 425-427.

23 *The Last of the mandarins: Ngo Dinh Diem of Vietnam* by Anthony Trawick Bouscaren, trang 28.

24 SDD trang 241-242. Cuốn *The Two Vietnams*, xuất bản năm 1963 trước khi ông Diệm bị lật đổ, được sửa chữa, bổ sung và tái bản 2 lần vào những năm 1964 và 1967. Ý này lấy từ lần tái bản thứ 2, năm 1967. Xem nguyên văn đầy đủ trong Ngô

Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê của Minh Võ lần tái bản thứ 2 năm 2002, trang 91-92 và 97.

25 Xin xem “*Lời tuyên bố của chí sĩ Ngô Đình Diệm ngày 16- 6-1949*” được in lại trong tập san “*Con Đường Chính Nghĩa: Độc lập, Dân chủ: Hiệu triệu và diển văn quan trọng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm*”, tập I, do Sở Báo Chí và Thông Tin, Phủ Tổng Thống, năm 1956, trang 221-222.

26 Xem *Struggle For Indochina* của Ellen Hamer trang 275 và *Việc Từng Ngày* của Đoàn Thêm tr. 211.

27 Trong thời gian này ông Diệm có làm một bài thơ gửi gắm tâm tư về sau có người ghi lại. Chúng tôi đã được Giáo Sư Nguyễn Ngọc Phách ở Úc gửi cho cùng với bài họa của cụ Tôn Thất Tuệ ở Montréal, Canada. Xin ghi lại đây để đọc giả thưởng lãm.

Bài thơ ông NĐD làm khi ở Mỹ năm 1953

Nỗi lòng

*Giương đần nửa gánh quẩy sang sông
Hỏi bến: thuyền không lái cũng không
Xe muối nặng nề thương vó ký
Đường mây rộng rãi tiếc chim hồng
Vá trời lấp biển người đâu tá
Bán lợi mua danh chợ vẫn đông
Lần lửa nắng mưa theo cuộc thế
Cắm sào đơi nước thuở nào trong?
Ngô Đình Diệm, Hoa Kỳ 1953*

Bài họa của cụ Tôn Thất Tuệ Montréal, Canada, 2007, nhan đề:

Danh thơm ngời thanh sử

*Sống thác đành theo vận núi sông.
Bao nhiêu tâm huyết hóa thành không.
Tài năng nguyên hiến quê Nam Việt.
Tiết tháo thề dâng giống Lạc Hồng.
Quân tử trung kiên chùng thấy ít,
Tiểu nhân loạn tặc quả rằng đông.
Danh thơm muôn thuở ngời thanh sử,
Hậu thế nghìn sau rõ đục trong.
Tôn Thất Tuệ (Montréal, 2007)*

28 Ngoài ông Ngô Đình Diệm và 6 nhân vật kể trên, trong bữa tiệc còn có sự hiện diện của giám mục Việt Nam Hoàng Văn Đoàn và 3 người Mỹ khác là Bill Costello phóng viên hãng CBS; Ray Newton, một viên chức của ủy ban phụ trách những

người bạn Mỹ; và Edmund S. Gullion, một viên chức bộ Ngoại Giao phụ trách hoạch định chính sách. Chú thích này ghi theo Giáo sư Edward Miller, *Journal of Southeast Asian Studies*, tháng 10-2004

29 Theo ông Cao Xuân Vỹ thì cùng với 2 ông Bửu và Nhu còn có thêm ông Huỳnh Hữu Nghĩa. Và thoát tiên các ông đặt tên đảng là đảng Công Nông. Nhưng sau đó không muốn cái tên đó nhắc nhở đến liên minh Công Nông của Cộng Sản, nên đổi ra là Cần Lao Nhân Vị.

30 Xem *The Enigma of Ngô Đình Diệm*, The Commonwealth September 21, 1962, trang 516-517. Fairbanks cũng cho rằng viễn kiến của Ngô Đình Diệm hơn hẳn của Nehru (Ấn Độ) và Sukarno(Nam Dương), vì ông trên còn hoài nghi, và ông dưới thì cơ hội. Chỉ có tư tưởng của họ Ngô đủ sức đương đầu với thách đố của Cộng Sản.

Phần II

2- Cành đào Xuân Quý Mão

Cách nay hơn một thập kỷ, khi giáo sư Francis X. Winters cho ra cuốn *The Year of the Hare*,¹ ông có nói đến cành đào có đỉnh danh thiếp của “Chủ tịch Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Hồ Chí Minh tặng Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm” được trưng bày tại phòng khánh tiết phủ Tổng Thống, (lúc ấy là dinh Gia Long) trong ngày Tết Quý Mão (1963). Nhiều người đã hết sức ngạc nhiên. Làm sao một sự việc quan trọng như vậy mà cho đến nay mới nghe nói? Chính người viết cũng bán tín bán nghi. Nhưng mới đây, khoảng đầu năm 2006, ông Quách Tòng Đức, nguyên đồng lý văn phòng phủ Tổng Thống, đã xác nhận điều đó với luật sư Lâm Lễ Trinh, trong một cuộc phỏng vấn được đăng trên nhiều báo ở Mỹ. Sau đó cựu nghị sĩ Lê Châu Lộc, lúc ấy còn là tùy viên của Tổng Thống Diệm, cho chúng tôi biết thêm là chính ông đã nhận cành đào đó từ trụ sở Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (ICC). Cành đào rất lớn, nhưng có lẽ vì danh thiếp nhỏ, nên ít người để ý.

Từ ngày hoa đào xuất hiện tại Dinh Tổng Thống cho đến ngày vị Tổng Thống đầu tiên đổ máu đào trong một cuộc đảo chính chỉ có 9 tháng. Nhưng đây là thời gian xảy ra không biết bao nhiêu sự việc liên quan đến hoa đào và máu đào mà cho đến nay vẫn còn bị che phủ dưới những lớp màn bí ẩn.

Người ta đã có thể ví cành đào của ông Hồ với ả đào Diêu Thuyền của Vương Doãn (*Môi son tươi thắm cánh đào xuân*) từng là cái cớ cho Lữ Bố giết cha nuôi là Đổng Trác. Hay nhắc lại mưu sâu của Chu Du xúi Tôn Quyền gả em gái cho Lưu Bị để thừa dịp họ Lưu tới đón dâu giết quách đi. Nhưng mưu người em không qua mắt được người anh là Khổng Minh Gia Cát Lượng. Sự mưu hại không thành. Lưu

Huyền Đức đã không hề hấn gì mà lại được vợ đẹp. Tiếc rằng “nhà Ngô” không có được một Khổng Minh như nhà Thục. Ngô Đình Nhu đã được một tác giả ẩn danh nào đó² so sánh với Khổng Minh, trong một tác phẩm 3 tập, dài cả ngàn trang, không đưa anh em mình thoát ra khỏi cái lưới nhện đã giăng ra. Âu cũng là định mệnh của con người và vận nước.

NHỮNG DỮ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN CÀNH ĐÀO

Chúng tôi thiết nghĩ, cành đào không phải là nguyên nhân chính, càng không phải là nguyên nhân duy nhất dẫn đến cái chết của Tổng Thống Diệm. Chúng tôi cũng không đa nghi đến độ cho rằng ông Hồ, dù nổi tiếng là thâm hiểm, đã cố tình giăng bẫy để gián tiếp giết ông Diệm qua một vài nhà ngoại giao Mỹ và mấy tướng phản bội.

Theo thiển ý, cành đào có thể được coi như cái bắt tay mở đầu một cuộc đối thoại hòng đi tới hiệp thương giữa hai chế độ thù địch. Tiếc rằng đoạn kết lại là máu. Sự liên hệ Hồ – Ngô xem ra có nhiều nguồn gốc sâu xa trong đó phải kể đến xu hướng trung lập nói chung của Ấn Độ trong khối các quốc gia không liên kết và tham vọng trung lập hóa Đông Dương của tướng De Gaulle của Pháp. Lúc ấy đại sứ Ấn Độ ở Sài Gòn đồng thời cũng là chủ tịch Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (ICC) tại Đông Dương. Cho nên đại sứ Ấn Độ Goburdhun và đại sứ Pháp Roger Lalouette là hai người đóng vai chính trong việc bắc cây “cầu Hiền Lương” qua sông Bến Hải.

Giáo Sư Bửu Hội, nhà vật lý nguyên tử nổi danh quốc tế, và là nhà bác học duy nhất của Việt Nam lúc ấy, từng có lúc là cố vấn của Hồ Chí Minh, lại tán thành đường lối chính sách của Tổng Thống Diệm, và đang giữ một chức đại sứ của Cộng Hòa Việt Nam. Biết được tham vọng trung lập hóa Đông Dương của De Gaulle, ông đã tiếp xúc với vị Tổng Thống Pháp, đề nghị để đại sứ Lalouette thu xếp cùng với đại sứ Ấn Độ làm thế nào tạo cơ hội cho trưởng đoàn Ba Lan trong ủy hội Kiểm Soát Đình Chiến là Mieczyslaw Maneli có thể gặp ông Ngô Đình Nhu, bào đệ và là cố vấn chính trị của Tổng Thống Diệm. Xem ra “đồng lõa” với hai vị này còn có đại sứ Ý Giovanni d’Orlandi và đại diện của Vatican tại Việt Nam là Đức Cha Salvatore D’Asta.

Ông Cao Xuân Vỹ, phó thủ lãnh Thanh Niên Cộng Hòa, mà ông Ngô Đình Nhu là thủ lãnh, cho người viết biết: Năm 1962 ông đã được chứng kiến việc ông Nhu tiếp xúc với cựu thủ tướng Pháp Antoine Pinay, lúc ấy là bộ trưởng phủ Tổng Thống, đại diện Tổng Thống De Gaulle về vấn đề này. Đó là dịp Quốc Vương Ma-rốc đăng quang. Tổng Thống Ngô Đình Diệm được mời tham dự. Nhưng Tổng Thống Diệm đã cử ông Ngô Đình Nhu đại diện, và ông Cao Xuân Vỹ tháp tùng ông Nhu. Ông Vỹ nói rằng khi ở Ma-rốc về nước, hai ông có ghé Paris và tại đây ông Nhu đã gặp ông Pinay đại diện Tổng Thống Pháp bàn về đề nghị của Bắc Việt muốn có một cuộc tiếp xúc giữa cấp cao của hai miền. Cuộc tiếp xúc này lúc ấy không được loan báo.

Bình luận gia nổi tiếng Joseph Alsop viết trên tờ New York Herald Tribune ngày 18-9-1963 rằng Tổng Thống Diệm đã từng tiết lộ với ông về việc viên tổng lãnh sự Pháp ở Hà Nội là Jacques de Buzon nhờ đại sứ Lalouette xin phép được vào Sài Gòn “đổi gió”. Tổng Thống đồng ý. Và ông Hồ cũng chấp thuận. Khi Lalouette dẫn Buzon vào gặp Tổng Thống thì Buzon cho biết là lúc đó thái độ của nhà cầm quyền Hà Nội đối với ông Diệm đã có chiều thay đổi. Ông Hồ gọi ông Diệm là người tốt và yêu nước. Lại một điều là ngoài chi tiết nhỏ đó, Buzon không mang một thông điệp nào quan trọng hơn. Phải chăng đây là một cách bắn tiếng hai bên có thể xích lại gần nhau, trước khi có một cử chỉ thân thiện là tặng cành đào chúc Tết?

Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, cháu gọi Tổng Thống Diệm bằng bác ruột trong một chuyến viếng thăm Nam Cali ít lâu trước khi qua đời đã tiết lộ sự việc sau với cựu trung tá Nguyễn Văn Minh, từng là chánh văn phòng của ông Ngô Đình Cần trong 8 năm: Khoảng đầu thập niên 90 thế kỷ trước, Hồng Y có đến thăm một công cán ủy viên của Vua Bửu thì được ông này cho biết chiếc ghế mà Hồng Y ngồi chính là chỗ một cán bộ cao cấp của Hà Nội đã ngồi trước kia để xin ông công cán ủy viên làm môi giới tiếp xúc với Tổng Thống Diệm bàn tính chuyện hai miền Nam Bắc hiệp thương. Tưởng cần thêm rằng vị công cán ủy viên này, mà ông Minh quên (hay chưa muốn tiết lộ?) danh tánh, đã từng tiếp đón và săn sóc ông Diệm trong thời gian ông mới từ Mỹ sang Âu Châu năm 1953.

Cựu trung tá Nguyễn Văn Minh còn cho biết, sau đảo chính tướng Tôn Thất Đính, tổng trưởng Nội Vụ, đã mời ông tới văn phòng chỉ cho xem một đống tài liệu mà tướng Đính bảo là trong đó có những thư từ liên lạc giữa hai bên và là “tang chứng rành rành về việc anh em ông Diệm bán đứng miền Nam cho CS, đâm sau lưng chiến sĩ. Vì vậy mà chúng tôi phải lật ông.”³

Một số giới chức Đệ Nhất Cộng Hòa còn nói đến “tin đồn” về những cuộc gặp gỡ bí mật giữa Ngô Đình Nhu và Phạm Hùng tại Bình Tuy, trong những cuộc đi săn trá hình nào đó.

Theo Stanley Karnow, nhà báo thiên tả, trở thành sử gia nổi tiếng nhờ cuốn *Vietnam a history*, cho biết chính bà Ngô Đình Nhu đã xác nhận những cuộc tiếp xúc giữa hai miền và còn nói bà đã chuẩn bị để gửi hai người con lớn ra Hà Nội, coi như một “cử chỉ huynh đệ”. Karnow đã để hai từ “fraternal gesture” trong ngoặc kép.⁴

Vừa đây trong một cuộc phỏng vấn dành độc quyền cho nhà văn, nhà báo Trần Phong Vũ, ông Nguyễn Văn Ngân, phụ tá đặc biệt của cựu Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã nói, anh em ông Diệm biết trung tá Phạm Ngọc Thảo là điệp viên Cộng Sản nhưng vẫn dùng để phòng hờ có lúc cần liên lạc với đối phương. Người ta còn nhớ trong cuộc đảo chính 1-11-63, chính Phạm Ngọc Thảo đã đến dinh Gia Long định đón ông Diệm. Nhưng khi đến nơi thì ông đã vào Chợ Lớn. Nhiều người còn nói Phạm Ngọc Thảo là gián điệp hai, ba mang nữa. Họ dựa vào 2 sự kiện mâu thuẫn: sau biến cố 30 tháng tư, CS đã tuyên dương Phạm Ngọc Thảo, nhưng vợ con

của ông ta thì lại được Mỹ giúp phương tiện sang định cư ở San Diego County, Nam Cali.

Theo giáo sư Francis X. Winters, liên sau khi được tin ông Diệm đã đầu hàng, ngoại trưởng Dean Rusk đã gửi một điện văn dài nồng nhiệt chúc mừng đại sứ Lodge đã thành công vẻ vang và hối thúc ông Lodge công bố ngay việc ông Diệm tính chuyện bắt tay với Hồ Chí Minh.⁵

Nữ giáo sư khoa sử Marilyn Young, tác giả cuốn *Vietnam War 1945-1990* cho biết trong khi chính quyền Kennedy đang bàn thảo kế hoạch đối phó với tình hình Việt Nam thì được tin ông Nhu đang công nhiên bàn về khả năng trực tiếp thương lượng với Hà Nội. Bà viết: “*Theo Roger Hilsman (phụ tá ngoại trưởng. MV), thì mục đích tối thiểu của Nhu là giảm bớt thật nhiều sự có mặt của cố vấn Mỹ; còn mục tiêu tối đa của ông ta là chấm dứt hoàn toàn sự có mặt của người Mỹ, và biến Nam Việt Nam thành một nước trung lập, hay theo thể chế Ti-tô, nhưng vẫn tách rời khỏi Bắc Việt...*”⁶

Trên đây chỉ là một số tài liệu trong số những bài báo và trang sách đã nói đến toan tính hiệp thương giữa hai miền Nam – Bắc. Chỉ với ngần ấy tài liệu chúng ta cũng có thể xác quyết, quả thực đã có một nỗ lực từ cả hai phía cho mục tiêu này, mặc dù cho đến nay chưa hề có một tài liệu chính thức nào của Đệ Nhất Cộng Hòa, hay của nhà cầm quyền CS được công bố.

TẠI SAO ANH EM ÔNG DIỆM TOAN TÍNH HIỆP THƯƠNG?

Một vài tài liệu khác có thể giúp giải đáp câu hỏi này.

Trong cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*⁷ tác giả Hoàn Linh Đỗ Mậu trích dẫn bức thư của ông Võ Như Nguyễn gửi một người bạn của ông, cũng là bạn của tác giả, là Hoàng Đồng Tiểu. Bức thư đề ngày 24-11-1977. Cuối thư có đoạn thuật lại lời ông Diệm tâm sự với ông Nguyễn:

“... *Vả tôi với chú Nhu có ý dù hai miền Quốc Cộng tranh chấp nhưng đều là máu mủ ruột thịt, phải có biện pháp anh em giải quyết lấy chiến tranh, đỡ tổn hao sinh mạng, tài sản. Rồi bên nào kéo dài, chung quy sẽ bị lệ thuộc vào một cường quốc và đất nước chia rẽ, vì các cường quốc có ý định chia rẽ cả...*”

Trung dẫn lá thư này, ông Đỗ Mậu nhằm tố cáo ông Diệm đã manh nha ý đồ bắt tay với Hồ Chí Minh, coi đó như một cái tội “đâm sau lưng chiến sĩ chống Cộng”.

Nhưng, nhìn vấn đề dưới góc độ khác, người ta sẽ thấy ông Diệm muốn tránh đổ máu chừng nào tốt chừng đó và không muốn để các cường quốc đắc lợi trong cuộc tranh chấp nội bộ.

Tương cũng nên nhắc lại đây lời của *trung tá John Paul Vann*, cố vấn sư đoàn 7 thời ấy đã tố cáo ông Diệm có khẩu lệnh mật cho các tư lệnh Việt Nam tránh các

cuộc hành quân lớn gây thương vong nhiều. Ông Vann cũng như một vài nhà báo và sử gia sau này trung dẫn lời ông Vann, đã hàm ý rằng ông Diệm không muốn đánh CS, chỉ muốn duy trì lực lượng để bảo vệ cái ghế Tổng Thống của ông, hay chỉ muốn đánh cầm chừng, nhì nhằng, kéo dài chiến tranh, hòng tiếp tục nhận tiền viện trợ... Nhưng nếu nhìn lời tố cáo dưới khía cạnh khác, thì rất có thể khi có khẩu lệnh mật đó, anh em ông Diệm đang toan tính nói chuyện với Bắc Việt, và không muốn những cuộc giao tranh lớn làm trở ngại việc thương thuyết.⁸

Trong *Nguyên Sa Hồi Ký* (ấn hành năm 1998), giáo sư Trần Bích Lan, tức nhà thơ Nguyên Sa nổi tiếng với những vần thơ hay đến huyền hoặc lòng người, đã thuật lại chuyện ông và hai giáo sư Nguyễn Văn Phú và Nguyễn Xuân Nghiên đã có dịp nghe Tổng Thống Diệm trả lời một trong 3 câu hỏi của các ông một cách tương tự. Câu hỏi là *tại sao ta không dồn lực lượng đánh một vài trận lớn để giải quyết chiến tranh mau chóng mà cứ đánh cầm chừng nhì nhằng như thế này*. Ông Diệm đã nói đại ý: *Bản chất cái chiến tranh này nó như thế. Mở rộng chỉ chết thêm lính và dân, mà cũng chẳng giải quyết được nhanh*. Ba mươi lăm năm sau, nhìn lại, nhà giáo và nhà thơ của chúng ta đã thấy câu trả lời của ông Diệm không phải ngụy biện như các ông nghĩ lúc trước, mà là những lời tiên đoán thời cuộc rất chính xác.

Chúng tôi nhắc chuyện này theo như những gì còn nhớ về lời phát biểu của nhà giáo Lưu Trung Khảo, là một người thân của nhà thơ Nguyên Sa, trong một dịp ra mắt sách ở Quận Cam năm 1998. Những gì ông Ngô Đình Nhu nói trong một lễ bế mạc lớp học tập về Ấp Chiến Lược khóa XII, ngày 22-6-1963, cũng tương tự như thế: *“Chúng ta là một nước nhỏ bé đứng giữa hai khối. Nếu bên thế giới tự do tăng cường viện trợ cho ta thì thế giới cộng sản cũng sẽ tăng viện trợ cho phía họ. Hai bên cứ tăng cường như vậy sẽ đưa cái mức chiến tranh càng ngày càng lên cao. Và số phận chúng ta rồi mai đây sẽ ra sao?”*⁹

Đã rõ anh em ông Diệm không muốn đánh lớn vì sẽ phải lệ thuộc quá nhiều vào viện trợ Mỹ, và sẽ làm có cho Liên Xô và Trung Cộng nhảy vào xâu xé Việt Nam. Cứ nhìn vào lý thuyết Ấp Chiến Lược, với những chính sách Tam Túc,¹⁰ Tam Giác của ông Nhu thì càng thấy các ông đã chuẩn bị từ trước, để có thoát khỏi sự ràng buộc tai hại của ngoại viện.

TƯ LIỆU CỦA MỘT BÀ “THỦY-CHUNG” VỚI ÔNG DIỆM

Có lẽ người cung cấp nhiều tài liệu nhất về vấn đề này là nữ tiến sĩ Ellen Hammer. Bà là sử gia, nhà báo và học giả sớm nổi tiếng về các vấn đề Việt Nam. Năm 1947, mới ra trường, còn độc thân ở tuổi 25, bà đã có một tác phẩm loại này nhan đề *The Emergence Of Vietnam*. Bà là bạn rất thân với nhà bác học Bửu Hội, và hoàn toàn chia sẻ với ông về việc ủng hộ Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Douglas Pike đã mỉa mai bảo bà trung thành riêng với ông Diệm – *personally loyal to Diem*. Có thể nói là “thủy chung” đến nỗi từ khi ông Diệm chết, bà bỏ hẳn việc viết lách, không màng bày tỏ ý kiến về thời cuộc nữa.¹¹ Nhưng rồi ùng một cái,

năm 1987, 24 năm sau, bà lại cầm bút, chỉ đề bênh vực ông Diệm và chỉ trích chính quyền Kennedy, trong đó có một vài người trong bộ ngoại giao đã dùng những mảnh lời không hay ho gì để cố lật cho bằng được ông Diệm. Đó là cuốn *A Death In November: America In Vietnam, 1963*.¹²

Theo Ellen Hammer thì khi luật sư Mieczyslaw Maneli, trưởng đoàn Ba Lan trong Ủy hội kiểm soát đình chiến từ Hà Nội vào Sài Gòn mùa xuân năm 1963 liền được một số nhà ngoại giao tiếp xúc để đưa đến giới thiệu với ông Ngô Đình Nhu. Trong khi họ đang tìm một dịp may để hai người gặp nhau, thì biến cố Phật Giáo xảy ra. Vì vậy cuối tháng 8 việc đó mới thực hiện được. Họ gặp nhau trong buổi tiếp tân ngoại giao đoàn đầu tiên của tân ngoại trưởng Trương Công Cừu. Ông Cabot Lodge cũng có mặt thành cái đỉnh của buổi lễ. Vì vậy chẳng thấy có dấu hiệu nào bất thường trước sự hiện diện của Maneli, một người Cộng Sản, trong buổi tiếp tân của ngoại trưởng VNCH. Maneli đứng nói chuyện với Đức Cha Asta, đại diện Vatican. Một lát sau ông này quay sang ông Ngô Đình Nhu và giới thiệu Maneli. Lập tức 3 nhà ngoại giao khác cùng tiến về phía họ. Đó là các ông Lalouette, đại sứ Pháp; Goburdhun, đại sứ Ấn, chủ tịch Ủy Hội Quốc Tế; và d'Orlandi, đại sứ Ý.

Hammer thuật lại:

“Ông Nhu nói với Maneli: “Tôi đã nghe các bạn của chúng tôi nói nhiều về ông”... Ông ta tiếp: “Nhân dân Việt Nam có một sự nhạy cảm và không tin cậy chẳng những đối với người Trung Hoa, mà đối với tất cả những nước thực dân hay chiếm đóng. Tất cả.” Maneli tự hỏi, phải chăng ông Nhu có ý nói Hoa Kỳ, và có lẽ ông ta không phải là người duy nhất trong số những nhà ngoại giao nghe chuyện tự hỏi như thế. Rồi ông Nhu lại nói: “Lúc này đây, chúng tôi đang quan tâm tới hòa bình, và chỉ quan tâm tới hòa bình mà thôi. Tôi tin rằng Ủy Hội Quốc Tế có thể và nên đóng một vai trò quan trọng trong việc đem lại hòa bình cho Việt Nam.”

“Maneli trả lời sẵn sàng giữ vai trò tích cực nhất.”...

“Sau đó Maneli nhận được thư mời tới gặp ông Nhu tại dinh Gia Long vào ngày 2-9-63.

“Khi ông Goburdhun đi Hà Nội với tư cách chủ tịch UHQT ông ta thấy chính phủ miền Bắc không có vẻ gì coi cuộc chiến tại miền Nam là lý do để từ chối giao thương với chế độ Sài Gòn. Hồ Chí Minh bảo Goburdhun: “Ngô Đình Diệm là người yêu nước theo cách của ông ta... Hãy bắt tay ông ấy thay tôi, nếu gặp.”

“Đến Hà Nội mùa xuân 1963, Maneli đã chuyển lời của đại sứ Pháp cho Hồ Chí Minh: Ông Diệm sẽ đáp ứng, nếu Hà Nội đi bước trước. Ông ấy muốn làm giảm áp lực của Mỹ. Hà Nội đáp: Cứ để ông ta chứng tỏ thiện chí đi. Ông ta có thể dần dần mở liên lạc buu chính với miền Bắc và nhận than đá của miền Bắc đổi gạo của miền Nam. Miền Bắc sẵn sàng chấp nhận một nền dân chủ kiểu Tây phương ở miền Nam và sẽ không thúc ép phải mau chóng thống nhất.

Sau đó vài tháng ông Hồ đã đưa ra lời kêu gọi công khai về một thỏa hiệp đình chiến.

Hammer viết tiếp:

“Người Bắc nhìn thấy những mối lợi trong việc thương lượng với ông Nhu trong giai đoạn này. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: “Dầu sao ông Nhu chắc chắn có khả năng tư duy một cách lô-gích; ông ta tốt nghiệp đại học École Des Chartes mà.” Maneli hỏi nên làm gì, nếu gặp ông Nhu, thì Đồng nói: “Cứ đến và nghe cho thật kỹ. Có một điều chắc chắn: Người Mỹ phải rời khỏi Việt Nam. Trên căn bản chính trị đó chúng tôi có thể thương lượng về mọi việc. Chúng tôi thực lòng muốn chấm dứt chiến tranh, tái lập hòa bình trên căn bản thực tiễn. Chúng tôi rất thực tiễn.”

Theo Ellen Hammer thì đại sứ Pháp rất lo lắng khi nghe tin sẽ có đảo chính. Ông bảo Maneli rằng chỉ có Ngô Đình Diệm đủ can đảm để làm việc cho hòa bình. Ngoài ra bất cứ kẻ nào lên thay cũng sẽ lệ thuộc hơn vào Mỹ.

Nỗi lo của Lalouette dịu đi khi biết Maneli đã có thể gặp Ngô Đình Nhu đúng hẹn (2-9-63). Nhưng khi biết ông Nhu còn quá dè dặt trong câu chuyện với Maneli, thì lại thất vọng. Dường như ông ta còn sợ Mỹ và tính thối lui trong ý định hiệp thương. Sau này, biết ông Nhu tiết lộ với Cabot Lodge về những cuộc tiếp xúc mà ông ta phủ nhận với Maneli, hay đúng ra không dám minh thị công nhận trước những câu hỏi của Manli, thì Lalouette bảo Maneli: (nguyên văn lời của Hammer) “Nếu ông ta không dứt được những ảo tưởng với người Mỹ, ông ta sẽ tiêu mất. Thực là một lỗi lầm bị thảm.”

Sau này Lalouette đã nói với Hammer rằng thời gian ấy ông ta đã cố thuyết phục Cabot Lodge đừng làm đảo chính. Nhưng không sao lay chuyển được Cabot Lodge, và, lời của Hammer, “Cuối cùng ông ta (Lalouette) bó buộc phải tin rằng người Mỹ này (Lodge) đã được phái tới Việt Nam với mệnh lệnh là phải sớm loại bỏ ông Diệm cho bằng được.”

Về vai trò của Roger Hilsman trong việc loại bỏ ông Diệm, Hammer viết:

“Tại Washington, Roger Hilsman trong giác thư ngày 16-9 đã định nghĩa cái mà ông tin là mục tiêu tối thiểu của ông Nhu, “giảm thiểu rõ rệt sự có mặt của người Mỹ tại những vị trí có ý nghĩa chính trị ở các tỉnh và trong chương trình Ấp Chiến Lược”. Còn mục tiêu tối đa của ông ta là “thương lượng với miền Bắc để ngưng chiến, chấm dứt hoàn toàn sự hiện diện của người Mỹ...” Và đó là lý do Hilsman đưa ra để bác bỏ đường lối hòa hoãn đối với ông Diệm. Nghĩa là quyết phải hạ ông Diệm cho bằng được.

Hammer cho biết, chính sách áp lực với Diệm mà Hilsman đề nghị đã được hội đồng an ninh quốc gia chấp thuận ngày 17-9-63.13

TIẾNG NÓI CỦA VAI CHÍNH

Đến đây, chắc độc giả nóng lòng muốn biết nhân vật chính là Mieczyslaw Maneli đã viết gì về vấn đề này.

Mieczyslaw Maneli, sinh năm 1922, là giáo sư đại học luật Warsaw, năm 1963 được cử làm trưởng đoàn Balan trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (UHQT).

Là một người CS có xu hướng tự do, lại dính líu vào việc liên lạc giữa Sài Gòn và Hà Nội nên năm 1968 đã bị trục xuất khỏi đảng và khỏi nước. Ông đến Nữ Ước dạy về chính trị học.

Trong tác phẩm *The War Of The Vanquished* (cuộc chiến của những kẻ chiến bại),¹⁴ Maneli đã dành nguyên chương 6 (dài 20 trang) để kể chi tiết về vai trò con thoi của mình. Mở đầu chương sách, tác giả đã nói đến dư luận báo chí khắp thế giới xôn xao về việc trưởng đoàn Ba Lan trong UHQT đã trở thành môi giới để ông Diệm bán đứng miền Nam cho CS. Sau khi nhắc lại lời tuyên bố chính thức của nhóm tướng lãnh đảo chính kết án ông Diệm phản quốc qua trung gian tác giả, ông đã nhắc lại làn sóng tố khổ và làm nhục gia đình họ Ngô qua báo chí Sài Gòn những ngày liền sau đảo chính.

Tấm hình bà Ngô Đình Nhu đang thoát y đứng bên cạnh một người ngoại quốc chỉ mặc quần tắm được đưa lên mặt báo.¹⁵ Vì có bằng chứng che nửa mặt người đàn ông nên người ta cứ bảo đó là hình của Maneli. Tác giả đã tốn công cải chính. Nhưng càng cải chính thì lại càng có vẻ gián tiếp xác nhận. Dí dỏm ở chỗ tác giả bảo ông chỉ cải chính lấy lệ, một cách miễn cưỡng. Phải chăng vì ông cũng muốn nổi tiếng với người được ví như Lucretia de Borgia, hay Cleopatre? Nữ ký giả Marguerite Higgins, một người rất mến phục và bênh vực ông Diệm đã đặc biệt chú ý tới tấm hình này. Maneli viết: “Marguerite mê câu chuyện tôi có dính dáng đến cuộc “*giao du thân mật*” (chữ của bà Ngô Đình Nhu, tác giả luật gia đình) này. Cô ấy hỏi tôi nhiều câu hỏi thăm dò. Có lẽ cô ta rất lấy làm tiếc không thể cung cấp cho độc giả Mỹ những nhận xét của cá nhân tôi về sự duyên dáng hấp dẫn của một phu nhân mà nhiều người đàn ông thèm muốn và tranh giành còn hơn cả Cleopatra.”¹⁶

Sau đó Maneli nhắc đến chuyện bịa đặt của tờ Jeune Afrique là ông đã gặp ông Nhu ngày Quốc Khánh của Pháp (14 tháng 7) tại nhà riêng đại sứ Roger Lalouette. Rồi Maneli xác nhận là có gặp ông Nhu hai lần, ngày 25 tháng 8 và mùng 2 tháng 9. Ông cũng khẳng định sáng kiến không phải do ông mà là do nhiều nguồn khác nhau, và được chuẩn bị xếp đặt từ nhiều tháng trước, vào khoảng thời điểm gần trùng nhau. Tác giả có ý nhắc tới bốn tên tuổi trong giới ngoại giao mà bà Ellen Hammer đã nói trên.

(Riêng về cuộc gặp gỡ giữa ông Nhu và Manelli tại dinh Gia Long ngày 2-9-1963, chúng tôi xin mở một dấu ngoặc để thêm một nhân chứng. Giáo sư Tôn Thất Thiện, từng là tùy viên báo chí của phủ Tổng Thống thời Đệ Nhất Cộng Hòa, đã cho người

viết biết qua một điện thư (17-2- 2008) như sau: Cuộc đàm thoại giữa Maneli và ông Ngô Đình Nhu kéo dài trong 3 tiếng. Chính ông Nhu đã bảo ông Thiện “hãy ngồi nghe cho biết”. Ngoài ra trong bức điện thư Giáo Sư Thiện cũng cho biết là chính ông Nhu đã có lần cho báo chí biết ông đã có lần ông tiếp tướng CS Trần Độ ngay tại dinh Gia Long. Và trong dịp tiếp báo chí ngoại quốc này chính giáo sư Thiện đã đóng vai thông dịch viên.)

Đáp lại lời khuyên của mọi người là Maneli nên gặp ông Nhu, Maneli một mực bảo mình thuộc một nước CS không nhìn nhận chế độ Sài Gòn, nên không tiện đi tìm gặp. Nhưng nếu được mời thì sẽ tới.

Đại sứ Ấn Độ khuyên Maneli nên bớt ca tụng Bắc Việt, và hãy cố nói những lời tốt đẹp về miền Nam vào lúc và tại nơi thích hợp. Ông khen khái niệm của ông Nhu về xã hội chủ nghĩa, không phải thứ xã hội chủ nghĩa dựa trên triết lý duy vật, hay thứ xhcn của Trung Cộng, Liên Xô. Nhưng nó là xã hội chủ nghĩa gì thì chẳng rõ. Ông Nhu từng đã có lúc nói, trên thế giới chỉ có ông ta là người xã hội chủ nghĩa đích thực. Phải chăng ông ta được soi sáng và gợi hứng từ khái niệm của người Ấn? Hay đó chỉ là một cách nói mà thôi? Maneli tự hỏi thế. Dầu sao thì khái niệm đó cũng làm cho sự ve vãn trở nên dễ dàng.

Về đại sứ Pháp Lalouette, Maneli viết:

“Ông ấy đã có một kế hoạch dài hạn và nhìn thấy những phương tiện dẫn đến sự thực hiện nó. Kế hoạch đó là mở đối thoại giữa Sài Gòn và Hà Nội và trao đổi tương trưng về văn hóa, kinh tế giữa hai miền. Rồi những hội đàm chính trị sẽ được thực hiện trên nền tảng đó. Căng thẳng, nghi ngờ, thù địch giữa hai chính phủ sẽ giảm bớt và hòa bình có thể được bảo đảm. Một nền hòa bình lâu dài và một cuộc đối thoại chính trị là những điều kiện bất khả vô cho những giải pháp chính trị dài hạn, kể cả sự thống nhất trong hòa bình, bầu cử tự do, và quốc tế kiểm soát. Cần phải bắt đầu bằng bước thứ nhất: tôi sẽ điều khiển những cuộc nói chuyện với Hà Nội. Còn ông ta sẽ duy trì sự tiếp xúc với chính quyền miền Nam về vấn đề này.”

Và sau đây là phản ứng của Hà Nội:

“Lần đầu đến Hà Nội, tôi trình kế hoạch của đại sứ Pháp. Chỉ trong 2 ngày đã có sự đáp ứng. Phạm Văn Đồng nói, đề nghị mà chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra đã lâu và bản tuyên cáo của chính phủ vẫn còn hiệu lực: Đó là chính quyền nhân dân sẵn sàng khởi sự thương thuyết bất cứ lúc nào, bí mật hay công khai. Bộ trưởng Xuân Thủy, theo chỉ thị của chủ tịch và thủ tướng, sẵn sàng trình lên một danh sách những hàng hóa có thể trao đổi giữa hai miền...”

Về lập trường và quan điểm của đại sứ Ấn, cũng như của người Ấn nói chung, Maneli cho là họ đứng hẳn về phía anh em ông Diệm và sẽ rất buồn nếu mất lá bài này.

Theo Maneli, anh em ông Diệm tinh khôn đủ để thỉnh thoảng nhỏ to với đại sứ Goburdhun về một thứ gì đó liên quan đến thái độ “*chống thực dân*”, “*chống đế*

quốc”, “chống Mỹ” và “yêu thích trung lập”. Riêng hai từ trung lập đặc biệt hấp dẫn đối với người Ấn. Vì họ tưởng tượng ra rằng với ông Diệm có thể họ sẽ có thêm một thành viên vào khối Không Liên Kết mà Ấn Độ đang lãnh đạo. Vì vậy người Ấn chẳng những trung thành với chế độ Diệm mà còn sốt sắng bênh vực chống lại người Mỹ. Maneli viết:

“Đại sứ Goburdhun nhận vai trò biện hộ cho ông Nhu, giới thiệu ông ta như một chính khách lỗi lạc với người Mỹ, người Anh, người Pháp và Vatican. Và dĩ nhiên với tôi, để tôi sẽ quảng bá ý kiến đó khắp nơi cho mọi người biết ông Nhu là người tốt nhất và người duy nhất để thương lượng.”

Về những toan tính của người Pháp mà đại sứ Lalouette có nhiệm vụ thực hiện, Maneli viết một cách bóng bẩy:

“Nhưng đại sứ Lalouette thì đang chơi trò này ở một phạm vi rộng lớn hơn nhiều, có thể nói là toàn cầu. Xem ra ông ta muốn cứu chế độ Diệm cho nước Pháp khỏi tay người Mỹ vô tâm. Người Mỹ gạt bỏ món hàng này, thì người Pháp sẽ mua nó với giá hời, cái giá của một cơ sở bị phá sản. Và người Mỹ cư xử như một người vợ không chung thủy; phản bội chồng, nhưng lại quá ghen không muốn để chồng lọt vào tay ai.”

Khi biến cố Phật Giáo xảy ra thì Maneli đang ở Sài Gòn. Ngày 27-6-63 ông báo cáo cho chính phủ Hà Nội và tòa đại sứ Liên Xô: Trong số phe Phật Giáo đấu tranh chống chính phủ Diệm có 2 thành phần: một là những kẻ ủng hộ Mặt Trận Giải Phóng, hai là những kẻ có liên hệ mật thiết với Mỹ. Có lẽ có một số người Mỹ muốn dùng phong trào Phật Giáo đấu tranh lật ông Diệm, để sau này người ta khởi tố cáo Mỹ dàn dựng cú đảo chính.”

Trong một báo cáo khác, tối mật, đề ngày 10-7-63, chỉ gửi cho chính phủ Ba Lan và tòa đại sứ Liên Xô, Maneli lấy làm lạ là Hà Nội và mặt trận Giải Phóng Miền Nam không lợi dụng lúc chế độ Diệm gặp khó khăn này để ra tay. Ông ta suy đoán là ông Hồ muốn để nó sống sót qua cơn ngặt nghèo hầu có thể đi đến một thỏa hiệp với nó sau lưng Mỹ. “Sài Gòn lúc ấy đầy những tin đồn về những Cuộc tiếp xúc mật giữa anh em ông Diệm với ông Hồ. Ở Hà Nội không ai xác nhận những tin này. Nhưng cũng chẳng có ai trả lời câu hỏi của tôi một cách rõ rệt là không có...”

“Tôi hỏi Phạm Văn Đồng và Xuân Thủy, nếu Nhu mời tôi tới nói chuyện, tôi sẽ phải hành động ra sao. Họ trả lời ngay: Hãy tới và lắng nghe cho kỹ.

“Tôi lại hỏi: các ông có muốn tôi chuyên đạt điều gì không? Thì được trả lời: “Tất cả những gì mà ông biết về lập trường của chúng tôi về trao đổi kinh tế, văn hóa, về hòa bình, thống nhất. Có một điều dứt khoát là người Mỹ phải ra đi. Trên căn bản chính trị đó, chúng ta có thể thương thảo về mọi sự.

“Tôi hỏi Phạm Văn Đồng, trước mặt Hồ Chí Minh (ông này ngồi im, như là sợ sệt, và lắng nghe chúng tôi nói), liệu họ có thấy khả năng có một thứ liên bang với

Diệm-Nhu hoặc một thứ chính phủ liên hiệp không. Đồng đáp: Mọi sự đều có thể thương lượng trên cơ sở nền độc lập và chủ quyền tối thượng của dân tộc.”

Cũng trong báo cáo này (10-7-63), Maneli nói hai bên muốn có thể đi tới một thỏa hiệp mà không cò sự tham dự của các đại cường, của Moscow, Washington, và chắc chắn không có sự tham dự của Bắc Kinh.

Về phản ứng của tòa đại sứ Liên Xô, Maneli cho biết tất cả đều cho thấy những kết luận của mình là đúng: “Có lý do để nghi rằng người Việt họ muốn thu xếp riêng với nhau”. Ông đại sứ bảo Maneli thế. Còn phía tòa đại sứ Trung Cộng thì xem ra không biết gì về những cuộc tiếp xúc giữa Hà Nội và Sài Gòn, hoặc giả biết nhưng không chấp nhận.

Và Maneli kết thúc chương sách của ông bằng câu: “Xét về mặt chính trị mà nói thì việc Hà Nội hành động mà không có sự chấp thuận của Bắc Kinh là điều có ý nghĩa nhất.”

KHẢ NĂNG THỰC THI VÀ NHỮNG TRỞ NGẠI

Qua tất cả các thông tin ở trên do nhiều nguồn, từ Karnow với nhà bác học Bửu Hội và bà Ngô Đình Nhu; qua hồng y Nguyễn Văn Thuận với một công cán ủy viên của nhà vua Bì; ký giả Joseph Alsop với tổng lãnh sự Jacques de Buzon; cựu trung tá Nguyễn Văn Minh với đề án Tam Túc trong quốc sách Ấp Chiến Lược của ông Ngô Đình Nhu; cho đến Ellen Hammer và Mieczyslaw Maneli với rất nhiều nhân vật ngoại giao và các nhà lãnh đạo hai miền Nam Bắc... người ta có thể xác quyết: chuyện tiếp xúc bí mật giữa hai miền là có thật và có lý do thực tiễn của nó. Sở dĩ nó chưa đi đến kết quả cụ thể nào, vì người Mỹ đã sớm ra tay.

Có nhiều lý do để người Mỹ hạ ông Diệm. Nhưng những cuộc tiếp xúc này đã là cái cớ thuận tiện nhất. Đề nghị của Roger Hilsman đã được hội đồng an ninh quốc gia Mỹ chấp thuận. Ngoại trưởng Mỹ đã hối thúc đại sứ Cabot Lodge lệnh cho các tướng đảo chính phải công bố ngay lý do đảo chính là anh em ông Diệm bắt tay với Hà Nội. Những chiến sĩ chống cộng hăng say tại miền Nam ngỡ ngàng. Phần đông cũng lên án âm mưu “bán đứng miền Nam cho CS” và “ngang nhiên đâm sau lưng chiến sĩ”. Ông Cabot Lodge được an toàn không bị lộ diện là sát hại lãnh tụ đồng minh, vì đã có cái cớ chính đáng là tội bội phản, cộng thêm với tội “đàn áp Phật Giáo, cho nên Phật tử đứng lên đạp đổ bạo quyền”.

Khi xảy ra đảo chính thì người viết chỉ là một sĩ quan cấp úy đang tu nghiệp tại đài BBC, Luân Đôn. Đã 3 tháng xa nhà, không biết gì về những diễn biến dồn dập trong mấy tháng đó (và 4 tháng sau). Cho nên tâm trạng cũng hoang mang, không biết “tội” của anh em ông Diệm đúng ra ở chỗ nào. Nhưng nghe bài bình luận của đài BBC liền ngay ngày hôm sau đảo chính – lúc ấy tôi có mặt tại phòng vi âm, và được nghe chính người xướng ngôn viên (ông Thạch Xuân Kỳ, nêu tôi nhớ đúng) đọc trực tiếp – thì thấy chính phủ Anh¹⁷ không quên nêu lên những việc ích quốc lợi

dân mà Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã làm trong 9 năm cầm quyền và kết luận: lịch sử sẽ công bình đối với ông.

Những năm gần đây, được đọc lại một số tài liệu lịch sử về các biến cố tại Việt Nam, và theo dõi tình hình thế giới suốt nửa thế kỷ qua, chúng tôi xin có một vài ý kiến riêng sau đây.

Trước hết xin được bỏ qua những nhược điểm và khuyết điểm của ông Diệm, cũng như vấn đề tế nhị gọi là “cuộc khủng hoảng Phật Giáo” và các vấn đề khác. Chỉ xin chú trọng đến riêng vấn đề toan tính hiệp thương với miền Bắc mà thôi.

Nhiều người nêu thắc mắc, không hiểu tại sao, hồi 1955-1956, khi ông Hồ kêu gọi hiệp thương để chuẩn bị tổng tuyển cử theo đúng quy định của hiệp định Genève, thì ông Diệm đã cực lực bác bỏ. Thậm chí năm 1954 thủ tướng Chu Ân Lai của Trung Cộng ngờ ý muốn ông đặt liên lạc ngoại giao với Bắc Kinh ông cũng gạt đi. Đặc biệt hơn nữa khi Khrushchev đề nghị cả hai miền Nam Bắc đều gia nhập Liên Hiệp Quốc năm 1957 ông cũng nhất định không chịu. Mà đến năm 1962, 1963 anh em ông lại tính chuyện hiệp thương. Như vậy có phải là tự mâu thuẫn không? Hay phải chăng đây chỉ là đòn thâu cáy của anh em ông với chính quyền Kennedy, khi chính quyền này đang tìm cách lật ông?

Có thể tạm giải thích mấy thắc trên như sau: Năm 1954, vừa về nước trong hoàn cảnh phe quốc gia gần như bị phá sản, sau chiến thắng Điện Biên của CS. Mọi sự phải trông nhờ vào viện trợ của Mỹ lúc ấy do đảng Cộng Hòa cầm quyền với Tổng Thống Eisenhower và ngoại trưởng John Foster Dulles là hai nhân vật quyết liệt chống Cộng hơn ai hết. Chúng kiến cảnh Trung Cộng chiếm toàn lục địa Trung Hoa (1949), rồi xua quân tràn qua vĩ tuyến 38 ở Triều Tiên (1953), phái tướng sĩ sang giúp Hồ Chí Minh điều khiển quân của Võ Nguyên Giáp chiến thắng ở Điện Biên, khiến nửa Việt Nam rơi hẳn vào tay CS, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ cương quyết hơn bao giờ hết để đối đầu với khối Cộng. Vì vậy muốn có viện trợ Mỹ, không thể lập liên hệ ngoại giao với Trung Cộng được, dù cho Chu Ân Lai có hảo ý chăng nữa.

Còn việc từ chối gia nhập Liên Hiệp Quốc cùng với Bắc Việt là do nguyên tắc một nước Việt Nam bất khả phân mà ông Diệm kiên cường tôn trọng. Có người bảo ông ngoan cố hay cố chấp với nguyên tắc All or Nothing (Tất cả hoặc không có gì) thì có lẽ cũng không quá đáng. Đến như việc không đáp ứng lời kêu gọi, (hay thách đố?) hiệp thương của ông Hồ những năm 1955 và 1956 là vì cái thế của VNCH lúc ấy còn quá yếu so với Bắc Việt. Hiệp thương để tổng tuyển cử lúc ấy là cầm chắc thất bại. Vì vậy ông Diệm đã khôn khéo viện cớ không ký hiệp định Genève để bác bỏ lời kêu gọi hiệp thương. Và Hoa Kỳ lúc ấy cũng tán thành lập trường này.

Còn việc ông Nhu có ý thâu cáy với Mỹ không thì chúng tôi nghĩ là không. Trước hết, đây là chiến lược dài hạn anh em ông đã có ý định áp dụng từ lâu trước khi có vụ Phật Giáo và toan tính hạ ông Diệm của người Mỹ. Và lại, theo Ellen Hammer thì chính ông Nhu đã tiết lộ cho ông Cabot Lodge biết ông đang tính liên lạc với

Bắc Việt để giảm cường độ chiến tranh. Trong khi đó thì ông ấy lại giấu Maneli, hay đúng ra không dám xác nhận rõ rệt, mà chỉ trả lời câu hỏi của Maneli (về những cuộc tiếp xúc mật giữa hai bên) bằng một câu hỏi thoái thác, cũng giống như Phạm Văn Đồng đã dí dỏm hỏi Maneli một câu tương tự: (“Ông có thích, có tin những tin đồn đó không?”). Chính thái độ không dứt khoát của ông Nhu đã làm đại sứ Pháp thất vọng, vì ông này vốn bên vực ông Diệm trước ông Lodge, và cũng nói rõ, với ông Lodge: ông Diệm cần ông Nhu.

Có điều chắc chắn là cả ông Nhu lẫn ông Diệm đều chuẩn bị từ lâu để thoát khỏi sự ràng buộc bởi viện trợ Mỹ, vì các ông hiểu rõ nó sẽ trói chặt các ông, không cho thực hiện những chính sách đường lối chống cộng trong các điều kiện của mình mà các ông xác tín là hữu hiệu hơn phương pháp thuần túy quân sự của Mỹ. Quốc sách “Áp Chiến Lược” với lý thuyết Tam Túc và tự lực tự cường được đem thực hiện từ đầu 1962 là một bằng chứng. Những lời phát biểu của ông Nhu trong các khóa huấn luyện về Áp Chiến Lược ở suối Lò Ô, cũng như lời ông Diệm tâm sự với ông Võ Như Nguyễn được Đỗ Mậu trưng dẫn ở trên là những dấu chỉ khác.

Ngoài ra, tuy rất ghét chủ nghĩa duy vật vô thần trong học thuyết Mác, và những phương pháp hành động tàn bạo dựa trên nguyên lý “cứu cánh biện minh cho phương tiện” mà ông Hồ và đảng của ông ta áp dụng, ông Diệm vẫn có phần nào kính nể, hay ít nhất là nể sợ ông Hồ về phương pháp tuyên truyền hữu hiệu trước quần chúng rằng ông ta chiến đấu chống ngoại xâm, giành độc lập. Mà một trong những điều làm có cho luận điệu tuyên truyền đó có tác dụng tốt, là sự hiện diện càng ngày càng đông của người Mỹ trên lãnh thổ miền Nam Việt Nam (từ vài trăm năm 1955 đến 16 ngàn năm 1963). Hễ cứ có thêm một toán cố vấn đến Sài Gòn, là báo chí khắp thế giới đều biết. Trong khi hẳn là trên miền Bắc cũng có cố vấn Liên Xô và Trung Cộng, nhưng bên ngoài chẳng mấy ai biết, vì họ kín tiếng và giấu kỹ lắm. Vì vậy tuyên truyền Cộng Sản Bắc Việt nói *Mỹ Diệm* thì nghe xuôi tai. Còn nếu có ai nói Nga Hồ thì nghe lại không ổn. Vì vậy muốn chứng minh cho nhân dân toàn quốc rằng miền Nam hoàn toàn độc lập sẽ khó khăn hơn với sự hiện diện càng ngày càng đông của cố vấn Mỹ.

HOÀ-HOÃN, HIỆP-THƯƠNG

MỘT SÁCH-LƯỢC PHI-VŨ-TRANG NHÌN DƯỚI LĂNG-KÍNH Ý-THỨC-HỆ

Dưới lăng kính của chiến tranh ý thức hệ với tính toàn cầu, toàn diện, thường trực của nó, chúng ta thử nhìn lại khối Cộng đã tấn công, xâm lăng, sát nhập các nước Đông Âu và vùng Ba Nhĩ Cán trong và liền sau Thế Chiến II. Cộng sản đã không phải dùng đến chiến tranh quân sự với các đơn vị xâm lăng. Phần lớn họ chỉ dùng các biện pháp phi võ trang. Xâm nhập, thao túng, lũng đoạn, bầu cử gian lận, vi phạm hiệp ước, nói một đảng làm một nẻo. Chính Liên Xô đã xích hóa Trung Hoa Lục Địa bằng sách lược liên minh với Trung Hoa Dân Quốc, hai lần. Đó là nói về

đại thể, còn nếu đi vào chi tiết thì dĩ nhiên không thể tránh những trường hợp cá biệt CS không từ bỏ biện pháp bạo lực.

Rồi cũng dưới lăng kính đó, hãy nhìn lại thế giới tự do đã thắng khối cộng vào giai đoạn cuối cùng ra sao. Khi biết mình không thắng được chiến tranh cục bộ ở Việt Nam bằng vũ lực, vì đã bị sa lầy, và cố bằng mọi cách rút chân khỏi vũng lầy chết người này, Tổng Thống Richard Nixon và ngoại trưởng Henry Kissinger đã dùng chiến thuật “ngoại giao bóng bàn” ở Trung Quốc, dẫn đến những bữa tiệc linh đình do Mao Trạch Đông thết đãi với hàng trăm món sơn hào hải vị, đặc biệt Tàu! Rồi cuối cùng đến Thông Cáo Chung Trung-Mỹ tại Thượng Hải. Với Liên Xô thì hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược (SALT2).

Đến đời Tổng Thống Bush cha thì hội kiến với Gorbachev trên tàu Maxim Gorky ở ngoài khơi dẫn tới cuộc hội kiến vô tiền khoáng hậu giữa Gorbachev và Giáo Hoàng John Paul II, tại thư viện của Vatican. (1-12-1989. Xem bản tin New York Times 2-12-89.) Trong cuộc “chạm trán” hy hữu này, vũ khí duy nhất mà giáo hoàng dùng là chuỗi tràng hạt Mân Côi ông tặng cho Raisa Gorbachev phu nhân.¹⁸ Và trước đó, dưới thời Ronald Reagan, với sự hỗ trợ và cố vấn thiêng liêng của cũng giáo hoàng uy danh lừng lẫy đó, hàng loạt vũ khí thiêng liêng và tinh thần, ngoại giao và kinh tế v.v... đã đưa đến chiến thắng của Công Đoàn Đoàn Kết¹⁹ mà không tốn một viên đạn! Để rồi từ đó tất cả các nước Đông Âu khác sụp đổ và cuối cùng là chính Liên Xô cũng tan rã.

Đặc tính của chiến tranh ý thức hệ là dùng ý tưởng tấn công ý tưởng. Ý tưởng nào mạnh sẽ thắng. Không phải bằng vũ khí mà bằng lời nói, chữ viết và các hình thức biểu hiện ý tưởng khác.

Dưới ánh sáng của những sự kiện lịch sử vừa nêu, nhìn lại dĩ vãng, chúng tôi thấy sách lược đấu tranh mà hai anh em ông Diệm toan tính áp dụng tại Việt Nam trước khi các ông bị giết rất có cơ sở, và đáng lý nó đã phải thành công. Và nếu nó thành công thì miền Nam Việt Nam với danh xưng Việt Nam Cộng Hòa sẽ tồn tại trong một thời gian khá lâu: hoặc có thể thống nhất một cách vinh quang như nước Đức. Bằng không thì tối thiểu cũng tồn tại trong phú cường giống như Nam Hàn hay Đài Loan.

Xin nhìn lại một số dữ kiện cụ thể về tương quan lực lượng giữa hai miền lúc đó để phân tích chi tiết hơn. Phải nhìn nhận, cuộc khủng hoảng Phật Giáo không giải quyết ổn thỏa đã làm suy yếu chế độ miền Nam ít ra là ở thủ đô và một phần nào trên bình diện ngoại giao và uy tín đối với quốc tế. Nhưng tình hình nông thôn và đời sống của tuyệt đại đa số nhân dân miền Nam vẫn ổn định và mạnh hơn hẳn miền Bắc. Vì vậy nếu phải thương thuyết thì ông Diệm vẫn ở thế thượng phong.

Về phía Hà Nội, sau khi thấy hầu hết ²⁰ các cơ sở bí mật ở miền Nam đã bị phá vỡ, tháng 9 năm 1959 Hà Nội đã họp hội nghị bí mật ra nghị quyết số 9 đưa thêm quân vào Nam, rồi lập ra Mặt trận Giải Phóng Miền Nam (20-12-1960) để vót vát uy tín

với quốc tế. Nhưng Quốc Hội miền Nam cũng đã ban hành luật 10/59, mà Nguyễn Văn Linh sợ còn hơn B52 sau này.²¹ Còn tại miền Bắc thì sau thất bại của Cải Cách Ruộng Đất và chiến dịch sửa sai, trong đó không biết bao nhiêu người đã bị chết oan, hoặc bị cho đi tù, hay đi an trí tại những nơi rừng thiêng nước độc, các công cuộc hợp tác hoá nông, công, thương nghiệp cũng đi đến thất bại vì lẽ “cha chung không ai khóc”. Nhân dân vì thế rất đói khổ và bất mãn. Trong hoàn cảnh đó, nếu hiệp thương được với miền Nam để trao đổi than đá lấy gạo thì sẽ giải quyết được những vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị quan trọng.

Một điểm nữa cũng khiến ông Hồ muốn hòa hoãn, ít là tạm thời, với ông Diệm. Nếu ông Diệm muốn giảm áp lực của Mỹ, thì ông Hồ cũng có lý do để muốn giảm áp lực của Trung Cộng. Mặc dù là người CS và là cán bộ cao cấp của Quốc Tế CS, không thể nào thoát hẳn sự chi phối sinh tử của các nước đàn anh, ông ấy vẫn thích bị áp lực của đàn anh Trung Cộng ít chùng nào tốt chùng ấy. Chính vì thế mà lần nào đề nghị của Maneli cũng được các ông Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng chấp thuận và bật đèn xanh cho tự do thương thuyết với ông Nhu. Chỉ có một điều kiện tiên quyết là: Mỹ phải ra đi. Nghĩa là trước tiên ông Diệm phải làm mọi cách để ép Mỹ rút hết cố vấn về nước. Điều này không trái ý ông Diệm. Nhưng thực hiện được thì thiên nan, vạn nan. Nguy hiểm chết người! Hoa đào của ông Hồ tặng đã thành máu đào của hai anh em ông Diệm.

NỘI-DUNG THƯƠNG-THẢO CHƯA RÕ NÉT

Vì cuộc thương lượng chính thức chưa bắt đầu, hai bên cũng không để lại tài liệu nào chính thức liên quan đến các cuộc tiếp xúc mật, cho nên chúng ta không có gì cụ thể để nói về nội dung cuộc thương thuyết. Tuy nhiên theo báo cáo tối mật của Maneli ngày 10-7-63, chỉ gửi cho chính phủ Ba Lan và tòa đại sứ Liên Xô, thì ông ta có đề cập với ông Hồ và Phạm Văn Đồng về khả năng của một chính phủ liên hiệp, và khả năng của một liên bang nào đó, trong đó ông Diệm có thể là phó chủ tịch, và ông Nhu phó thủ tướng.

Cũng nên thêm rằng, về một liên bang nào đó có thể là nội dung của cuộc thương thuyết hay mật đàm, thì, theo tiết lộ của giáo sư Francis X. Winters, quyền đại sứ Trueheart²² trong công điện ngày 25-5-63 gửi về Hoa Thịnh Đốn có tường trình rằng ông Ngô Đình Nhu có nói với ông về một cuộc họp tại Cam Bốt ngày 19 cùng tháng, trong đó cả Hồ Chí Minh lẫn Ngô Đình Nhu đều có đại diện.²³ Phải chăng đây là cuộc họp có bàn tới vấn đề liên bang mà tướng Nguyễn Khánh và John Richardson, trưởng nhiệm sở CIA ở Sài Gòn lúc ấy đã bàn tán với nhau căn cứ vào lời tuyên bố của ông Hồ, khiến ông Nhu muốn liên lạc với Bắc Việt để tìm hiểu về nội dung cụ thể?²⁴

Về vấn đề hiệp thương để đi đến một chính phủ Liên Hiệp với CS, nhiều người sẽ nhắc lại mảnh lối liên hiệp của Hồ Chí Minh hồi 1945-1946, với các ông Nguyễn

Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh v.v... Và phê bình ông Diệm chưa học được bài học lịch sử chua cay đó.

Tuy nhiên chúng tôi có ý nghĩ hơi khác. Sở dĩ hồi 1945 ông Hồ đã có thể dùng chiêu bài liên hiệp như một vũ khí chính trị để chia rẽ, lợi dụng, và phân hóa các đảng đối lập, rồi sau cùng uy hiếp họ, đến nỗi phần đông phải chạy trốn, là vì lúc ấy chưa ai có kinh nghiệm đó. Thử đến lúc ấy các đảng đối lập ở vào thế yếu hơn hẳn Hồ Chí Minh.

Ông này, dưới danh nghĩa chủ tịch mặt trận Việt Minh, đã phồng tay trên được chiến thắng của cuộc khởi nghĩa 19 tháng 8. Sau đó quân của các đảng phái mới từ Hoa Nam và Việt Bắc lục tục kéo về Hà Nội, quá muộn. Còn thời 1962-1963 thanh thế của ông Diệm hơn hẳn ông Hồ. Nếu ông Diệm chịu liên hiệp là liên hiệp trong thế mạnh. Hơn nữa ông Diệm không phải là một chính khách non nớt, không biết rõ đối phương như người ta tưởng. Những gì nhà báo Úc Denis Warner, nổi tiếng về vấn đề Việt Nam, đã viết trong cuốn *The Last Confucian* (NXB Macmillan Company, NY, 1963, chương 5), cho thấy ông Diệm có những nhận xét rất sâu sát về Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông và Che Guevara. Trong khi phân tích chiến lược chiến thuật Mao Trạch Đông, ông Diệm chỉ cho nhà báo Úc trên bản đồ về các trận đánh của Việt Minh thời chống Pháp, rồi từ đó suy ra chiến thuật của CS dùng để đánh phá miền Nam. Rồi ông bảo nhà báo: Chiến thuật của Mao Trạch Đông rất giản dị, nhưng ít người hiểu một cách tường tận, trừ chỉ có hai người là Che Guevara (Cuba) và Hồ Chí Minh. Dĩ nhiên nếu chưa nghiên cứu kỹ về Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Che Guevara và nhiều người khác nữa, thì không thể nào dám đưa ra một nhận xét chắc nịch như vậy.

Vì những lý do trên, theo ý kiến chủ quan của tôi, ***nếu***, vâng, *nếu*, một chữ *nếu* không có trong lịch sử! ***nếu*** anh em ông Diệm không bị chết, và việc hiệp thương giữa hai miền Nam Bắc được thể hiện vào thập niên 60 thế kỷ trước, thì chẳng những Hoa Kỳ đã không phải đổ 2 triệu quân vào Việt Nam khiến hơn 58 ngàn lính Mỹ chết mà Việt Nam cũng tránh được một cuộc chiến tương tàn làm trên 3 triệu tử vong.

KẾT LUẬN

Để kết luận, chúng tôi xin nhắc lại lời nữ sử gia Marilyn Young, sau khi nói về nhận định của phụ tá ngoại trưởng Mỹ Roger Hilsman nêu ở phần đầu bài này. Bà lấy làm tiếc rằng:

“Không có ai trong ban tham mưu của (Tổng Thống) Kennedy đã tự hỏi tại sao điều này²⁵ lại không thể cũng là mục tiêu của Hoa Kỳ.”

Theo thiển kiến, ý của nữ sử gia là anh em ông Diệm đã mở cửa thênh thang cho người Mỹ rút lui khỏi chiến trường Việt Nam trong danh dự một cách an toàn. Nhưng chính quyền Kennedy đã giết người mở cửa rồi đóng sập cửa lại. Kết quả là

12 năm sau phải tự phá cửa mà tháo thân, mang theo 58 ngàn xác chết và “hội chứng Việt Nam”.

Thảm cảnh đó có đáng là một bài học cho những ai còn khur khur ôm lấy quan niệm rằng chỉ có vũ khí hay bạo lực mới thắng được Cộng Sản, hay đã có bom hạch tâm thì đương nhiên bắt bại? Ngày nay, còn hơn 45 năm về trước, những hình thức đấu tranh bất bạo động trong chiến tranh ý thức hệ có thiên hình vạn trạng cần được liên tục nghiên cứu để có thể tùy cơ ứng biến, áp dụng trong những trường hợp thích hợp nhất. Mong rằng các tổ chức đấu tranh cho Dân Chủ Tự Do trong nước cũng như ở hải ngoại sẽ vận dụng thành công những kiến thức có hệ thống về một cuộc chiến ý thức hệ phi vũ trang vẫn còn đang tiếp diễn.

Phụ Chú:

1 *Năm Con Thỏ*, tức Năm Mão, Người Việt ta thường gọi là năm Con Mèo, 1963. Sách do University Georgia Press xuất bản, Athens, 1997, chương đầu, trang 12.

2 Xem *Ngô Đình Nhu*, tác giả FW.09 do Ng. Thị Muôn xuất bản, năm 1990 tại Fresno. (Tập I

3 *Dòng Họ Ngô Đình, Giác Mơ Chưa Đạt*, Nguyễn Văn Minh, NXB Hoàng Nguyên, Nam Cali, 2003, trang 295 và 290.

4 *Vietnam, a history*, Pinguin group, NY, 1991, trang 307 và 308.

5 SDD trang 116.

6 SDD trang 101. Về mục tiêu tối thiểu của ông Nhu mà bà Young nói đây thì chính phái đoàn McNamara-Taylor năm đó cũng báo cáo với tổng thống Mỹ rằng tình hình nông thôn miền Nam ổn định khiến có thể rút 1000 cố vấn vào năm sau (1964). Cho nên chính Tổng Thống Kennedy cũng có ý định đó, chứ không chỉ là ý kiến riêng của ông Nhu. Tiếc rằng việc toan tính rút hay giảm bớt sự hiện diện của Mỹ, dù từ phía nào đều trái với những toan tính mở rộng chiến tranh để bán, tiêu thụ và thử một số vũ khí nào đó của những tay trùm tư bản, đang nắm một siêu quyền lực.

7 SDD, NXB Văn Nghệ, Nam Cali, 1993, trang 1007.

8 Xin xem 1) John M. Newman, *JFK and Vietnam*, NXB A Time Warner Co. 1992, các trang 299, 455. 2) Stanley Karnow, *Vietnam a history*, NXB Viking Pinguin, 1991, trang 276.

9 Xem Nguyễn Văn Minh, SDD trang 292.

10 Tam túc: tự túc về tư tưởng; tự túc về tổ chức và tiếp liệu; tự túc về kỹ thuật.

11 Cựu đại sứ Mỹ tại Việt Nam Frederick Nolting cũng bất mãn về việc ông Diệm bị hạ và bị giết đã xin được từ bỏ mọi chức vụ công quyền ngày 25-2-64.. (Xin xem *From Trust To Tragedy*, Praeger, N. Y. 1988)

12 NXB E. P. Dutton, 1987.

13 Roger Hilsman, phụ tá ngoại trưởng về Đông Nam Á, đã cùng với thứ trưởng Averell Harriman, cố vấn an ninh Michael Forestal và một số nhà báo trẻ ở trong nhóm Diem-Must-Go (Diệm phải xuống) do Harriman lãnh đạo. Vì thế ta thấy Hilsman đã nhân việc ông Nhu tính thương lượng với miền Bắc thuyết phục được hội đồng an ninh quốc gia chấp thuận biện pháp dứt khoát loại bỏ ông Diệm. Trước hết họ chỉ nhắm bắt ông Diệm loại ông bà Nhu. Nhưng ông Diệm không chịu. Chúng tôi đã tóm tắt và trích dẫn những câu quan trọng nhất của nữ tiến sĩ Ellen Hammer liên quan đến việc đệ nhất CHVN toan tính thương lượng với Bắc Việt. Muốn biết đầy đủ chi tiết xin xem *A Death In November* của tác giả, (NXB E. P. Dutton, 1987) từ trang 220 đến 262)

14 Nguyên tác tiếng Ba Lan. Trích dẫn theo bản dịch Anh ngữ của Maria de Gorgey, NXB Harper & Row, San Francisco 1971. Tác giả Mieczyslaw Maneli đã dành cả chương 6 (từ trang 112 đến trang 132) để nói về vấn đề này.

15 Vì bà Nhu là một người đàn bà đẹp – (Tướng Trần Văn Đôn, vai chính trong cuộc đảo chính viết trong *Our Endless War*: “She was an immensely attractive woman, beautiful by everybody’s standard.” – Bà ấy là người đàn bà vô cùng hấp dẫn, ai cũng thấy đẹp.) – lại là “một thứ đệ nhất phu nhân” vì ông anh chồng là tổng thống độc thân, cho nên sau khi chế độ bị lật đổ, những nhà báo muốn câu độc giả bèn cố tạo nên những màn cụp lạc chung quanh bà. Biết đâu tám hình chỉ là hình ghép khéo? Dầu sao thì Maneli cuối cùng cũng tiết lộ đó là hình một cựu đại sứ Ấn Độ, mấy năm trước cũng từng giữ chức chủ tịch UHQT.

Hoàng Trọng Miên, một nhà báo nổi tiếng, em ruột Thanh Nghị, một bộ trưởng trong cái gọi là chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam đã viết hẳn một cuốn tiểu thuyết tràn giang đại hải, lấy bà Nhu, khuê danh Trần Lệ Xuân (mà tác giả gọi vắn tắt là Lệ) làm nhân vật chính cho cuốn *Đệ Nhất Phu Nhân*. (Gần đây, cuốn truyện và tác giả, và những người xuất bản, tái bản nó đã bị Công Tử Hà Đông, tức nhà văn Hoàng Hải Thủy cực lực lên án.) Điều khiến nhiều người ngạc nhiên là trong cuốn truyện hư cấu này đầy rẫy những vụ tình vụng trộm giữa cô Lệ với những tướng lãnh đương quyền được nêu tên thực, mà nó vẫn được tự do xuất bản. Không lẽ những ông tướng ấy không biết để ngăn chặn? Hay biết mà vẫn hãnh diện vì được “dính” với một “Cleopatre Việt Nam?” Cũng như Maneli tự thú mình cải chính một cách miễn cưỡng, vì còn tiếc cái tiếng “ảo” là được “dính” chút đỉnh?

16 SDD trang 114

17 Tuy đài BBC, mà hội đồng thống đốc do Nữ Hoàng bổ nhậm, hoàn toàn độc lập, nhưng các chương trình ngoại ngữ thì lại do bộ ngoại giao chi phối.

18 Chúng tôi không có ý nói Giáo Hoàng đã dùng chuỗi tràng hạt này với chủ đích như một thứ vũ khí thiêng liêng, mặc dù một số người Công Giáo sùng đạo tin Đức Bà Maria đã làm phép lạ cho Liên Xô sụp đổ. Chúng tôi chỉ có ý nhấn mạnh đến đặc điểm là Giáo Hoàng không hề có bất cứ lực lượng quân sự nào, trừ mấy chục người lính canh Thụy Sĩ đứng cho uy nghiêm mà thôi.

19 Uy danh của giáo hoàng John Paul II quả là một nhân tố quan trọng của chiến thắng tại Ba Lan như chính tổng thống Liên Xô Gorbachev đã xác nhận. Nhưng nhân tố quyết định vẫn là nhân dân Ba Lan, trong đó có lực lượng 10 triệu đoàn viên của Công Đoàn Đoàn Kết. Nói đến Công Đoàn Đoàn Kết của Ba Lan do Lech Walesa lãnh đạo, chúng tôi không thể không nghĩ tới Công Đoàn Độc Lập của Việt Nam do Nguyễn Khắc Toàn vừa thành lập, mặc dầu khác nhau một trời một vực về số lượng và uy tín cũng như kinh nghiệm.

Cũng như khi nhắc lại ảnh hưởng lớn lao của vị giáo hoàng người Ba Lan, “quốc trưởng của quốc gia tí hon Vatican”, ở ngoài tổ quốc Ba Lan có 85 % tín hữu Công Giáo, chúng tôi cũng cầu mong sẽ có một vị hoà thượng hay thiền sư người Việt Nam đạo cao đức cả, được đa số trí thức Phật tử hải ngoại kính trọng và tin tưởng, có trụ sở và cơ ngơi ở ngoài quốc, một thứ lãnh thổ “Vatican” nào đó, sẽ gây được uy tín lớn lao nếu không tương đương thì cũng có thể so sánh phần nào với uy tín của giáo hoàng JP2 đối với thế giới đương thời, để ông sẽ về thăm Việt Nam vài lần và gieo vào cộng đồng Phật tử đông đúc trong nước một niềm tin và sức mạnh tinh thần, đồng thời kích thích sự hoạt động kiên trì và dũng cảm của công đoàn mới phôi thai, ngõ hầu sớm đem lại tự do dân chủ đích thực cho Việt Nam.

20 Theo Nguyễn Văn Linh thì 75 phần trăm, theo Văn Tiến Dũng thì 90 phần trăm cán binh CS ở miền Nam đã bị “tiêu diệt”. Hy vọng chiến thắng rất mong manh. Xem *Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước* của Văn Tiến Dũng, chú thích trang 16.

21 Lời Nguyễn Văn Linh nói với nhà báo Neil Sheehan thân Cộng (xem *After the War was Over*, trang 77...).

Theo hồ sơ an ninh của đoàn công tác đặc biệt miền Trung thì có rất nhiều cán bộ cao cấp của CS bí mật hoạt động ở Huế đã bị bắt và tự động rời bỏ hàng ngũ CS để về hợp tác với chính quyền. Trong số đó có cả những tỉnh ủy viên tỉnh Thừa Thiên, thành ủy thành phố Huế. Một số cán bộ CS đã được nêu đích danh như Mười Hương, Lê Chơn, Phan Thị Chanh, ê Thị Hòa, Lê Minh Đạt, Nguyễn Đà, Nguyễn Đình Chơn, Lê Tú và Lê Phước Thương...

Nơi trang 99 cuốn *Dòng Họ Ngô Đình...*, tác giả Nguyễn Văn Minh cho biết: Lê Phước Thương là tỉnh ủy viên tỉnh bộ đảng Thừa Thiên đã bị bắt, được thuyết phục và cảm phục ông Ngô Đình Cần đến độ, sau 1975, vào tù VC, luôn sẵn sàng đánh những ai nói xấu ông Cần, hay Đoàn Công Tác Đặc Biệt. “Người từng chứng kiến những vụ đánh lộn vì lý do đó là Trung Tá Lê Thiện Phước, ở tù chung với Thương...”

Một thủ lãnh Việt Nam Quốc Dân Đảng từng là nạn nhân của chế độ Ngô Đình Diệm kể lại cho người viết: Trong tù CS sau 30 tháng tù ông đã gặp một cựu cán

bộ cao cấp CS hết lời ca ngợi ông Cần là một chính trị gia già giặn. Anh ta cho biết mình đã rời bỏ hàng ngũ CS về hợp tác với chính quyền miền Nam, vì bị chinh phục hoàn toàn bởi thái độ và cử chỉ của ông Cần đối với các cán bộ CS. Ông Cần biết anh ta là cán bộ cao cấp (tinh ủy viên) đang bí mật hoạt động mà không cho lệnh bắt, cứ để vậy theo dõi trong 2 năm. Rồi cho mời anh ta đến để tranh luận về chính nghĩa dân tộc một cách bình đẳng tự do. Sau đó ông ta bảo anh cán bộ: Chúng ta đã nói chuyện với nhau đủ rồi. Bây giờ tôi xin để tùy anh quyết định. Nếu thấy tôi nói đúng thì hãy về hợp tác với chúng tôi. Còn nếu anh thấy không phục, thì tùy anh cứ ra đi tự do. Chúng tôi không bắt giữ anh đâu.

Qua hai câu chuyện này, ta có thể hiểu lý do tại sao chỉ trong vòng 3 năm, từ 1955 đến 1958, như Nguyễn Văn Linh nói với Sheehan, mà cơ sở của VC ở trong Nam đã bị phá đến 75 phần trăm, còn Văn Tiến Dũng thì xác nhận trên giấy trắng mực đen là mất đến trên 90 phần trăm.

22 Lúc ấy đại sứ Frederick Nolting vừa đi nghỉ ở vùng Địa Trung Hải)

23 Winters SDD trang 33.

24 Winters SDD trang 61.

25 Tức mục tiêu tối đa của ông Nhu là “*loại hoàn toàn sự có mặt của Mỹ khỏi Việt Nam để thiết lập một nước trung lập, hay theo kiểu Ti-tô nhưng vẫn biệt lập với Bắc Việt*” (nguyên văn lời của Marilyn Young)

Không chỉ có Marilyn Young lấy làm tiếc một cơ hội bỏ lỡ để Mỹ khởi vương vào một cuộc chiến tranh gây nhiều thương vong mà còn làm mất uy tín của một siêu cường. Nhà báo thiên tả Stanley Karnow, trong cuốn *Vietnam, A History*, (nxb The Viking Press, 3rd Edition, 1991, trang 308), cũng lấy làm tiếc một cơ may có hòa bình bị bỏ lỡ đó, mặc dầu ông viết thêm, “*tuy nhiên cứ như tình hình lúc ấy, khó lòng tránh được chiến tranh.*”

Đọc *Argument without End* (Public Affairs, New York, 1999), thì thấy, một cách đại cương, tác giả chính McNamara, cựu bộ trưởng Quốc Phòng hai thời tổng thống, Kennedy và Johnson và Arthur M. Schlesinger phụ tá Tổng Thống Kennedy, tác giả cuốn *A Thousand Days*, cũng cùng tâm trạng đó.

Trong cuốn *Argument without End*, các tác giả còn cho biết quan điểm của một giới chức cao cấp Việt Cộng ở Hà Nội là Lưu Doãn Huỳnh cũng cho biết quan điểm cá nhân rằng nếu ông Diệm không bị hạ, có thể Mỹ đã không phải tham chiến một cách tai hại như vậy. (Xin xem Sách Đã Dẫn, các trang 113-201)

Phần III



TT Dwight Eisenhower và TT Ngô Đình Diệm



Thi hài TT Ngô Đình Diệm và Ông Nhu trong hòm Thiếc Vân Xa M113

5- Từ vinh quang đến tử nạn¹

Từ 26 tháng 10 đến mùng 2 tháng 11, chỉ có một tuần thôi.² Nhưng là tuần lễ định mệnh đưa một nhân vật lịch sử từ Vinh Quang đến Tử Nạn. Đối với một số người thì tên tuổi, sự nghiệp của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã lên đến tột đỉnh vào một ngày 26 tháng 10, nhưng rồi đã tiêu tan vào một ngày 2 tháng 11. Nhưng với vô vàn người khác cái chết của ông đã làm ông sống mãi với lịch sử nước nhà, sống mãi trong lòng nhân dân khát vọng hòa bình, tự do. Có thể nói cuộc tử nạn của ông đã đưa ông tới đài Vinh Quang bất diệt.

Những ai không có thành kiến hay mặc cảm, và có công tâm để nhìn vào thực tế và so sánh một cách khách quan, những ai còn tha thiết với chủ quyền quốc gia, những ai biết thế nào là tự trọng, thế nào là tiết tháo, những ai đã chứng kiến và không quên sự thanh bình phồn thịnh của miền Nam³ trong thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm cầm quyền, so với sự đói khổ, áp bức mà nhân dân miền Bắc thời ấy

phải chịu dưới ách CS, hay so với một miền Nam ngụp lặn trong rối loạn, chia rẽ, và chiến tranh sau khi ông mất sẽ mãi mãi nhớ ơn và tiếc thương ông.

Cái vinh quang, theo ông, không phải là chức vị tổng thống, dù là tổng thống đầu tiên của Việt Nam. Công trạng của ông không phải chỉ ở chỗ dẹp xong loạn thập nhị sứ quân, đưa quốc gia và quân đội về một mối. Khải hoàn của ông không phải ở chỗ được các yếu nhân Mỹ ca ngợi là anh hùng, là con người thần kỳ, là Churchill của thập kỷ tại Á Châu, là vĩ nhân của thế kỷ 20.⁴ Vinh quang của ông không phải vì được tổng thống đệ nhất siêu cường đích thân ra đón tận phi trường, rồi đọc diễn văn trước lưỡng viện quốc hội, được báo chí Mỹ ca ngợi hết lời, và nhân dân Mỹ hoan hô dọc bên đường phố Nữ Ước, khi ông đứng trên xe mui trần vẫy tay chào họ

Đối với con người đạo đức, dũng cảm, cương trực, thương dân yêu nước như ông, chỉ có hạnh phúc của nhân dân làm ông vui và lấy làm tự hào. Cái hào quang rực rỡ ấy vẫn còn chói sáng. Nhưng, than ôi! Hạnh phúc của nhân dân thì không còn, kể từ ngày ông thăng.

Ông đã không đáp lời mời gọi khẩn thiết của cựu hoàng Bảo Đại ra cứu nước, trong lúc hy vọng cứu nước mong manh như sợi chỉ mảnh trước gió, nếu ông không có một tấm lòng rộng mở hướng về hạnh phúc của nhân dân, nếu ông không vì lợi ích quốc gia, dân tộc, dũng cảm gạt sang một bên niềm ước ao từ bao năm, là được dâng trọn cuộc đời cho Chúa trong một tu viện nào đó.

Nhận lời mời của Bảo Đại, xông vào chôn hiềm nguy, tuyệt vọng, ông tự coi mình lãnh nhận sứ mạng của Trời đem cuộc đời hiến cho tổ quốc. Hiềm nguy, vì lúc ấy, ngoài vị vua đã mất ngôi, và một số ít ỏi đồng chí, xung quanh ông toàn những người chống đối. Họ không muốn ông thành công. Họ cầu ông thất bại để sau khi ông đã liều chết dọn đường, làm cỗ sẵn, họ sẽ đưa người của họ ra thay thế ông. Họ là người Pháp mà đại diện lúc ấy tại Việt Nam là tướng Paul Ely, người ghét cay ghét đắng Ngô Đình Diệm. Họ là người Mỹ mà đại diện lúc ấy là tướng J. Lawton Collins, bạn thân và đại diện của cá nhân tổng thống Eisenhower, không ngừng đưa kiến nghị, hàng chục lần, yêu cầu chính quyền Eisenhower phải bằng mọi cách thay thế ông.⁵ Họ là những nhà thực dân ngoan cố, chỉ muốn Ngô Đình Diệm thất bại và miền Nam Việt Nam nát bậy để uy tín, quyền lợi thực dân còn chút hy vọng tồn tại. Họ là những tay sai của thực dân chỉ muốn ăn sống nuốt tươi con người yêu nước, thanh liêm, cương trực lúc nào cũng đe dọa túi tiền, bổng lộc, chức tước của họ.

Tất cả những loại người đó đã cấu kết với nhau, khuyến khích nhau để tấn công ông từ nhiều phía hầu làm cho ông phải nản chí, ngã lòng.

Tình hình nước nhà lúc ấy đã tuyệt vọng, vì liền sau khi về nước, trong chuyến kinh lý đầu tiên thăm miền Bắc, vị thủ tướng tân cử đã thấy tất cả không còn gì. Mọi người chỉ muốn mau chóng rời bỏ phần đất thân yêu ngàn năm văn vật này. Không còn ai muốn cùng với Ngô Đình Diệm chiến đấu để cứu văn tình thế. Tuyệt vọng

vì chỉ hai tuần sau, sự chia đôi đất nước đã thành hiện thực vô phương đảo ngược. Tuyệt vọng vì ngân khố trống rỗng, quân đội nằm trong tay một tướng lĩnh có quốc tịch Pháp,⁶ sẵn sàng vì quyền lợi mẫu quốc, theo lệnh người Pháp bất tuân lệnh, uy hiếp vị thủ tướng Việt Nam chân ướt chân ráo, vừa về nước.

Nhưng trong tuyệt vọng ông đã đem lại niềm hy vọng. Từ chỗ hiểm nguy, tứ bề thọ địch, ông đã thoát ra an toàn và gieo vào lòng nhân dân niềm tin.

Ông đã thắng tất cả. Collins, bạn thân và đặc sứ của tổng thống Eisenhower đã bị triệu hồi về Mỹ. Ely đã cùng với đoàn quân viễn chinh đứng chào hai lá quốc kỳ Việt, Pháp trước khi hạ quốc kỳ Pháp cuốn rút về nước cùng với tướng tá và đoàn quân bại trận.⁷ Và sự việc đó diễn ra trước sự hiện diện của một Ngô Đình Diệm mà thực dân Pháp căm ghét, nhưng từ nay bó buộc phải nể vì.

Những Bảy (Lê Văn) Viễn, Lai Văn Sang, Nguyễn Văn Hinh, Nguyễn Văn Vỹ... tay sai của thực dân, tất cả đều bị loại.

Và cuối cùng chính cựu hoàng Bảo Đại cũng bị truất phế, mặc dù sự việc xảy ra ngoài ý muốn của Ngô Đình Diệm. Ý dân là ý Trời. Sau này cựu hoàng đã chẳng hề oán trách ông, mà còn bảo đó chỉ là do sức ép của thời cuộc.⁸

Thế mà ngày nay còn nhiều kẻ trách cứ, lên án Ngô Đình Diệm phản bội, không giữ lời thề trung thành với quốc trưởng, trong khi chính quốc trưởng xác nhận trong hồi ký rằng ông chỉ yêu cầu ông Diệm thề trước tượng Chúa là sẽ bảo vệ tổ quốc chống Cộng sản và nếu cần chống cả Pháp.⁹

Nỗi oan này cũng tương tự như lời đồn đại đầy ác ý rằng ông giết cố trung tướng Trình Minh Thế, một người bạn, người đồng chí cùng lý tưởng chống cộng đồng thời chống thực dân của ông, người mà chính bào đệ của ông đã phải đến tận núi Bà Đen để thuyết phục chiêu dụ, người mà lúc ấy ông rất cần đến sự trung thành và lòng dũng cảm trước sức tấn công của kẻ thù, người mà khi được tin tử nạn, ông đã khóc đến ngất xỉu.¹⁰

Cũng giống như nỗi oan đàn áp, “bách hại Phật Giáo”. Người ta đã quên rằng trong 9 năm thời đệ nhất Cộng Hòa số chùa chiền miền Nam đã tăng gấp đôi. Có nơi thờ Phật đã được xây cất do tiền chu cấp của chính phủ.¹¹ Toàn bộ món tiền thưởng giải Magsaysay ông đem tặng hết cho Đức Đạt Lai Lạt Ma.¹² Toàn bộ tham mưu phủ Tổng Thống từ đồng lý, phó đồng lý, chánh văn phòng, chánh võ phòng, bí thư, thư ký, tổng thư ký đều là Phật tử ngoan đạo.¹³ Đó là chưa kể phó tổng thống, đại tướng tổng tham mưu trưởng và nhiều bộ trưởng đều là những Phật tử. Thế mà người ta nhất định bảo ông kỳ thị Phật Giáo, chỉ dùng người nhà và dân Công Giáo!

Người ta đã thổi phồng một lỗi lầm nhỏ bé về hành chánh¹⁴ để kết tội ông bách hại Phật Giáo, tàn sát Phật tử, và gây nên những cái chết của một số nhà sư tự thiêu, mặc dù sát sinh là tội nặng theo giới răn của Đức Phật.

Người ta cũng kết tội ông mưu toan hiệp thương với miền Bắc, bán đứng miền Nam cho Cộng Sản. Quả thực ông đã để cố vấn Ngô Đình Nhu tiếp xúc với Hà Nội¹⁵ để tìm một giải pháp chính trị cho cuộc nội chiến càng ngày càng gay go, đang có nguy cơ quốc tế hóa để trở thành đại chiến. Lúc ấy ông đang ở thể thượng phong. Khác hẳn cái thế yếu kém của chính quyền đệ nhị Cộng Hòa sau này, lúc mà ngay cả đồng minh Hoa Kỳ cũng bị Việt Cộng o ép, làm khó dễ trăm chiều tại bàn hòa đàm.

Về mặt ngoại giao, 81 nước có đại diện ở Sài Gòn. Về mặt an ninh ông đã phá hủy hầu hết các cơ sở hạ tầng của CS để lại miền Nam, như Nguyễn Văn Linh, tổng bí thư Cộng đảng đã thú nhận, và sau này Văn Tiến Dũng còn xác nhận bằng con số cụ thể là tổn thất của CS lên đến 90 phần trăm.¹⁶ Nhiều nhà báo Mỹ chỉ trích ông hạ mật lệnh cho các tướng tá sư đoàn 7 không được mở những trận đánh lớn hòng tiêu diệt Cộng quân.¹⁷ Một số giáo sư Việt trực diện chất vấn ông, sao không mở một trận đánh lớn để dứt điểm mà cứ đánh cầm chừng?¹⁸ Ông đáp, vì không muốn chiến tranh lan rộng khiến các cường quốc hai phe đối địch nhảy vào, chỉ thiệt cho nhân dân mình. Câu trả lời của ông cho thấy một nhãn quan chính trị sâu sắc, mà thực tế đã chứng tỏ đó là một lời tiên tri.

Cành đào có đĩnh danh thiếp của chủ tịch Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Hồ Chí Minh chúc Tết tổng thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm, từ Hà Nội gửi tới qua một thành viên thuộc Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (CIC), được trưng bày tại phòng khánh tiết phủ tổng thống vào dịp xuân Quý Mão (1963) mãi gần đây mới được người có thẩm quyền xác nhận. Nhưng lúc ấy đã là nguyên nhân những tin đồn bất lợi.¹⁹

Khi muốn triệt hạ một đồng minh ương ngạnh không chịu để quân Mỹ vào tốc chiến tốc thắng (theo một chiến lược riêng), lại còn có kế hoạch yêu cầu Mỹ rút dần cố vấn về nước, thì người ta sẽ tìm ra không thiếu bằng có. Nào độc tài gia đình trị, nào đàn áp Phật Giáo, nào bán đứng miền Nam cho Cộng Sản...

Một vài giới chức cao cấp trong bộ ngoại giao Mỹ từ thứ trưởng trở xuống²⁰ đã năng động hăng hái dùng những mảnh lời lươn lẹo đánh lừa cấp trên hòng có được sự chấp thuận bức điện văn bật đèn xanh cho một số tướng lãnh Việt Nam, vì quyền lợi phe phái hay cá nhân làm cuộc đảo chính. Tổng thống đã muốn tránh đổ máu nên sẵn sàng đèn gặp các tướng đảo chính để nếu cần thì được an toàn rút lui. Nhưng họ đã hạ độc thủ, cho thủ hạ giết ông, rồi phao vu là ông tự sát. Chính Tổng Thống Kennedy đã sững sốt, giận dữ, và mất bình tĩnh khi nghe tin này. Nhưng đã quá muộn.

Tổng thống đã chết đi để cho hàng nghìn, hàng vạn người khỏi chết, nhất là những quân sĩ trung thành với ông và thường dân vô tội chết vì bom rơi đạn lạc. Ông đã không chấp thuận đề nghị của tham mưu trưởng Lữ Đoàn Liên Binh phòng vệ phủ tổng thống đưa thiết giáp lên tấn công bộ chỉ huy cuộc đảo chính.²¹

Nhưng hậu quả của cái chết của Tổng Thống không thể lường được. Tình hình miền Nam rối loạn trong hai năm. Gàn chục chính phủ²² đã thay nhau cầm quyền mà không giải quyết được vấn đề an ninh, và các mâu thuẫn phe phái tranh giành quyền lực. Cuối cùng Mỹ đã phải (hay có dịp thực hiện ý đồ từ trước?) đem đại quân vào mà không có một hiệp ước song phương.²³ Điều này đã làm có cho Bắc Việt tuyên truyền rằng Mỹ xâm lăng, và kêu gọi toàn dân kháng chiến chống Mỹ. Hàng loạt trí thức miền Nam ra bưng đi theo Việt Cộng.²⁴ Bộ đội CS thì quyết vào Nam đánh Mỹ.

Cuộc chiến đã xoay sang thế hoàn toàn bất lợi cho miền Nam. Cuộc chiến gần một thập kỷ với cường độ khủng khiếp đã giết hại hơn 3 triệu người. Và miền Nam đã mất vào tay CS. Thêm nửa triệu người nữa chết trong các tù cải tạo và trên đường vượt biển, vượt biên đi tìm tự do, chạy trốn nạn CS.

Đã 45 năm qua, những người còn biết thế nào là ơn nghĩa đã không nguôi lòng tiếc thương một vị tổng thống đã có công giữ được một nửa nước khỏi rơi vào tay CS hồi 1954, có công tiếp đón, định cư gần một triệu đồng bào chạy trốn CS miền Bắc, trong đó không chỉ có gần 800 ngàn giáo dân, mà còn không biết bao nhiêu Phật tử, văn nghệ sĩ, trí thức, quân cán chính của chính quyền Quốc Gia cũ thoát nạn CS, để có được đời sống ổn định, tự do thờ Chúa, cúng Phật, tự do sáng tác, tự do hành xử quyền công dân, và làm ăn phát đạt.

Một lời chót với dân di cư hồi 1954, chúng tôi tin rằng tất cả những người từng di cư từ miền Bắc, hay con cháu họ không bao giờ quên ơn Ngô Đình Diệm, cho dù ông có lỗi lầm gì đi chăng nữa. Nhân vô thập toàn. Thánh nhân còn phạm tội. Có nhà lãnh đạo quốc gia nào dám tự phụ mình không sai phạm? Những người di cư đó, nhất là giới trí thức, là những chứng nhân sẽ lãnh trách nhiệm nói lên sự thật về con người yêu nước Ngô đình Diệm. Dân di cư hồi 1954, cũng như dân tỵ nạn tại Mỹ sau 30 tháng tư năm 1975 dĩ nhiên cũng phải nhớ ơn chính phủ Hoa Kỳ đã tận tình giúp đỡ mình hay cha ông mình trong những thời điểm ấy.

Phụ Chú:

1 Vì không muốn một bài tường niệm quá dài vì những dẫn chứng nên chúng tôi đã đưa phần dẫn chứng xuống chú thích. Những chú thích này sẽ cho thấy tất cả những gì nêu lên trong bài tường niệm không phải là do chủ quan của người viết mà là những sự thực khách quan có cơ sở hoàn toàn.

2 Ngày 26-10-1956 là ngày Quốc Khánh, ngày khai sinh chế độ đệ nhất Cộng Hòa, mà người khai sáng chính là Tổng Thống Ngô Đình Diệm, được coi như ngày Vinh Quang nhất của đời ông. Ngày 2-11-1963, hơn 7 năm sau là ngày Tổng Thống bị tử nạn. Nhóm tướng lãnh đảo chính đã hạ lệnh giết ông, rồi vu cáo là ông tự sát. Cuộc đảo chính bắt đầu vào ngày hôm trước, 1-11-63.

3 Thanh bình, thịnh vượng: Sau khi dẹp tan bọn phiến loạn Bình Xuyên, giải tán các toán vũ trang của các giáo phái và thống nhất quân đội, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã dồn nỗ lực vào việc đem lại an ninh cho đồng bào. Chín năm dưới thời ông là những năm thanh bình, phồn thịnh nhất mà ngay những người cực lực chỉ trích ông cũng phải ghi lại trong tác phẩm của họ. Chỉ xin trích dẫn một vài đoạn để chứng minh.

– **Ông Hồ Sỹ Khuê người chê ông Diệm độc tài, đàn áp Phật Giáo** đã viết trong cuốn *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam* (NXB Văn Nghệ, Nam Cali, 1992, trang 369-370): (Xin xem chương 1, phần I, trước chú thích (58).

Vậy mà, cũng năm 1992 có một cuốn sách khác được xuất bản cũng kịch liệt đả kích ông Diệm. Nhưng tác giả, vì thành kiến hay ghen ghét, đã chằng những phủ nhận hoàn toàn những thành quả về xã hội dân sinh mà ông Diệm đã thực hiện cho nhân dân, họ còn bịa ra rằng, trong thời ông Diệm, *nhân dân miền Nam thực sự sống trong cảnh địa ngục trần gian* (*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*, trang 298). Tuy cuốn sách ghi tác giả là Hoàn Linh (Đỗ Mậu), nhưng ai cũng biết tác giả thực sự là một nhóm người thù ghét ông Diệm, và ghen ghét tập thể người Công Giáo. Họ đã cố tình bịt mắt trước những thực tế không thể phủ nhận, mà chính những người không ưa ông Diệm khác đã phải công nhận.

Đã trưng dẫn ông Hồ Sỹ Khuê, một cây viết chỉ trích kịch liệt ông Diệm, thiết tưởng cũng nên trích vài hàng của một tướng trong số hai tướng chủ chốt của cuộc đảo chính 1-11-63, là Trần Văn Đôn.

– Tướng Trần Văn Đôn (1917-1997) là người miền Nam, sinh tại Pháp. Trong cuốn *Our Endless War* (Cuộc chiến bất tận của chúng tôi, Presido Press 1987), ông cho biết cảm tưởng và nhận xét của mình về ngày quốc khánh 26 tháng 10, năm 1956:

“Đây là những lúc hồ hởi, hân hoan thực sự cho dân Việt Nam chúng tôi. Lần đầu tiên chúng tôi được thấy một lãnh tụ thực sự năng động và được dân mến chuộng. Vào thời gian đó tất cả chúng tôi đứng hàng sau ông Diệm: quân nhân, công chức, và nông dân miệt quê trong các làng xã. Sự ủng hộ này hoàn toàn đến nỗi trong cuộc bầu cử ông đã thắng lớn và ngày 26 tháng 10 năm 1956 nền đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam được tuyên bố thành lập với ông Diệm làm tổng thống, đồng thời một hiến pháp được ban hành và lập tức 52 nước đã công nhận Cộng Hòa Việt Nam.” (SDD tr. 62)

Và ở một đoạn khác:

“Chương trình Ấp Chiến Lược (thực ra là các chương trình dinh điền và khu trù mật, vì đến 1962 mới có quốc sách Ấp Chiến Lược. MV) nhằm bình định thôn quê, và đấu tranh chống tham nhũng, cờ bạc, nghiện hút và mãi dâm là bước đầu được lòng dân mà Tổng Thống Diệm đã làm, khi chế độ của ông mới thành lập.

“Tôi đã có thể thấy qua nhiều cuộc nói chuyện với dân chúng thuộc mọi giai tầng xã hội là những hành động ban đầu của ông Diệm rất được lòng dân. Trong quân đội mọi cấp đều phấn khởi trước tinh thần thống nhất, sau khi dẹp xong các phe phái, và chinh phục được các thành viên thuộc các phái đó đứng vào hàng ngũ chúng tôi.

“Các cuộc kinh lý khắp vùng thôn quê của ông Diệm khiến dân rất thương mến ông. Tại hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi, trước kia từng là cứ điểm của CS, dân làng đã nói với tôi: “Trong 10 năm dưới quyền ông Hồ Chí Minh, ông ta chưa một lần nào đến thăm chúng tôi. Nhưng mới chỉ 10 ngày (sau khi được giải phóng), ông Ngô Đình Diệm đã tới thăm và nghe chúng tôi kể những nỗi khó khăn của chúng tôi.” Dân chúng ở cả thành thị lẫn xóm làng đều biết về ông Diệm và lấy làm thích thú những gì họ được xem thấy.”

Những lời kể trên hoàn toàn trái ngược với những gì mà vài nhà báo Mỹ, trẻ măng, như David Halberstam, Neil Sheehan, hoặc như Stanley Karnow, vì sẵn ác cảm, hay vì nhận xét hơi hợt, đã chê ông Diệm không chịu đi ra ngoài để tiếp xúc với dân, mà chỉ khur khur ngồi trong dinh nghe bọn “nịnh thần” báo cáo.

Tuy trong 2 năm cuối (1962, 1963), cộng quân đã mở một vài cuộc tấn công nhỏ, như ở Ấp Bắc, và cán bộ du kích đã có thể xâm nhập, khủng bố các viên chức chính phủ tại thôn ấp. Nhưng tình hình an ninh vẫn còn tốt đẹp. Các trục lộ giao thông chính vẫn tuyệt đối an toàn. Sau đây là những gì các giới chức Mỹ ở Sài Gòn lúc ấy đã viết về vấn đề này.

–Đại sứ **Frederick Nolting**, trong hồi ký *From Trust to Tragedy* (Praeger, NY, 1988, trang 56) viết:

“By the end of 1962 my family and I could drive to Cap Saint Jacques (Vùng Tàu) or Da Lạt without armed escort” (Khoảng cuối năm 1962, tôi và gia đình tôi đã có thể lái xe đi Vũng Tàu hay Đà Lạt mà không cần hộ thống vũ trang.)

William E. Colby, Giám đốc Trung Ương Tình Báo Mỹ (CIA) đã viết trong tác phẩm *Honorable Men, My Life In The CIA* (NXB Simon & Schuster, NY, 1978) rằng khi còn là trưởng nhiệm sở CIA ở Sài Gòn, cũng khoảng thời gian 1962, vợ con ông (bà Barbara Colby, và cô con gái tên Catherine) đã có thể đi qua đèo Hải Vân giữa Đà Nẵng và Huế, chỉ với một sĩ quan phụ trách nhiệm sở ở phía Bắc VNCH. (SDD trang 179).

Chính nhà báo trẻ **Neil Sheehan** trong cuốn *A bright shining lie* cũng đã thuật lại trường hợp Trung Tá Vann, cố vấn sư đoàn 7 đã một mình lái xe từ Sài Gòn đi Mỹ Tho vào giữa năm 1962. Tuy nhiên vì không muốn công khai nhìn nhận một sự thực là ngay vào năm cuối thời đệ nhất Cộng Hòa tình trạng an ninh cũng rất bảo đảm, nên Neil Sheehan đã vụng về giải thích rằng sở dĩ CS để ông đi bình an là vì họ muốn gây cảm tình với người Mỹ(!). Xin xem SDD, NXB Random, NY, 1988, trang 46).

4 Về những lời khen xin chỉ kể một vài nhân vật nổi bật:

– **William O. Douglas** thẩm phán tối cao pháp viện Mỹ, tác giả cuốn sách nổi tiếng về các nước vùng Đông Nam Á nhan đề *North From Malaya*, nghiên cứu về các nước Miến Điện, Tân Gia Ba, Thái Lan, Ai-Lao và Việt Nam đã từng gặp Ngô Đình Diệm mùa Hè năm 1952, trong một chuyến chu du khắp vùng Á châu. Ông đã ca ngợi ông Diệm là anh hùng, và được nhiều tác giả sau này trong đó có nữ ký giả Marguerite Higgins nhắc lại.

– **Tổng Thống Dwight D. Eisenhower** (1890-1969), theo sử gia John M. Newman, đã gọi Ngô Đình Diệm là con người của phép lạ (hay con người thần kỳ, *A Miracle Man*), Nhiều nhà báo Mỹ Úc, kể cả thiên Cộng, cũng coi việc thủ tướng Ngô Đình

Diệm dẹp tan loạn Bình Xuyên và thống nhất quân đội các giáo phái vào một mối là một phép lạ chính trị, hiếm thấy trong lịch sử. Xin chỉ dẫn chứng tờ báo uy tín bậc nhất của Mỹ là tờ Foreign Affairs. Tác giả William Henderson nhận xét, trước khi Diệm lên cầm quyền Nam Việt Nam xem ra chắc chắn sẽ rơi xuống vực thẳm của nội chiến đẫm máu, rồi sụp đổ. Nhưng chỉ 2 năm sau... một phép lạ chính trị đã xảy ra.

Nếu coi việc nói tiên tri là một phép lạ, thì rất nhiều người, kể cả những người chỉ trích ông cũng đã ca ngợi tài tiên tri của ông Diệm. Tưởng chỉ cần nhắc lại ở đây một vài tên tuổi nổi bật:

– **Bernard Fall** (1926-1967), trong cuốn *The Two Vietnams*, nxb Frederick and Praeger, USA, 1967, trang 241-242, đã trưng dẫn một báo cáo chính trị của người Pháp viết năm 1948 để chứng tỏ một viễn kiến chính trị vô cùng sâu sắc của ông Diệm, như một nhà tiên tri:

(Về lý do đích thực ông Diệm từ chối lời quốc trưởng Bảo Đại mời ông giữ chức thủ tướng vào tháng 5 năm 1949, sau khi quốc trưởng đã ký với tổng thống Pháp hiệp ước Elysée, ngày 8-3-1949, trao độc lập cho Việt Nam):

“Thực ra ông Diệm nghĩ rằng những nhượng bộ của Pháp chưa sâu rộng đủ, để ông dấn thân vào thực hiện. Vẫn trên căn bản “Tất cả hoặc không có gì” (tout ou rien, all or nothing), ông ta lại thôi ủng hộ Bảo Đại và lập tại Nam và Trung Việt một chính đảng nhỏ mang cái tên nói lên chương trình hành động “Phong trào quốc gia quá khích (?) Phong trào kêu gọi kháng chiến chống cả Pháp lẫn Việt Minh, một cố gắng vô vọng vào năm 1949, nhưng như một báo cáo chính trị của Pháp (năm 1948 MV) đã nói rõ:

“Ông Diệm nhắm tổ chức lại và tăng cường lực lượng Công Giáo để đạt được sự đoàn kết thực sự và nền độc lập của Việt Nam. Ngay sau khi đã đủ mạnh ông ta sẽ bắt tay vào việc giao tế với các ngoại cường, nhất là Mỹ, và sẽ xin họ giúp về kinh tế, ngoại giao.

“Còn đối với chúng ta (nước Pháp) thái độ của ông ta là thân hữu vào lúc này, vì nhà cầm quyền Pháp hãy còn có ích cho ông ta. Quan điểm của Diệm là chỉ mong Mỹ can thiệp khi nào đã rõ ràng là Pháp trở nên bất lực trong việc giải quyết chiến cuộc Đông Dương.”

*“Báo cáo đó, 6 năm sau chứng tỏ hoàn toàn là một **lời tiên tri**. Nhưng vào năm 1948, chẳng ai đếm xỉa đến.” (That report was to prove fully prophetic six years later, but, in 1948, it was ignored”(SDD tr. 242)*

– **Stanley Karnow** (1926...), nhà báo trở thành sử gia đã viết trong cuốn *Vietnam a history* nxb Viking Pinguin, 1991 (3rd Edition) trang 231-232):

*“Thâu tóm kinh nghiệm, ông Diệm đã đưa ra một nhận định **tiên tri** vào lúc ấy: “Những người CS sẽ đánh bại chúng ta. Không phải họ mạnh. Mà vì chúng ta yếu. Họ sẽ thắng vì chúng ta bỏ cuộc.”*

Nhân câu trên của Karnow, tưởng cũng nên nhắc lại chính lời của Tổng Thống Diệm đã nói với nhiều người (cũng giống như tổng thống Nixon sau này), rằng phía người quốc gia sẽ thua vì báo chí (phản chiến).

– Ông **Hồ Sỹ Khuê**, người cực lực chỉ trích ông Diệm độc tài và kỳ thị **Phật Giáo**, cũng ít nhất hai lần khen ông Diệm tiên liệu tình hình chính trị như nhà tiên

tri, trong cuốn sách đồ sộ của ông, nhan đề *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt trận Giải Phóng Miền Nam*. Trang 164 ông viết:

“Ông Diệm bảo tôi: ... Thành ra nguy cơ không phải là óc ly khai của người Nam Kỳ. Nguy cơ là Cộng Sản. Pháp là vấn đề giai đoạn, cộng sản mới thực là vấn đề tâm huyết và dài hạn. Pháp thắng hay bại trong cuộc chiến chống Việt Minh vẫn phải đi đến chỗ công nhận Việt Nam Độc Lập. Điều quan trọng là buộc họ trả chủ quyền trong tay chúng ta (trong tay ông Diệm). Lần khác ông thêm: *“Cùng kỳ lý, nếu Pháp không thắng nổi, ta có thể dùng Nam Kỳ làm cứ điểm huy động quân chúng lực tinh để tranh thủ với cộng sản. Giữ được Nam Kỳ là giữ được nước.”* Tôi suy nghĩ nhiều về điều ông Diệm nói đây, và đi đến kết luận: Trong tư tưởng thâm kín của ông, người Nam Kỳ ly khai, người Nam Kỳ thống nhất, không quan trọng bằng việc người Nam Kỳ có chịu chống cộng với ông không. Tinh thần ly khai của người Nam Kỳ có chỗ ông Diệm dùng được để tranh thủ với ông Hồ. Lời trên của ông Diệm tôi xem như một lời tiên tri. Sáu năm sau đó hiệp định Genève đã đưa ông vào hoàn cảnh Nam Bắc phân tranh mới, đúng như ông đã có vẻ tiên liệu sẵn.” Hai chục trang sau, trang 184, ông Hồ Sỹ Khuê lại khen ông Diệm tiên tri lần nữa: *“Ông Diệm quả đã tiên tri là Hoa Kỳ sẽ can thiệp vào Việt Nam”*.

– **Tổng Thống Lyndon Baine Johnson** (1908-1973), khi còn là phó tổng thống, trong một dạ yến tại Sài Gòn, năm 1961, đã ca tụng ông Diệm là Churchill của thập kỷ tại Á Châu. Ai cũng biết thủ tướng Anh Winston Churchill (...) được coi là anh hùng cứu quốc của nước Anh thời đệ nhị thế chiến. Đó không phải là lần đầu ông Johnson gọi ông Diệm như vậy. Sáu năm trước khi còn là lãnh tụ khối đa số thượng viện Mỹ, ông đã nói y như vậy rồi.

– **Thị trưởng New York, Robert Wagner** trong dịp tổng thống Ngô Đình Diệm thăm Mỹ năm 1957, “đã mô tả ông như “một người mà lịch sử sẽ có thể liệt vào hàng vĩ nhân của thế kỷ 20” (xin xem Nguyễn Cao Kỳ, *Twenty Years and Twenty Days*, NXB Stein and Day, NY, 1976, trang 31).

– **Ký giả nổi tiếng Henry Luce** đã viết trong bài xã luận của tuần báo LIFE ngày 2-5-1955, như sau:

“Hết mọi con cháu của Cách Mạng Mỹ, và cả những kẻ thán phục xa xăm sau này phải hết sức vui mừng và hô lên rằng: “Hoan hô Ngô Đình Diệm!” Công việc của Diệm chỉ vừa khởi sự, xem ra khá phức tạp, khó khăn hơn cả sứ mạng của George Washington. Vì ông ta không chỉ có một kẻ thù mà là nhiều kẻ thù: Cộng sản, người Pháp, bọn Bình Xuyên, và các giáo phái... Sức mạnh của Diệm càng lớn mạnh thì càng làm đơn giản công tác ngoại giao của Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Công tác đó là, hay phải là, chỉ đơn giản ủng hộ Diệm hết mình.” (Henry Luce, “*Revolution in VN*”, Life 38, 9 May 1955, trang 3, trích dẫn theo *America’s Miracle Man in Vietnam* của Seth Jabobs, duke University Press, Durham andf LOneon 2004, trang 209.)

5 Tướng Lawton Collins, bạn thân và là đặc sứ của tổng thống Eisenhower tại Sài Gòn lúc ấy đã 12 lần trong 6 tháng nhắc đi nhắc lại đề nghị xin tổng thống hãy thay thế thủ tướng Ngô Đình Diệm bằng bác sĩ Phan Huy Quát, hay bác sĩ Trần Văn Đố. Tướng Paul Ely đại diện tối cao của Pháp tại Việt Nam lúc ấy thường chế diễu những người Mỹ nào còn nghĩ ông Ngô Đình Diệm là một lãnh tụ ái quốc, vì “ông ta chỉ là một bù nhìn tệ hại nhất, không được nhân ân ủng hộ. Cho nên vì lợi ích của

VN và của thế giới, không nên cứu Diệm”. Theo Seth Jacobs, tác giả cuốn *America’s Miracle Man*, thì khi tướng Mỹ Collins hỏi Ely có ủng hộ Quát hay Đỗ không thì được trả lời “ai cũng được, trừ Diệm.” (tr. 199)

6 Tướng Nguyễn Văn Hinh, con cựu thủ tướng Nguyễn Văn Tâm, thường được mệnh danh là con hùm xám Cai Lậy.

Người Quốc gia phần đông không ưa cha con ông. Nhưng họ có thế lực lớn với thực dân Pháp. Đã một thời tướng Hinh dùng đài phát thanh Quân Đội để kịch liệt đả kích thủ tướng Ngô Đình Diệm qua giọng nói đanh thép và truyền cảm của xướng ngôn viên Văn Thiệt. Nhưng sau khi tướng Hinh bị loại và phải chạy sang Pháp, cũng chính xướng ngôn viên này đã sang sảng trên làn sóng điện ca ngời vị thủ tướng chiến thắng.

7 Đầu năm 1956 Tổng Thống Ngô Đình Diệm yêu cầu Pháp rút hết quân. Và ngày 26-4-56 những binh lính Pháp cuối cùng rời Sài Gòn.

8 Nhà báo Phan Thế Trường đã ghi lại trong một cuộc phỏng vấn cựu hoàng Bảo Đại tại Pháp khoảng năm 1992. Trong đó nhà báo đã nêu hai câu hỏi quan trọng liên quan đến việc nhà vua thoái vị, nhường quyền cho Hồ Chí Minh, và việc đức quốc trưởng trao toàn quyền dân sự, quân sự cho ông Ngô Đình Diệm. Tờ Diễn Đàn Phụ Nữ của cố ký giả Chữ Bá Anh, số tháng 9 năm 1992 đã ghi như sau:

“Hỏi: Tại sao Ngài lại trao quyền cho ông Ngô đình Diệm để rồi ông này lật Ngài?

“Vua Bảo Đại cũng trả lời ngay:

“Ông Diệm là người tôi tín nhiệm. Lúc đó thế lực của Pháp đã thất bại. Phía cộng sản đã được Liên Xô tích cực ủng hộ về mọi mặt, nên tôi khuyên ông Diệm nên tìm sự ủng hộ của Mỹ để có thể ngăn chặn (endiguer) sự bành trướng của Cộng Sản. Việc ông ta lật tôi là do sức ép của chính trị. Ông Diệm là Người Yêu Nước. Lúc trao quyền tôi có yêu cầu ông ấy cam kết với tôi hai điều trước bàn thờ Chúa, vì ông ấy rất mộ đạo, là phải giữ vững miền Nam, và nếu không làm được sứ mạng ấy thì phải trao quyền lại cho tôi.

Nhưng rồi ông ta đã chết khi thi hành nhiệm vụ. Dù sao ông ta cũng cố giữ lời cam kết mà không được.”

Xin bạn đọc lưu ý những lời “*Ông Diệm là Người Yêu Nước*”, “*cam kết hai điều trước bàn thờ Chúa, vì ông ấy rất mộ đạo*”, và “*thì ông ta đã chết trong khi thi hành nhiệm vụ*”

Đó là những lời tuyên dương một nhân vật mà Bảo Đại luôn luôn kính trọng.

Nếu có đọc *Con Rồng Việt Nam* (Le Dragon d’Annam) của cựu hoàng thì sẽ thấy ông cũng viết tương tự như vậy, chứ không hề bao giờ có chuyện nhà vua hay hoàng hậu bắt ông Diệm phải quỳ gối trước họ để thề trung thành với nhà vua, như những người cố tình xuyên tạc lịch sử cỡ Đỗ Mậu hay những kẻ đứng sau ông này đã viết. Để đánh tan sự nghi ngờ của những ai còn bị luận điệu của ông Đỗ Mậu trong cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* làm mê hoặc, xin mời đọc một đoạn văn trong cuốn hồi ký của cựu hoàng *Con Rồng Việt Nam*, trang 515: Xem chương 1 phần I, trước số chú thích 31.

Cho đến nay thì đã rõ là ông Diệm không chủ tâm lật ông Bảo Đại. Ông đã bị đứng trước một sự việc đã rồi do 18 đảng phái chính trị lúc ấy họp nhau lại tại dinh Độc Lập để trả lời câu hỏi của thủ tướng Diệm là có nên sang Pháp theo lệnh của quốc trưởng hay không. Trong lúc ông Diệm lui vào thư phòng để cho mọi người tự do thảo luận và cho ông một lời khuyên, thì 18 đoàn thể này đã thành lập một hội đồng cách mạng để đồng thanh hạ bệ Bảo Đại. Khi ông Diệm được mời ra để nghe ý kiến của họ, thì ông đã vô cùng ngạc nhiên và lúng túng. Ảnh của quốc trưởng treo trên tường đã bị giật xuống.

Sau đó tướng Nguyễn Văn Võ theo lệnh quốc trưởng đem quân sĩ dưới quyền đến định áp đảo vị thủ tướng, bắt ông trao lại binh quyền từ tay đại tướng Lê Văn Ty, liền bị một thành viên của hội đồng nhân dân cách mạng (ông Nhị Lang) tức vũ khí và đe dọa tính mạng, nếu không nhờ ông Diệm che chở, tướng Võ đã có thể bị bắn tại chỗ.

9 Xin xem chú thích 8.

10 Tướng Trình Minh Thế thuộc lực lượng Cao Đài Liên Minh. Ông chủ trương giống ông Ngô Đình Diệm, vừa chống Pháp vừa chống Cộng. Ông Diệm đã phái em ruột là ông Ngô Đình Nhu lên tận bản doanh của tướng Thế để thuyết phục ông về hợp tác với chính phủ. Chính luật sư Đinh Thạch Bích từng là phụ tá của tướng Thế cho biết ông đã chứng kiến cuộc gặp gỡ này, và thấy việc thuyết phục của ông Nhu khá khó khăn, nhưng cuối cùng đã thành công. Ông Bích cũng được chứng kiến việc ông Diệm ngắt sủi khi được tin tướng Thế bị giết trong khi chỉ huy liên quân đánh Bình Xuyên. Tướng Edward Lansdale, trong hồi ký cũng ghi lại sự việc ông Diệm vô cùng xúc động, khi nghe tin tướng Thế bị giết. Lansdale viết rằng đó là lần duy nhất ông thấy ông Diệm biểu lộ tình cảm, xúc động đến thế.

Gần đây (tháng 8-2006) bà Trình Minh Thế và người con trai có phát biểu trên đài Tiếng Nói Việt Nam Hải Ngoại tố cáo ông Diệm đã giết chồng bà, làm mọi người ngạc nhiên và tự hỏi: Tại sao cho đến nay bà mới lên tiếng và vì mục đích gì, do động cơ nào? Ít ngày sau, luật sư Đinh Thạch Bích đã lên tiếng đưa ra quan điểm của ông. Theo luật sư Bích thì lúc ấy ông Diệm đang rất cần tướng Thế, và rất quý mến ông. Không thể nghĩ rằng chính ông lại muốn giết ông Thế.

Tờ nguyệt san Diễn Đàn Phụ Nữ số 144 (tháng 3 năm 1996, cách nay hơn 10 năm), đã loan tin là trong cuốn sách của thiếu tá Savani, nguyên trưởng Phòng Nhì (Tinh Báo) Pháp thời chiến tranh Đông Dương mới xuất bản đã cho biết, một gián điệp của Pháp đã bắn lén để sát hại tướng Thế mục đích nhằm trả thù cho tướng Chanson mà người của tướng Thế đã tung lựu đạn để giết cùng với ông Thái Lập Thành ngày 31-7-1951. (Xin xem ĐĐPN số 144, trang 24)

11 Chỉ xin nêu cụ thể trường hợp hai chùa lớn nhất là chùa Xá Lợi và chùa Vĩnh Nghiêm. Chính phủ đã cấp 2 triệu đồng (lúc ấy giá hối đoái chính thức một Mỹ Kim chỉ có 35 đồng bạc VN) để trao cho ông Mai Thọ Truyền lo việc xây cất chùa Xá Lợi. Còn chùa Vĩnh Nghiêm được xây sau khi tổng thống đã mất. Nhưng khu đất trên đó xây chùa thì đã được Tổng Thống Diệm chấp thuận bán cho nhà chùa với giá tương trưng một đồng bạc. Hai việc này các ông Huỳnh Văn Lang và Nguyễn

Văn Minh đã đưa bằng chứng và nhân chứng trong các hồi ký của các ông. (Xin xem *Dòng Họ Ngô Đình và giấc mơ chưa đạt*, tr. 145-146.)

Trong thời gian xảy ra vụ Phật Giáo từ tháng 5-1963, các ông Quách Tông Đức, Nguyễn Thành Cung, Võ Văn Hải, và Trần Sử toàn là những Phật tử thuần thành trong bộ tham mưu của Tổng Thống đã đến gặp ông để xin ông cho phép công bố những món tiền và công việc chính phủ đã làm để chân hưng và mở mang Đạo Phật. Nhưng, theo ông Lê Châu Lộc, lúc ấy có mặt bên cạnh Tổng Thống, Tổng Thống đã không đồng ý. Ông nói việc trùng tu, giúp các tôn giáo mở mang là bổn phận của ông, không nên kể công.

Cũng nên thêm rằng ngay khi ông Diệm còn là Thủ Tướng, ngày 17-5-1956 (mùng 8 tháng 4 Âm Lịch) đại lễ Phật Đản đã được tổ chức long trọng trước đó chưa hề có.

Theo ông Đoàn Thêm, một Phật tử, đã có tới vài chục ngàn người rước ngọc Xá Lợi qua các đường phố Sài Gòn. Và một năm sau, ngày 12-8-1957 tại Chùa Ấn Quang đã có hơn 100 vị sư học xong khóa huấn luyện 3 tháng và được phái đi các tỉnh giảng dạy Phật Pháp.

12 Về chuyện này, khá dài dòng. Chúng tôi đã ghi lại trong phần phụ lục 3 cuốn *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê*, lần xuất bản thứ 3, trang 350-352. Trong 2 lần in trước không có phụ lục 3 này.

13 Đồng lý văn phòng: ông Quách Tông Đức; Phó đồng lý văn phòng: ông Đoàn Thêm; Chánh Văn Phòng: ông Võ Văn Hải; Chánh võ phòng: trung tá Cao Văn Viên (tham mưu biệt bộ, sau này là tư lệnh Nhảy Dù, và là tổng tham mưu trưởng thời Đệ Nhị Cộng Hòa); Tổng thư ký: ông Nguyễn Thành Cung; bí thư: ông Trần Sử. Nghĩa là toàn bộ bộ tham mưu của Tổng Thống Diệm đều là Phật tử.

Có thể kể thêm vài ví dụ nữa: Phó tổng thống: ông Nguyễn Ngọc Thơ, tổng tham mưu trưởng: Đại tướng Lê Văn Ty, tổng trấn Sài Gòn Gia Định: Thiếu tướng Tôn Thất Đính; Bộ trưởng Phủ Tổng Thống, kiêm bộ trưởng phụ tá Quốc Phòng (mà chính Tổng Thống là bộ trưởng): ông Nguyễn Đình Thuần; bộ trưởng Ngoại Giao: luật sư thạc sĩ Vũ Văn Mẫu. Bên lập pháp: 75 trong số 123 dân biểu Quốc Hội là Phật tử. Về Công Giáo, trong 19 tướng lãnh quyền hành nhất, thì chỉ có 3 là Công Giáo, v.v...

14 Đó là công điện số 9159, ngày 6-5-1963 của văn phòng phủ Tổng Thống chuyên chỉ thị của Tổng Thống về việc treo quốc kỳ và cờ của tất cả các tôn giáo. Đáng lẽ đã phải được gửi đi từ hai tháng trước, nhưng lại để gần đến ngày Phật Đản mới gửi đi. Sự chậm trễ này là do một giới chức trong phủ Tổng Thống thi hành lệnh Tổng Thống chậm trễ, và vì thế đã gây hiểu lầm là Tổng Thống chỉ cấm treo cờ Phật Giáo trong dịp Lễ Phật Đản.

Sở dĩ chỉ vì một lỗi lầm nhỏ về hành chính liên quan đến vấn đề treo cờ các tôn giáo mà có thể bùng nổ một cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng đưa đến sự sụp đổ một chế độ, và một vị tổng thống bị thảm sát, là vì đã có sẵn một âm mưu chính trị do một nhà sư đầy mưu trí và tham vọng chính trị.

Cho đến khi miền Nam mất vào tay Cộng Sản, thì nhiều người đã nhìn rõ điều đó. Một nhân vật người Anh, trong phái đoàn của Sir Robert Thompson là Dennis J. Duncanson đã viết trong cuốn *Government and revolution in Vietnam* (Oxford University Press, 1968) về thượng tọa Thích Trí Quang và cảm nghĩ của ông Ngô Đình Nhu về vị sự này như sau:

“Ông Ngô Đình Nhu đã từng cho rằng thượng tọa Thích Trí Quang cố tình dàn dựng nên cuộc khủng hoảng Phật Giáo để giúp Việt cộng. Lúc ấy các nhà quan sát Tây Phương nói chung, thích nhìn thấy trong các hành động của nhà sư này chỉ có một sự sùng đạo mà thôi. Nhưng vị thế nổi bật của nhà sư trong những vụ xáo trộn còn nghiêm trọng hơn vào năm 1964, khi các yêu sách của Phật tử về các vấn đề tôn giáo đã được thỏa mãn, đã khiến nhiều người ngoại quốc cuối cùng quay lại đồng ý với ông Nhu...”

Gần 20 năm sau, Tổng Thống Mỹ Richard M Nixon đã thấy rõ hơn và khẳng định trong tác phẩm nổi tiếng của ông *No More Vietnams* (ấn bản 1985 trang 10 và trang 65):

“Vấn đề đàn áp tôn giáo là hoàn toàn bịa đặt... Trong đầu của những kẻ đứng đằng sau cuộc khủng hoảng là chính trị chứ không phải tôn giáo.”

Cựu hoàng Bảo Đại cũng viết trong hồi ký chính trị *Le Dragon d'Annam* (Con Rồng Việt Nam, bản Việt ngữ, Nguyễn Phước Tộc, Cali, 1990, trang 543 và 545):

“Tất cả đang tiến tới thì chính phủ (Ngô Đình Diệm) gặp phải sự chống đối của các nhà sư. Ông Diệm và Nhu là người Công Giáo. Các nhà sư được CS giật giây và mật vụ Mỹ tiếp tay, liền bắt đầu hành động. Chính quyền phải đối phó lại. Vô hình chung như mang mặc cảm kỳ thị tôn giáo... Ai đã xúc giục họ gây loạn, ai? Họ ở đâu tới? Làm sao biết được họ từ Hà Nội vào, hay từ Bắc Kinh tới?...”

Những ý kiến trên của các ông Ngô Đình Nhu, Duncanson, Nixon, Bảo Đại được làm sáng tỏ và xác nhận một cách không còn thể nghi ngờ, bởi những hàng sau đây của ông Nguyễn Cao Kỳ, một Phật tử gốc, một trong những tướng lãnh làm đảo chính lật Tổng Thống Diệm:

*“Thích Trí Quang tướng Cabot Lodge còn giữ cảm tình với mình như cuối năm 1963 nên có lần ông ta đến ngõ ý với ông đại sứ Mỹ muốn lật tôi, thì bị Cabot Lodge hỏi: “Nhưng giả thử như thượng tọa lật được tướng Kỳ rồi thượng tọa sẽ đặt ai làm thủ tướng thay ông ta? Trí Quang ngồi im một lúc, suy nghĩ lung lăm. Rồi đưa ra một lời nhận xét khiến ông Lodge bàng hoàng: “Chúng tôi sẽ sẵn sàng đặt ông ta ngồi lại ghế thủ tướng.” (Xin xem Nguyễn Cao Kỳ, *Twenty Years Twenty Days*, Stein and Day, NY, 1976, trang 87)*

Đã rõ tham vọng và mục tiêu đấu tranh của nhà sư là làm quốc trưởng, có toàn quyền bổ nhiệm thủ tướng, chứ không phải bảo vệ đạo Phật. Những cuộc tự thiêu có dàn dựng xếp đặt trước và được thông báo cho báo chí ngoại quốc trước để chụp hình quay phim làm chứng liệu đã kích chính quyền, và bao nhiêu mưu chước tinh vi khác, càng chứng tỏ không phải phát xuất từ lòng mộ đạo từ bi và hiếu sinh của Đức Phật.

Sau khi CS chiếm toàn miền Nam, và đàn áp Phật Giáo, bắt giam những nhà lãnh đạo Phật Giáo, nhà sư muốn làm quốc trưởng ấy không hề lên tiếng hay có hành động gì phản đối nhà cầm quyền.

Những sinh viên, Phật tử và một số nhà trí thức từng đi theo thượng tọa Thích Trí Quang nghĩ gì trước thái độ đó của ông ta? Thiết nghĩ, nên lấy công tâm và đạo đức của Đức Phật để nói lên sự thực hầu giải tỏa nỗi oan của ông Ngô Đình Diệm trước quần chúng Phật tử. Làm được điều đó sẽ giúp tạo sự đoàn kết rộng rãi trong nhân dân hầu chiến thắng Cộng Sản.

15 Việc những cuộc tiếp xúc công khai cũng như bí mật của ông Ngô Đình Nhu với phía bên kia xin xem phần II soạn phẩm này.

16 Nhà báo Neil Sheehan, tác giả cuốn sách nổi tiếng *A Bright Shining Lie*, (về nhà báo này và tác phẩm nổi tiếng nói trên, xin xem *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê*, chương 20) sau một chuyến viếng thăm Việt Nam vào năm 1989, đã viết cuốn *After The War Was Over*, dày 130 trang, nói tốt đủ điều cho chế độ Hà Nội. Nơi trang 77 ông đã thuật lại lời nguyên tổng bí thư Nguyễn Văn Linh thú nhận là thời đệ nhất Cộng Hòa số cán binh CS để lại ở miền Nam là 10,000 người thì đã bị mất đi 75%. Nguyễn Văn Linh đã giấu bớt một phần sự thật với nhà báo Mỹ. Vì theo đại tướng VC Văn Tiến Dũng, trong cuốn *Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước*, (phần cước chú, trang 16) thì sự thiệt hại không phải chỉ có 7,500 người (75%) mà chỉ trong vòng 3 năm 1955-1958, nó đã lên đến trên 90%. Ông tướng này còn ghi rõ con số là từ 60,000 chỉ còn lại 5000. Xem vậy đủ biết chính sách chiêu hồi và các chiến dịch tổ cộng phi vũ trang đã thành công hơn bom đạn của Mỹ và đệ nhị Cộng Hòa, những năm sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã bị lật đổ. Những con số 75% và trên 90% này không phải do chúng tôi bịa ra, hay lấy từ những nguồn tin bạn, hay từ văn khố đệ nhất Cộng Hòa, mà là những con số cụ thể từ chính những nhà lãnh đạo CS. Nhất là từ cuốn sách của Văn Tiến Dũng đã xuất bản.

17 Ít nhất có một số sử gia và ký giả Mỹ nói đến việc Tổng Thống Diệm không muốn đánh mạnh, vì gây thương vong. Trong số đó phải kể đến Stanley Karnow, (Xin xem *Vietnam, a history*, trang 276), Neil Sheehan, Trung Tá John Paul Vann, và sử gia John M. Newman (Xem *JFK and Vietnam* của Newman, trang 289 và 299): Nơi trang 299 này có câu, nguyên văn: “*Vann discovered Diem had issued a secret verbal order to his commanders not to conduct offensive operations that resulted in serious casualties.*” (Trung tá Vann khám phá ra rằng ông Diệm đã ban khẩu lệnh mật bảo các tư lệnh không được mở những cuộc hành quân tấn công gây thương vong nặng.)

18 Trong một bài báo giáo sư Trần Bích Lan, tức nhà thơ Nguyên Sa có thuật lại rằng ông, giáo sư Nguyễn Văn Phú và giáo sư Nguyễn Xuân Nghiên đã hỏi Tổng Thống Diệm câu này và được trả lời là, nếu đánh lớn, chiến tranh sẽ lan rộng và các cường quốc sẽ nhảy vào, đất nước sẽ tang hoang... Giáo sư Lan về sau đã nhận rằng câu nói của ông Diệm là đúng. Trong thâm tâm Tổng Thống Diệm chỉ muốn đánh CS bằng phương tiện hiện hữu, nhất là bằng các chiến lược, sách lược đấu tranh chính trị, chiêu hồi, thuyết phục, tuyên truyền v.v... không muốn để Mỹ đem quân

vào. Thực tế lịch sử những năm sau đã chứng minh ông có viên kiến chính trị sâu sắc.

19 Gần đây (trong năm 2006), luật sư Lâm Lễ Trinh đã cho đăng tải nội dung cuộc mạn đàm của ông với ông Quách Tòng Đức, nguyên đồng lý văn phòng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, trong đó ông Đức đã xác nhận chuyện càn đào có dính danh thiếp của ông Hồ Chí Minh chúc Tết (Quý Mão) Tổng Thống Diệm là có thực. Ông Lê Châu Lộc, lúc ấy là tùy viên của Tổng Thống, sau là nghị sĩ thời Đệ Nhị Cộng Hòa cũng xác nhận với người viết là chính ông đã đi nhận càn đào đó ở trụ sở Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến.

20 Đáng kể nhất là hai ông Averell Harriman, thứ trưởng ngoại giao, và Rogers Hilsman, phụ tá ngoại trưởng, được sự tiếp tay của ông Forestall, cố vấn an ninh.

21 Lúc ấy Trung tá Nguyễn Ngọc Khôi, tư lệnh lữ đoàn đã bị các tướng đảo chính giữ tại bộ tổng tham mưu. Nên thiếu tá Nguyễn Hữu Duệ (sau này là đại tá, tỉnh trưởng Thừa Thiên, thời đệ nhị CH), nắm quyền tư lệnh đã xin Tổng Thống đưa xe tăng, thiết giáp lên đánh úp bộ chỉ huy đảo chính đóng tại bộ tổng tham mưu. Nhưng, theo đại tá Duệ, Tổng Thống không chấp thuận..

22 Chỉ xin kể những lần đảo chính, chỉnh lý và thay đổi chính phủ mà tôi còn nhớ:

– Đảo chính Dương Văn Minh 1-11-1963.

– Chính lý Nguyễn Khánh 30-1-1964.

– Sau đó là những xáo trộn, xuống đường biểu tình do cái gọi là Hiến Chương Vũng Tàu, những cuộc đánh phá nhau giữa một số Phật tử và dân Công Giáo di cư.

– Cuộc đảo chính của các tướng Dương Văn Đức và Lâm Văn Phát.

– Cuộc nổi dậy của lực lượng đặc biệt người Thượng.

– Chính phủ dân sự ra đời với sự lãnh đạo của các ông Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương.

– Cuộc vùng dậy của các tướng trẻ đòi giải tán hội đồng Quốc Gia, chống lại chính phủ Trần Văn Hương.

– Chính Phủ Trần Văn Hương, dưới áp lực của các tướng trẻ phải cải tổ, thêm vào 4 tướng lãnh, để rồi ngày 16-2-1965 bị thay thế bởi chính phủ Phan Huy Quát.

– Chỉ sau đó 3 ngày đại tá Phạm Ngọc Thảo đem quân chiếm Sài Gòn, toan làm đảo chính nhưng bất thành. Và một ngày sau, 20-2-65 tướng Khánh bị loại khỏi chức vụ tổng tư lệnh Quân Đội.

– Những cuộc biểu tình của sinh viên Phật tử chống Mỹ liên tục xảy ra...

Và sau hết là biến cố ngày 8-3-65 hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng, nhằm mục đích ổn định miền Nam, chống Cộng Quân. Nhưng đồng thời cũng mở rộng chiến tranh thành một cuộc chiến ác liệt, mà riêng số bom đạn sử dụng không thua kém thế chiến II. Kết quả là miền Nam bị rơi vào tay CS, vì siêu cường Mỹ đã không thắng được CS, bằng võ lực, cho nên không bảo vệ được miền Nam, mà chính Mỹ cũng bị mang tiếng “hội chứng Việt Nam” tận cho đến ngày nay. Không chỉ có kẻ thù mà bạn bè, và chính các nhà lãnh đạo Mỹ cũng như các sử gia Mỹ đều phải công nhận đó là một thất bại.

Chỉ có một số ít người không hiểu chiến tranh ý thức hệ là gì, và không theo dõi thật sát các sự kiện lịch sử mới dựa vào thông cáo chung Trung-Mỹ tại Thượng Hải và mấy lời đối đáp giữa Chu Ân Lai và Kissinger để quả quyết rằng Mỹ không thua. Và Mỹ chỉ bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa khi đã nắm được Trung Cộng rồi (!).

Do đó mà có sử gia Mỹ như nữ giáo sư Marilyn B. Young (trong cuốn *Vietnam War*) đã lấy làm tiếc là tại sao chính phủ Mỹ không chấp nhận kế hoạch của ông Ngô Đình Nhu là ít nhất rút một số cố vấn về, hay nhiều nhất là rút toàn bộ cố vấn Mỹ về để đệ nhất Cộng Hòa giải quyết cuộc tranh chấp với Hà Nội? Tuy nhiên với sự hiện diện của quân Mỹ, kèm theo sự trở lại chính quyền của nhóm tướng lãnh, sự ra đời của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đứng đầu là Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu và ủy ban hành pháp trung ương, đứng đầu là chủ tịch Nguyễn Cao Kỳ, một thứ thủ tướng quân nhân, tình hình đã tạm ổn định sau khi ông Kỳ thẳng tay dẹp xong nhóm tranh đấu miền Trung, đứng đầu là sư ông Thích Trí Quang. Nhưng cũng phải đến khi có một hiến pháp mới và sự ra đời của Đệ Nhị Cộng Hòa, thì nội bộ miền Nam mới tạm ổn. Nhưng chiến cuộc với CS thì không vì những sự kiện trên mà giảm, trái lại càng ngày càng khốc liệt.

23 Như đã nói ở phần trên, Tổng Thống Ngô Đình Diệm không muốn có sự hiện diện quân tác chiến Mỹ tại Việt Nam. Ngay số cố vấn lúc ấy đã từ vài trăm người lên đến 16,000 vào năm 1963 đối với ông là đã quá nhiều. Cho nên đã nhiều lần ông và cố vấn Ngô Đình Nhu đã có kế hoạch rút số cố vấn dần dần, và việc này chính Tổng Thống Kennedy cũng tán thành, và cũng chủ trương sẽ rút số cố vấn về, sau khi đặc cử nhiệm kỳ 2. Nhưng lúc ấy những thế lực siêu chính phủ trong chính giới Mỹ chỉ muốn đồ thêm quân vào để, hoặc là tốc chiến tốc thắng, như họ nói, hoặc đề tiêu thụ một số lớn vũ khí cũ từ thời thế chiến II, hoặc thí nghiệm một số vũ khí mới, như bom CBU... hoặc theo một chiến lược bí mật chống Trung Cộng nào đó. Vì vậy có giả thuyết cho rằng Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Tổng Thống Mỹ Kennedy đều là nạn nhân của những kẻ chủ trương đem quân tác chiến Mỹ ồ ạt vào Việt Nam. Cho nên, vẫn theo giả thuyết đó, sau khi hai vị tổng thống đã bị giết, và sau khi những người Việt Nam sẵn sàng làm theo ý của Mỹ đã ngồi vào địa vị lãnh đạo tại Việt Nam, Mỹ liền đồ quân tác chiến vào Việt Nam, bắt đầu bằng 2 tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến đổ bộ lên Đà Nẵng ngày 8-3-65.

Đứng về mặt chiến tranh ý thức hệ, đó là một thảm họa. Vì đối phương sẽ có cơ để kết tội miền Nam làm tay sai hay bù nhìn cho Mỹ. Cuộc chiến mất chính nghĩa! Ít nhất là về phương diện tuyên truyền.

Khi còn Tổng Thống Diệm, đã nhiều lần người Mỹ muốn thương lượng với ông về việc đưa quân tác chiến Mỹ vào. Ông chỉ trả lời là tình hình chưa cần. Và nếu có lúc cần tới thì sẽ có một hiệp ước song phương quy định các thể thức và địa điểm đóng quân, mà theo ông chỉ có thể đóng sát biên giới sông Bến Hải.

Cựu đại sứ Frederick Nolting đã ghi trong hồi ký của ông *From Trust To Tragedy* rằng thương thuyết với ông Diệm về vấn đề này thực là khó khăn. Nhưng ông ghi nhận quan điểm của ông Diệm là chính đáng. (Xin xem *Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê*, chương 18.)

24 Chỉ xin kể 3 người quan trọng nhất được CS cho nắm chức vụ trong cái gọi là chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam: Trương Như Tảng – bộ trưởng Tư Pháp, (nữ bác sĩ) Dương Quỳnh Hoa – bộ trưởng Y Tế, và Lữ Phương – thứ trưởng Văn Hóa...

Phần IV

Minh Võ

12. Chiến thắng bỏ lỡ

Từ trước tới giờ phần đông ký giả và sử gia Mỹ đều cho rằng Hoa Kỳ đã làm khi ủng hộ miền Nam Việt Nam chống lại Cộng Sản miền Bắc. Họ ca ngợi Hồ Chí Minh là nhà ái quốc, có tài trí hơn người và được lòng dân. Họ coi các nhà lãnh đạo miền Nam, kể cả ông Ngô Đình Diệm đều bất tài, vô tướng và là tay sai thực dân đế quốc. Quan điểm lịch sử đó được mệnh danh là “chính thống” (!) (tạm dịch từ “Orthodox” của tác giả Mark Moyar)

Nhưng gần đây một số sử gia Mỹ đã bắt đầu xét lại quan điểm đó. Trong số này có giáo sư tiến sĩ sử học Mark Moyar. Tiến sĩ Mark Moyar đậu cử nhân (hạng tối ưu với lời khen của ban giám khảo) về môn sử tại đại học Havard danh tiếng nhất của Mỹ. Sau đó đậu tiến sĩ sử học tại đại học Cambridge. Ông từng giảng dạy tại đại học Cambridge, đại học Tiểu Bang Ohio, đại học A&M Texas, và đại học Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ ở Quantino, Virginia...

Năm 2006 cơ sở Báo Chí Đại Học Cambridge đã xuất bản cuốn sách 512 trang khổ lớn của ông nhan đề ***Triumph Forsaken***. Đây là tập I của bộ sách 2 tập về cuộc chiến Việt Nam. Theo tác giả, cuộc chiến này đáng lẽ đã kết thúc bằng một chiến thắng oanh liệt, mà lại trở thành một chiến bại nhục nhã. Trong cuốn sách này, tác giả đã rà xét lại tất cả mọi dữ kiện, đối chiếu nhiều tài liệu vô số kể của nhiều nguồn thuộc mọi phía, trong đó có những tài liệu mới được giải mật của Mỹ và tài liệu Cộng Sản (Liên Xô cũ, Trung Quốc, và Việt Nam), để đi đến một kết luận có cơ sở vững vàng.

Cuối sách không có phần thư mục như phần lớn các sách biên khảo. Nhưng gần 2000 chú thích ghi chi tiết trong 85 trang sách đã cho thấy hàng trăm tác phẩm và tài liệu được tham khảo và dẫn chứng một cách tỉ mỉ để chứng minh lập luận “xét lại” của tác giả. Ví dụ chỉ nguyên một chương 16 đã có tới 176 chú thích trung dẫn hàng trăm tác phẩm hay chỉ 3 trang đầu của bài tựa thôi đã có tới 19 chú thích mà chi tiết choán hẳn 3 trang, Cũng trong lời tựa này, nguyên một chú thích 2 đã trung dẫn gần 100 tác phẩm

Tập I này có 17 chương, trong đó có 10 chương về chính quyền Ngô Đình Diệm.

Đọc kỹ lời tựa và chương đầu, ta sẽ thấy đại cương về lập luận của tác giả..

Nhà xuất bản trích dẫn lời phê bình và đánh giá của 6 tác giả và giáo sư sử học về tác phẩm của Mark Moyar. Sau đây là ý kiến của Giáo sư sử học Thomas Alan Schwartz:

“*Triumph forsaken* là một cuốn sách đặc sắc. Công trình (biên khảo) của Mark Moyar là sự thách đố mạnh mẽ nhất đối với sự giải thích chính thống về nguồn gốc việc Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Bằng cái nhìn mới mẻ vào những nguồn tài liệu gốc, cũng như tìm hiểu, khai thác những tư liệu mới từ các văn khố Mỹ cũng như Cộng Sản, Moyar đã tạo nên một lối giải thích khác về cội nguồn của sự dấn thân (tham chiến) của Hoa Kỳ. Tác phẩm của Moyar thúc đẩy các sử gia phải mở lại cuộc tranh luận về ý nghĩa cuộc chiến tranh Việt Nam.”

Sau đây là nhan đề của 17 chương sách trong tập I:

1. Di sản
2. Hai nước Việt Nam: Từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 12 năm 1955
3. Sống chung hòa bình: Từ 1956 đến 1959
4. Cuộc nổi dậy: 1960
5. Cam kết nhập cuộc: 1961
6. Sự trẻ trung hóa: Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1962
7. Tấn công: Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1962
8. Trận Ấp Bắc; Tháng 1 năm 1963
9. Ông Diệm gặp gian nan: Từ tháng 2 đến tháng 7 năm 1963
10. Sự phản bội: Tháng 8 năm 1963
11. Tự hủy: Từ tháng 9 đến ngày 2 tháng 11 năm 1963
12. Trở lại tình trạng “Thập Nhị Sứ Quân”: Từ 3 tháng 11 đến tháng 12 năm 1963.
13. Tự chế: Từ tháng 1 đến tháng 7 năm 1964
14. Những tín hiệu: Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 1964
15. Xâm nhập: Từ tháng 11 đến tháng 12 năm 1964
16. Phần thưởng chiến thắng: Từ tháng 1 đến tháng 5 năm 1965
17. Quyết định: Từ tháng 6 đến tháng 7 năm 1965.

Lời tựa.

Sau khi nhấn mạnh sự cần thiết phải nghiên cứu phân tích kỹ những nguồn tài liệu gốc càng ngày càng được phát hiện ra về mọi mặt của cuộc chiến, từ quân sự, chính trị, ngoại giao, do đó tác phẩm phải gồm 2 tập, thay vì một tập như dự tính ban đầu, tác giả trình bày thực trạng lịch sử Hoa Kỳ do hai xu hướng “chính thống” và “xét lại”.

Quan điểm “chính thống” có vẻ lấn át quan điểm xét lại. Thậm chí trong giới khoa bảng, người ta cho rằng phe xét lại không đáng gọi là sử gia, chỉ là những nhà “ý thức hệ” (ideologues).

Theo quan điểm “chính thống” thì dân Việt vốn thù dân Tàu, và thường đánh thắng quân Tàu. Vì vậy nếu dùng xua đuổi Hồ Chí Minh, thì ông ta đã có thể trở thành một Ti Tô của Việt Nam, chứ không đi theo Tàu Cộng, và Liên Xô.

Tác giả đã ghi rằng nghiên cứu kỹ lịch sử Việt Nam thì sẽ thấy, các cuộc chiến tranh xảy ra phần lớn giữa người Việt với nhau, và giữa người Việt với những sắc dân khác, như Chăm, Khmer hay Mông Cổ... chứ không phải giữa người Việt với người Tàu. Chỉ trừ một vài trường hợp cá biệt. Từ đó ông cho rằng Hồ Chí Minh nếu có ghét Tàu là ghét Tàu Quốc Dân, như phe Tưởng Giới Thạch, chứ không bao giờ ghét Tàu Cộng của Mao Trạch Đông. Trái lại sẵn sàng rước Tàu Cộng vào để đánh người Việt yêu nước. Ông viết:

“Hồ thường tỏ lòng kính cẩn với quan thầy hơn đối thủ của ông ta ở miền Nam là Ngô Đình Diệm, người đã thà chết hơn là làm theo yêu cầu của đồng minh Hoa Kỳ của ông ta. Hồ là tín đồ nhiệt thành của Mác và Lê-nin, dần thân sâu đậm vào chủ nghĩa Quốc Tế Cộng Sản, cho nên không thể hy sinh tình liên đới Cộng Sản cho quyền lợi “hẹp hòi” của Việt Nam. Do đó, trái với những suy diễn được nhiều người chia sẻ, ông ta sẽ chẳng bao giờ lại chống người láng giềng Trung Cộng, hay bất cứ nước bạn Cộng sản nào khác, nếu Hoa Kỳ cho phép ông ta thống nhất Việt Nam. Ông ta không bao giờ để Hoa Kỳ biến nước Việt Nam thành một Nam Tư của châu Á.”

Về lãnh tụ miền Nam, tác giả viết:

“Tổng Thống Ngô Đình Diệm của miền Nam, không ngừng bị các sử gia phe “chính thống” mô tả như một kẻ đàn độn, tên phản động, một bạo chúa. Nhưng thực ra ông là một lãnh tụ rất khôn ngoan, uyên bác và đặc lực. Là một người hiến thân cho hạnh phúc của dân tộc mình, ông “dùng uy tín cá nhân để trị nước gần như một nhà độc tài” (12 từ trong ngoặc kép của người viết để tạm dịch từ *authoritarian* của tác giả) vì ông cho rằng chế độ dân chủ kiểu Tây phương không thích hợp với một đất nước đang bị phân tán và có một nền văn hóa độc đoán. Những biến cố xảy ra sau khi ông bị giết đã chứng tỏ niềm tin đó là đúng.” (...)

Sau khi nêu đích danh Trung tá John Paul Vann, hai nhà báo trẻ David Halberstam và Neil Sheehan và đại sứ Cabot Lodge, kết tội họ đã loan tin thất thiệt, thiếu lương thiện và đánh lừa thượng cấp để cố hạ uy tín của Tổng Thống Diệm, vu khống là chính quyền của ông bất lực trong việc giữ an ninh, tác giả viết về cuộc đảo chính 1-11-1963:

“Cho đến nay, đã rõ cuộc đảo chính tháng 11 năm 1963 là một lỗi lầm tệ hại nhất của người Mỹ. Trái hẳn với những lời quả đoán sau đó của những kẻ cổ võ cho cuộc đảo chính, rằng nỗ lực chiến tranh của Nam Việt đã bước vào thời kỳ suy thoái trong những tháng cuối cùng của chế độ Ngô Đình Diệm. Các nguồn tin từ phía Bắc Việt, cũng như từ phía Hoa Kỳ đã cung cấp bằng chứng cho thấy cuộc chiến lúc ấy đang tiến hành một cách thỏa đáng, thuận lợi.”

Về tình trạng rối loạn và sự kém cỏi của các chính quyền hậu đảo chính, tác giả cho rằng chưa mấy người hiểu rõ nguyên nhân. Ông viết:

“Hậu quả của sự điều hành kém cỏi của chính quyền miền Nam từ sau khi ông Diệm chết cho đến năm 1965 thì hầu như ngày nay ai cũng đã thấy. Nhưng về những nguyên nhân của nó thì chưa mấy người hiểu. Theo một cách giải thích “chuẩn” thì chính quyền Sài Gòn thất bại vì những nhà lãnh đạo Việt Nam và những cố vấn Mỹ đã chọn lầm phương pháp để đánh địch. Tuy nhiên thực ra, vấn đề không nằm ở khái niệm mà ở cách thi hành. Một sự giải thích tiến bộ hơn, gần trọng điểm hơn, nhưng vẫn chỉ đúng một phần, đó là miền Nam lúc ấy bị chao đảo, loạng choạng vì giới thượng lưu cầm quyền đã mất những nhà lãnh đạo kiên cường. Nhiều cá nhân giữ những địa vị trong chính quyền trong thời hậu Diệm, đích thực, thiếu các đức tính cần thiết của một nhà lãnh đạo, và chẳng ai có tài bằng Ngô Đình Diệm. Nhưng tầm cỡ của tập thể giới lãnh đạo nói chung không phải là vấn đề then chốt. Vấn đề quan trọng, thực ra chính là sự loại trừ một số người trong giới thượng lưu ra khỏi chính phủ và sự thao túng của phong trào Phật Giáo trong việc vận dụng các nhà lãnh đạo chính phủ. Kể từ tháng 11 năm 1963 về sau những lãnh tụ hàng đầu ở Sài Gòn không ngừng lặp đi lặp lại việc loại trừ những người có tài đáng kể, hoặc vì những người này đã trung thành với ông Diệm, hoặc vì những lãnh tụ đó bị áp lực từ nhóm Phật Giáo tranh đấu...”

Vài trích đoạn trên đây của Lời Tựa đã tóm tắt quan điểm “xét lại” của tác giả về những sự kiện lịch sử liên quan đến ông Hồ Chí Minh, ông Ngô Đình Diệm và chính tình miền Nam Việt Nam từ 1945 đến 1965.

Hơn 400 trang sách kế tiếp đã được tác giả dùng để trưng dẫn những tài liệu chính xác để chứng minh quan điểm trên là đúng. Vì là những tài liệu phức tạp, mới có, cũ có từ nhiều nguồn khác nhau nhiều khi trái ngược mâu thuẫn nhau. Nên không thể nào thu gọn trong phạm vi một bài báo. Vì vậy chúng tôi xin để độc giả tìm đọc trong chính tác phẩm *Triumph Forsaken* tập I. Sau đây chỉ xin tóm tắt vài ý chính và trích dịch một số đoạn đáng chú ý của mấy chương đầu của tập I, vì tập II chưa xuất bản.

Chương 1:

Di Sản

Mở đầu là quang cảnh tập nập tung bừng tại công trường Puginier, Hà Nội (nay là quảng trường Ba Đình) ngày ra đời của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

“Theo lời mời của ông Hồ, vài sĩ quan tình báo OSS Mỹ đứng gần khán đài. Hai chiếc máy bay chiến đấu Lightning P-38 tình cờ bay trên đám đông trong buổi lễ. Cả hai điều đó đã tạo nên một cảm tưởng sai lầm rằng chính phủ Hoa Kỳ ủng hộ Hồ Chí Minh.”

Trong lời tuyên bố độc lập mở đầu với lời lẽ lấy từ bản tuyên ngôn Độc Lập của Mỹ và Pháp, ông Hồ đã kịch liệt đả kích thực dân và xác quyết rằng chính phủ của ông đại diện toàn thể nhân dân Việt Nam.

“Ông ta không nói gì đến ý thức hệ chính trị, mà chỉ bàn về mục đích của ông là thành lập một nước Việt Nam độc lập.”

Nhiều người đã cho rằng bản tuyên ngôn này chứng tỏ chủ nghĩa quốc gia chứ không phải chủ nghĩa quốc tế Cộng Sản đã là động lực cách mạng của ông Hồ. Vì vậy nếu như Mỹ đừng ủng hộ Pháp thực dân, và đừng dựng nên những chính phủ tay sai ở miền Nam chống lại ông Hồ thì Việt Nam và Hoa Kỳ đã có thể là đồng minh, và ông Hồ đã quay lại chống Trung Cộng.

“Nếu người Mỹ hiểu lịch sử Việt Nam, thì toàn bộ thảm kịch đã có thể tránh được.”
(...)

“Cái lối lý luận trên đã sai lầm một cách chết người.”

“Vì lịch sử Việt Nam và lịch sử của ông Hồ thực sự đã hỗ trợ cho những kết luận ngược hẳn.”

Tác giả đã ôn lại lịch sử Việt Nam qua 7 trang sách để chứng minh.

Sau đó tác giả viết:

“Chỉ có một bằng chứng duy nhất có thể dùng để biện luận rằng ông Hồ không ưa người Tàu và những ngoại nhân khác là câu ông ta nói để bào chữa cho việc để quân Pháp vào Bắc Việt. (Theo Paul Mus, MV) ông Hồ đã nói:

“Thà gửi cứt Pháp một lúc còn hơn là phải ăn cứt Tàu suốt đời”.

Nhưng rồi tác giả lại viết:

“Chút bằng chứng nhỏ nhoi đó rất yếu. Vì khi ông Hồ nói câu đó, theo lời thuật lại (của Paul Mus), thì phần lớn nước Tàu đang ở dưới quyền cai trị của những người Trung Hoa theo chủ nghĩa Dân Tộc hăng hái chống cộng, và là những người đang tích cực ủng hộ những người Việt quốc gia chống cộng, là đối thủ hùng mạnh nhất của Việt Cộng.”

Tác giả thuật lại việc ông Hồ nhanh chóng chớp thời cơ sau khi Nhật đầu hàng, đem quân cướp chính quyền trong khi các toán quân của các đảng Quốc Gia còn đang tiến chậm chạp từ Trung quốc về. Ông cũng nhấn mạnh đến việc quân của Hồ đã dùng vũ khí của Trung Hoa Dân Quốc và của Mỹ.

Và yếu tố quan trọng khiến ông Hồ thành công bước đầu là “cá tính” của ông ta được người dân tin phục.

Người dân Việt chú ý đến lãnh tụ hơn là đảng và chủ thuyết của lãnh tụ.

Tác giả nêu lên sự kiện Hồ Chí Minh có thuyết phục những người Mỹ mà ông gặp rằng mình không phải Cộng Sản, mà chỉ là người yêu nước, muốn đem lại độc lập cho đất nước. Nhiều sĩ quan OSS đã tin theo và muốn ủng hộ Việt Minh, trong đó có cả đại tá Archimedes Patti (lúc ấy là đại úy, MV). Nhưng tác giả đã trưng dẫn bức điện của chính Patti gửi về Hoa Thịnh Đốn ngày 29-8-45 viết rằng, “*những phần tử đỏ* đang lãnh đạo chế độ Việt Minh đi trệch đường, và rằng những nhà lãnh đạo chế độ thường nói tốt về chế độ tự do dân chủ, nhưng trong thực tế họ đang chuẩn bị những hành động phi tự do, phi dân chủ.”

Sau đó tác giả đã nêu lên việc Việt Minh giết những người yêu nước như Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn (2 lãnh tụ VNQDD) và Bùi Quang Chiêu (Đảng Lập Hiến), Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Sâm, Trương Đình Thi, Trương Tử Anh (lãnh tụ Đại Việt)...

Về chiến thắng Điện Biên của CS, tác giả đã trưng dẫn Janos Radvanyi (*Áo tưởng và thực tại*, South Bend: Gateway, 1978) cho biết chính Võ Nguyên Giáp đã tiết lộ với tác giả (Janos):

“Trận Điện Biên Phủ là cố gắng tuyệt vọng cuối cùng của Quân Đội Việt Minh. Lực lượng chiến đấu của nó sắp sửa kiệt quệ hoàn toàn. Nguồn tiếp tế gạo đã cạn kiệt. Dân chúng đã lãnh đạm thờ ơ đến độ thật là khó có thể lấy thêm lính. Nhiều năm chiến đấu trong rừng rậm đã làm cho tinh thần chiến đấu của các đơn vị sa sút tột cùng.”

Sau một số bằng chứng khác, Mark Moyar kết luận:

“Tóm lại cả hai phía đều đã có cơ may chiến thắng trận quyết định tại Điện Biên Phủ.” (trang 26)

Chương 2:

Hai nước Việt Nam

(từ tháng 7-1954 đến tháng 12-1955)

Sau khi mở đầu bằng hiệp định Genève và việc thành lập Tổ Chức Hiệp Ước Liên Phòng Đông Nam Á (SEATO), tác giả nhắc đến nhu cầu ủng hộ của Mỹ đối với những lãnh tụ các Quốc Gia bị trị đang bị Cộng Sản đe dọa. Và ông viết:

“Nam Việt Nam thực sự đang có một người yêu nước cương nghị có thể trở thành nền tảng cho một quốc gia chống cộng, dù rằng vào mùa hè năm 1954 nhiều người Mỹ không tin hẳn như vậy.”

Rồi ông để nhiều trang nói về con người và hoạt động của nhân vật này...

“Ngô Đình Diệm đã rời Việt Nam vào năm 1950, sau khi bị Việt Minh tuyên án tử hình, vì đã phát triển một tổ chức yêu nước mới. Sang Nhật, ông gặp Westley Fishel, giáo sư chính trị học tại đại học California, lúc ấy đang làm việc cho CIA. Theo lời khuyên của Fishel, Diệm sang Mỹ năm 1951 thuyết trình tại các trường cao đẳng và tìm sự ủng hộ của các viên chức chính quyền. Diệm được sự nâng đỡ của một số người Mỹ có địa vị cao, kể cả thẩm phán Tối Cao Pháp Viện William Douglas, hồng y Francis Spellman, dân biểu tiểu bang Montana là Mike Mansfield, và dân biểu John F. Kennedy thuộc tiểu bang Massachusetts. Tháng 6 năm 1954, vào giữa cuộc thương thuyết ở Genève, người Pháp tuyệt vọng, đã trao trả độc lập hoàn toàn cho chính quyền Bảo Đại, và ông này đã yêu cầu Diệm nhận chức thủ tướng.”

“Quyết định của Bảo Đại không do áp lực của Mỹ, như có người suy đoán, mà là vì nhiều lãnh tụ đảng phái quốc gia Việt Nam ủng hộ Diệm. Bảo Đại nói với Diệm: *‘Đất nước có nguy cơ bị chia đôi. Ông không có quyền tránh né trách nhiệm. Sự an toàn của Tổ Quốc đòi hỏi như vậy.’* Diệm đã từng khước từ chức thủ tướng do Bảo Đại mời nhiều lần. Nhưng lần này ông ta nói, sẽ nhận, nếu Bảo Đại cho ông ta được toàn quyền kiểm soát toàn bộ các vấn đề dân sự và quân sự. Từ trước Bảo Đại chưa bao giờ cho ai điều đó. Nhưng lần nay ông ta đồng ý. Và Diệm trở thành thủ tướng.”

Sau đó, tác giả nói đến những khó khăn chồng chất ban đầu do di sản chiến tranh và chia rẽ để lại mà ông Diệm phải vượt qua. Cầu đường bị phá, hệ thống viễn thông bị cắt, nông dân thất nghiệp lang thang, kể cả dân tỵ nạn từ miền Bắc trở thành gánh nặng. Nặng nhất là guồng máy hành chính và quân sự tan hoang, sau khi người Pháp ra đi và hàng vạn lính đào ngũ. Riêng về việc chuyển vận, tổ chức tiếp đón và định cư cho gần một triệu dân, tác giả đã trích dẫn nhà báo Bernard Fall, tác giả cuốn *The Two Vietnams*:

“Bernard Fall, một trong những người từng chỉ trích ông Diệm kịch liệt nhất, đã nhận xét: “Di chuyển gần một triệu lính được huấn luyện thành thực trong thời bình đã là một kỳ công về vận chuyển và tiếp liệu. Còn di chuyển cũng ngần ấy thường dân tỵ nạn chạy trốn vô tổ chức trong vòng không đầy một năm chắc chắn sẽ còn là một thành tích nổi tiếng về lâu về dài.””

Trong chương này tác giả nêu lên hai nhân vật Mỹ nổi bật, một người có giúp ông Diệm lướt thắng mọi trở ngại và một người bằng mọi cách muốn hạ ông Diệm hay thay thế ông bằng những lãnh tụ khác. Đó là Edward Geary Lansdale, đại tá, và J. Lawton “Lightning Joe” Collins, đại tướng. Lansdale được ủy nhiệm của Allen Dulles, giám đốc CIA. Còn Collins là đặc phái viên toàn quyền của tổng thống Mỹ, đồng thời cũng là bạn thân của Tổng Thống Eisenhower.

Vì tin tưởng rằng một chính phủ mạnh phải có một đạo quân mạnh, nên “Tổng Thống Eisenhower đã ngay lập tức chuyển chuyên tướng J. Lawton “Lightning Joe” Collins, nguyên tham mưu trưởng Lục Quân, nguyên đại diện Hoa Kỳ tại ủy ban quân sự thuộc Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) tới ngay Sài Gòn thay thế đại sứ Heath để quán xuyến mọi nỗ lực. Khi Collins lên đường đi Sài Gòn, ngoại trưởng Dulles bảo ông, Hoa Kỳ hy vọng cơ may thành công chỉ có một trên mười.”¹

Muốn chứng tỏ ông Diệm là người khó hiểu đối với người Mỹ, tác giả đã nêu hai nhận xét trái ngược của tướng Collins về ông Diệm như sau:

“Mới đầu Collins báo cáo: “Diệm là một người nhỏ thó, nhút nhát, thiếu tự tin hầu như không có hấp lực nào...” (...) Vài tháng sau, Collins lại ca tụng phẩm cách của Diệm: “Sự liêm khiết, lòng yêu nước mãnh liệt, sự nhẫn nại và những đức tính linh thiêng khác làm ông ta trở thành vị thủ tướng tốt nhất có thể có để lãnh đạo Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Cộng.”²

Nhưng rồi sau đó Collins lại hàng chục lần yêu cầu Hoa Thịnh Đốn thay thế vị thủ tướng mà ông gọi là bất tài và ương ngạnh này.

Trong bài *Tết Con Heo nói chuyện Xuân Con Mèo*, chúng tôi đã trưng dẫn Seth Jacobs, tác giả cuốn *America's Miracle Man in Vietnam*, nói tướng Collins đã 12 lần đề nghị với Tổng Thống Eisenhower thay thế ông Diệm, bằng một người khác, và nhiều lần ông đã nêu đích danh Bác Sĩ Phan Huy Quát, hay Bác Sĩ Phan Huy Đán (hay Phan Quang Đán). Thì ở đây Tiến Sĩ Mark Moyar cũng năm lần bảy lượt nói đến chuyện tướng Collins đề nghị với Tổng Thống nên tìm người khác thay thế một ông Diệm ngang bướng, bất phục thiện. Dĩ nhiên Tổng Thống tin người bạn thân của mình, lại là đại diện toàn quyền có mặt tại chỗ. Nên đã nhiều lần Tổng Thống muốn thuận theo. Nhưng những biến cố dồn dập trong vòng mấy tháng cuối năm 1954 và đầu năm 1955 cho thấy khả năng phi thường của ông Diệm trước những vấn đề nan giải đến tuyệt vọng, đã khiến Tòa Bạch Ốc thay đổi ý định. Thay vì thay thế ông Diệm, Tổng Thống Mỹ đã triệu hồi hẳn vị Đại Sứ Toàn Quyền về Mỹ. Rồi Eisenhower ca ngợi Ngô Đình Diệm là “Con Người Thần Kỳ” (A Miracle Man).

Năm 1957 ông cho trải thảm đỏ, ra tận chân cầu thang máy bay đón Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa. Sau đây là một vài trích đoạn về những đề nghị liên tiếp của tướng Collins nhằm đánh đổ Ngô Đình Diệm được tác giả nêu lên giữa lúc ông Diệm phải đối phó với quân đội viễn chinh Pháp hãy còn trấn giữ nhiều địa điểm trọng yếu tại thủ đô, và hiện đang ủng hộ loạn tướng Nguyễn Văn Hinh muốn lật ông Diệm; các giáo phái muốn duy trì tình trạng “Thập nhị sứ quân”, bất tuân lệnh thủ tướng; giữa lúc nhóm Bình Xuyên vốn được Quốc Trưởng Bảo Đại ưu đãi, hiện đang làm mưa làm gió, vì toàn bộ lực lượng Cảnh Sát Công An nằm trong tay Lai Văn Sang, cánh tay phải của đầu đảng Lê Văn Viễn tục gọi Bảy Viễn; giữa lúc chương trình định cư gần một triệu dân tỵ nạn CS từ miền Bắc vào đang cần xúc tiến thật nhanh để tạm thời giải quyết những khó khăn trở ngại do tâm lý và phong tục tập quán khác nhau giữa hai miền Nam Bắc...

Trong hoàn cảnh đó, “Giới ngoại giao ở Sài Gòn hầu hết đều tin rằng chính phủ Diệm sắp đổ đến nơi. Và báo chí của Pháp tiên đoán sự sụp đổ của Diệm với sự vui mừng khôn tả. Trong khi đó cả báo Mỹ cũng tiên đoán như vậy, nhưng không vui.”

“Khi Tướng Collins từ Sài Gòn về đến Hoa Thịnh Đốn (đề tường trình), ông đã nói với Tổng Thống Eisenhower rằng cần phải loại bỏ Diệm ngay tức khắc.”

Tổng Thống và Ngoại Trưởng đưa ra nhiều lý do để bác bỏ và đòi phải đợi cho đến lúc tìm được người tương xứng để thay thế.

“Nhưng Collins vẫn cứng rắn (như kim cương). Phải loại bỏ Diệm ngay.”

Và hai nhà lãnh đạo Mỹ đành nhượng bộ. Mọi văn kiện cần thiết đã soạn thảo gửi đi Paris và Sài Gòn để tìm người thay thế ông Diệm.

“Bộ ngoại giao gửi công điện đi ngày 27 tháng 4 chỉ ít phút sau 6 giờ, giờ Hoa Thịnh Đốn.”

“Vừa đúng lúc xem ra chế độ Diệm đang tiến tới nhà tù, thì Diệm lấy một sáng kiến làm đảo lộn kế hoạch của Collins.” (...)

Thủ tướng Ngô Đình Diệm đã chiến thắng các phe phái chống ông ra sao, lịch sử đã ghi đầy đủ, và được tác giả nhắc lại một cách tóm tắt.

Sau khi đánh bại mọi thế lực kinh chống ông, ông Diệm bắt đầu tập trung nỗ lực vào việc truy lùng những phần tử Cộng Sản được gài lại ở miền Nam, sau khi một số cán bộ đã tập kết ra Bắc theo hiệp định Genève.

Chương 3:

Sống chung hòa bình:

Từ 1956 đến 1959.

Tác giả dành mấy trang đầu nói về chủ trương sống chung hòa bình của Khrushchev khiến Hà Nội có vẻ nghiêng về phía Trung Cộng và tìm sự ủng hộ của “anh ba”. Nhưng Trung Cộng còn bị vết thương chiến tranh Triều Tiên hành nên lạnh nhạt và dè dặt khuyên đàn em “phải nhẫn nại”.

Rồi ông nói đến hậu quả tai hại của Cải Cách Ruộng Đất tại miền Bắc. Những bất mãn từ nhiều phía. Những cuộc nổi loạn. Vụ thảm sát tại Quỳnh Lưu, trong đó ông Hồ đã dùng cả sư đoàn 325 để đàn áp giết hàng ngàn người vô tội.

Sau đó là tình trạng kinh tế hầu kiệt quệ của miền Bắc do việc công hữu hóa mọi cơ sở thương mại, và chế độ hợp tác hóa công thương nông nghiệp...

Nửa sau của chương sách nói về những thành quả của chính quyền Diệm về phương diện kinh tế, giáo dục, an ninh. Về công cuộc “cải cách điền địa”. Về “bức tường người” (human wall) mà ông Diệm dựng lên ở cao nguyên là lãnh thổ chiến lược

dùng để chống lại sự xâm nhập tương lai của Cộng Quân. Tác giả đã nhắc lại lời Tổng Thống Diệm từng nói: “ai giữ được cao nguyên thì giữ được cả nước”.

Về bản chất chế độ Việt Nam Cộng Hòa, tác giả phê bình nhẹ nhàng rằng tuy theo hiến pháp đó là một chế độ tự do dân chủ theo Tổng Thống Chế, nhưng trên thực tế ông Diệm đã khéo léo nắm giữ cả 2 quyền lập pháp và tư pháp. Vì quốc hội gồm phần lớn người trung thành với ông. Tác giả trưng dẫn lời của Douglas Pike nói về tự do ngôn luận của VNCH như sau: “Một trong những hời ức mạnh nhất của tôi tại Việt Nam năm 1960 là nghe thấy dân Việt Nam tại những nơi công cộng nói lớn tiếng, rất dễ nghe thấy, rằng ‘chế độ này là chế độ độc tài, và chúng tôi không có tự do ngôn luận’ rồi họ tha hồ kể ra những tội lỗi của chính phủ. Dường như có một luật bất thành văn là chống đối vô tổ chức thì được, nhưng chống đối có tổ chức thì cấm.” (Xem *Việt Cộng* của Douglas Pike, Cambridge M.I.T., 1966, tr. 59)

Để phần nào bào chữa cho ông Diệm, tác giả viết:

“Diệm thường nhắc đi nhắc lại lời thú nhận rằng ông ta ước ao có được nền dân chủ trong thời gian này. Nhưng ông ta lại nói dân chủ không thể tới ngay tức khắc. Và thực ra ông ta quan niệm dân chủ không giống người Tây phương, hay những người Việt đã bị Tây phương hóa. Ông ta hiểu dân chủ như thế này: “Dân chủ chủ yếu là một cố gắng thường trực để tìm ra những phương tiện chính trị đúng đắn ngõ hầu bảo đảm cho người dân cái quyền phát triển tự do và sáng kiến tối đa, phát triển tinh thần trách nhiệm và cuộc sống thiêng liêng.” (trang 75)

Chương 4:

Nổi dậy:

1960

Trong chương này tác giả nói về những cuộc nổi dậy của Cộng quân, đặc biệt ở Bến Tre (Kiến Hòa), Tây Ninh và cả cuộc nổi loạn của một số sĩ quan VNCH, được biết đến như một chính biến hay đảo chính hụt tháng 11 năm 1960.

Trước hết là vai trò lãnh đạo những cuộc nổi dậy tại tỉnh Bến Tre của nữ tướng Việt Cộng Nguyễn Thị Định.

“Tất cả những gì cộng Sản có thể làm được là tổ chức hàng ngàn phụ nữ bao vây trụ sở các quận lỵ, phóng ứ trên đất (defecate on the ground!), và đòi trừng phạt quân của chính phủ, đòi bồi thường cho các nạn nhân của chúng. Tuy những cuộc nổi dậy này đã làm sống lại phong trào Cộng Sản trong vùng và cho họ một số vũ khí. Nhưng không đạt được mục đích lập một vùng giải phóng lâu dài.”

Hoạt động của Cộng quân ở Tỉnh Tây Ninh gây cho chính phủ nhiều tổn thất hơn. Sáng ngày 26-1-60, 4 đại đội VC tấn công một căn cứ của quân chính phủ, giết chết

viên sĩ quan xử lý thường vụ trung đoàn trưởng và 40 quân sĩ khác. Vì thất bại này, viên trung đoàn trưởng bị giáng chức xuống đại úy và sư đoàn trưởng bị cách chức.

Tháng 3 lại có thêm nhiều cuộc đụng độ nữa. Nhưng sau đó các cuộc tấn công bằng quân sự ngừng hẳn. Chính sách của Hà Nội là tạm thời chờ đợi. Văn kiện đảng ghi chỉ thị của Ủy ban Trung Ương Đảng đưa ra vào tháng 4:

“(...) chúng ta cần thời gian để cho phong trào phản đế và đặc biệt là phong trào chống Mỹ ở Đông Nam Á lớn mạnh hơn, và hoạt động với phong trào này nhằm làm suy yếu và cô lập bọn đế quốc Mỹ và đồng minh của chúng.”

Việt Cộng trở lại hình thức du kích chiến, ám sát, bắt cóc. Mỗi tháng trong năm tháng đầu năm 1960 có 150 vụ ám sát và 50 vụ bắt cóc!

Dân vệ không đủ sức chống lại những hành động khủng bố này. Theo tác giả là vì thiếu lãnh đạo, và thiếu vũ khí. Ông quy trách cho đại sứ Durbrow không chịu cấp vũ khí theo yêu cầu của ông Diệm.

Trong giai đoạn Cộng quân lui về du kích chiến và khủng bố ám sát, tác giả đưa ra nhận xét là cán bộ Cộng Sản tỏ ra hơn các viên chức chính phủ về phương diện lãnh đạo, nhất là về tuyên truyền. Cộng sản biết cách thỏa mãn nhu cầu và đòi hỏi của người dân. Họ không giảng về lý thuyết chính trị, cũng chẳng nhấn mạnh đến lòng yêu nước, hay chủ nghĩa dân tộc, càng tránh né không bao giờ nói đến chủ nghĩa Cộng Sản. Mà chỉ hứa chắc nịch rằng, nếu đánh đổ được chính quyền thì sẽ được chia đất.

Nhưng về cuộc Cải Cách Đẫm Máu ở miền Bắc, thì có lẽ chẳng những dân quê miền Nam mà ngay cả cán bộ CS ở trong Nam cũng chưa từng nghe biết. Về hiệu quả tai hại của tuyên truyền tác giả nêu một ví dụ của một thanh niên tên Lê Văn Toán, chỉ vì nghe lời thuyết giảng hấp dẫn của cán bộ CS mà y đã giết cha mình, vì tin rằng ông làm điều sai trái như CS nói.

Tác giả nói nhiều về việc Tổng Thống Diệm xin viện trợ để trang bị cho 20,000 lính chuyên dùng vào việc bảo vệ dân quê, canh gác cầu đường và trụ sở các thị xã, quận lỵ. Tướng Williams tán thành, nhưng bị đại sứ Durbrow bác bỏ.

Đặc biệt trong cuộc đảo chính hụt đầu tháng 11, tác giả nghi ngờ Durbrow có yểm trợ phe đảo chính. Tuy không có bằng chứng hiển nhiên. Nhưng ông nêu lên rất nhiều sự việc, cũng như lời nói của vị đại sứ này khiến ai đọc cũng phải nghi như vậy. Có lẽ vì thế mà người ta thấy Tổng Thống Diệm, mặc dù đã dẹp xong cuộc nổi loạn, đã lớn tiếng la mắng kẻ thù, mà ai cũng hiểu ông ám chỉ chính đại sứ Hoa Kỳ, Durbrow.

Sau cuộc đảo chính một nhân viên CIA từng liên lạc chặt chẽ với tòa đại sứ là Carver đã phải rời Việt Nam, rồi sau đó ít lâu chính ông Durbrow cũng ra đi. Chính bản tuyên ngôn của nhóm Caravelle cũng được Durbrow sau này cho biết là do một

vài người Mỹ giúp soạn thảo. Cựu đại sứ Bùi Diễm, trong *In The Jaws of History*, thì viết rằng ông là người giúp soạn thảo bản tuyên ngôn này.³

Điểm khá quan trọng mà chúng tôi muốn nêu lên về chương 4 này, là tác giả Mark Moyar đã trưng dẫn nhiều tài liệu để chứng minh rằng vào thời gian đó cả Liên Xô lẫn Trung Cộng đều không tán thành việc Bắc Việt tấn công miền Nam bằng quân sự, mặc dù vào ngày 20 tháng 12 năm 1960, họ đã cố đưa một số đảng viên cốt cán vào dựng nên được cái gọi là Mặt trận Giải Phóng Miền Nam, mà tác giả gọi là một thứ Việt Minh của miền Nam do Đảng Nhân Dân Cách Mạng (một chi nhánh hay đúng hơn, một cái tên khác của đảng Lao Động, tức đảng Cộng Sản Việt Nam) lãnh đạo, cũng giống như năm 1945 Việt Minh cũng do đảng Cộng Sản lãnh đạo vậy. Về việc này Mark Moyar viết:

“Bắc Việt liên tục phải đương đầu với sự hạn chế bạo động do Trung Cộng và Liên Xô áp đặt, vì họ sợ Eisenhower nổi trận lôi đình. Vào tháng 5, Trung Cộng bảo Bắc Việt rằng Nam Việt Nam sẽ phải được giải phóng, nhưng bằng chiến tranh trường kỳ gồm cả chính trị lẫn quân sự, chứ không phải dứt khoát bằng một chiến dịch quân sự.” (trang 101)

Điểm chốt về chương này cũng rất quan trọng không thể bỏ qua là trước tình hình Ai Lao bị Cộng Quân xâm chiếm, Tổng Thống Eisenhower đã hết sức quan ngại. “Ông nói: ‘Chúng ta không thể để Ai Lao rơi vào tay Cộng Sản, ngay cả nếu chúng ta phải chiến đấu – cùng với các đồng minh hay ngay cả không có đồng minh’. Nếu cuộc khủng hoảng ở Ai Lao xảy ra sớm hơn, rất có thể Eisenhower đã khởi công đưa lực lượng Mỹ vào Ai Lao.

Nhưng lúc ấy chỉ còn vài tuần nữa hết nhiệm kỳ Tổng Thống, nên ông quyết định để cho vị tổng thống kế nhiệm lấy quyết định về Ai Lao và xem xét tường tận chính sách cần áp dụng.” Nhưng theo tác giả vị tổng thống sau này là “người mà ý chí và khả năng có thể khai chiến ở Ai Lao là vấn đề tranh cãi.”

Ý tác giả là Tổng Thống Kennedy sẽ không có ý chí và khả năng đánh Cộng như vị tiền nhiệm, là một thống tướng, chiến lược gia hàng đầu của Mỹ đã lãnh đạo quân Đồng Minh chiến thắng Phát-xít Đức trong thế chiến II.

Bằng những lời trên tác giả đã kết thúc chương 4.

Chương 5:

Dấn thân nhập cuộc: 1961.

Đầu chương tác giả nói về sự ngưỡng mộ mà Tổng Thống Kennedy, khi còn là nghị sĩ đã dành cho ông Diệm.

Về những nhân vật có ảnh hưởng lớn với vị tổng thống mới như McNamara, McGeorge Bundy, Dean Rusk. Rồi ông trưng dẫn câu nói lịch sử của Kennedy trong ngày nhậm chức:

“Mọi dân tộc nên biết, dù họ muốn điều tốt hay điều xấu cho chúng tôi, rằng chúng tôi sẽ trả bất cứ giá nào, mang bất cứ gánh nặng nào, chịu bất cứ cực khổ nào, ủng hộ bất cứ thân hữu nào, chống đối bất cứ kẻ thù nào để bảo đảm sự tồn tại và thắng lợi của tự do.”

Trước sự hứa hẹn triệt để ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm của Tổng Thống, Đại sứ Durbrow đành bỏ đòi hỏi nói rộng dân chủ tự do, đồng thời cũng không còn phản đối chuyện trang bị thêm cho 20,000 lính.

Đại tá Lansdale, trước kia bị đại sứ Durbrow ngăn cản, nay đã có thể thăm viếng Việt Nam và đề nghị, “việc đầu tiên là phải thay thế vị đại sứ mất thiện cảm của ông Diệm này”. Chỉ hai ngày sau khi tiếp Lansdale, Tổng Thống Kennedy chấp thuận ngân khoản để tăng thêm 20,000 quân cho Việt Nam Cộng Hòa.

Tác giả nhìn nhận miền Nam trong hai năm 1960 và 1961 đã thất bại trong việc chống du kích và nổi dậy của Cộng quân. Ông trích lời tướng McGarr ước đoán Diệm chỉ kiểm soát được 40% nông thôn. Nhưng phía VC cũng không lạc quan gì. Vì theo Lê Duẩn lực lượng quân sự của Diệm vẫn còn nguyên vẹn.

Vấn đề mà Tổng Thống Kennedy quan tâm nhất, tuy vậy, không phải Việt Nam mà là Ai Lao. Tại đây Việt Cộng đã có 12,000 “quân viễn chinh”. Nhưng thay vì theo lời khuyên của nguyên Tổng Thống Eisenhower đem quân vào Ai Lao, “Tổng Thống Kennedy đã quyết định không dùng võ lực và chỉ phô trương lực lượng. (...)” (trang 127)

Rồi sau đó giao cho Averell Harriman, người cực lực chống đối việc can thiệp trực tiếp vào Ai Lao, trách nhiệm thương thuyết với đối phương để đạt một thỏa hiệp về trung lập hóa Ai Lao.

“Ngày 29-4-61 Tổng Thống Kennedy chấp thuận đề nghị tăng số cố vấn tại Nam Việt Nam từ 685 lên 785. Đây là lần đầu tăng số cố vấn Mỹ kể từ năm 1956. Dân vệ được tăng từ 32,000 lên 68,000... và Lục Quân tăng từ 170,000 lên 200,000.”

“Tổng thống cũng theo đề nghị của Lansdale là tân đại sứ Frederick Ernest “Fritz” Nolting nên cải thiện mối giao hảo với Tổng Thống Diệm... và đừng áp lực ông này phải loại bỏ ông Nhu...”

Về các cuộc đụng độ giữa quân chính phủ và Cộng quân, tác giả ghi lại những trận đánh ngày đầu tháng 9 và ngày 17 tháng 9, trong đó tỉnh trưởng Phước Thành Nguyễn Minh Mẫn bị giết phân thân, và vợ cũng bị bắn. VC sớm rút lui mang theo một trăm súng, giải thoát và dẫn đi 270 tù nhân CS.

Đầu tháng 3 đặc phái viên của Tổng Thống là Tướng Maxwell Taylor đến quan sát tại chỗ và báo cáo: “Hồ socho thấy tình hình chính trị tại miền Nam xấu đi từ 1959 là do chính phủ không có khả năng bảo vệ dân và điều khiển chiến cuộc một cách hữu hiệu.” Nhưng viên cảnh không đến nỗi ảm đạm. Taylor viết: “Mặc dầu có khuyết điểm, Diệm vẫn có khả năng phi thường, kiên cường và dũng khí.” Ông khuyên không nên thay thế Diệm, vì sẽ dẫn đến hỗn loạn.

Cuối năm 1961 hàng viện trợ đổ tới Việt Nam càng ngày càng nhiều. Số người Mỹ cũng gia tăng lên tới 2,600. Kennedy cử tướng Paul Harkins cầm đầu phái bộ quân sự Mỹ tại Việt Nam. Tướng Harkins cũng như tướng McGarr luôn có lập trường ủng hộ và bênh vực Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Cuối chương 5, tác giả viết: “Tháng cuối cùng của năm 1961 đánh dấu bước đầu của khúc ngoặt quan trọng trong chiến tranh Việt Nam... Chiến lược của Kennedy nhằm cung cấp cố vấn và viện trợ cho Nam Việt, chứ không gửi quân tác chiến sang là căn cứ vào sự tin tưởng vào khả năng chiến đấu của Nam Việt Nam...”

Chương 6:

Sự trẻ trung hóa, từ tháng Giêng đến tháng 6 năm 1962.

Kennedy tăng viện, gửi thêm cố vấn vào Việt Nam. Nhưng lại muốn giấu. Ký giả bị cấm bay trên trực thăng trong những phi vụ hành quân. Giảm bớt sự phổ biến tin chiến sự. Ký giả quay ra săn tin để đả kích Diệm. Cả Diệm lẫn hai người ủng hộ ông là đại sứ Nolting và đại tướng Harkins đều kém về thu phục báo giới. “Không thềm lầy tin từ các giới chức Mỹ và chính phủ Diệm, báo giới Mỹ ở Sài Gòn đi lượm tin từ những trí thức người Việt và nhân viên Mỹ không làm việc ở tòa Đại Sứ hay cạnh bộ chỉ huy cao cấp cố vấn quân sự Mỹ.

Các phóng viên thường không để ý là 2 nguồn tin này thường thiếu sót, sai lạc. Roger Hilsman thuộc bộ Ngoại Giao đã nhận xét đúng trong thư hồi tháng 2 rằng, một số nhân viên Mỹ đã ở Việt Nam quá lâu và từng thất vọng và ác cảm với chính quyền Việt Nam, hoặc bị ảnh hưởng không tốt của những người có quan điểm bất đồng chính kiến với chính quyền. Những phần tử bất mãn lâu năm đó mớm cho ký giả Mỹ quan điểm chủ bại. Họ cũng khuyến khích những kẻ bất đồng chính kiến trong số những trí thức Việt Nam từng chịu sự giáo dục của Pháp lúc ấy thường tập trung ở Sài Gòn.”

Sau vụ dinh Độc Lập bị oanh kích và con gái ông bà Nhu thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, báo chí Mỹ làm to chuyện, cho rằng nhân dân oán ghét chế độ, ông Diệm đã cứng rắn hơn với ký giả ngoại quốc. Ông cho lệnh tìm cách trục xuất Homer Bigart của *Nữ Ước Thời Báo* và Francois Sully của *Tuần Tin Tức*.

Về mặt quân sự, hai tháng đầu năm 1962, không lấy làm hứa hẹn cho Sài Gòn. Vẫn những cuộc hành quân lớn không kết quả.

“Trong khi đó Cộng quân càng thêm mạnh. Tình báo Mỹ tháng 2 cho biết, VC đã tăng quân số từ 20,000 lên 25,000 trong tháng 12 năm trước.”

Nhưng đến mùa xuân thì tình hình khả quan hơn. Một trong những chiến thắng lớn nhất của chính quyền Sài Gòn trong mùa xuân là trận đánh ngày 6 tháng 4 ở Trà Bồng. Hãng AP loan VC thua chạy để lại 45 xác, và có thể có nhiều xác đã được mang theo. Phía Sài Gòn có 16 chết và 33 bị thương. Đến giữa năm 1962 số cố vấn quân sự Mỹ đã tăng vọt, từ 2,600 lên đến 11,500.

Về hiệu quả của sự cố vấn của Mỹ, tác giả phân biệt:

“Cố vấn về chính trị của người Mỹ thường vô bổ, vì họ thiếu hiểu biết về văn hóa Việt Nam. Trong khi đó cố vấn về quân sự trái lại đã giúp ích nhiều cho sự tiến bộ trong công cuộc điều binh bố trận.”

Tác giả đã giành 3 trang để nói về Ấp Chiến Lược mà ông cho rằng của ông Nhu, chứ không phải của Sir Thompson như nhiều người nghĩ. Ông bảo đây là một cuộc cách mạng hóa nỗ lực chiến tranh.

“Khi giải thích về chương trình ACL, Diệm và Nhu thường năng nói đến tính dân chủ của nó, nhưng là thứ dân chủ theo kiểu Việt Nam, chứ không phải dân chủ theo kiểu Tây Phương.”

Người Mỹ có vẻ không hài lòng vì chương trình này được thực hiện sau lưng họ, và lại dùng cố vấn chính là người Anh (Sir Thompson) chứ không phải là người Mỹ (Rufus Phillips).

Nhưng dầu sao những tiến bộ về hoạt động quân sự, kèm theo một số cải tổ trong guồng máy cai trị khiến người Mỹ không còn muốn ép Tổng Thống Diệm phải mở rộng chính phủ, đưa thêm người của đối lập vào nữa.

Phía Hà Nội thấy Mỹ có vẻ dần thân và chế độ Sài Gòn xem ra ổn vững nên ngó ý muốn thương thảo với cả Diệm lẫn Mỹ, sẵn sàng chấp nhận một miền Nam Việt Nam trung lập với một chính phủ liên hiệp gồm mọi nhóm chính trị tôn giáo và các tổ chức xã hội.

Trong khi đó Hồ Chí Minh được Liên Xô cho 3,000 súng và Trung Cộng cung cấp 90,000 vũ khí đủ để trang bị cho 230 tiểu đoàn mới.

Phần cuối chương 6, tác giả phân tích tình hình Ai Lao và hiệp định Genève về Ai Lao.

Tháng 4, Tổng Thống Kennedy theo đề nghị của Harriman cắt viện trợ cho chính phủ của hoàng thân Phoumi hòng tiến tới một chính phủ liên hiệp 3 phe. Tổng Thống Diệm viện dẫn bài học lịch sử về Cộng sản Hy Lạp chỉ bị đánh bại sau khi Ti-tô không cho chúng lợi dụng lãnh thổ Nam Tư, để khẩn khoản yêu cầu Hoa Kỳ ngăn cản không cho Việt Cộng lợi dụng lãnh thổ Ai Lao để xâm nhập miền Nam Việt Nam. Nhưng không được.

Kennedy quá tin Harriman, nên đã không nghe lời những cố vấn phe “diều hâu”, như McNamara, McCone. Ngày 13 tháng 5, nguyên tổng thống Eisenhower đã nói với hai ông này rằng, “Nếu mất Ai Lao thì cuối cùng Nam Việt Nam và Thái Lan sẽ mất.” (...) Vì vậy phải giữ Ai Lao bằng mọi giá. Ít nhất cũng phải giữ được một nửa.

Nếu cần đến bom nguyên tử chiến thuật để giữ Ai Lao cũng không từ.

Nhưng Harriman nhất định cho rằng Liên Xô sẽ bảo đảm việc Việt Cộng rút hết khỏi Ai Lao. Quả thực Khrushchev có gửi cho Tổng Thống Kennedy một lá thư hứa Cộng quân sẽ không có hành động quân sự nào rộng lớn ở Ai Lao. Nhưng thực tế sau này cho thấy đây chỉ là lời hứa hão.

Vì đại sứ Nolting tỏ ý không tán thành hiệp ước trung lập hóa Ai Lao, nên Harriman lại một lần nữa vận động để đưa Nolting ra khỏi Nam Việt Nam. Nhưng không thành công.

“Tuy nhiên sự chống đối của Nolting không phải là vấn đề quan trọng đối với Harriman như sự chống đối của Diệm, vì Diệm là lãnh tụ tối cao của Đồng Minh có chủ quyền.”

Nhưng rồi mọi sự cũng xong. Với lời hứa ngọt ngào của Tổng Thống Kennedy, Tổng Thống Diệm cuối cùng đã để cho ngoại trưởng VNCH ký hiệp ước đó một cách bất đắc dĩ, mà trong lòng thì lo âu. Với hiệp ước này, Ai Lao có chính phủ liên hiệp gồm 3 phe: Phe Trung Lập của hoàng thân Souvanna, phe hữu của hoàng thân Phoumi và phe cộng của hoàng thân Souphanouvong, em hoàng thân Souvanna..

Tác giả kết thúc chương này bằng một nhận định lạc quan về tình hình Nam Việt Nam, mặc dù có sự xâm nhập gia tăng của Cộng quân từ Ai Lao. “Một sự tiến bộ đáng ngạc nhiên trong quân đội. Chương trình Ấp Chiến Lược trở thành cốt lõi của công cuộc bình định.”

Chương 7:

Tấn công:

từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1962.

Mở đầu là việc bổ nhiệm tướng Paul Harkins làm trưởng đoàn cố vấn và những nỗ lực của ông nhằm ảnh hưởng đến những quyết định cần thiết của Tổng Thống Diệm liên quan đến việc cải tiến các đơn vị tác chiến.

Harkins rất năng động và thường đi xem xét hoạt động của các cố vấn tại hiện trường, trái với lời cáo buộc của một số ký giả Mỹ là ông chỉ ngồi ở văn phòng.

Tác giả trung dẫn chiến thắng của sư đoàn 7 tại Đồng Tháp Mười ngày 20 tháng 7 làm ví dụ về kết quả của những khuyến cáo của tướng Harkins về việc chỉ huy và tinh thần tấn công. Tướng Harkins đã nói với Tổng Thống Diệm: “Chỉ có một cách để chiến thắng là tấn công, tấn công, và tấn công.” (Tr.168)

Phó đại sứ William Truehart lớn tiếng ca ngợi những tiến bộ đạt được là “đáng khích lệ kinh khủng”. Nhưng báo giới Mỹ thì không hào hứng như vậy. Sau khi Homer Bigart và Francois Sully hết hạn hộ chiếu, phải rời Việt Nam, chỉ còn một số nhà báo rất trẻ, trong số phải kể đến Neil Sheehan, 25 tuổi, David Halberstam, 28 và Malcolm Browne, 32. Theo tác giả, những nhà báo trẻ này đòi rằng họ phải được biết rõ mọi sự thực về chiến tranh, những thắng lợi cũng như những thất bại và khuyết điểm, lỗi lầm của chính phủ và quân đội. Vì vậy họ luôn chỉ trích các giới chức Mỹ và Việt Nam đã không cho họ được toàn quyền tiếp cận các nguồn tin. Tuy nhiên tác giả không kết tội họ là cố tình làm lợi cho địch. Ông viết:

“Although they regularly denounce American and south Vietnamese leaders and some of their policies, they supported the basic American goal of defeating the Viet Cong in order to preserve a non-Communist South Vietnam and save the Southeast Asian dominoes.” (Tuy họ thường tố cáo các nhà lãnh đạo và một số chính sách của Mỹ và Nam Việt Nam, nhưng họ vẫn ủng hộ mục tiêu cơ bản của người Mỹ là đánh thắng Việt Cộng để duy trì một miền Nam Việt Nam không cộng sản và cứu các quân đô-mi-nô Đông Nam Á.)

Trong mùa hè 1962 những phóng viên mới để quá nhiều thời giờ cho một mình sư đoàn 7. Tuy Halberstam và Sheehan và hầu hết các phóng viên khác phần nhiều lấy tin từ những nguồn không chính thức thuộc loại “Radio Catinat”, nhưng quả thực họ có đến thăm sư đoàn 7 và tháp tùng các cuộc hành quân khá đều. Lý do, theo tác giả, là vì từ Sài Gòn đến bộ tư lệnh sư đoàn 7 ở Mỹ Tho chỉ có 40 dặm đường khá tốt, và nhất là vì ở đó có sự hiện diện của Trung Tá John Paul Vann rất thích cung cấp tin cho các phóng viên để được nổi tiếng.

Tác giả đưa ra nhiều điều không tốt về ông này, cũng như về bà mẹ của ông ta. Ít ai biết bà từng có con hoang, làm đĩ, và nghiện rượu. Nhiều chỗ, nhất là chương về trận Ấp Bắc, tác giả đã đưa ra nhiều tài liệu để chứng minh Vann nói láo, để chạy tội và đổ lỗi cho sĩ quan Việt Nam không muốn tiếp cứu người Mỹ bị địch bao vây... Chắc là ký giả Neil Sheehan “sùng” lắm vì ông ta đã ca tụng Vann hết lời trong tác phẩm lớn *A Bright Shining Lie* của ông ta. (Xin xem chương 20, *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê của Minh Võ.*) Vann là nguồn tin chính của Sheehan đã

nói láo, thì các tin mà Sheehan đưa ra về những ưu điểm của Cộng quân và những sai trái của quân Quốc Gia còn có giá trị bao nhiêu?

Trang cuối tác giả nhắc đến hiệp ước trung lập hóa Ai Lao, công trình của Harriman đã đưa đến việc Cộng quân tha hồ dùng đường mòn Hồ Chí Minh để xâm nhập miền Nam, vì vậy nhiều người lấy tên Harriman đặt cho đường mòn này: “*Xa Lộ Tưởng Niệm Averell Harriman*”.

Mặc dầu gặp khó khăn bội phần do cái “xa lộ Harriman” này gây ra, chính quyền Diệm vẫn thu lượm được nhiều thắng lợi vào hạ bán niên 1962.

Tác giả kết thúc chương 7 bằng lời nhận xét của ký giả Wilfred Burchett, người Úc thân Cộng, đã từng sống với VC vào thời gian đó như sau:

“Về lãnh thổ cũng như về dân số, Diệm đã lấy lại được một phần đáng kể. Quân (của Diệm) đã ghi được một số thắng lợi và chủ động về chiến lược và chiến thuật... Năm 1962 là năm của Diệm.”

Chương 8:

Trận Ấp Bắc:

Tháng Giêng năm 1963.

Tác giả để gần 20 trang để viết về trận đánh cấp tiểu đoàn này, trong khi về những trận đánh khác trong năm 1962, ông chỉ nói qua mấy hàng. Thứ nhất vì đây là trận phản công đầu tiên của Việt Cộng sau một loạt thất bại trong 6 tháng cuối năm 1962, để cố dành lại thế chủ động. Nhưng VC đã thất bại, để lại trên một trăm xác chết.⁴

Thứ hai, vì trận này đã được số đông báo giới và sử gia Mỹ sau này nêu lên để chứng minh sự “yếu kém và ươn hèn của chính quyền miền Nam không muốn chống cộng, chỉ muốn duy trì lực lượng hầu bảo vệ nhà Ngô...”

Trong trận này quân của sư đoàn 7 bị thiệt hại nặng, 80 chết 109 bị thương. Lực lượng Mỹ yểm trợ có 3 người chết, 6 bị thương và nặng nhất là có tới 5 máy bay trực thăng bị hư hại. Dư luận phe chính thống coi đây là thất bại lớn chứng tỏ chính quyền đang trên đà suy sụp. Nhưng tác giả đã thuật lại đầy đủ chi tiết trận đánh, địa hình địa vật, và quân số hai bên, cũng như diễn tiến trận đánh, để đi đến nhận xét trái ngược. Theo tác giả thì, tướng Harkins và Đô Đốc Felt đều nhận định, đây là một chiến thắng của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Riêng tác giả thì phân biệt, về mặt chiến thuật, sư đoàn 7 thất bại, vì không tiêu diệt được đối phương như đã hoạch định. Nhưng về mặt chiến lược thì thắng vì không để Cộng quân dành lại được thế chủ động.

Tác giả cũng nêu bằng chứng để quy trách sự tổn thất – không chỉ về phía Mỹ – cho Trung Tá Vann. Hơn nữa còn kết tội ông nói dối. Những dẫn chứng chi tiết được

nêu lên trong 62 chú thích có thể tạo nên một thách thức nghiêm trọng đối với sự đánh giá của “phe chính thống”.

Chương 9:

Tổng Thống Diệm trước thử thách: Từ tháng 2 đến tháng 7.

Tình hình an ninh và công cuộc bình định tiếp tục tiến triển sau trận Ấp Bắc nhờ dân chúng tin tưởng vào chính quyền và cung cấp nhiều tin tức về hoạt động của Cộng quân. Từ tháng 2 đến tháng 7 Cộng quân chỉ có thể chủ động mở tấn công cấp tiểu đoàn 7 lần, so với 35 lần trong 6 tháng đầu năm 1962. Một tài liệu lịch sử của quân khu 5 VC sau này đã ghi: “*Chính quyền Diệm đã lấy lại tất cả những gì chúng ta chiếm được.*”

Kết quả này theo tác giả là nhờ chương trình Ấp Chiến Lược. Ông trưng dẫn các chuyên gia người Úc (đại tá Ted Serong) và Anh (Sir Thompson) nhận định đây là thành tựu to lớn, khiến chính phủ đang trên đà chiến thắng. Cố vấn Mỹ Rufus Phillips cũng lạc quan, tuy dè dặt hơn.

Cuối tháng bảy một toán đặc nhiệm thuộc sư đoàn 7 đã tấn công tiểu đoàn 514 VC khiến chúng phải bỏ chạy để lại 58 xác, và đem theo một số tương đương. Phía quân chính phủ có 18 tử thương.

Phản động ký giả Mỹ không báo cáo những thành tựu đó. Trái lại có kẻ như Halberstam còn cho rằng tình hình an ninh tồi tệ, nguyên do là tại bà Nhu. Nhưng “Đại tướng Edward Rowny bảo Halberstam:

“Này Dave, anh biết cuộc hành quân thắng lợi đấy chứ? Và dù nó thắng lợi hay không thì cũng chẳng dính dáng gì đến bà Nhu cả. Thậm chí binh sĩ còn chẳng biết bà ta là ai nữa.”

Halberstam đáp:

“Đại tướng ơi, độc giả không thích đọc bất cứ cái gì liên quan đến những cuộc hành quân bé nhỏ này đâu. Cái mà họ thích đọc là mụ “Long Nữ” (Dragon Lady) cơ.” (tr. 210, chú thích 27)

Thử thách của ông Diệm chẳng những do báo chí Mỹ, do số lớn vũ khí và quân lính Bắc Việt xâm nhập qua đường mòn Harriman. Mà còn do biến cố Phật Giáo. Tài liệu VC cho biết mỗi tháng Bắc Việt chuyển vào Nam 1500 lính để tăng cường cho số quân chỉ vào khoảng 23,000. Đây là một tỷ lệ vô cùng lớn lao. Nhưng số quân VC đào ngũ, hoặc ra đầu thú với chính quyền trong chiến dịch chiêu hồi cũng rất lớn. Vì vậy chính quyền vẫn giữ được thế chủ động.

Về biến cố Phật Giáo, tác giả đưa nhiều bằng chứng để đi đến kết luận giống như Tổng Thống Nixon hay cựu hoàng Bảo Đại đã khẳng định trong *No More*

Vietnams hay *Le Dragon D'Annam*: Vấn đề không phải kỳ thị tôn giáo, mà là chính trị. Tác giả đã để nhiều trang bàn kỹ về nguồn gốc sự khủng hoảng, và vai trò của Thượng Tọa Thích Trí Quang, mà ông bảo là người đã áp dụng những phương pháp đấu tranh giống CS, hoàn toàn trái ngược với nếp sống và tác phong của một tu sĩ Phật Giáo. Ông trưng dẫn bằng chứng về việc Tổng Thống Diệm đã có thiện chí thương lượng, hòa giải, nhưng Thích Trí Quang luôn luôn chỉ muốn đánh đổ cho bằng được chính phủ. Tác giả cũng nhắc lại chuyện dĩ vãng, chính ông Hồ đã từng khoác áo nhà sư trong thời gian còn đấu tranh trong bí mật...

Tiếp rằng báo chí Mỹ đã triệt để ủng hộ phong trào đấu tranh của Thích Trí Quang, lên án chế độ. Họ lý luận rằng Phật Giáo chiếm tới 70 hay 80 phần trăm dân, nên đại diện toàn dân và như vậy ông Diệm đã bị toàn dân lên án, không thể nào tồn tại... Tác giả đã bác bỏ hoàn toàn tỷ lệ phần trăm tưởng tượng này, bằng những thống kê chính xác.

Tác giả cũng nói đến vai trò của Phạm Xuân Ẩn và Phạm Ngọc Thảo trong vấn đề ảnh hưởng đến dư luận báo chí Mỹ. Các nhà báo trẻ như Neil Sheehan và David Halberstan thường xuyên tiếp xúc với những nguồn tin sẵn ác cảm với chính quyền. Vì thế phần đông dư luận Mỹ và thế giới cũng lên án theo.

Cuối chương tác giả viết:

“Trong khi Truehart, Hilsman, Halberstam và những người Mỹ khác bao vây Diệm với những yêu sách sai lầm về hòa giải, họ đã ngoảnh mặt làm ngơ trước hai sự thực quan trọng: nỗ lực chiến tranh của Nam Việt Nam đang tiến những bước dài, và vấn đề chính của Nam Việt Nam là sự xâm nhập càng ngày càng tăng của Cộng quân qua ngã Ai Lao.” (tr 228)

Chương 10:

Phản bội:

Tháng 8 năm 1963.

“Xem ra tôi không thể nào làm cho tòa đại sứ tin được rằng đây là nước Việt Nam chứ không phải Hoa Kỳ”. Chương sách được mở đầu bằng lời Thống Thống Diệm nói với nữ ký giả Marguerite Higgins như vậy. Ông đã để gần 2 trang sách để tóm lược nội dung câu chuyện dài 5 giờ vào đầu tháng 8 giữa vị tổng thống độc thân và cô gái Mỹ trẻ đẹp. Cô này thích xông xáo lặn lội khắp nơi, từ rừng rậm đến đồng ruộng sinh lầy⁵ ở Nam Việt Nam hòng săn tin về cuộc khủng hoảng đang diễn ra. Cô là nữ ký giả đầu tiên của Mỹ được giải thưởng Pulitzer về báo chí.

Rồi ông nói về làn sóng phản đối của sư sãi và Phật tử xung quanh chùa Xá Lợi. Trong số vài chục ngàn người đó, ông trưng bằng chứng từ phía CS rằng không ít người do VC xúi dục gia nhập cho thêm đông, để làm mất uy tín chính phủ.

Về cuộc lùng bắt và giam giữ một số sư sãi và Phật tử trong chùa Xá Lợi đêm 22 tháng 8, tác giả trưng bằng chứng từ nhiều nguồn tài liệu, cho biết chính các tướng lãnh sau này làm cuộc đảo chính đã xin TT Diệm được dẹp nhóm quá khích. Vì lúc ấy nhiều người bất mãn với TT Diệm, không phải vì ông quá cứng rắn với nhóm Phật tử quá khích, mà vì họ cho rằng ông quá mềm yếu. Chính Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ chỉ vài ngày trước khi đảo chính đã tuyên bố với các nhà ngoại giao ngoại quốc rằng đáng lẽ chính quyền đã phải dập tắt phong trào Phật Giáo không nương tay.

Trước khi có cuộc lục soát và bắt giữ nhóm chống đối trong chùa Xá Lợi, chính tướng Trần Văn Đôn đã lên đài phát thanh tuyên bố tình trạng thiết quân luật. Rồi sau đó Quân Đội đã bố trí tại các nơi hiểm yếu trong thành phố để cho 3 lực lượng Cảnh Sát, Thanh Niên Cộng Hòa và Lực Lượng Đặc Biệt xông vào Chùa, bắt giữ bọn người làm loạn.

Hành động quyết liệt của quân đội đã lấy lại được uy tín cho chính quyền. Nhưng các ký giả Mỹ, mà nổi bật là Halberstam đã dựa vào những nguồn tin ác cảm hay sai lạc để tố cáo ông Nhu lạm quyền chỉ huy cuộc “đàn áp”. Tác giả viết: “Tất cả tin tức nêu lên trong bài báo của Halberstam về vụ 22 tháng 8 xuất phát từ những nguồn vô danh mà anh ta náo nức muốn tin là đúng, nhưng tất cả đều sai.”

Tác giả tấn công Halberstam bằng một loạt bằng chứng về những báo cáo láo của anh ta. Chẳng hạn Halberstam báo cáo có 4 người bị bắn chết tại Huế, thì khi Phái đoàn Liên Hiệp Quốc tới điều tra, họ đã phỏng vấn cả 4 người (đã chết!) này.

Cùng với 3 nhà báo ác cảm với ông bà Nhu, còn có 3 người trong chính quyền Mỹ cũng cùng một tâm trạng. Họ cùng nhau lập thành nhóm Diem-Must-Go (theo đại sứ Frederick Nolting) tiến hành một loạt mách mung không đường hoàng, nếu không muốn bảo là gian xảo, để áp lực cho ông Diệm phải loại trừ ông Nhu. Vì đây là vấn đề vừa khuấy tất vừa khô hài một cách chết người nên xin dịch nguyên văn một đoạn dài của tác giả:

“Harriman, Hilsman và Forrestal mô tả biến cố 21-8 theo cùng một cách như báo giới Mỹ. Họ quả quyết rằng chính phủ đã quyết định tấn công tàn bạo các chùa chiền. Họ không xét đến sự khiêu khích và chủ ý phản nghịch đã khiến chính phủ phải đuổi những kẻ đầu tranh ra khỏi chùa. Vì không quen với văn hóa của Việt Nam, họ không hiểu rằng dung túng những cuộc chống đối như ở chùa Xá Lợi sẽ làm cho người lãnh đạo bị mất uy tín. Trong trí của 3 người Mỹ này, việc dọn sạch các chùa hoàn toàn do Nhu toan tính nhằm bách hại các Phật tử và không cho dân chúng có quyền tự do ngôn luận, và như vậy sẽ khiến cho công chúng phải chống lại nhà Ngô...”

“Harriman và Hilsman đã từ lâu hy vọng thấy Nhu phải ra đi. Thì đây cơ hội bằng vàng đã tới. Trong bản giác thư họ viết: “Chính phủ Hoa Kỳ không thể dung thứ một tình huống trong đó quyền hành nằm trong tay Nhu.” Họ cho phép đài Tiếng Nói Hoa Kỳ và các cơ quan thông tin khác của chính phủ loan báo rằng lỗi ở ông Nhu, chứ không phải quân đội. Đi xa hơn cả những gì 4 nguồn tin Việt Nam khuyến

làm (các tướng Đôn, Kim, bộ trưởng Thuần và Võ Văn Hải khuyên nên cho Nhu đi, nhưng giữ Diệm lại vì không thể có ai thay được ông Diệm, MV), họ xác quyết rằng hãy cho Diệm một cơ may loại Nhu, nhưng nếu không loại được Nhu, thì chính ông Diệm cũng không thể giữ.” Tác giả bản thông điệp chỉ thị cho đại sứ Lodge cho các tướng lãnh biết, nếu Diệm không đưa Nhu đi và nhường bộ nhiều hơn với phe Phật Giáo, thì Hoa Kỳ sẽ thôi không ủng hộ Diệm và sẵn lòng ủng hộ một lãnh tụ khác.

“Chiều thứ bảy ấy, Harriman và Hilsman mang bức công điện tới số 9T câu lạc bộ Chevy Chase, là nơi thứ trưởng ngoại giao George Ball đang chơi Golf. Ball thích chơi bạo. Ông ta đã chán ghét cuộc đàn áp Phật Giáo của Diệm, như đã được thông báo bởi các ký giả Mỹ mà ông ta thích. Vào một dịp nọ, ông ta đã nói với TT Kennedy rằng “Ngài sẽ có lợi hơn nếu truyên trò với những ký giả đang làm việc ở Việt Nam hơn là nói chuyện với những viên chức chính phủ Hoa Kỳ”. Ball khuyên nên xin phép Tổng Thống Kennedy để gửi công điện đi Sài Gòn.

“Hai tác giả công điện và Ball bèn gọi điện cho Tổng Thống lúc ấy đang nghỉ cuối tuần ở Cape Cod, và giục ông duyệt y bản công điện. Kennedy vốn đã có vẻ nghiêng về quan điểm là Nhu phải ra đi và phải ép Diệm một cách đáng kể vì dư luận báo chí xôn xao về vụ tấn công chùa. Tuy nhiên ông không biết sự tai hại mà bản công điện gây ra cho ông Diệm. Ông vẫn còn quý trọng ông Diệm, và về sau, khi đã thấy rõ những ngụ ý đầy đủ của công điện, ông đã ân hận. Từ Cape Cod Kennedy báo các viên chức bộ ngoại giao rằng ông chấp thuận công điện, với điều kiện là họ phải được sự đồng ý của thủ trưởng của họ, là ngoại trưởng Dean Rusk, và của ông Roswell Gilpatric đang tạm thay bộ trưởng Quốc Phòng McNamara. Ông này đang leo núi ở Wyoming. Tổng Thống đặc biệt quan tâm đến quan điểm của bộ Quốc Phòng vì bộ này kiên quyết ủng hộ ông Diệm.

“Gọi điện đến sân vận động Yankee, người ta bảo ngoại trưởng Rusk rằng Tổng Thống đã duyệt y công điện, mà không nói rằng Tổng Thống duyệt y với điều kiện là Ngoại Trưởng và ông Gilpatric cũng đồng ý. Ông Rusk nói ông đồng ý. Forrestal liên lạc với ông Gilpatric và xin ông ấy thuận, lại nhấn mạnh rằng Tổng Thống và ngoại trưởng Rusk đã thuận rồi. Forrestal, cũng như ba viên chức bộ Ngoại Giao, không màng nhắc đến điều kiện của sự chấp thuận của Tổng Thống, khiến ông Gilpatric cũng có cảm tưởng rằng người ta xin sự đồng ý của mình cho có lệ để thông qua một chính sách mà Tổng Thống đã chọn. Vì thế Gilpatric đồng ý.

“Để tránh cho bên CIA khỏi có cảm nghĩ họ bị bỏ qua không hỏi ý, Harriman đã tiếp xúc với phó giám đốc CIA đặc trách về Kế Hoạch là Richard Helms, thay vì cố tìm gặp chính Giám Đốc là John McCone là người nhiệt liệt ủng hộ Diệm. Harriman bảo Helms rằng Tổng Thống đã chọn một con đường hành động mới cho Nam Việt Nam. Nhưng ông ta không xin ý kiến của ông Helms hay của CIA, trước khi cáo từ.

“Những tác giả bản công điện đã không tìm sự đồng thuận của Chủ Tịch Ban Tham Mưu Hồn Hợp là đại tướng Maxwell Taylor vì ông này cũng là người ủng hộ ông Diệm một cách mạnh mẽ.

“Nếu như các ông McNamara, McCone và Taylor được tiếp xúc để hỏi ý, hoặc nếu như những kẻ thảo công điện cho các ông Rusk và Gilpatric biết rõ ý của Tổng Thống một cách đường hoàng, thì chắc công điện đã không bao giờ được gửi đi. Vì

các ông McNamara, McCone và Taylor rất kính trọng ông Diệm. Sau này khi biết cái thủ đoạn gian trá này, các ông đã nổi trận lôi đình.

“Ngay tối hôm ấy bản công điện đã được gửi cho đại sứ Lodge.” (trang 238)

Tác giả mô tả ông Lodge là người bị ảnh hưởng nặng của nhóm phóng viên trẻ chỉ muốn hạ ông Diệm. Ông quyết ra tay. Nhưng âm mưu bị bại lộ, vì ông Nhu biết được và đề phòng. Vì vậy tất cả công điện liên quan đến âm mưu đảo chính vào cuối tháng 8 bị thiêu hủy hết.

Chương 11:

Tự hủy: Từ tháng 9 đến ngày 2-11-1963

Sau âm mưu đảo chính bất thành, hàng ngũ lãnh đạo cao cấp tại Hoa Thịnh Đốn chia hẳn làm hai phe. Harriman, Hilsman, George Ball và Forrestal tiếp tục tấn công Diệm. Phe bên Diệm gồm những nhân vật quan trọng hơn như Robert McNamara, Maxwell Taylor, Robert Kennedy (bộ trưởng Tư Pháp) và McCone, không kể đại sứ Nolting và William Colby, và cả Phó Tổng Thống Lyndon B. Johnson Tác giả cũng nêu tên cố vấn Anh, Sir Robert Thompson ở Sài Gòn.

Mặc dù sự lơ lửng xảo trá của nhóm Harriman đã khiến Tổng Thống không tin họ nữa, ông vẫn không dứt khoát ngã về bên nào. Vì dư luận báo chí quá bất lợi qua vụ khủng hoảng Phật Giáo khiến Tổng Thống cũng phải nương theo mà tuyên bố bất lợi cho ông Diệm. Trả lời ký giả Walter Cronkit trong một cuộc phỏng vấn, Tổng Thống Kennedy nói: “Chúng ta sẵn sàng tiếp tục giúp họ. Nhưng tôi nghĩ sẽ không thắng được trận giặc, nếu nhân dân Việt Nam không ủng hộ những nỗ lực của chính quyền. Và theo ý tôi, trong những tháng qua chính quyền (Sài Gòn) đã xa rời dân. Chúng ta đã thấy cuộc đàn áp các Phật tử thật là không khôn ngoan.”

Hết tin ở ông Lodge, Tổng Thống gửi sang Sài Gòn một phái bộ thanh tra tại chỗ gồm tướng Victor Krulak, thuộc Thủy Quân Lục Chiến, và Joseph Mendenhall thuộc bộ Ngoại Giao do Harriman và Hilsman đề cử.

Phúc trình của Krulak dựa vào lời khai của 87 người Mỹ và 22 người Việt trên khắp 4 vùng chiến thuật hoàn toàn có lợi cho ông Diệm. Còn báo cáo của Mendenhall thì cũng tốt nhưng không hoàn toàn có lợi. Tác giả Mark Moyar trưng dẫn nhiều nguồn tin khác chứng minh tình hình an ninh hoàn toàn đúng như phúc trình của Krulak. Về các Ấp Chiến Lược, thì tốt ở 3 vùng 1, 2 và 3.

Nhưng tại vùng 4 thì có một số ấp bị Việt Cộng phá. Những ấp này phần lớn thuộc tỉnh Long An, cạnh thủ đô, được báo chí Mỹ quan tâm nhiều.

Khi Tổng Thống Kennedy gặp tướng Krulak và Mendenhall ngày 10-9-63 để nghe báo cáo, thì tình cờ cũng có mặt Rufus Phillips. Ông này đã đề nghị Tổng Thống nên loại ông Nhu và giữ lại ông Diệm.

Những lời của Mendenhall và Phillips khiến McCone phản ứng kịch liệt, vì ông có cả một mạng lưới thu thập tin tức tình báo đầy đủ hơn họ nhiều. Cuối buổi họp ông khẳng định: “Sĩ quan Việt Nam sẽ làm việc với ông Nhu”.

Về phía đại sứ Lodge, ông cố tìm cách hạn chế quyền hành của ông Nhu và đề nghị đưa ông Thuần lên làm thủ tướng. Nhưng ông Diệm không muốn chịu áp lực của Mỹ. Ông bảo ông “không muốn bị coi như bù nhìn hay tay sai của Mỹ”.

Sau khi gặp Tổng Thống Diệm đại sứ Lodge lại tìm mọi cách lật ông. Thấy trưởng nhiệm sở CIA là Richardson báo cáo thuận lợi cho Diệm, Lodge liền tự tay đánh máy bí mật bản đề nghị triệu hồi ông này về Mỹ. Halberstam dùng ảnh hưởng của mình hỗ trợ cho mưu toan của Lodge.

Trong lúc Kennedy chán ngấy Halberstam đến tận cổ, một nhà báo uy tín mà Kennedy vốn có cảm tình là Joseph Alsop đưa ra những nhận xét hoàn toàn tốt đẹp về tình hình an ninh tại Nam Việt Nam, gián tiếp kết tội các nhà báo Mỹ ở Sài Gòn đã không khách quan, đặc biệt là Halberstam: “... Such optimistic sources are almost never quoted by Halberstam” (Những nguồn tin lạc quan như thế hầu như chẳng bao giờ được Halberstam trưng dẫn).

Kennedy mời chủ báo New York Times ăn trưa và ngỏ ý muốn đưa Halberstam ra khỏi VN. Nhưng Arthur Sulzberger từ chối vì không muốn bị mang tiếng là chịu áp lực của chính quyền.

Trong chuyến đi thăm Việt Nam, McNamara và Taylor đã cùng với đại sứ Lodge đến thăm TT Diệm. Bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ nêu lên dư luận Mỹ đang bất lợi cho chế độ miền Nam, nếu không có thay đổi, cải tiến...

Nhưng khi về Mỹ hai ông đã báo cáo tình hình Việt Nam rất tốt đẹp, đến nỗi vào cuối năm có thể rút về 1000 cố vấn. (trang 254)

Tuy nhiên (trước dư luận bất lợi của nhân dân Mỹ do báo giới gây nên) McNamara khuyến cáo, và Taylor cũng miễn cưỡng nương theo, rằng nên cắt phần viện trợ để làm áp lực với Diệm, nhưng đừng để hại đến nỗ lực chiến tranh.

Kennedy bèn ra lệnh cắt phần nào viện trợ và chỉ thị cho Lodge tránh khuyến khích đảo chính, nhưng phải tiếp xúc để tìm ra người thay thế lãnh đạo.

Trái với điều Kennedy mong muốn, tin Mỹ cắt viện trợ làm mất hẳn uy tín của chính phủ Sài Gòn. Những khó khăn về kinh tế khiến viên chức chính phủ và dân chúng mất lòng tin ở chính quyền.

Ngày 10-10-63 Lodge đề Caine cho các tướng biệt Hoa Kỳ không gạt bỏ sự thay đổi chính quyền và “không từ chối viện trợ cho chế độ tương lai nào được dân ủng hộ để thắng Cộng”.

Trong hoàn cảnh khó khăn ấy, quân chính phủ vẫn thực hiện nhiều cuộc hành quân thắng lợi, mà chính Halbertstam cũng phải công nhận.

Ngày 22 tháng 10, tại một buổi tiếp tân của tòa đại sứ Anh, đại tướng Harkins đã cảnh cáo tướng Đôn rằng ông không tán thành một cuộc đảo chính. Tướng Đôn làm bộ không biết gì về âm mưu đó.

Theo báo cáo của CIA, Tổng Thống biết Lodge đã qua mặt ông, toan tính chuyện đảo chính với các tướng Việt Nam. Ông muốn cất chức Lodge. Nhưng nghĩ Lodge sẽ là đối thủ của ông trong cuộc bầu cử Tổng Thống vào năm tới. Nên lại thôi.

Ngày 27-10-63 Tổng Thống Diệm mời vợ chồng ông Lodge lên Đà Lạt ở biệt thự của Tổng Thống và đề cập vấn đề Hoa Kỳ cất viện trợ và tố cáo John Mecklin và CIA giúp phe chống chính phủ. Nhân dịp này ông Lodge lại yêu cầu Tổng Thống Diệm cải tổ chính phủ. Tác giả viết:

“Diệm trả lời, nguyên văn tiếng Pháp: “*Je ne vais pas servir*”, dịch từ chữ sang tiếng Anh là “I am not going to serve”, nghĩa là tôi sẽ không phục vụ.

Lodge báo cáo về DC rằng câu trả lời của Diệm vô nghĩa và phỏng đoán rằng ông Diệm muốn nói một cái gì khác. Có lẽ không có ví dụ nào tốt hơn để cho thấy Lodge không đủ khả năng hiểu được tình hình Việt Nam vào năm 1963, bằng sự việc ông ta không hiểu nổi ý của ông Diệm là ông ta không muốn làm đầy tớ Mỹ.” (tr. 260-261)

Trong khi phe “Diem-Must-Go” mưu toan đảo chính thì tướng Krulak, một trong những người bên vực ông Diệm cho phổ biến báo cáo của phái đoàn lập pháp gồm 8 dân biểu do Clement J. Zablocki (DC Wisconsin) lãnh đạo.

“Theo Zablocki thì toàn thể phái đoàn đã đồng ý như sau:

- **a.** Dù có lỗi gì, dù độc đoán và dung túng hối lộ, bạo lực, thì Diệm vẫn tồn tại và đang thắng.
- **b.** Không thấy có ai thay thế được Diệm – Ít nhất chẳng có ai bảo đảm được tiến bộ; do đó những hành động của những đại diện Hoa Kỳ nhằm câu kết với những kẻ mưu phản, như đã rõ trong tháng 8, là tai hại.
- **C.** Hái độ của báo giới Hoa Kỳ tại chỗ phản ảnh trầm trọng đến toàn bộ chức nghiệp của họ. Họ hỗn xược, dễ bị xúc động, không khách quan và bị thông tin sai lạc.

Sự chống đối họ được biểu lộ rõ nhất qua việc họ bị xua đuổi bởi nhiều nhà báo Mỹ có tinh thần trách nhiệm.”

Sau khi họp ban tham mưu Tổng Thống Kennedy chỉ thị báo cho Lodge phải tránh đảo chính. Trong số nhiều ý kiến của những kẻ bên người chống đảo chính, chúng tôi ghi lại đây ý của bộ trưởng Tư Pháp, bào đệ của TT Kennedy:

“Điều chúng ta đang làm thực sự là đặt tất cả tương lai xứ này và Đông Nam Á trong tay một kẻ mà chúng ta không biết rõ. Diệm là một chiến sĩ. Ông ta không phải kẻ giống như (Tổng Thống Cộng Hòa Dominic Juan) Bosch chỉ muốn bỏ đi. Diệm là một nhân vật cương quyết và tôi nghĩ ông ta sẽ quyết chiến... Nếu đảo chính thất bại, tôi nghĩ ông ta sẽ yêu cầu chúng ta rút khỏi miền Nam Việt Nam. Như vậy chúng ta đang đi xuống con đường dẫn tới thảm họa.”

(...)

“Lodge nhận công điện của Bundy sáng 30-10 nhưng mãi đến tối hôm đó mới phúc đáp. Vào giờ đó ông ta biện luận rằng không nên cho các tướng lãnh biết rằng cuộc đảo chính có thể thất bại. Thực ra Lodge chẳng hề ra lệnh cho Conein chuyển thông điệp tới các kẻ làm phản như Tổng Thống đã chỉ thị ông ta phải làm.”...

“Cũng ngày hôm đó Tướng Harkins gửi tới Hoa Thịnh Đốn 3 công điện, tất cả đều nhanh chóng tới bàn Kennedy. Harkins phản đối việc đại sứ tích cực khuyến khích đảo chính vì như thế là vi phạm đường lối chính thức của Hoa Kỳ, cũng như việc ông ta đã không cho người cầm đầu phái bộ cố vấn quân sự biết về cuộc mưu phản. Harkins nhận xét, cuộc đảo chính không chắc có thành công hay không. Và tuy có nhiều người không thích Nhu, các tướng vẫn muốn hợp tác với ông Diệm,. Không như Lodge, Harkins biết rõ về khả năng của các tướng. Ông cảnh cáo rằng Nam Việt Nam không có ai có thể thay thế Diệm một cách thích đáng. Ông quả quyết: “Qua các cuộc tiếp xúc ở đây, tôi thấy chẳng có ai có một bản lãnh mạnh như Diệm, ít nhất về mặt chống Cộng.”

Ngày 31-10 ông Nhu gọi tướng Đính tới dinh. Tỉnh trưởng Định Tường đã báo cáo, đại tá Có, phụ tá của Đính rủ ông ta làm phản. Đính bảo ông Nhu “để tôi chém đầu tên Có”. Nhưng Nhu không cho, bảo để theo dõi...

Ngày đó, tướng Đôn cũng tới dinh để nhắc ông Diệm về việc cải tổ chính phủ (để xin mấy ghế bộ trưởng cho các tướng). Ông Diệm bảo không cần, vì nay tình hình đã khả quan. Đúng ra ông Diệm biết các tướng chỉ hợp các chức vụ quân sự, không có khả năng chính trị. Tác giả viết:

“Giả như hôm ấy, dù đã rất muộn, ông Diệm thỏa mãn yêu cầu của các tướng, họ đã bỏ không đảo chính nữa. Về sau Đôn nói, chính sự từ khước của Diệm đã đưa các tướng đến quyết định dứt khoát là phải làm loạn.” (tr 265)

“Sáng 1-11, ngày ra tay, Lodge cùng với đô đốc Felt đến yết kiến Tổng Thống Diệm. Ông Diệm bảo hai người Mỹ: Tôi biết có một âm mưu đảo chính. Nhưng không biết ai sẽ ra tay.” Lodge nói: “Tôi nghĩ chẳng có gì cần lo lắng về chuyện đó”

Ông Diệm nhờ Lodge thưa với TT Kennedy rằng ông ta sẵn sàng xem xét nghiêm chỉnh những đề nghị của Mỹ, và mong sẽ thi hành, nhưng cần có thời gian...

Trong báo cáo, Lodge nhìn nhận câu chuyện đó và đề nghị nên hòa giải với Diệm. Nhưng ông ta đã gửi báo cáo này với khẩn độ ưu tiên thấp nhất, cho nên nó chỉ tới Hoa Thịnh Đốn nhiều giờ sau khi Bạch Ốc đã bắt đầu nhận những công điện với khẩn độ ưu tiên cao về cuộc đảo chính đã xảy ra ở Sài Gòn.

Sáng hôm ấy, chỉ vài giờ trước khi cuộc nổi loạn khởi sự, những tay làm phản vẫn còn chưa tin ở chính mình.

Tướng Khiêm, nước mắt giọt vẫn giọt dài, đến gặp tướng Đính và yêu cầu ông này đừng nói với ai về điều ông ta sắp nói đây. Khi Đính hứa không nói, thì Khiêm bảo muốn hủy bỏ cuộc đảo chính... “không muốn hại ông Cự”. Đính nghĩ mình bị Khiêm thử thách, nên nói hãy cứ tiến hành đi... Thực ra nhóm chủ trương có ý ngờ vực Đính thật, vì họ chưa cho Đính biết về các chi tiết cuộc đảo chính, cũng không mời Đính tới bản doanh chỉ huy.

Tác giả viết: “Vào thời điểm này, kẻ cơ hội chủ nghĩa Đính rất có thể dụng tâm tránh một sự dấn thân dứt khoát với cả hai bên, cho đến khi có một bên tỏ ra mạnh thế hơn... Sau này Khiêm bảo Đính rằng ông ta đã bôi dầu thuốc của Tàu vào mắt để làm như khóc thật, rồi đến gặp Đính để thử lòng.

Tuy nhiên lời nói của Khiêm có thể chỉ là muốn cố đánh tan mối nghi ngờ về sự trung thành của mình.” (tr 266)

Chỉ một thời gian ngắn trước khi đảo chính nổ ra ở Sài Gòn, đại tá Có đã áp đảo được sư đoàn 7.

Ở Sài Gòn tư lệnh Hải Quân bị tay em giết. Các tướng cầm đầu đảo chính triệu tập các tướng lãnh và đại tá không biết gì về âm mưu đảo chính đến họp ở Bộ Tổng Tham Mưu, bắt giữ những người họ nghi trung thành với ông Diệm trong đó có Đại Tá Cao Văn Viên.

Lực Lượng Đặc Biệt, lúc ấy đã bị đặt dưới quyền Bộ Tổng Tham Mưu, nên hầu hết đã bị các tướng đảo chính thuyên chuyển khỏi Sài Gòn. Còn lại một số ít, theo tác giả, bị đại tá Lê Quang Tung ra lệnh đầu hàng, vì ông bị người của nhóm đảo chính dí súng vào đầu bắt ra lệnh.

Lúc 4:30, Tổng Thống Diệm từ dinh Gia Long điện thoại cho Lodge.

Tác giả viết:

“Báo cáo chính thức trong hồ sơ của ông này (Lodge) ghi lại cuộc đối thoại như sau:

“*Diệm*: Một số đơn vị đã làm loạn. Tôi muốn biết thái độ của quý quốc..

“*Lodge*: Tôi không có đủ tin tức để cho ông biết. Tôi có nghe súng bắn. Nhưng không rõ tất cả sự việc. Vả lại, giờ này ở Hoa Thịnh Đốn là 4:30 sáng và chính phủ Mỹ không thể đưa ra một quan điểm.

“*Diệm*: Nhưng ông chắc phải có một vài ý kiến tổng quát chứ. Dầu sao, tôi cũng là quốc trưởng. Tôi đã cố làm nhiệm vụ của tôi. Bây giờ tôi muốn làm điều gì bổn phận và lương tri đòi hỏi. Tôi tin ở nhiệm vụ trên hết.

“*Lodge*: Chắc chắn ông đã làm tròn nhiệm vụ. Như tôi đã thưa với ông sáng nay, tôi ca ngợi sự dũng cảm của ông và những đóng góp của ông cho xứ sở ông. Không ai có thể lấy đi công lao về những gì ông đã làm, Giờ đây tôi lo cho sự an toàn của ông. Tôi được báo cáo là những người đảm trách những hoạt động đang diễn ra sẽ dành cho ông và em ông được sự dễ dãi ra đi khỏi nước, nếu ông từ chức. Ông đã nghe điều đó chưa?

“*Diệm*: Chưa. (Ngưng giây lát, rồi) Ông có số điện thoại của tôi.

“*Lodge*: Đúng. Nếu tôi có thể làm gì cho sự an toàn của ông, xin hãy gọi cho tôi.

“*Diệm*: Tôi đang cố tái lập trật tự.

“Những người chứng kiến cuộc điện đàm này nhớ là nội dung cuộc đối thoại có khác. Họ làm chứng rằng Lodge thúc giục Diệm phải ngưng chống lại cuộc đảo chính và trốn khỏi nước, và để việc ra đi được dễ dàng Lodge đã bảo sẽ cho đưa Diệm sang Phi Luật Tân bằng chiếc máy bay phản lực mới được đưa tới để đại sứ xử dụng.

“Frederick Flott, là người đứng cạnh Lodge khi ông này nói, nhớ lại rằng đại sứ Mỹ đã bảo Diệm: “Ngài là một vĩ nhân. Ngài đã làm cho nước Ngài những điều vĩ đại. Tôi nghĩ, điều khôn ngoan cho Ngài là hãy rời khỏi nước và đừng chiến đấu thêm nữa. Tôi sẵn sàng đưa xe tôi cho Ngài dùng và một trong số những sĩ quan của tôi mà Ngài biết sẽ đến gặp Ngài. Chúng tôi sẽ kêu gọi lý trí của đôi bên để họ để Ngài được đưa tới phi Trường. Vừa đúng lúc tình cờ tôi có cái máy bay này tại đây.” Flott đáng lẽ sẽ đón Diệm bằng chiếc Limousine có treo cờ Mỹ để đưa Diệm tới phi trường, tại đó ông ấy sẽ lên phi cơ của Lodge. Theo Flott, Diệm trả lời Lodge: “Không, không, ông đại sứ đang hoảng hốt rồi. Ông đã phóng đại sự nguy hiểm.” Flott nhận xét: Ông Diệm thậm chí không màng cảm ơn Lodge về đề nghị đó...

“Một cận vệ của Diệm cho biết Tổng Thống la lớn:

“Ngài đại sứ có biết Ngài đang nói với ai không? Tôi xin Ngài biết cho rằng Ngài đang nói với Tổng Thống của một nước độc lập có chủ quyền. Tôi sẽ chỉ rời nước, nếu đó là ý muốn của nhân dân tôi. Tôi sẽ không ra đi theo lời yêu cầu của các tướng làm loạn hay của ông đại sứ Mỹ. Chính phủ Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước thế giới về vấn đề khốn nạn này.”

Sau khi không được các tướng còn trung thành tiếp cứu, hai ông Diệm, Nhu rời dinh Gia Long vào Chợ Lớn lúc 8 giờ tối. Và một giờ sau pháo binh và thiết giáp tấn công vào dinh Gia Long. Cầm đầu cuộc tấn công là Tướng Nguyễn Văn Thiệu.

“Sau này ông Thiệu cho biết, ông chỉ bằng lòng theo đảo chính, sau khi các tướng chủ mưu đã thuyết phục ông rằng Hoa Kỳ và các nước khác ủng hộ đảo chính và hai ông Diệm Nhu sẽ không bị giết.” (tr.271)

Lúc 6:45 sáng hôm sau, TT Diệm ra lệnh cho Lữ Đoàn Phòng Vệ buông súng. Rồi hai anh em ông đi tới một nhà thờ gần đó. Tại đây ông Diệm gọi cho Lodge. Lodge không hề cho Hoa Thịnh Đốn biết về cuộc điện đàm này. Nhưng có hai nguồn tin

khác nhau xác nhận là có. Mike Dunn, một phụ tá của Lodge có mặt tại chỗ thuật lại: Đại Sứ bảo ông Diệm ông ta sẽ cho ông Diệm tỵ nạn và làm tất cả những gì có thể. Nhưng sẽ không thu xếp được phương tiện di chuyển cho vị Tổng Thống vừa bị hạ, trái với những gì ông ta hứa ngày hôm trước là sẽ cho Diệm phương tiện để đi Phi Luật Tân. Dunn bảo Lodge anh ta sẵn sàng đi đón hai anh em ông Diệm và bảo vệ họ, không để các kẻ phản loạn làm hại. Nhưng Lodge cấm chỉ.

Dunn nhớ lại: “Thật là ngạc nhiên là chúng ta đã không làm thêm gì để giúp họ!” (tr 272)

Khi ông Diệm gọi cho các tướng lãnh đảo chính thì “Đôn hứa sẽ để hai ông ra phi trường, từ đó có thể ra ngoại quốc. Các tướng sẵn sàng một xe thiết giáp và hai xe jeep để đón hai ông ở nhà thờ (nhà thờ Cha Tam, MV).

Sau khi bàn với chỉ vài cộng sự, Tướng Minh tự quyết định số phận cuối cùng của Diệm, Nhu. 7:30, khi đoàn đặc nhiệm sắp lên đường, Minh làm ám hiệu bằng tay, đã xếp đặt trước, rằng hãy giết cả hai anh em nhà Ngô.” (tr 272)

Theo tác giả thì các tướng cũng như Lodge đều muốn Diệm phải chết, vì nếu để ông sống ông sẽ có thể trở lại cầm quyền, hay làm khó dễ cho chính phủ hậu đảo chính.

Hình 15: Nhân viên CIA Conein (đằng sau) và 5 tướng phản loạn Kim, Đính, Đôn, Vỹ và Xuân (từ trái qua).

Kết thúc chương sách, tác giả viết:

“Tuy rằng Tổng Thống Việt Nam bị lật và bị giết bởi một số người Việt nào đó, nhưng trách nhiệm chính đổ lên đầu ông Lodge, và Tổng Thống của chúng ta là người đã bổ nhiệm Lodge và không chịu cách chức ông ta. Trách nhiệm cũng thuộc về một số cá nhân từng cung cấp tin tức và cố vấn về tình hình chính trị. Tôi muốn nói mấy viên chức thuộc bộ Ngoại Giao ở Sài Gòn và ở Hoa Thịnh Đốn và vài tay nhà báo thường trú ở Sài Gòn.”

Căn cứ vào những gì tác giả đã viết ở những trang trước, ta có thể thấy rõ danh tánh của những người đó:

George Ball, Averell Harriman, Roger Hilsman, Michael Forrestal, Malcolm Browne, Neil Sheehan và David Halberstam.

Trở lên chúng tôi đã tóm tắt lời tựa và 11 chương trong số 17 chương cuốn *Chiến Thắng Bỏ Lỡ*. Sáu chương còn lại nói về tình hình rối ren đến hỗn loạn sau khi mọi cơ sở pháp lý của Cộng Hòa Việt Nam tan tành do cái chết của vị tổng thống đầu tiên đem lại. Nhất là vì tình hình an ninh suy sụp do chính quyền mới hủy bỏ chương trình Ấp Chiến Lược. Trước nguy cơ miền Nam bị Cộng quân thôn tính, Mỹ đã phải đem quân vào mà không có một hiệp ước song phương, cũng không do một lời yêu cầu chính thức từ phía Việt Nam. Điều này khiến đôi phương có cơ tuyên truyền rằng Miền Nam đã mất chính nghĩa. Nhưng xem ra tác giả không quan tâm đến

chuyện cuộc chiến mất chính nghĩa cho bằng việc Tổng Thống Lyndon B. Johnson do dự không dám dùng binh lực để quyết chiến với Bắc Việt.

Vừa phần vì ông sợ Bắc Kinh can thiệp khiến chiến tranh thế giới bùng nổ. Vừa phần vì ông sợ dư luận trong nước đang bị phe Bò Cáo chi phối (chương 16, *The Prize Of Victory*).

Chúng tôi xin dành để độc giả tìm đọc ở nguyên tác, hay một bản dịch đầy đủ trong tương lai.

Sau đây xin có một vài nhận xét về những chương đã lược tóm ở trên.

Trước hết phải nói tác giả đã đề nhiều công phu tham khảo không biết bao nhiêu tài liệu hùng đưa ra những nhận định phần lớn khác hẳn lối phê phán “chính thống” của đa số sử gia và học giả Mỹ từ trước tới nay.

Tuy nhiên cũng phải nói ngay rằng, nếu đã đọc các tác phẩm của Tổng Thống Richard Nixon (*No More Vietnams*), của Thống Tướng Maxwell Taylor (*Swords and Plowshares*), hay của học giả và sử gia Tiến sĩ Ellen Hammer (*A Death In November*), của giáo sư Francis X. Winters (*The Year Of The Hare*) và ký giả Marguerite Higgins (*Our Vietnam Nightmare*)... thì ai cũng thấy, nói chung, những nhận định của tác giả Mark Moyar về Tổng Thống Ngô Đình Diệm và nền Đệ Nhất Cộng Hòa không khác các vị này bao nhiêu.

Ngoài ra cũng phải nói rằng tác giả đã ít quan tâm đến các tác giả Việt Nam đã viết về Tổng Thống Ngô Đình Diệm hay về nền đệ nhất Cộng Hòa như Giáo Sư Tiến Sĩ sử học Hoàng Ngọc Thành và phu nhân là Thân Thị Nhân Đức, Giáo sư Phạm Kim Vinh, bút hiệu Trương Tử Phòng, Luật sư cựu nghị sĩ Nguyễn Văn Chức, Giáo Sư Tiến Sĩ sử học Phạm Văn Lưu, Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Ngọc Tấn, Giáo sư Tiến Sĩ Cao Thế Dung, nhà báo Vĩnh Phúc, hay của những chứng nhân quan trọng như cựu Đại Tá Nguyễn Hữu Duệ, cựu Trung Tá Nguyễn Văn Minh, cựu Tổng Giám Đốc Viện Hối Đoái Huỳnh Văn Lang, cựu Trung Tá Nguyễn Văn Châu, nguyên Giám Đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý thời Đệ Nhất Cộng Hòa v.v... Có lẽ vì phần nhiều tác phẩm của những vị này đều viết bằng tiếng Việt, trừ mấy tác phẩm của hai Giáo Sư Hoàng Ngọc Thành và Phạm Kim Vinh đã được chính tác giả dịch ra tiếng Anh.

Trong số những tác phẩm của những tướng đảo chính viết bằng tiếng Anh, có cuốn *Our Endless War* của Trần Văn Đôn, cũng cung cấp nhiều tài liệu chứng tỏ ông Cabot Lodge cùng với Conein chủ trương đảo chính. Bằng chứng là số tiền 3 triệu đồng bạc Việt Nam (tương đương với 42,000 Mỹ Kim lúc ấy). Hay cuốn *Twenty Years Twenty Days* của Nguyễn Cao Kỳ cũng cung cấp bằng chứng rõ ràng nhất là Thượng Tọa Thích Trí Quang cầm đầu nhóm tranh đấu Phật Giáo quá khích không phải vì lý do tôn giáo, mà chỉ vì mục đích chính trị. Ông muốn làm quốc trưởng, làm vua. Chúng tôi đã trưng dẫn lời ông Kỳ thuật lại chuyện Thích Trí

Quang đề nghị với Cabot Lodge lậttướng Kỳ, để rồi sau đó, Thích Trí Quang sẽ đặt lại ông Kỳ vào chức thủ tướng. (Xin xem lại Phần I, chú thích số 65)

Vì tác giả là một học giả, giáo sư sử, nên ông đã cố tìm thật nhiều bằng chứng có tính khoa bảng để thách đố các nhà khoa bảng từng có quan điểm khác ông, nên sách của ông chi chít những trích dẫn từ nhiều tác phẩm, nhiều tài liệu trong các văn khố của các chính phủ, các phủ, bộ v.v... Chứ không giống như những tác phẩm của Nixon, hay Taylor, Marguerite Higgins...

Hơn nữa nội dung tác phẩm *Triumph Forsaken* quá rộng lớn vì nó bao gồm toàn bộ chiến tranh Việt Nam, chứ không phải chỉ về cuộc đảo chính 1-11-63, hay về nền đệ nhất Cộng Hoà, hay chỉ về Tổng Thống Diệm. Cho nên có nhiều chi tiết về cuộc đảo chính 1-11-63, tác giả cũng không thể thuật lại đầy đủ chi tiết. Thậm chí có một vài chi tiết, không biết ông dựa vào tài liệu nào, không đúng.

Ví dụ ông bảo chiều ngày 1-11 hai anh em ông Nhu ra khỏi dinh Gia Long bằng đường hầm. Thực ra hai ông ra khỏi hầm (một thứ basement), chứ không qua đường hầm (tunnel) nào. Vì trong dinh Gia Long vốn chẳng có đường hầm nào cả. Chỗ khác ông bảo Đại Tá Lê Quang Tung bị nhóm đảo chính gi súng vào đầu bắt ông ra lệnh quân lực lượng đặc biệt đầu hàng nhóm đảo chính. Những người có mặt tại Bộ Tổng Tham Mưu hôm đó cho biết khi ông Tung đứng lên phản đối cuộc đảo chính liền bị đưa ra ngoài giết chết.

Theo thiển ý, ngoài một vài chi tiết không được chính xác, tác phẩm của Mark Moyar là một công trình biên khảo công phu, giá trị mà các nhà khoa bảng, hay học giả vốn lên án việc các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ ủng hộ Miền Nam Việt Nam chống Hồ Chí Minh phải xét lại quan điểm của mình và, nếu xứng đáng là một học giả chân chính, một nhà báo lương thiện, thì cũng nên có lời xin lỗi, hay cải chính.

Có lẽ người mà tác giả chê trách nhiều nhất trong tác phẩm này là nhà báo, trở thành sử gia David Halberstam.

Ông này đã từng ca tụng Hồ Chí Minh: “là một khuôn mặt phi thường của thời đại – một phần là Gandhi, một phần là Lê-nin, tất cả là Việt Nam. Có lẽ, hơn bất cứ nhân vật nào trong thế kỷ, ông Hồ là hiện thân cuộc cách mạng của dân tộc ông đối với dân tộc ông và cả đối với thế giới.” (Hồ, Random House, NY, 1971, trang 12).

Cũng Halberstam đã viết: “Tito, Stalin, Khrutshchev, Mao... hết thảy đều có tật sùng bái cá nhân. Nhưng Hồ thì không...” (SĐD trang 20)

Nếu là sử gia có lương tâm, nhà báo lương thiện, thì Halberstam khi biết chính Hồ Chí Minh đã mượn bút danh Trần Dân Tiên để tự đề cao ca ngợi mình, biến mình thành thần tượng, tự tôn mình lên thành cha già dân tộc, ắt đã phải lên tiếng hỏi hận

mới phải. Có lẽ vì thế mà ông ta đã bị tác giả vạch mặt và quy trách trong việc Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị hạ và bị giết.

Ngoài ông Cabot Lodge là vai chính không kể, người thứ hai bị quy trách là Averell Harriman, người đã thù ông Diệm, quyết bằng những mảnh lời bắt lương qua mặt thượng cấp để cố bằng mọi cách hạ uy tín và lật ông Diệm. Có người đã nghi Harriman là Cs hay bị cộng sản mua chuộc trong vụ trung lập hóa Ai Lao và có thể cả trong đàm phán với CS tại hòa đàm Ba Lê đi đến một hiệp định Ba Lê rất bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa, mặc dầu ông không cầm đầu phái đoàn Mỹ.

Những lời lẽ xác quyết không dè dặt của tác giả về những người phải chịu trách nhiệm trong cái chết của ông Diệm, trong đó tác giả ghi cả chính Tổng Thống Kennedy chắc sẽ gây phản ứng mạnh từ phía các học giả thuộc trường phái “chính thống”. Nhưng có thay đổi được népsuy nghĩ của giới học giả Mỹ, chắc cũng còn phải có thời gian.

Về mục đích chính của tác phẩm là chứng minh rằng đáng lẽ Hoa Kỳ đã thắng, nghĩa là, nếu không dẹp tan được nạn CS tại Việt Nam, thì cũng bảo vệ được Miền Nam khỏi rơi vào tay CS, phải đợi đến khi nào tập 2 xuất bản.

Ở tập một này, có hai điều ông đã cố chứng minh.

Trước hết là trận Điện Biên Phủ. Nếu Hoa Kỳ giúp chính quyền Bảo Đại và đồng minh Pháp thì đã có thể thắng.

Thứ hai là nếu chính quyền Kennedy không khuyến khích, tài trợ để một số tướng lãnh giết ông Diệm, thì miền Nam đã đứng vững và sẽ chiến thắng.

Có lẽ tác giả muốn tránh không để các học giả và sử gia Mỹ chê ông chỉ là “lý thuyết gia ý thức hệ” (tạm dịch từ *ideologues* của tác giả), chứ không phải sử gia, nên ông đã không (hay chưa?) minh thị nêu lên thực tại của một trận chiến ý thức hệ do Cộng Sản thế giới khởi xướng đe dọa toàn thể nhân loại, mà chỉ đặt trọng tâm vào những sự kiện lịch sử liên quan đến cuộc chiến Việt Nam mà thôi.

Nhưng theo thiên kiến, vì cuộc chiến Việt Nam nằm trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ toàn cầu giữa CS và thế giới tự do, cho nên sử gia nào muốn thấu đáo về cuộc chiến Việt Nam, không thể nào không am tường về lý thuyết ý thức hệ. Nghĩa là phải vừa là sử gia, vừa là lý thuyết gia ý thức hệ.

Phụ Chú:

1 Joseph Lawton Collins, *Lightning Joe: An autobiography* (Baton Rouge: Louisiana State University, 1979), tr. 379.

2 Thư gửi ngoại trưởng Dulles ngày 20-1-1955, DDRS, 1978, 295A.

3 Không biết nhà báo Joseph Buttinger có phải là một người trong số “vài người Mỹ” này không. Nhưng chính ông ta cho biết “*Mùa hè năm 1961 một số nhà dân chủ đã liên lạc với tôi ở cả Paris lẫn New York và đề nghị đưa ra lời kêu gọi nhân dân Việt Nam. Dựa vào đó tôi viết tài liệu sau đây, được in ở Paris. Họ đã ký lời kêu gọi, bằng Pháp văn và Việt văn này...*”

Nhân đây tưởng cũng nên phổ biến để độc giả biết “những nhà dân chủ” nào đó đã kêu gọi dân Việt qua văn phong của một ngoại nhân như thế nào. Đây là “tác phẩm cách mạng” của Joseph Buttinger được Minh Võ chuyển ngữ. Xin nhắc lại, tác phẩm của một Buttinger sau khi đã lột xác từ người ca tụng và ủng hộ thành kẻ lên án và chống đối Ngô Đình Diệm.

Sau đây là bản dịch (của MV) lời kêu gọi do Buttinger viết giúp các lãnh tụ “dân chủ” từng liên lạc với ông để tìm cách lật ông Diệm:

“Gửi nhân dân Việt Nam đang bị sống trong nô lệ và áp bức!

“Gửi những bậc nam nhi và thực nữ trên thế giới đang sống trong tự do!

“Bảy năm sau hiệp định Giơ-ne-vơ chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương, nhưng chia đôi nước chúng tôi thành hai nửa què quặt, nhân dân VN đã không đạt được độc lập cũng chẳng có tự do sau một cuộc chiến anh dũng lâu dài. Ngày nay chẳng những chúng tôi là nạn nhân của hai nền độc tài, tuy nhằm hai mục tiêu đối chọi nhau nhưng cùng quyết liệt như nhau trong việc cai trị bằng bạo lực; nhân dân VN ngày nay còn phải chịu đựng một cuộc chiến tranh khốc liệt tàn ác, với chết chóc, hoang tàn.

“Miền Nam mà bảy năm trước hầu hết người dân Việt đặt hết hy vọng vào tự do công bình xã hội, đã trở thành một vùng đất hoang về chính trị dưới sự cai trị độc tài của Ngô Đình Diệm khiến tự do đã bị trục xuất bằng gian lận và bạo lực.

“Trong thế giới tự do, nơi Diệm tiếp tục kêu gọi sự giúp đỡ, chính quyền của ông ta, mặc dầu đã mất uy tín, hãy còn có thể gọi được sự thương cảm và ủng hộ qua lừa mị chính trị vô liêm sỉ. Tại quốc nội, nơi mà sự lừa phỉnh hết công hiệu, chế độ của ông ta chỉ hoàn toàn dựa vào một nhóm nhỏ những tay sai để bảo vệ và dựa vào bạo lực chống những nhóm khác. Để được ngoại quốc ủng hộ, Diệm ca ngợi những lý tưởng của Thế Giới Tự Do. Nhưng báo chí bị khóa mồm, bầu cử gian lận, quốc hội gậy và những trại tập trung giam giữ đối lập là một sự chế giễu dành cho dân chủ và nhân quyền.

“Phương pháp cai trị của Diệm chẳng giúp gì cho sự bảo vệ miền Nam. Trái lại. Vì nhân dân từ lâu đã quá mệt mỏi với luận điệu của Diệm rằng đất nước chỉ được sống tự do nếu nhân dân bị tước quyền tự do, và vì chính Diệm thiếu mọi đức tính của một lãnh tụ được lòng dân, và của một nhà tổ chức lớn, nên sự cai trị bằng bạo lực của ông ta không hề may mắn tạo được đoàn kết quốc gia hay sức mạnh quân sự mà còn làm hỏng cả hai. Những công dân ngay thẳng đặt sự phục vụ nhân dân trên sự phụng sự bè lũ cầm quyền đã bị loại trừ một cách có hệ thống và bị vu cáo. Chính quyền vì thế trở thành bộ máy thư lại giết chết mọi sáng kiến, trở thành vô hiệu, lãng phí đưa đến nạn tham nhũng.

“Điều đúng với chính quyền thì đúng buồn lại cũng đúng với quân đội. Sáng kiến bị coi là bất tuân, thăng chức phải tùy thuộc vào sự từng phục hoàn toàn sự phán xét và ý muốn của tổng thống, chứ không phải tùy vào tài tổ chức hay chiến công.

Những sĩ quan ưu tú chậm khen tổng thống nơi công cộng hoặc quá nổi tiếng trong đơn vị không bao giờ có cơ may nắm một vai trò quan trọng trong chiến tranh. Hơn nữa, tính cách cá nhân của chính quyền làm cho cuộc chiến do quân đội chỉ huy mất hẳn ý nghĩa quốc gia. Trong khi đó, sự oán ghét của nhân dân dành cho chế độ, khiến cho quân đội không được dân chúng ủng hộ là điều không có không thể được đối với một cuộc phản du kích chiến có hiệu quả.

“Vì những hy vọng vẫn vói đối với một miền Nam tự do hùng mạnh đã bị chế độ Diệm phá hủy, nhân dân Việt Nam bây giờ đang phải trải qua một giai đoạn đẫm máu và bi thảm trong cuộc chiến dành độc lập và tự do....”

Lời bàn của người viết về thái độ của Buttinger:

Thoạt kỳ thủy Buttinger đến Việt Nam, chỉ với mục đích chứng kiến sự thất bại của ông Diệm mà ông đánh giá là kẻ yếu kém chẳng có thể làm nên trò trống gì. Đến là để nhìn tận mắt sự thất bại. Nhưng khi thấy tận mắt những thắng lợi không ngờ của ông Diệm, thì nói toáng lên là phép lạ. Rồi đâm ra kính phục và triệt để ủng hộ. Nhưng vài năm sau, thấy ông Diệm không chịu mở rộng chính phủ cho một vài lãnh tụ đảng phái mà ông ta quen biết thì ông ta lại phê bình chê ông Diệm độc tài. Nhất là vì ông Diệm “cố chấp” không nghe lời Buttinger yêu cầu để cho các ông Phan Quang Đán, Nguyễn Tôn Hoàn (Đại Việt) một ghế bộ trưởng. Cho nên từ 1961 Buttinger quay ra giúp các phe phái chống ông Diệm, viết tuyên ngôn, lời kêu gọi chống Sài Gòn. Sau khi ông Diệm chết rồi ông lại viết sách thanh minh thanh nga về chuyện ông ủng hộ ông Diệm trong những năm đầu. Đến khi miền Nam mất vào tay Cộng Sản rồi thì Buttinger lại quay ra ca tụng Hồ Chí Minh, lên án tất cả các người Quốc Gia ở miền Nam Việt Nam. Đặc biệt ông còn chê trách các nhà lãnh đạo Mỹ đã “ngu dốt” không ủng hộ ông Hồ. Buttinger cho rằng nếu đừng xua đuổi ông Hồ thì ông ta đã có thể là một thứ Ti-tô hơn cả Ti-tô! (*Vietnam, The Unforgettable Tragedy*, Horizon Press, NY, 1977, trang 26: “Better Titoist than Tito himself”)

Nhìn vào thái độ xoay như chong chóng đó đủ thấy lập trường chao đảo và tư cách ló lảng của một nhà báo và sử gia “nổi tiếng” trong trường phái tự xưng là “chính thống” của Mỹ.

4 Nhà văn Xuân Vũ trong bộ hồi ký *Đường Đi Không Đến*, tập *Đòng Bằng Gai Góc*, trang 89 đã thuật lại lời của một đại đội phó Việt Cộng tên Bình, họ Lê tham dự trận Ấp Bắc kể lại cho tác giả như sau: Tiểu đoàn em chết gần hết. Ban chỉ huy tiểu đoàn không còn ai. Các ban chỉ huy đại đội hi sinh hoàn toàn. Em lúc đó là tiểu đội phó được cho làm đại đội phó. Nhưng đại đội em chỉ được 2 tiểu đội. Cả tiểu đoàn quân số 200, còn lại độ năm chục...”

5 Tuần san Thời Đại (TIME) ngày 14-1-1966 viết: “*Maggie wears mud like other women wear makeup*” (tạm dịch: Maguerite trang điểm bằng bùn thay vì son phấn như các phụ nữ khác). Cô mất chỉ sau TT Diệm chưa đầy ba năm. Sau một chuyến công tác săn tin ở Việt Nam về nước cô bị bệnh nặng ngay khi còn trên máy bay, và qua đời sau đó 3 tháng.

Trong khi bệnh nặng cô vẫn viết mỗi tuần 3 bài xã luận.

Xin cứu chúng tôi khỏi sự dữ

(Ngô Đình Diệm và chính nghĩa dân tộc, chương 13)

Năm 1956 có một điều mà dân di cư nên nhớ. Đó là sự ra đời của cuốn sách viết về cuộc di cư vĩ đại năm 1954-1955 được Farrar, Straus and Giroux xuất bản tại Hoa Kỳ lần đầu tiên nhan đề *Deliver Us From Evil* (xin cứu chúng tôi khỏi sự dữ). Chỉ trong 11 năm nó đã được tái bản đến 20 lần. Bản mà chúng tôi đọc được ghi *in lần thứ 21, năm 1967*. Gần 30 năm qua nó đã được in lại mấy lần nữa thì chúng tôi không rõ. Nhưng theo Seth Jacobs, tác giả cuốn *America's Miracle Man in Vietnam*, thì số lượng ấn bản đã lên đến nhiều triệu cuốn.

Tác giả là một trung úy bác sĩ hải quân tên là Thomas A. Dooley, sinh ngày 17-1-1928 và mất ngày 18-1-1961, vì bị ung thư khi mới vừa tròn 34 tuổi. Sau khi ông mất, viện thăm dò Gallup cho biết kết quả là ông đứng hàng thứ 3 trong số những nhân vật nổi tiếng nhất thế giới, chỉ sau Tổng Thống Dwight Eisenhower và Đức Giáo Hoàng. Được tin buồn, Tổng Thống Eisenhower đã gửi công điện cho thân mẫu người quá cố trong đó Tổng Thống tuyên bố: “Có ít người, nếu không muốn nói là không có ai, sánh ngang hàng với Dooley về sự biểu lộ lòng can đảm, sự hy sinh bản thân, niềm tin nơi Thượng Đế và sự sẵn sàng phục vụ người khác.” Quốc Hội đã tặng ông huy chương Danh Dự. Tổng Thống Kennedy vừa tuyên thệ nhậm chức tặng ông huân chương Tự Do.

Năm 1954, ông gia nhập toán đặc nhiệm lo công tác y tế cho đồng bào di cư, hay đứng ra chuẩn bị di cư, tại một trại ở Hải Phòng, đón tiếp đồng bào thoát được vùng CS để vào Nam theo hiệp định Genève. Trại này có cái tên là “Camp de la Pagode” (tạm gọi là Trại Chùa). Ông làm việc hết sức vất vả, tận tâm, không nề hà công tác nặng nhọc khó khăn đến đâu, để chữa trị cho dân tỵ nạn, mỗi ngày trung bình chữa cho 200 đến 300 người.

Ông từng theo học trường đại học nổi tiếng Sorbonne của Pháp, nên “*bất cứ cái gì của Pháp tôi đều thích*”. Những bệnh của đồng bào tỵ nạn mà ông phải chữa trị ở Hải Phòng, trước khi cho họ vào Nam, gồm đủ mọi tật bệnh trong số đó có những bệnh ông chưa từng được đọc trong sách hay nghe dạy tại các trường.

Việc làm của ông và cơ duyên với đồng bào di cư đã cho ông có dịp chứng kiến hay nghe kể lại nhiều chuyện vô cùng thương tâm của đồng bào miền Bắc trong vùng bị CS chiếm đóng, và những thủ đoạn gian xảo, tàn ác của Việt Minh Cộng Sản nhằm đàn áp đồng bào theo đạo Ki-tô, và/hay ngăn cản đồng bào ra đi vào Nam bất chấp quy định của hiệp định Genève.

Cuốn sách chỉ có 214 trang. Nhưng nó chứa đầy đầy những tội ác của CS. Ở đây, chúng tôi chỉ xin tóm dịch một vài đoạn. Riêng chương XV về các biện pháp dã man CS dùng “cải hóa” người dân, nhất là giáo dân, thì chúng tôi trích dịch hầu hết, để độc giả nhớ lại thời kỳ xa xưa, đã trên một nửa thế kỷ, hậu hiệu thêm những khó khăn vô bờ bến mà chính quyền Ngô Đình Diệm phải giải quyết ngay những ngày đầu.

Đọc hết cuốn sách này, chúng tôi không hề thấy tác giả nhắc đến hay thuật lại lời chứng của ai trong số hàng chục ngàn người mà ông được gặp và chữa trị nói về những truyền đơn của Hoa Kỳ, đặc biệt là của nhóm đặc nhiệm của đại tá Landsdale kêu gọi “đồng bào hãy rời bỏ miền Bắc, vì Chúa và Đức Mẹ đã vào Nam rồi!”, như một số người đã loan tải vì một lý do nào đấy.

Trái lại, tác giả đã nhắc nhiều lần đến những truyền đơn của CS tha thiết kêu gọi đồng bào đừng nghe lời dụ dỗ của kẻ xấu mà di cư vào Nam, vì vào đến đó sẽ bị khổ cực, đàn ông phải đi làm phu đồn điền, phụ nữ bị bán cho tư bản làm thuê, trẻ con bị Mỹ chặt tay, trẻ sơ sinh bị lính Mỹ giết “rán ăn điếm tâm” v.v... Đọc những đoạn trích dịch dưới đây bạn đọc sẽ thấy Tổng Thống Diệm và chính phủ của ông, cũng như những người Pháp, người Mỹ có cảm tình với nhân dân Việt Nam đang bị ách cai trị hà khắc của Việt Cộng không cần phải kêu gào, mời gọi hay hứa hẹn gì, mà người ra đi cũng nườm nượp đến nỗi các phương tiện chuyên chở cùng các biện pháp cứu trợ không thể nào đáp ứng kịp. Hãy cứ tưởng tượng gần một triệu người thuộc đủ thành phần xã hội, mà đại đa số là nghèo đói, bệnh tật tuôn vào miền Nam chỉ trong vòng 300 ngày đòi hỏi biết bao công sức để tiếp đón, vận chuyển và cung cấp thuốc men, nhà ở, phương tiện sinh sống v.v...

Nguyên do không phải sự đe dọa hay hứa hẹn hoặc tuyên truyền bằng mảnh lời như nhiều người bịa đặt hay tưởng tượng ra mà chính là vì sự đàn áp dã man, sự tra tấn man rợ chưa từng thấy của VMCS đối với những người theo đạo đủ làm cho người dân nô nức ra đi để tránh tai nạn, và được tự do thờ Chúa.

Ngày nay, đã hơn nửa thế kỷ sau, giữa lúc Hà Nội đang cần chứng tỏ với thế giới là họ tôn trọng nhân quyền hòng được sớm vào WTO mà ta còn thấy công an đàn áp, tra tấn, đánh đập các đạo hữu Hòa Hảo, Tin Lành, điển hình là vụ bạo hành mục sư Chính tại Cao Nguyên. Còn vào thời điểm đó, Bắc Việt còn bị bung bít hoàn toàn với thế giới bên ngoài, và liền sau chiến thắng Điện Biên, họ được toàn quyền làm chủ một nửa nước. Vì vậy những chuyện kể trong tác phẩm của Dooley rất đáng tin.

Ngay ở phần đầu sách tác giả đã cho biết về chuyến tàu đầu tiên đến Sài Gòn:

“Thuyền trưởng Cox chính thức báo cáo: Tàu chở 2061 người. Có hai người chết trên tàu và hai cuộc thủy táng. Bác sĩ Dooley chủ trì 4 ca đỡ đẻ trên tàu. Tất cả mẹ tròn con vuông. Một cháu bé đã mang tên chiếc tàu với mình suốt đời, do cha mẹ

cháu nghĩ ra một cách đây mơ mộng: TRINH VĂN AKA MONTAGUE 98 NGHIÊM.”

Về sinh hoạt của Trại Chùa, ông viết:

“Trại tỵ nạn đầu tiên của chúng tôi trở thành trung tâm thu hút nhiều khách quý: Đô đốc Sabin và thiếu tướng (hải quân) Walter Winn, người thay đô đốc Sabin trong chức vụ tư lệnh lực lượng đặc trách; tướng J. Lawton Collins, nguyên tham mưu trưởng Lục Quân Hoa Kỳ, đại diện cá nhân Tổng Thống để giải quyết các khó khăn rắc rối tại Việt Nam; tướng O’Daniel, tục gọi “Mike, người sắt thép”, trưởng toán cố vấn và viện trợ quân sự ở Sài Gòn, và nhiều nhân viên chữa lửa khác thường tới thăm cái trại bùn lầy nước đọng này.

“Vị thông đốc người Việt của vùng đất nhỏ bé của chúng tôi là một nhà ái quốc tên là Nguyễn Luật. Ông đã thụ huấn ở Pháp, và đã chọn trở về quê hương VN. Trước cuộc chiến ông từng là chủ bút một tờ nhật báo ở Hà Nội. Trong chiến tranh ông đã chiến đấu với người Pháp với cương vị một sĩ quan. Gần như tuần nào ông cũng tới trại nói chuyện với dân và nâng cao tinh thần của họ.

“Thị trưởng thành phố Hải Phòng là Mai Văn Bội năng tới trại. Ông là con người giản dị và tốt lành, người Mỹ nào biết ông đều yêu mến.

“Những kẻ đến viếng trại mà không được yêu mến chính là những tên tay sai của Việt Minh CS. Ngày nào chúng cũng tới. Thấy chúng dân tỵ nạn liền chỉ tay nghi ngờ. Họ bảo chúng tôi: “Trong trại Chùa, lều số 5B có một kẻ nói rằng chúng tôi đến đây là một lầm lỗi to. Nó bảo chúng tôi phải quay về ngay lập tức để chiến đấu cho những nhà ái quốc chân chính, tức Việt Minh. Kẻ đó lạ lắm.”

“Cảnh sát cứ vài ngày lại bắt gặp những kẻ lạ đó ở trong trại.

“...

“Sau vài tuần sau ngày dựng lều, Trại Chùa đã bắt đầu sinh hoạt đều đặn và trở thành một cộng đồng riêng. Chúng tôi đã có danh xưng riêng; có một cơ quan quản trị riêng, chúng tôi có bệnh viện riêng, với những y tá quân y và cả những cô y tá răng đen nhai trầu nữa. Và chúng tôi cũng có những cửa hàng bán hàng xén. Khẩu phần ăn hàng ngày là 600 gram gạo, cân đo tỉ mỉ, vài con cá và khi có thể thì cũng có một món đặc biệt thêm vào.

“Tôi quên không nói đến nhà thờ... Mỗi buổi sáng sớm đều có lễ cho trên 10 ngàn người dự. Tôi chắc chắn Chúa nghe lời họ cầu nguyện. Họ không xin Chúa ban ơn gì. Họ không hỏi Chúa sẽ đưa con cái họ tới đâu. Nhưng họ cảm ơn Chúa qua những lời kinh và tiếng hát mạnh mẽ. Cảm ơn Chúa đã cho họ tự do.”

Đầu chương IX tác giả cho biết:

“Tại lều vải bệnh xá trong trại Chùa, hàng ngày tôi phải chữa từ 300 đến 400 bệnh nhân trong tình trạng khẩn cấp với nhu cầu tuyệt đối. Không chữa được thì để họ chết dần, hay trả họ về nguyên quán với Việt Minh sao?”

Về một ca bệnh đậu mùa. Dooley nói với ông đại úy bác sĩ “thủ trưởng”:

“Thưa bác sĩ, chúng ta phải cố làm gì cho những bệnh nhân này chứ? Luật là luật. Nhưng chúng ta không thể trả người đàn bà này và đưa trẻ lại cho cộng sản, chỉ vì lẽ đưa trẻ bị bệnh đậu mùa. Chúng ta phải trị khỏi bệnh cho đứa bé để gia đình nó được lên tàu.”

Chương X nói về uy lực của tuyên truyền CS như sau:

“Cộng sản không ngừng nhồi nhét vào đầu người dân những chuyện về người Pháp và người Mỹ thường bắt cóc người dân Bắc Kỳ. Cộng Sản bịa ra những chuyện như thế hết giờ này qua giờ khác, hết tháng này qua tháng khác. Tất cả thanh niên nam nữ đều phải bắt buộc dự những lớp học tập cải tạo mỗi buổi sáng. Nơi đây những viên chính ủy nhắc đi nhắc lại những chuyện về sự độc ác dã man của người Mỹ.

“Đối với dân quê chất phác, chuyện nghe ra hợp lý, có thể tin. Người Mỹ được biết như là giống người bị ám ảnh bởi vệ sinh sạch sẽ quá đáng. Vì vậy có lẽ họ sẽ chặt tay những kẻ nào thổ mửa trên tàu của họ, v.v...”

“... Nhiều dân ty nạn không ngừng sợ sệt người Mỹ làm hại mình, nhất là khi vào khám bệnh hay chữa bệnh trong lều bệnh xá. Đến nỗi tác giả phải đưa ra trị hay khám bên ngoài lều cho mọi người trông thấy mà quan sát và thấy rằng ông không làm hại ai. Trái lại những mũi thuốc trụ sinh hay kháng sinh chích vào rất công hiệu và bệnh mau lành, như vậy mới làm cho dân hết sợ. Nhưng lại có những cái sợ khác như khi tàu há mồm đèn đóm, dân không dám lên, vì sợ bị nuốt mất. Đến nỗi phải có một linh mục leo lên trước rồi vác loa giải thích kêu gọi dân mới dám leo lên theo...”

Một mục trong chương trình văn nghệ của đài Hà Nội mang tên là “Đây là một người Mỹ” mà tác giả nghe được có đoạn như sau:

“Đầu nó là một cái lô-cốt. Râu nó là dây kềm gai. Mắt nó là hai quả bom. Răng nó là những viên đạn đum-đum. Cánh tay nó là 2 khẩu súng và mũi nó thở ra lửa. Nó hút máu trẻ con như ma cà rồng. Trán nó là ổ súng đại bác và thân thể nó là sân bay. Ngón tay nó là những lưỡi lê, và bàn chân nó là 2 xe tăng. Nó nhe răng đe dọa, nhưng trong cái mồm xấu xí của nó nó chỉ có thể nhai sắt vụn, bởi vì nó bị lực lượng oai hùng của nhân dân ta chống đối mãnh liệt. Như thế đủ biết bọn Mỹ chỉ là tên khổng lồ bằng giấy”.

“Tuyên truyền của Việt Minh bắt đầu ảnh hưởng cả đến (ICC) ủy hội Quốc Tế Giám Sát Đình Chiến gồm người Ba Lan, Ấn Độ và Gia Nã Đại, do hiệp ước Genève quy định. Người của ủy hội hay tới trại của chúng tôi để điều tra về những điều CS cáo buộc rằng người Mỹ làm điều nọ, điều kia có hại cho dân tỵ nạn. Có lần họ điều tra về cáo buộc người Mỹ bỏ thuốc độc vào nước uống. Lần khác về chuyện bịa đặt là chúng tôi xịt vào người dân thứ bột thuốc làm họ không thể có con. Trong khi thực ra là chúng tôi có xịt vào họ thứ thuốc sát trùng DDT để làm cho những con chấy con rận không sinh sôi nảy nở được đó mà.

“Và đây là sự bịa đặt của Thông Tấn Xã Hà Nội phát thanh ngày 27-11-1954:

“Lực lượng Liên Hiệp Pháp và tay sai đế quốc Mỹ đã bằng mọi cách đi lùng bắt và bắt cóc xung quanh Hải Phòng, ép buộc dân phải di tản vào Nam. Lúc 9 giờ tối qua, chúng động viên cảnh sát đến bao vây phố Du Hang (?) và bắt đem đi 50 thanh niên. Chúng tuyên bố một cách vô liêm sỉ rằng những thanh niên này phải đăng ký vào lính, bằng không sẽ phải đưa vào làm lao công ở các đồn điền cao su miền Nam.

“Trong 5 ngày bọn tay sai đế quốc đã bắt giữ 117 tài xế xích lô và đưa vào Nam. Theo thống kê chưa đầy đủ, 551 người ở Hải Phòng đã bị bắt trong 21 cuộc ruồng bỏ trong một tháng.

“Tại tỉnh Kiến An cũng có 3 cuộc bố ráp trong cùng thời gian và 99 người đã bị bắt giữ, trong khi tại Quảng Yên nhiều người khác cũng là nạn nhân của những hành động tương tự...”

Và sau đây là kết quả của những luận điệu tuyên truyền của CS đối với dân tỵ nạn:

“Trong toán di dân đầu tiên tới trại có mấy trẻ con. Khi chúng đến bên Ed, anh này bèn xịt thuốc DDT vào chúng. Người mẹ liền dùng đòn gánh tấn công Ed túi bụi. Vì bà ta đã từng nghe nói người Mỹ độc ác, dã man. Tôi bật cười rũ rượi, đến không còn nhớ chuyện gì xảy ra sau đó. Nhưng tôi nghĩ lại, sau khi bị một hay hai đòn, Ed đã khóa tay được người đàn bà, và ông trưởng trại và thuộc hạ đã ngăn được trận ẩu đả. Rồi thì Ed quay lại xịt thuốc DDT vào các y tá của anh ta để chứng tỏ cho người đàn bà thấy rõ thứ bột trắng này không làm hại ai.

“Chính tôi cũng nhiều lần bị đánh, và không phải chỉ bị đánh nhẹ đâu.

“Một ngày kia một bà bồng đến cho tôi chữa một đứa bé sơ sinh mình mẩy đầy ung nhọt. Penicilline là thứ thuốc thần chống những ung nhọt và mụn ghẻ. Chuyện đó là thường. Tôi chích cho đứa hài nhi một mũi vào mông và bảo ngày mai mang cháu lại.

“Nhưng chỉ vài giờ sau tôi nghe có tiếng la hét chửi rủa và thấy người đàn bà giơ cao đứa con cho mọi người thấy. Rõ ràng đây là bằng chứng tôi là một con quái vật Mỹ. Đứa trẻ đã bị phản ứng của thuốc, coi thật dữ tợn tuy vô hại. Người đàn bà điên cuồng không chịu nghe bất cứ lời giải thích nào. Bà ta đưa con cho người đứng bên rồi giật lấy cái gậy to tướng và gọi cả tá “cảm tình viên” tới. Khi Baker, cuối cùng giải cứu được tôi thì tôi đã bị gãy mấy cái xương sườn, mắt bầm tím và nhiều vết bầm ở những nơi khác trong thân thể.

“Hôm sau, toàn trại đứng xem tôi đơn thương độc mã, tay không vũ khí dẫn thân tới lều của người đàn bà. Như tôi đã tiên liệu, những vết tổ ong trên thân thể đứa bé đã biến mất, và những ung nhọt kinh tởm hôm trước đã lành. Người đàn bà òa khóc quì xuống ôm chân tôi để xin tha thứ. Bà ta ở lại trại liền mấy tuần để cùng với một số người khác phục dịch công tác y tế, lúc nào cũng nôn nóng muốn khoe đứa con sạch sẽ lành lặn của mình. Ảnh hưởng tốt đối với dân di cư là phần thưởng cho tôi bù lại những cái xương sườn bị gãy...”

Câu chuyện của làng Cửa Lò (chương XI)

Hải quân Pháp luôn luôn trong tình trạng báo động theo dõi các thuyền bè chở người tỵ nạn trong vùng tự do. Họ có tàu tuần tiễu và thủy phi cơ liên tục tìm kiếm những thuyền bè nào xem ra có vẻ muốn tìm nơi trú ẩn.

Trong những tháng đầu người tỵ nạn thường đi thuyền trôi theo các nhánh sông vào cảng Hải Phòng. Nhưng khi sự tuần tiễu kiểm soát của Việt Minh thắt chặt lại thì điều đó không thể thực hiện được nữa. Thế là những người can đảm hơn dùng những thuyền bè nhỏ bé không thích hợp cho những chuyến đi biển để liều giăng buồm nhắm tới Hải Phòng.

Thuyền trưởng Gerald Cauvin của hải quân Pháp đặc trách công tác đặc biệt này, và thông báo cho chúng tôi biết hoạt động của ông. Điều này giúp chúng tôi rất nhiều vì nó cho tôi biết trước những gì đang chờ chúng tôi.

Một buổi sáng sớm, Cauvin sai một người tới trại của chúng tôi để chở tôi ra bến tàu của hải quân Pháp. Ông bảo mới nhận một tin vô tuyến cho biết có 14 chiếc thuyền lớn ở ngoài khơi vịnh Hạ Long.

Ông đã phái một chiếc tàu Pháp, chiêc LSM, tới đón đoàn thuyền đó để đưa vào Hải Phòng. Tôi báo động cho trại biết phải sẵn sàng đón nhận khoảng 500 người rất ốm yếu (thực ra là trên 1100 người). Rồi đại tá Cauvin và tôi lên tàu LSM đi 4 giờ trên sông tới vịnh. Chiếc thủy phi cơ tìm ra đoàn người tỵ nạn đã trở về Hải Phòng.

Chúng tôi tới vịnh khoảng trưa. Hoàn toàn yên lặng.

Đoàn thuyền nối đuôi nhau, chiếc nọ sau chiếc kia, đã vào vịnh rồi. Nhiều chiếc tùm vào nhau, hay đầu chiếc này được cột chặt vào đuôi chiếc kia. Khi tới gần, chúng tôi dùng ống nhòm quan sát. Ánh nắng rực rỡ trên mặt nước xanh trong, phong cảnh như trong truyện thần tiên. Nhưng những gì chúng tôi thấy chẳng có gì đẹp như truyện.

Chen chúc như cá trong hộp, trên 14 chiếc thuyền, bè mỏng manh là hơn một ngàn dân tỵ nạn. Họ đã vượt 200 dặm biển Nam Hải dậy sóng một cách không thể nào tin được. Họ đã dùng những chiếc thuyền đánh cá nhỏ bé (nối đuôi nhau, có nhiều chiếc cột lại với nhau, đầu chiếc này gắn vào đuôi chiếc kia), bất chấp mọi hiểm nguy, và đã thực hiện điều hàu như bất khả thi. Mặc dầu lúc ấy trời nắng ấm, mà tất cả đều ướt sũng và lạnh cóng. Biển cả đã làm họ kiệt quệ vì say sóng. Họ đã thổ mửa tới mặt xanh mặt vàng. Ngay từ xa bạn cũng có thể thấy họ bị lạnh buốt đến xương tủy. Có những người đi đi lại lại để giúp đỡ nhau chống chọi với đau ốm. Nhưng nhìn vào toàn cảnh thì đó là một khối bất động, nằm la liệt trên sàn thuyền.

Dường như đoàn người đó đang chuyển động trong một cuốn phim quay chậm. Luôn luôn bị ướt sũng vì nước mặn suốt cả ngày, da họ bị khô và ánh nắng gắt đã làm nó nứt ra. Luôn luôn bị ngâm trong nước mặn, bàn chân và mắt cá chân của họ sưng húp lên. Chúng tôi có thể cảm thấy nỗi khốn khổ của họ ngay cả trước khi đụng vào người họ.

Khi chiếc LSM của chúng tôi tới gần đủ để họ nhận ra lá cờ Pháp ở mũi tàu thì một điều ám lòng xảy ra. Biết rằng chúng tôi là bạn chứ không phải là thù, họ bèn kéo một tấm vải ướt sũng mà họ đã giấu kỹ nhiều năm lên đỉnh cột buồm cao nhất. Đó là cờ của giáo hội Công Giáo.

Khi chúng tôi tới sát bên họ, những bàn tay người Pháp giơ ra và thò xuống để giúp đưa họ lên tàu. Hầu hết họ đều lên tàu của chúng tôi. Chỉ một số người còn tương đối khỏe mạnh ở lại trên vài chiếc thuyền bé nhỏ của họ đã được cột sát vào hông tàu LSM để cùng vào Hải Phòng.

Chúng tôi cho họ dùng trà, nước và bánh ngọt Pháp. Tuy không đủ, nhưng cũng giúp phần nào. Chiếc LSM nhỏ bé với vài chục thủy thủ không mang theo nhiều đồ ăn. Phải chi tôi biết nghĩ trước là nên mang theo một trăm bì cơm thì hay biết mấy.

Cauvin và tôi thấy mấy người lớn tuổi có vẻ là những thủ lĩnh trong đoàn người này. Tôi đưa họ vào phòng và hỏi: “Các ông từ đâu tới? Cuộc sống trong làng các ông ra sao? Tại sao các ông tới đây? Các ông là ai?”

Họ kể cho chúng tôi nghe câu chuyện của họ với giọng buồn rầu thận trọng, dè dặt, như thể họ đã kể chuyện đó cả ngàn lần rồi. Bằng một thứ tiếng Pháp khá

chuẩn, nhưng giọng nói đều đều buồn chán, họ cho chúng tôi biết về cuộc đời họ. Hai chúng tôi chăm chú nghe trong 3 giờ đồng hồ.

Câu chuyện chẳng có gì đặc biệt mới. Chúng tôi đã từng nghe những người trốn thoát khác nói rồi. Nhưng ở đây có một sự cay đắng làm cho người nghe thương cảm khác thường. Cuộc vượt thoát của họ được hoạch định và thực hiện mà hoàn toàn không có một sự trợ giúp nào từ bên ngoài. Duy nhất chỉ có hai lợi khí cổ điển: niềm tin và hy vọng.

Dù rằng giờ này đây (1956, MV) tôi ở cách xa hàng ngàn dặm, và đã xa cách hàng ngàn giờ, tôi vẫn còn nhớ một cách sống động từng lời nói của họ. Mấy ông già với bộ mặt nhăn nhó, phờ phạc ngồi đối diện hai chúng tôi, uống trà đậm, rồi lưỡng lự nói nhỏ nhẹ:

“Làng chúng tôi tên là làng Cửa Lò. Khoảng 300 cây số về phía nam, ở bờ biển. Những năm trước đây là một ngôi làng hạnh phúc. Đất bằng phẳng chia làm vô số mảnh ruộng lúa xanh tươi. Trong mùa mưa gió, những đám mây trôi nhanh trên bầu trời u ám. Đến mùa nắng ấm mặt trời sáng rực trên bầu trời xanh dương. Các ông có thể thấy dân làng chúng tôi làm việc suốt ngày ở ngoài đồng, tát nước vào ruộng, hay cày bừa trên những bãi bùn lầy, theo sau những con trâu giẫm bước kêu ì ọp.

“Ai không làm ruộng thì đánh cá. Những chiếc thuyền đưa tới đây là của dân đánh cá đó. Những chiếc thuyền này khá vững chãi, có 2 cột buồm và những cánh buồm màu. Nhưng chúng được đóng thô sơ mà không nhằm chịu đựng được sóng gió của biển khơi.

“Kẻ thù bắt đầu cai trị chúng tôi từ 1951. Họ áp dụng luật lệ mới. Họ viết lịch sử mới. Và áp đặt một lối sống mới, lối sống cộng sản. Nhưng cộng sản lại nói đó là chủ nghĩa ái quốc Việt Minh. Bây giờ có hòa bình nhưng là thứ hòa bình buồn tẻ, không vững chắc. Ngay cả chúng tôi là những viên chức chế độ cũ, thường được coi như có hiểu biết cũng thấy thật khó hiểu.

“Ngày nay bất cứ cái gì liên quan đến người Pháp trước kia đều bị hoen ố. Trước mắt những sử gia mới tất cả những gì người da trắng làm đều là xấu xa. Cả những điều tốt lành họ đã làm đều là xấu tất, vì đã được làm vì lòng ích kỷ bản thủ.

“Quả thật người Pháp đã đưa vào Việt Nam khoa học về y tế, và mở những chiến dịch chống bệnh truyền nhiễm. Nhưng VC bảo Pháp đã làm điều ấy để có được những phu khỏe mạnh và những tên nô lệ trắng kiện.

“Lối sống mới của chúng tôi được coi như là ảo tưởng. Nhưng chẳng bao lâu sẽ thấy, người ta ngụ ý rằng thế hệ hiện nay luôn luôn phải bị hy sinh một cách không thương xót cho thế hệ sau được hạnh phúc.

“Cuộc Cải Cách Ruộng Đất mới đây chỉ tạo ra nạn đói. Mọi người trong chúng tôi chẳng có gì bỏ bụng. Cái chủ nghĩa duy vật của CS đã thành con yêu tinh mút hết màu mỡ đất đai của chúng tôi. Thoạt tiên chủ nghĩa yêu nước của Việt Minh đạt được đường như có vẻ phù hợp với công lý đích thực. Nhưng rồi sau đó trở thành một thứ bố láo thực thụ. Khoa xã hội học mới đã dẫn tới sự tố giác lẫn nhau trong gia đình, tự phê tự kiểm và sự nghi kỵ. Dân làng chúng tôi đã bị hy sinh một cách tàn nhẫn cho ý tưởng lợi ích kinh tế. Chưa từng bao giờ có sự độc ác có hệ thống và tổ chức như vậy.

“Tất cả chúng tôi cùng có một ý nghĩ – bỏ trốn – thế là chuẩn bị mấy tuần lễ. Ngày nào chúng tôi cũng giấu những nắm cơm nhỏ. Không nói cho ai biết về ý định trốn thoát. Làm gì cũng phải giấu giấu giếm giếm. Viên chủ tịch xã trước kia là người phe chúng tôi, nhưng nay ông ta là cán bộ Việt Minh, và đã trở nên độc ác vì niềm tin mới của ông ta. Ở đâu ông ta cũng có chân tay nằm sẵn, tại khu chợ, tại mỗi căn lều.

“Chúng tôi làm kế hoạch, nhưng không dám họp nhau. Theo luật lệ mới, không được hội họp trên 4 người. Chúng tôi chuyền khẩu cho nhau khi cúi lưng trên đồng ruộng, hay khi dân chài chúng tôi đổ cá lên bờ, hay khi đám phụ nữ đi chợ.

“Cuối cùng các kế hoạch và lời cầu nguyện đạt đến đỉnh cao. Đêm đó đã đến. Trời không trăng, tối như mực. Biển lặng. Từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng, chúng tôi chèo lên xuống thuyền từng người một, hay từng 2 người. Trong khi đó thì một anh chàng tên là Mai Văn Thịnh, la hét và hát cao giọng làm náo động ở cuối làng. Sự ồn ào kéo chú ý của cảnh sát và cán bộ và binh lính VC. Họ kéo nhau đến xem chuyện gì xảy ra. Trong khi đó thì chúng tôi tiếp tục lên thuyền.

“Những chiếc thuyền này được đóng để chỉ chở được 25 người thôi. Đêm ấy mỗi chiếc chở gần 100. Lặng lặng như đêm khuya thình lạng, chúng tôi nhẹ nhàng chèo thuyền ra khơi của biển Đông.

“Vâng, chúng tôi đã thành công trong việc rời làng. Nhưng chúng tôi không hoàn toàn vui, vì cứ mãi nghĩ đến anh chàng Mai. Chẳng bao lâu bọn họ sẽ biết anh ta đóng vai trò gì trong cuộc vượt thoát của chúng tôi. Lúc ấy số phận anh ta sẽ ra sao?

“Cha mẹ Mai đều bị giết trong chiến tranh, rồi năm 1953, người em độc nhất của anh ta tên Châm đã bị thiêu sống, vì là thủ lĩnh phong trào thanh niên Công Giáo. Chiều ngày 16-1-1953 Châm bị trói vào một gốc cây, bị đánh dã man bằng gậy tre già. Rồi cái thân sũng máu của anh bị tưới xăng, châm lửa đốt cháy cho đến chết.

“Vừa dùng chèo, vừa dùng buồm, chúng tôi ra khơi thật nhanh hết sức mình có thể được, nóng lòng vượt hết 3 dặm giới hạn để vào hải phận quốc tế, là an toàn. Khoảng hừng sáng thì chúng tôi không còn thấy bờ nữa, và cảm thấy đã tương đối

an toàn. Nghĩa là chúng tôi đã thoát được một mối nguy. Bây giờ phải chiến đấu với biển cả, một mối nguy khác.

“Chúng tôi muốn đi về hướng Bắc. Nhưng không có địa bàn, và cũng chẳng có bao nhiêu kiến thức về hải hành. Tuy nhiên chúng tôi cố để mặt trời ở bên phải và hướng về Hải Phòng. Chúng tôi được biết tại đây người Pháp và người Mỹ sẽ sẵn sàng vớt chúng tôi. Rồi họ sẽ đưa chúng tôi vào Sài Gòn.

“Chuyến đi của chúng tôi dài 5 ngày 5 đêm. Chúng tôi không có lửa vì củi trên thuyền quá ướt. Chúng tôi ăn cơm đẫm nước. Trà thì pha nước mặn và càng làm cho chúng tôi bệnh hơn. Chúng tôi có quá ít nước uống, đứng ra là chẳng có nước. Mỗi đợt sóng lớn lại làm sàn thuyền ngập tràn nước biển. Thật là cực khổ. Sáng sớm hôm nay chúng tôi tới được chôn lạ lòng này, và đoán mình đã vào được vịnh Hạ Long. Khi thấy chiếc thủy phi cơ của các ông, thì chúng tôi hoàn toàn chắc chắn. Và bây giờ chúng tôi đã được tự do...”

Mấy người thủ lĩnh dân làng kể chuyện này một cách bình tĩnh, nhẹ nhàng. Vừa sợ hãi vừa thán phục, chúng tôi chăm chú nghe câu chuyện về sự dũng cảm và niềm hy vọng cao cả của họ.

Rồi bỗng tiếng hát vang từ bên ngoài sân tàu vọng vào. Chúng tôi bước ra để nghe những lời thánh ca diu dàng của đám đông tỵ nạn. Chúng tôi nghe tiếng được tiếng mất. Máy thủ lĩnh ngân nga theo bài hát rồi dịch ra tiếng Pháp cho chúng tôi.

Dân làng đang hát lời cảm tạ Thượng Đế đã cứu giúp họ trong cơn nguy nan trong cuộc đời của họ:

“Chúa ôi, chúng con kính yêu vẻ đẹp huy hoàng của nhà Chúa, và nơi mà sự vinh quang Chúa hằng ngự trị. Xin cho chúng con được sống những ngày bình an với Chúa.”

Ngày Lễ Các Thánh dài nhất của Phát Diệm (chương XII)

Ủy hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (CIC) do Hiệp Định Genève thành lập thường có nhiều toán quan sát đặt tại Sài Gòn, Hà Nội, Vientiane (thủ đô Ai Lao) và Phnom-Penh (thủ đô Cam Bốt) và một số thành phố lớn ở Đông Dương. Ngoài ra còn có nhiều toán lưu động đi đến những nơi có khiếu nại tranh chấp về việc thi hành hiệp định...

Theo nguyên tắc, ai cũng có quyền tìm gặp thành viên của Ủy Hội bất cứ lúc nào. Vậy ai có khiếu nại gì chống một bên trong hai bên, đều có thể trình bày trước mặt đại diện của UH (Ủy Hội Quốc Tế, CIC). Nhưng UH đã không giúp được gì mấy trong vấn đề quyền di cư của người tỵ nạn.

Thực ra UH cũng muốn giúp và ngay cả VM cũng không muốn bị UH báo cáo là vi phạm hiệp định.

Nhưng UH chỉ có thể tìm ra sự việc và báo cáo. Họ không có quyền lực gì để bắt buộc VM phải cho người tỵ nạn ra đi.

Nếu UH đến thăm một làng nào đó, họ có thể đặt một cái bàn hội nghị tại một công viên (hay đình làng) chẳng hạn và cho loan báo là ai muốn nói gì với UH thì cứ đến. Nhưng ngay ở bên ngoài công viên đó, VM có thể đặt những chướng ngại cấm người làng lai vãng công viên. Họ viện cớ bảo vệ an ninh cho các đại diện của UH. Vì vậy các đại diện của UH chỉ có thể nhận được khiếu nại và tin tức khác từ một số rất ít người trong một vùng đất rất nhỏ.

Và những ai dám khiếu nại luôn luôn sợ bị trả thù và thường bị trả thù thật. Đại diện UH có thể đặt một chiếc xe lớn bên cạnh bàn hội nghị, và sau khi nghe lời khiếu nại sẽ bỏ phiếu cho phép người dân ra đi và thông báo cho xã trưởng VM. Nhưng như vậy không đủ. Phải làm sao người ra đi leo được lên xe và được chở đi khỏi làng thì mới thành công. Nhưng UH không có phương tiện chuyên chở hữu hiệu đó.

Trong nội bộ UH, còn có những vấn đề thường gặp phải mỗi khi một cơ quan hỗn hợp nào có thành phần CS trong đó. Đại diện Ba Lan (CS) xem ra cương quyết gây trở ngại. Và chính tôi nhiều lần đã chứng kiến những hành động cản trở của họ.

Tôi đưa một người tỵ nạn đến UH. Người này đã bị VM đánh đập tàn tệ. Có một cuộc họp của hội đồng đại diện UH. Người tỵ nạn kể chuyện mình bị đánh. Sau nhiều giờ tranh luận, người này bị trả về trại. Xem ra lúc nào đại diện Ba Lan cũng đòi phải đưa bằng chứng là điều đã rõ không thể nào làm được. Vết thương là bằng chứng có bị đánh. Nhưng làm sao chứng minh được những vết thương đó là do VM gây nên?

(...)

Nhiều người trong số dân tỵ nạn cho tôi biết là có hàng ngàn người ở Phát Diệm và xung quanh đó muốn trốn vào Nam, mà không đi được. Chúng tôi bàn với Cauvin rồi chọn mấy người khỏe mạnh nhất và can đảm nhất, cả đàn ông lẫn đàn bà, gây cảm tình, tạo lòng tin rồi cho họ biết kế hoạch của chúng tôi và phân vụ của mỗi người trong đó. Họ rời Hải Phòng quay trở lại bên kia bức màn tre.

Những người đó loan tin rỉ tai cho người trong vùng biết rằng nếu họ muốn đi Nam thì hãy tập trung tại nhà thờ Phát Diệm vào dịp Lễ Các Thánh đầu tháng 11. “Ở đó sẽ có đại diện của UH đến gặp các bạn và nghe các bạn trình bày và sẽ cho các bạn đi tìm tự do.

Lúc ấy VM chưa đóng cửa nhà thờ Phát Diệm. Giáo dân có quyền công khai tới đó dự Lễ Các Thánh là lễ buộc theo Giáo Luật. Và họ tới rất đông, đứng chật nhà thờ và ra cả ngoài sân. Cùng lúc đó tại Hải Phòng và nhiều nơi khác có một chiến dịch rộng rãi nhằm thuyết phục UH quốc tế nên tới Phát Diệm để điều tra về những khiếu nại là có sự cấm đoán di cư. Đô Đốc Querville (Pháp), Đại Tướng O'Daniel (Mỹ) ở Sài Gòn, Đô Đốc Sabin từ soái hạm ngoài khơi, Thị Trưởng Mai Văn Bật của Hải Phòng, và nhiều người khác đều gửi thư và điện tín đến trưởng toán lưu động đặc biệt của UH.

Nhưng có cái gì đó không ổn. Tôi không rõ tại sao, họ chẳng bao giờ giải thích. Thành viên của toán lưu động đã không tới Phát Diệm ngày mùng một, ngày mùng hai, rồi ngày mùng ba cũng không.

Tin bí mật chuyển cho dân trong nhà thờ cứ ở lại đó chờ đợi kiên nhẫn. Đô Đốc sẵn sàng để toán lưu động UH sử dụng máy bay của ông, mặc dù họ đã có hai máy bay trực thăng. Thêm nhiều thư tín thúc dục họ nên đi Phát Diệm. Nhưng họ vẫn trì hoãn.

Tại Phát Diệm thì Việt Minh âm nghi: Tại sao lễ các thánh một ngày lại kéo dài thành 3 ngày? Họ ra lệnh mọi người phải về nhà. Nhưng dân không về. VM đặt lính gác xung quanh sân nhà thờ, cấm chỉ không ai được bán hay cho thực phẩm cho những người ở bên trong. “Hãy để chúng cứ đọc kinh, nhưng không cho ăn, hay uống”. Đó là lệnh.

Đề đỏi là vũ khí chiến tranh đã có từ thời đoàn lê-dương Carthage, và chắc hẳn từ xa xăm trước nữa. Nó đã được VM đem dùng một cách tàn nhẫn vào năm 1954.

Tuy nhiên dân vẫn không về. Chỉ có mấy người yếu quá về. Tất cả những người khác vẫn kiên nhẫn chờ phái đoàn của UH, vì họ tin những lời đã nói cho họ biết như thế. Sự chạy đua kiên nhẫn không bền. Nhiều người yếu chịu đựng đã mang nhiều thứ bệnh khác nhau. Nhưng dầu sao lòng tin của họ vào giấc mơ Tự Do cũng mạnh đủ để cho họ lương thực (thiên lương) mà họ cần trong thời gian căng thẳng này.

Những ngày cứ kéo dài ra. Bốn thành năm, năm thành sáu, rồi thành bảy. Trẻ con đói la khóc. Vì mẹ chúng đã cạn sữa. Vì không có vệ sinh, nên nhiều người sinh bệnh. Nhưng họ vẫn chờ đợi và cầu nguyện.

Cuối cùng, vào khoảng ngày 10 tháng 11 những đại diện của UH đã tới Phát Diệm. Thành viên trong đoàn về sau nói với tôi rằng họ không chịu nổi mùi hôi thối đến phải nôn mửa, khi họ hãy còn cách xa khu nhà thờ cả trăm mét. Những thành viên người Canada nói ngay cả những người Ba Lan trong đoàn cũng ngạc nhiên về sự dơ dáy bẩn thỉu mà dân tỵ nạn phải chịu đựng.

Nhân viên UH đã lập tức ra lệnh cho dân được ăn uống và đi lại tự do trong khuôn viên nhà thờ. Họ mạnh mẽ phản đối nhà cầm quyền Việt Minh, và ra tuyên bố ở Hà Nội chống chính phủ Hồ Chí Minh đã áp bức dân Phát Diệm.

Để xoa dịu dư luận thế giới, Việt Minh đã ra lệnh cho các giới chức địa phương phải cho phép dân ra đi. Nhưng ngay trong lệnh này cũng có cái bẫy của nó.

VM lập những văn phòng có khả năng giải quyết mỗi ngày 100 người. Một văn phòng cấp thông hành, nhưng chỉ sau khi đương đơn trình đủ giấy tờ cần thiết. Một văn phòng khác bán vé để được lên xe buýt của VM cung cấp, để nói là sẽ chở tới Hải Phòng. Giá một vé xe buýt là 8000 đồng Hồ Chí Minh, tương đương với 9 Đô-la Mỹ. Đối với gia đình dân quê 6 người thì đây là một món tiền quá lớn.

Nhưng để trả lời những câu hỏi từ khắp nơi trên thế giới về cuộc di tản này, VM trả lời: “Vâng, chúng tôi cung cấp văn phòng, thông hành, và phương tiện di chuyển cho những người – bị lầm, chúng tôi tin chắc thế– mà quyết định đi sang vùng khác...”

Mãi tới ngày 15 tháng 11 toán đầu tiên mới bắt đầu rời Phát Diệm. Thay vì đưa họ đi trên đại lộ, chỉ vài giờ là tới nơi, VM đã chở họ đi theo một con đường vòng vo trắc trở. Một phần họ cho đi xe buýt. Rồi bị chặn lại, nói là xe hư cần phải sửa. Và như thế phải đợi vài ngày. Trong thời gian chờ đợi, VM không ngừng thuyết giảng về sự sai lầm đòi di cư và về sự tàn ác của người Pháp và người Mỹ ở Hải Phòng và Sài Gòn.

Sau đó dân di cư được chuyển sang những chiếc thuyền, bè lênh đênh trên sông Hồng. Lại thêm chờ đợi, xách nhiễu, và thất vọng. Đến được Hà Nội, sẽ có xe lửa chở họ đến Hải Phòng. Từ đó xe của Pháp sẽ chở họ đi những cây số còn lại để tới trại của chúng tôi.

Hàng ngàn người đã kiên nhẫn trải qua hết khó khăn này, trở ngại kia để tới được một địa điểm xa bên kia bức màn tre. Nhưng đến được đó thì ôi thôi, giấy thông hành của họ đã hết hạn. Thế là lại phải trở về nguyên quán, và làm lại mọi thủ tục rắc rối, nếu còn đủ sức.

Những người tỵ nạn may mắn hơn thì gặp được hải quân Pháp vớt đưa lên tàu của họ. Những chiếc tàu này đã chờ đợi họ ở ven ranh giới bức màn tre, nơi có cái tên là Cac Cuu (?) Tại đây tàu Pháp chặn tất cả thuyền bè của VM, và trước mặt đại diện của UH trên tàu, họ yêu cầu VM phải trao người tỵ nạn để chở đi Hải Phòng.

Bất chấp mọi phiền nhiễu và trắc trở, cực nhọc, bất chấp cả những bài thuyết giảng liên tu bất tận đến điên người, bất chấp những phương tiện chuyên chở thiếu thốn, và bất chấp cả sự tàn nhẫn dã man của VM muốn tìm chân họ, những đoàn người di cư vẫn không nản. Chỉ tại Phát Diệm không thôi, đã có 5000, trong số 35,000 người ban đầu muốn đi, đến được bến bờ tự do (nghĩa là chỉ có một phần

bảy, còn 6 phần 7, tức 30,000 người đã bị VM cản trở không thể vượt qua). Đó là theo con số chính thức của ủy hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến.

Bùi Chu đồng nghĩa với lòng dũng cảm (chương XIII)

Chiến tranh tạo nên những anh hùng, và anh hùng ca. Nhưng hòa bình ở miền Bắc Việt Nam, lạ lùng thay lại cũng tạo nên vô số hành động anh dũng chẳng khác gì trong chiến tranh.

Tôi biết nhiều chuyện như thế. Chính tôi chứng kiến hàng chục, và nghe kể hàng trăm chuyện như vậy.

Tôi nhớ những người dân tỵ nạn từ tỉnh Bùi Chu đến trại chúng tôi vào tháng 11. Ở Bùi Chu cũng như ở những nơi khác, dưới “ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê” chỉ có bóng tối, và sự đăm ám của gia đình đã chết trong những căn nhà tranh của người dân. Nhưng tinh thần của người dân đã không chết. Niềm hy vọng của họ vẫn tồn tại.

Nông dân Bùi Chu tương đối giàu. Nhưng rồi chiến tranh đã làm họ mất cả. Họ chỉ còn Thượng Đế.

Ngày nay chính quyền mới áp đặt luật lệ mới. Nông dân phải nghe thuyết trình mỗi ngày về sự độc ác và những sai trái của tư bản... Cả tỉnh trở thành như một nhà tù mê mông. Sách giáo lý bị đốt, tôn giáo bị chế diễu là thuốc phiện. Cải Cách Ruộng Đất đôi khi đem lại cho người vô sản có đất, nhưng không phải cứ có nhiều đất hơn thì có thực phẩm hơn.

Nhiều người dân Bùi Chu đã bị xử tử. Con cháu họ đã kể lại cho tôi nghe. Tôi nghĩ họ không nói dối. Đối với dân Bùi Chu chỉ có một lối thoát là trốn đi. Hy vọng và mơ ước chuyện đó thì dễ, nhưng không dễ để thực hiện. Bùi Chu có khoảng 30,000 dân. Đã có kế hoạch cho họ trốn. Từ phía những tổ chức bí mật của người Việt, cũng như từ phía hải quân Pháp và hải quân Mỹ. Ngày giờ, địa điểm được ấn định như sau: Ngày 30 tháng 11, tại một bãi biển gần làng Văn Lý.

Một chiếc tàu sửa chữa lớn của Pháp, chiếc Jules Verne, đã đậu sẵn ngoài khơi, ngay bên ngoài giới hạn 3 dặm. Rồi 4 chiếc LSM được kéo tới sát bên tàu Jules Verne, làm ra bộ như để được sửa chữa. Và cũng làm ra như tình cờ có chiếc vận tải hạm to lớn của Hải quân Hoa Kỳ vắng khách đi qua từ Sài Gòn trở về Hải Phòng. Tàu này cũng dừng lại ở đó trong chốc lát.

Bộ phận bí mật của người Việt đã loan truyền tin tức cho dân. Tới giờ trốn kém 10, biển động. Trên giải 3 dặm nước dậy sóng lớn từ tàu tới bãi, không thấy có gì, chỉ có ánh trăng, nhưng trăng sáng quá... quá nguy hiểm. Rồi giờ trốn đã tới, đúng 8 giờ. Trong vài phút mặt biển đầy những thuyền, bè, mảng, sà lan.

Hàng ngàn dân trên bờ đang kéo thuyền bè của họ qua bãi cát tới chân nước. Họ nhắm tiến tới chiếc tàu của Pháp cũng chạy nhanh về phía họ.

Hai bên gặp nhau. Tàu Pháp há mồm ra lặng lẽ đón dân tỵ nạn vào hết lớp này đến lớp khác. Rồi nó quay đầu trở ra tàu lớn, 2 chiếc Jules Verne và Brewster. Trên một chiếc bè nhỏ bằng những cây luồng (một thứ tre lớn) cột lại với nhau, có lẽ chỉ vài mét vuông có thể có cả một gia đình đông tới 10 người mặc quần áo nâu, lặng lẽ, sợ sệt. Nếu vì chở nặng quá, mà chiếc bè chìm, đôi khi đến đầu gối, thì họ sẽ گیر những đứa trẻ lên cao.

Trăng sáng có để họ đi thoát không? Biển động liệu có khởi đánh đắm tàu họ không? Tàu lớn chỉ có hai chiếc, liệu có đủ chỗ không? Liệu kẻ thù đã nghi chưa? Liệu những súng máy có nhả đạn làm kinh hoàng, hoảng loạn trong đêm không?

Những cái sợ đó dày vò họ trong khi tiến ra biển khơi. Nhưng họ là những kẻ dũng cảm dám liều với hiểm nguy, kẻ cả cái chết. Đến hừng sáng đã có 6000 người lên được 2 chiếc tàu Mỹ và Pháp và được chở đi Hải Phòng. Dẫn mọi người vào trại Chùa xong, 2 tàu trở lại Bùi Chu để đón thêm nữa.

Công việc kéo dài trong 2 ngày hai đêm cho đến khi số người tỵ nạn lên đến 18,000. Ngày thứ 3 không còn thấy dân tỵ nạn nữa, chỉ trừ một nhóm nhỏ bị bỏ rơi trên một mồm cát. Lính Việt Minh xuất hiện và cuộc vượt thoát phải ngưng.

Nhưng những người còn bị giam lại không ngừng ước mơ. Mong có một cơ hội khác. Họ sẽ lại thử thời vận.

Khi có đoàn người mới tới, những người đã tới mấy hôm trước, cầm đèn, nên đứng hai bên dọc đường dẫn vào trại, còn những người mới tới đi thành hàng dài ở giữa hai hàng đèn, nên chập chờn như một cuộc diễn hành thật cảm động. Người ta hỏi nhau để biết tin tức về thân nhân. Có những câu hỏi lo lắng, thường thường vô vọng như:

- Ông (bà) có thấy ai thuộc gia đình Đức Lý không?
- Chị (anh) có nhìn thấy ai bơi ra khỏi chiếc thuyền bị đắm không?
- Các bạn có nghe tin tức gì về dân làng Thanh Hòa không?
- Cháu có gặp con bác không? nó bảy tuổi ấy mà..

Cũng có người tìm lại được thân nhân. Nhưng hầu hết thì không.

Những ngày và tuần lễ sau đó, dân di cư từ Bùi Chu cần được săn sóc liên tục về y tế. Nhiều trẻ em bị đậu mùa. Nhiều em khác bị dịch lở, chốc. Có lẽ đã đến giai đoạn hai. Sốt dữ dội. Mất nước nhiều quá. Và tôi đã phải mất 4 ngày cho chỉ một chứng dịch lở này.

Rất nhiều người bị phù thũng, vì thiếu sinh tố do thiếu ăn kể từ ngày có Cải Cách Ruộng Đất. Nhiều người đói lả, không đến nổi chết, nhưng tàn tạ, với đủ thứ thương tật.

... Mỗi ngày chúng tôi phải chữa trị trên 200 trường hợp, 200 thân thể dị dạng đầy những vết thương hôi hám thối tha, trên bàn tay, bàn chân và cả ở mặt.

Chúng say sòng càng làm cho những bệnh nhân trở nên suy kiệt. Tất cả những con người khôn khổ trốn chạy Việt Minh vào ở trong trại Chùa nay trở thành bệnh nhân mà tôi phải cứu chữa.

Người dân Bùi Chu, tôi đã thấy, họ không khác gì người Mỹ. Người Mỹ không thể nào không thích họ, khi đã biết họ. Không thể nào không kính trọng lòng khao khát tự do của họ. Không thể nào không cảm phục khen ngợi những con người dũng cảm của Bùi Chu. Sự khác biệt chính giữa người Mỹ và người Việt là: Người Mỹ chúng tôi có tự do và trái tim chúng tôi khiến chúng tôi cố duy trì tự do mà chúng tôi có. Còn người Việt thì không có tự do và trái tim của họ thúc đẩy họ phải đấu tranh bằng mọi cách để đạt được tự do.

Và cứ thế người chạy trốn CS tiếp tục tuôn đến trại chúng tôi, như mưa không ngớt giữa mùa mưa, rơi rớt ra cả bên ngoài, tràn lan tới những con đường và cánh đồng xung quanh. Chúng tôi lo cho họ lên tàu để vào Sài Gòn sớm chừng nào hay chừng ấy. Mỗi ngày chúng tôi đưa lên tàu từ 4 đến 5 ngàn người. Nhưng số người vào trại mỗi ngày thường đông hơn thế.

Đây là cư dân của trại của tôi. Thành phố của tôi gồm những lều vải nằm ngổn ngang cắm trên những vũng bùn lầy sâu đến đầu gối. Chúng tôi tăng trưởng với sâu bọ, rác rưởi, bệnh tật và chết chóc. Nhưng trại của chúng tôi cũng là trại của hy vọng, tự hào và đầy đầy những chuyện anh hùng.

Trại cô nhi của bà Ngải (chương XIV)

Chương này dài gần hai chục trang, được trung úy Dooley thuật lại một cách cảm động, khiến người đọc chẳng những cảm phục bà Ngải mà nhất là mến thương những đứa trẻ mồ côi ngoan ngoãn, trong đó phải kể đến bé Lia mới 7 tuổi đầu, lại bị mìn chặt cụt một chân mà vẫn cố sức làm việc, giúp cả việc bệnh xá của tác giả.

Dưới đây chúng tôi chỉ tóm tắt lại trong vài hàng.

Gần trại Chùa có một trại mồ côi của bà Ngải, nuôi dạy gần một ngàn trẻ mồ côi. Dooley chăm lo sức khỏe cho đám này thêm vào công tác y tế thường xuyên của trại Chùa. Bà Ngải là người duyên dáng mà có lòng thương trẻ, dành cả cuộc đời cho trẻ. Bà đã gần 60, nhưng còn nhanh nhẹn, duyên dáng như mới 30. Trước kia bà cũng thuộc loại giàu có nhất trong một tổng thuộc tỉnh Thanh Hóa. Chiến tranh, ngay từ những ngày đầu đã giết chồng bà. Hai con bà hiện ở Pháp. Bà nói

tiếng Pháp như đằm. Chiến tranh giết không biết bao gia đình. Trẻ mồ côi đầy đường không ai trông coi. Bà Ngải đi lượm lặt về nuôi... Cứ thế từ vài đũa lên đến vài chục, vài trăm và sau cùng gần một ngàn. Bà đưa vào Nam được hơn 800 đũa, hầu hết là thuộc các gia đình Phật Giáo. Dooley gọi chúng là những Phật tử mồ côi rất ngoan.

Vào được Sài Gòn rồi, các trẻ của bà Ngải được hội các bà vợ Mỹ cung cấp nhà và phương tiện để sinh sống và học tập. Phải bỏ quê hương đi bà rất buồn nhưng bà tin tưởng rằng Bắc Việt sẽ được giải phóng trong tương lai. Bà cứ nấn nã mãi không chịu xuống tàu di cư. Nhưng đến giữa tháng tư VM bắt đầu cho quấy phá Hải Phòng. Tình hình bất ổn. Lúc ấy bà mới vội vàng cho 800 trẻ của bà xuống tàu, đem theo đủ thứ của trại, nhờ sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Hải quân Mỹ và Pháp. (Người Pháp và người Mỹ cũng như dân chúng Hải Phòng rất sợ là Việt Minh có thể “giải phóng” Hải Phòng trước kỳ hạn chót được ấn định vào tháng 5 năm 1955).

Chính sách “cải tạo tư tưởng” của Cộng Sản (chương XV)

Trẻ con Việt Nam già rất sớm khi còn nhỏ. Chúng có vẻ chững chạc và nghiêm nghị khi hãy còn là thiếu niên, và đặc biệt là thường rất dũng cảm.

Có một số trẻ làm việc cho chúng tôi trong trại, ở lại đó nhiều tháng. Chúng làm những việc của người lớn, đảm đương những trách nhiệm của người lớn; khi được hút thuốc lá, chúng cũng hút như người lớn. Mà chúng chỉ mới 10, 12 tuổi hay 8 tuổi. Mỗi y tá của tôi được tôi cung cấp cho 6 hay 7 đũa trẻ như vậy giúp việc. Chúng hân hạnh được đội mũ hải quân. Một số còn lại bám sát theo tôi cả ngày lẫn đêm, lắm lúc cũng thấy phiền. Chúng có thể đến gọi tôi đến cứu một bà già quá yếu không đủ sức rời lều, hay lôi tôi tới một người đàn ông tàn tật. Chúng có thể chạy những việc vặt, tìm đồ vật tôi cần, nấu nước sôi cho lều bệnh xá. Đôi khi chúng giặt quần áo giúp tôi. Nhưng trong trường hợp như thế chúng thường thích giặt trong nước ruộng lúa, dĩ nhiên tôi không để chúng giặt như vậy. Thỉnh thoảng chúng còn dám lái xe truck của chúng tôi để làm trò vui chơi. Trẻ con thường thích thứ trò chơi đó.

Có thời gian tôi ở khách sạn thì chúng ngủ bên ngoài cửa. Thường chúng đóng vai liên lạc khi có toán người vừa trốn thoát được tới nơi và cần giúp đỡ ngay.

Bất cứ lúc nào ông Hàm (Mai Văn Hàm) hay một viên chức Việt nào khác muốn gặp tôi, họ chỉ cần để ý thấy đũa trẻ nào đội mũ hải quân, hay một đũa bé đánh giày, bảo nó đi tìm “bác sĩ Mỹ”.

Khi có một đũa trong số những “phụ tá” đó lên đường vào Nam, chúng tôi thường có một chút nghi lễ tiễn đưa nó. Nhiều sĩ quan trên tàu đã từng tặng tôi những huy hiệu cấp bậc thiếu úy. Vậy là trong ngày có nghi lễ, ông “quan hai” sẽ gắn lon cho vị phụ tá của mình lon “quan một” hải quân. Lon đó được gắn trên vai đũa trẻ phụ

tá làm thêm về quan trọng trước sự chú ý của mọi người. Tôi hy vọng phòng Nhân Viên của Hải Quân sẽ hiểu và thông cảm khi nghe biết về dịch vụ tuyến thủy binh bất thường của tôi. (...)

Việt Minh tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong đám trẻ con và thiếu niên trong nước... Lần đầu tiên tôi được biết về việc này là vào tháng 12 (năm 1954).

Sau khi đã tiếp thu quyền kiểm soát một làng ở tỉnh Hải Dương, Việt Minh CS đến thăm trường làng và đưa 7 em bé ra khỏi lớp, bắt ngồi xuống sân trường. Bàn tay và cánh tay các em bị trói giắt cánh khi ra sau lưng. Rồi chúng lôi một giáo viên trẻ ra, tay cũng bị trói như vậy. Rồi lớp học bắt đầu.

Với giọng nói lớn đủ để những học sinh còn ngồi trong lớp nghe được, cán bộ VM tố cáo những học sinh này về tội phản quốc: *“Một ‘người yêu nước’ đã báo cho công an biết giáo viên này đã mở những lớp học bí mật, vào ban đêm, để dạy tôn giáo. Chúng học cả kinh bốn.”*

VM tố cáo 7 đứa trẻ về tội “muru phản” vì đã nghe lời dạy của giáo viên này. Để trừng phạt tội đó, những đứa trẻ sẽ bị hủy thính giác. *“Chúng sẽ không bao giờ còn có thể nghe được những lời nói bậy của kẻ ác.”*

Sau đó hai cán bộ VM đến bên mỗi đứa trẻ, một tên nắm chặt đầu em bé bằng hai bàn tay rắn chắc. Tên kia lấy chiếc đĩa bằng gỗ vót nhọn đóng vào mỗi lỗ tai. Nó đóng hết sức mạnh. Chiếc đĩa xé toạc lỗ tai ra và làm thủng màng nhĩ. Tiếng la hét của đứa trẻ cả làng đều nghe. Cả hai lỗ tai đều bị chọc thủng bằng cách đó.

Bảy đứa trẻ la hét thất thanh, vùng vẫy, giẫy giụa, đầu đón kinh khủng. Vì cả hai tay đã bị trói đằng sau lưng, nên chúng chẳng có cách gì rút những chiếc đĩa ra. Chúng lắc lư cái đầu, quần quai trên đất cố làm cho những chiếc đĩa rớt ra...

Về phần giáo viên, VM phải ngăn chặn không cho anh ta còn khả năng dạy dỗ nữa. Sau khi bị cho chúng kiến nỗi đau đón cực hình của những học sinh yêu quý của mình, đến lượt người thầy giáo trẻ cũng bị cực hình như sau: Một tên lính VM giữ chặt đầu giáo viên trong khi tên kia lấy kim kẹp đầu lưỡi lê ra khỏi miệng để tên thứ 3 dùng lưỡi lê xéo đứt luôn. Máu chảy xối xả vào miệng, phun ra đằng mũi và văng vãi xuống đất. Nạn nhân đã không có thể kêu la một tiếng. Máu chảy cả vào cuống họng. Khi mấy tên lính VM bỏ anh ta ra, anh ta liền té xuống đất và thổ ra máu. Mùi máu tanh tưởi bốc lên từ khắp mặt sân trường.

Nhưng, người giáo viên cũng như 7 học sinh vẫn không chết. Khi tin dữ này xuyên qua bức màn tre, thì người ta tìm cách cho những nạn nhân trốn thoát. Và chẳng bao lâu 8 nạn nhân nói trên đã có mặt trong căn lều số 130, trại Chùa. (Trại tỵ nạn tạm thời ở Hải Phòng là nơi tác giả làm việc có tên là “Camp de la Pagode”)

Chúng tôi hết sức mình cố chữa trị nạn nhân, tuy nhiên cũng không hoàn toàn như ý...

Giáo viên đó không ăn được, chỉ uống đồ ăn lỏng. Các học sinh đó không bao giờ nghe lại được nữa!

Tôi viết những điều này ra không phải để làm buồn nôn và buồn lòng bất cứ ai, hay có ý nhấn mạnh sự tra tấn tàn ác, dã man của người Á Đông, là điều đã từng xảy ra trong thế chiến II và tại Hàn Quốc. Nhưng tôi thực sự muốn cho mọi người thấy những cực hình mà người dân ở châu thổ sông Hồng Hà phải chịu. Và công lý đòi hỏi phải ghi vào lịch sử một số điều cực ác mà chúng tôi được biết ở Hải Phòng.

(...)

Một đêm khuya, sắp đến giờ lễ Giáng Sinh, tôi bị đánh thức bởi những tiếng gõ cửa phòng ngủ. Có hai em nhỏ nói vọng vào xem “bác sĩ Mỹ” có sẵn sàng theo chúng đi ngay không? Tôi nghĩ chúng là những “phụ tá” tí hon của chúng tôi ở trong trại, và chắc đã xảy ra chuyện gì trong đó mà tôi cần phải chú ý. Vì thế tôi mặc quần áo thật nhanh và leo lên xe truck. Nhưng khi tôi lái thẳng trên xa lộ, thì hai đứa trẻ ra hiệu cho tôi quẹo vào một đường nhỏ ở giữa hai thửa ruộng. Tôi chẳng hiểu gì, nhưng vì chúng có vẻ tha thiết, khẩn khoản quá nên tôi lái theo hướng chúng chỉ. Chúng tôi quẹo và đi vài trăm mét nữa thì tới một túp lều tranh, hay đúng ra là một ngôi nhà tròn giống như túp lều. Tôi cúi người bước vào trong. Tôi thấy sao tối quá, và rộng không thể ngờ. Có một ngọn đèn dầu thấp sáng ở một phần nhà và gần đó có mấy người đang quì gối. Một người đàn ông, một người đàn bà và vài đứa trẻ. Họ đang hát thánh ca để cầu nguyện một cách đồng điệu, buồn rầu. Họ chào tôi bằng câu: “Chào ông bác sĩ Mỹ”, vừa nói vừa chấp tay vái chào theo lễ phép phương Đông. Rồi tôi nhìn thấy một người đàn ông nằm trên một chiếc nệm rom được đặt trên 8 hay 9 thanh tre, tạo thành một chiếc cang. Khuôn mặt ông ta méo xẹo quần quẹo trong cơn hấp hối. Cặp môi mấp máy yên lặng như đang cầu nguyện. Mà thực sự ông ấy đang cố đọc kinh thầm.

Khi tôi kéo tấm chăn phủ trên người ông ta ra, thì thấy một tảng thịt bầy nhầy đen xám từ vai xuống gối. Bụng rắn và sưng phồng. Bờu dài sưng to như quả bóng đá. Hai đùi biến dạng trông quái gở. Đây là một trong những cảnh tượng rùng rợn nhất mà tôi đã từng thấy. Ý nghĩ chỉ đụng vào người này cũng đủ làm tôi kinh tởm.

Tôi buồn nôn, và cảm thấy mình sắp nôn mửa ra, nên vội chạy ra ngoài: Trong căn lều, tôi đã vừa thấy rõ một kiệt tác về sự tra tấn có hệ thống. Dưới trời đêm tôi đã mửa ra tất cả những gì tôi có trong bụng. Tôi cảm ơn những người trong lều vì đã không theo tôi ra ngoài. Họ hiểu, và kiên nhẫn.

Tôi không nhớ rõ phải mất bao lâu tôi mới tự chủ được. Nhưng cuối cùng tôi đã có thể bình tĩnh lại và trở vào để săn sóc nạn nhân, được coi như một con ác mộng của con người. Nhưng tôi có thể làm gì? Tôi có thể chích Morphine để giảm đau. Về cái bụng tôi có thể làm được một chút. Vì da chỉ bị nứt ở 4, 5 chỗ. Chảy máu toàn là dưới da tại những chỗ bầm tím đang chuyển sang màu vàng-tía. Tôi châm một mũi kim to vào bừa dái để cố rút bớt nước ra. Sau này tôi cũng luồn vào trong bông dái một ống plastic nhỏ để giúp nạn nhân đi tiêu. Tôi có thể làm gì hơn?

Tôi hỏi người đàn bà chuyện quái quỷ gì đã xảy ra cho người này? Bà ta nói:

Vùng này đã rơi vào tay Việt Minh chỉ mới 7 tháng nay. Vì thế họ chưa thay đổi được hoàn toàn lối sống cũ. Linh mục hãy còn được phép làm lễ, nhưng chỉ được làm giữa 6 giờ và 7 giờ sáng. Đó là thời gian hầu hết nông dân sẵn sàng khi sự công việc đồng áng. Theo luật lệ CS, đó cũng lại là giờ mà dân làng phải tập họp lại tại khu công viên của làng để nghe thuyết trình hàng ngày về vinh quang của đời sống mới.

Như vậy có nghĩa là giáo dân không thể nào có thể đến nhà thờ dự lễ của linh mục, dù là ngày thường hay chủ nhật. Vì vậy vị linh mục 57 tuổi dũng cảm này đã chấp nhận mọi hiểm nguy để làm lễ vào buổi chiều, trái lệnh trên. Vì thế Việt Minh CS quyết định vị linh mục này phải được “cải tạo” hay giáo dục lại.

Đêm hôm trước, lính CS tới nhà nguyện của linh mục, tố cáo ông đã hội họp bí mật và ra lệnh phải ngưng ngay. Nhưng linh mục thách thức, trả lời rằng không gì có thể bắt ông ngưng rao giảng lời Chúa. Và sau đây là những gì bọn họ đã làm: Ông bị treo 2 bàn chân lên trần nhà. Đầu gần chạm đất. Với những thanh tre rắn chắc chúng bắt đầu đánh ông để “đuổi tà ma” ra khỏi ông. Chúng đánh trong nhiều tiếng đồng hồ. Ông không biết nó kéo dài bao lâu. Chúng tập trung đánh vào những chỗ nhạy cảm nhất của thân thể.

Chúng nó để ông bị treo như thế rồi bỏ đi. Sáng hôm sau, mấy trẻ giúp lễ của linh mục tìm thấy ông ở đó và cố hạ được ông xuống. Những em bé này chỉ có 9, 10 tuổi. Chúng chạy vội đến báo cho cha mẹ chúng, vừa nói vừa khóc nức nở. Cha mẹ chúng đang bị bắt dự lớp học tập cưỡng bách tại sân đình làng.

Mấy đứa trẻ dùng dây chằng những thanh tre lại với nhau làm thành cái bè tí xíu có thể nổi trên mặt nước, vừa dùng làm cáng khiêng trên bờ cũng được. Chúng đặt vị linh mục trên đó rồi khiêng xuống phía sau làng. Chúng giấu ông ở gần bờ sông. Con sông này là biên giới của vùng tự do. Khi trời tối hẳn, chúng nhẹ nhàng hạ chiếc bè-cáng xuống nước. Rồi mỗi bên 3 đứa, chúng chèo ra giữa sông và được nước chảy cuốn đi. Nước lạnh có lẽ đã là liều thuốc tốt cho vị linh mục, còn hơn hầu hết mọi loại thuốc của chúng tôi. Những đứa trẻ đã xoay xở để đưa được cái bè qua sông mà không bị ai thấy. Mãi khuya chúng mới đưa được ông đến được căn lều của chị ông. Rồi chúng chạy đi tìm tôi. Sau đó ngày nào tôi cũng đến thăm ông ấy và cho ông ấy thuốc trụ sinh và morphine. Thật là một phép lạ, vị linh mục thoát chết. Phần thì nhờ cơ thể khỏe mạnh, phần nhờ đức tin.

Tôi không thể ngờ rằng chẳng bao lâu ông đã có thể thường xuyên làm lễ như một tuyên úy cho trại Chù.

Có lẽ đáng lý chúng tôi đã phải để ông đi, khi ông xin được trở lại làng cũ. Và có lẽ thế giới cần có những vị tử vì đạo, mặc dù Bắc Việt thì đã có quá nhiều rồi.

Tôi biết thật là không công bình nếu xét đoán toàn bộ một chế độ dựa theo sự hành xử của một số ít. Tuy nhiên đối với tôi, cộng sản đúng nó là như vậy. Đó là một thứ ma cà rồng. Nó đã chiếm lãnh gần hết Đông phương. Và như thế là gần phân nửa nhân loại. Từ tháng 12 đến ngày cuối, mỗi tuần có hai hay ba trường hợp tàn bạo của CS như vậy xảy đến chỉ trong vùng của riêng tôi. Những chuyện ra đi vào đêm cứ dần tôi gặp hết kinh hãi này đến kinh hãi khác.

Những ngày đầu của tôi ở Hải Phòng tôi lấy làm lạ lòng khó hiểu không phải vì số trường hợp càng ngày càng tăng mà vì tính chất của sự tàn bạo. Quá nhiều trường hợp mang ý nghĩa tôn giáo. Càng ngày tôi càng nhận thức được rằng những sự trừng phạt của CS có liên hệ đến đức tin của con người vào Thượng Đế.

Cho đến bây giờ, những linh mục là đối tượng chính của khủng bố CS. Dường như những ông này không bao giờ chịu “học tập dân chủ” như CS mong muốn. Vì vậy CS cần phải cưỡng bách các ông ấy “học tập” một cách “nghiêm ngặt” (tàn nhẫn) hơn những kẻ khác. Thật khó có thể uốn nắn những người đã có lòng tin sắt đá vào Thượng Đế để làm cho họ bỏ niềm tin đó. Thực tế là những người đó không thể bị chinh phục.

Người Công Giáo có những lời kinh rất đạo đức thành kính, như “Ôi Giêsu Maria Giuse”, “Lạy Chúa hãy thương xót chúng con”. CS ra lệnh cho linh mục phải thay những câu đó bằng những khẩu hiệu “Tăng gia sản xuất”, “Chiến tranh nhân dân”. Có lẽ hai tiếng “căm thù” là được nghe nói nhiều nhất trên vùng VM chiếm đóng. Chúng đã hoàn chỉnh phương pháp tra tấn, bằng cách lúc thì chúng làm cho thân xác đau đớn, rồi sau đó làm khổ tâm trí...

Ngày chủ nhật đầu tháng 3, cha Lopez thuộc xứ đạo Phi Luật Tân xin tôi đến thăm một người ốm, một linh mục Việt Nam vừa thoát khỏi vùng VM.

Chúng tôi đi qua một khu sân rộng, đến khu dân cư. Ở trong phòng sau có một người đàn ông nằm trong đồng rom trên sàn nhà. Đầu ông ta đầy những mụn. Có 8 chỗ bị sưng phồng với mụn xung quanh trán và thái dương. Trước khi hỏi vì đâu nên có sự, tôi đã biết câu trả lời. Vị linh mục đặc biệt này đã rao giảng sự phản động, phản bội. CS đã tuyên án ông bị đội mũ gai giống Chúa Giêsu mà ông rao giảng.

Tám chiếc đinh đã được đóng vào đầu vị linh mục. Ba chiếc ở trán. Hai ở phía trên gáy. Và ba chiếc trên đỉnh đầu. Đinh khá dài đủ để có thể cắm tới xương sọ.

Sau khi thực hiện hành động độc ác đó, chúng để vị linh mục ở đó một mình. Ông cố đi tới một túp lều gần đó. Gia đình trong lều cố rút mấy chiếc đinh ra. Rồi ông được đưa tới Hải Phòng để cấp cứu. Trước khi tới nơi, hai ngày sau đó, thì những vết thương đã nhiễm trùng sang giai đoạn hai.

Tôi rửa da đầu. Gấp những thứ đóng cục trong các vết thương. Và nặn mủ ra. Tôi cho vị linh mục dùng thật nhiều penicilline, và thuốc chống phong đòn gánh. Và mỗi ngày tôi đều trở lại thăm. Ông ấy đã khá. Một hôm tôi đến để cho thuốc, thì thấy ông ấy đã biến mất. Cha Lopez bảo tôi ông ta đã trở lại thế giới thâm lặng bên kia bức màn tre. Như vậy là ông trở lại với những kẻ đã tra tấn ông. Giờ này đây (1956) tôi tự hỏi, chúng đã làm gì vị linh mục ấy?

Không phải chỉ có linh mục này mới là nạn nhân của sự tàn ác. Một ngày kia có một phụ nữ đến trạm xá của trại xin chữa trị. Bà ta quấn một miếng vải quanh hai vai theo hình số 8. Chúng tôi tháo vải ra thì thấy cả hai xương vai đều bị vỡ rồi. Bà ta nói bị VM chặn trên đường đi tìm đường di cư. Bọn gác đã đánh bà vì tội dám toan bỏ nước ra đi. Chúng lấy báng súng đập nát vai bà, bắt quay lại. Nhưng rồi, dù bị thương nặng bà ta cũng đã cố tìm cách trốn được. Vừa kịp thời để được chữa lành.

Tôi luôn luôn có một ý nghĩ hết sức đau buồn: “Chúa ơi, để một người trốn thoát được đến đây, ắt phải có hàng trăm người đã không chạy thoát.”

Một hôm có một người đàn ông đến bệnh xá với hai ngón tay cái biến màu rõ rệt. Từ đốt đầu đến đầu ngón, một màu đen. Đây là bệnh thối hoại loại khô, y học gọi là “mummification”. Không đau dữ lắm. Không chảy máu. Chỉ có sự hoại mô và đau buốt.

Ông ta nói chúng nó đã cột thừng vào hai ngón tay cái ông, rồi treo lên để “cải tạo”. Đã một tuần qua rồi. Từ ngày đầu hai ngón tay cứ mỗi ngày lại đen thêm. Và hôm nay thì bắt đầu xông mùi hôi thối.

Khi khám bệnh, trong khi tôi cầm lấy ngón trái, thì một miếng thịt mủn rơi ra. Không chảy máu, không đau. Chỉ có một mẩu thịt thối ở trong tay tôi. Miếng thịt thối khô này sẽ vụn ra ngay nếu bạn chỉ khẽ bóp nó.

Một trong số những người lớn tuổi bảo tôi: *“Xin anh bạn nhớ cho rằng những người này sẽ chẳng bỏ nhà ra đi, nếu CS không làm những điều ác độc này cho những người rao giảng hay giữ đạo Chúa.”*

Tôi nghĩ, chắc họ nói đúng. Trong số dân tỵ nạn có nhiều người theo đạo Phật. Nhưng khi nghĩ tới số người dự lễ mỗi ngày tôi chắc là người theo đạo Công Giáo phải từ 75 đến 80 phần trăm. Trong số 2 triệu giáo dân Việt Nam, thì đã có tới 1 triệu 750 ngàn ở miền Bắc. Rồi CS tới. CS đã làm dân bưng tỉnh, vỡ mộng về những cuộc cải cách mà chúng hứa hẹn. Có lẽ họ đã có thể chịu đựng dù phải

chống chọi với thuế cao quá đáng, với chỉ tiêu mùa màng vượt mức, với chính sách lao công cưỡng bách và sự mất tự do. Nhưng khi mà quyền tự do thờ Chúa cũng bị tước đoạt – thường bằng những biện pháp tàn bạo nhất – thì họ biết đã đến lúc phải ra đi.

Một vị niên trưởng nói: “Tụi Việt Minh thực điên khùng. Chúng ép buộc dân ở lại, bịa đặt nợ kia, để cầm chân dân, thậm chí ngăn chặn ở biên giới. Rồi thì chúng lại làm đủ điều khiến người dân bó buộc phải ra đi tỵ nạn! Có lẽ đây cũng là thánh ý Chúa đây.”

Nói VM chặn dân tỵ nạn ở biên giới (của vùng chúng chiếm đóng), là còn nói nhẹ. Dù hiệp định Genève đã quy định là ai cũng có quyền tự do chọn rời bỏ miền Bắc nếu họ muốn, CS đã vi phạm quy định đó ngay từ ngày đầu tiên chúng vừa ký hiệp định rồi.

Như tôi đã nói ở trên, chúng dùng mách lới đe dọa, bạo lực, và thậm chí tàn sát để ngăn chặn sự đi Nam một cách ồ ạt của người dân trong vùng. Tại Sài Gòn, ngày 22 tháng giêng năm 1955, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã tuyên bố: *“Bổn phận của tôi là phải tố cáo trước thế giới tự do và trước cộng đồng Ki Tô Giáo về những hành động vô nhân đạo của Việt Minh nhằm đàn áp và cưỡng ép những người dân muốn rời bỏ vùng CS. Đó là những hành động vi phạm trắng trợn hiệp định Genève.”*

Sau này ông Diệm đã ước lượng là có thể sẽ có một phần tư triệu người di cư nữa nếu không bị VM sách nhiễu. Theo tôi, con số đó phải gấp đôi. Dòng người liên tục kéo tới các trại Mỹ của những kẻ may mắn hơn, và của những kẻ bị thương tật, vật vờ, xác xơ là đầu mối để tính ra số người đã không thể ra đi. Ngoài ra, cũng còn phải nói đến hàng ngàn người khát khao tự do, nhưng đã không đủ can đảm hay sức khỏe để chấp nhận hiểm nguy.

CS có nhiều mách lới và những mách lới khác nhau để cầm chân người dân ở lại với chúng. Chúng ra những luật lệ cấm 3 người trở lên của mỗi gia đình không được đi chuyển cùng một lúc trên một chiếc xe buýt hay xe lửa; cấm trên hai người đi bộ chung với nhau trên những con đường hướng về vùng di tản. Điều này gây khó khăn cho người muốn di cư có gia đình đông con mà không muốn xa cách nhau.

Tuy nhiên vẫn có những cha mẹ tuyệt vọng cho con cái đi trước, hai đứa hôm nay, hai đứa ngày mai, và căn dặn chúng là phải tìm đến các trại của người Mỹ. Hàng trăm lần tôi đã thấy những thiếu niên đi một mình, kiệt sức, buồn rầu, tới nơi và chờ đợi cha mẹ ở ven bìa trại. Nhiều khi chờ vô vọng.

Tại nhiều nơi ở miền Bắc, CS ra luật phải có thông hành đặc biệt để đi từ tổng này sang tổng khác. Để xin được thông hành phải tốn nhiều tiền và phải qua những thủ

tục hết sức rườm rà. Nhưng gia đình muốn di chuyển thành toán, không có cách nào khác.

Sau khi đã chờ đợi rất lâu để có được thông hành rồi, một gia đình có thể sẽ lên đường đi bộ trên xa lộ tới Hải Phòng. Mười lăm, mười sáu ngày sau, khi lương thực đã cạn, chân đã mỏi, đã đau, trong người lại bị bệnh, lúc đó mới tới được biên giới tổng nhà. Họ bị đứng trước trở ngại nan giải: thông hành đã hết hạn.

Cộng sản sẽ xét tẩm thông hành mà họ khó nhọc lắm mới có được và cười bảo: “*Đồng chí ơi, thông hành này chỉ có giá trị 14 ngày thôi. Đồng chí không biết sao? Ồ, đồng chí không biết đọc? Được thôi, hãy quay trở về xin thông hành mới.*”

Sau chiến tranh nhiều đoạn đường hãy còn gài mìn hay chạm bẫy. CS đào chúng lên. Nhưng thường không cho nổ để phá đi. Trái lại chúng vớt bừa vào trong ruộng lúa, bãi lầy, bụi rậm, làm như ngẫu nhiên vô tình. Nhưng đó lại là những nơi ở vùng biên giới giáp ranh với vùng di tản. Nếu người dân cố bò đi tìm tự do vào ban đêm rất có thể sẽ bị nổ tan xác.

Vậy mà, điều khoản ghi trong hiệp định Genève như sau: “**Bất cứ thường dân nào sống trong khu vực do một bên kiểm soát muốn ra đi để sống trong vùng thuộc phía bên kia, thì nhà cầm quyền trong khu vực đó phải cho phép và **giúp họ thực hiện theo ý muốn.****”

Minh Võ

Nguồn: https://hon-viet.co.uk/MinhVo_XinCuuChungToiKhoiSuDu.htm

www.vietnamvanhien.org

